

# Jean Paul Sartre

## BUỒN nôn



**VHSG**

*buồn nôn*

© Bản quyền bản tiếng Việt của dịch giả & Cửu Đức Co., Ltd  
2008.

*Hình bìa 1: Tác giả Jean Paul Sartre*

JEAN PAUL SARTRE

# buồn nôn



*bản dịch của:*

Phùng Thắng

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

## LỜI GIỚI THIỆU

Với phương pháp mô tả theo hiện tượng học, nền văn nghệ thời mới đã thực hiện được cuộc hôn phối toàn bích với khoa triết lý. Trong số những triết gia ở trên đỉnh cao của thời hiện đại, Sartre là hình ảnh biểu trưng toàn vẹn cho lời quả quyết trên, nhờ vào thiên tài văn nghệ và sức sáng tác phong phú của ông. Dòng máu văn nghệ luân lưu trong huyết quản Sartre đã chuyên chở đến cho quần chúng độc giả những chất liệu cần thiết để đi vào tư tưởng Sartre, và còn gây nhiều ảnh hưởng quan trọng hơn là những bộ triết luận vĩ đại của ông.

Tác phẩm *Buồn nôn* (*La Nausée*, 1938) là một trong số những tác phẩm giá trị nhất của nền văn học thế kỷ thứ XX, đồng thời cũng là tác phẩm thuộc vào loại khó đọc, vì ngoài giá trị về phương diện thẩm mỹ, tác giả còn muốn đưa ta chạm mặt thực sự với một thực giác nguyên ủy, làm trung tâm điểm cho nền hiện sinh vô thần của ông: thực giác về hiện hữu của sự vật.

Tất cả cố gắng của Roquentin – nhân vật chính và cũng là tác giả tập Nhật ký này – nhằm

xoáy sâu cái nhìn, xuyên thủng qua những lần vỏ ngoài bao bọc, để đạt đến tri kiến đích thực về bản chất của thực tại. Tri kiến ấy là tri kiến của hiện tính (existence) của vạn vật. Sự vật hiện hữu. Sự hiện hữu ấy mang tính chất lắt léo, dày đặc, bất khả giải ngộ và ngẫu nhiên. Chính cái tính cách bất tất (contingence) của sự vật là chất men gợi dậy cơn Buồn Nôn. Người ta bị đẩy vào trong cõi bao la đồng nhất của hiện hữu, một hiện hữu thoát vượt ra ngoài mọi tương quan để chỉ còn giữ lại mối tương quan duy nhất là tính chất “dư thừa” của những sự vật với nhau. Tất cả là dư thừa nên tất cả đều là phi lý. Mọi sự đều phi lý: đây không phải là tiếng kêu phẫn hận với cuộc đời mà là một nỗi cay đắng âm thầm phát sinh từ trực giác về hiện hữu của sự vật. Sống cho tận cùng nỗi cay đắng ấy, con người lại tìm thấy sinh lộ giải phóng: trực giác về hiện hữu dẫn đến sự khước từ Thượng đế và tự do trong trách nhiệm để tự thể hiện lấy vận mệnh của mình. Người ta đã có lý khi xem *Buồn nôn* là khai từ thơ mộng cho thiên triết luận *Hữu thể và Vô thể* (l'Être et le Néant. 1943), hồng tâm của tư tưởng Sartre.

Giờ đây, chỉ còn buông mình theo lời kể và dần dà đánh thức dậy anh chàng Roquentin đang ngủ im trong mỗi người chúng ta.

*Dịch giả*

*tặng CASTOR*

“Đây là một thanh niên không  
có tâm quan trọng tập thể, gã  
chính là một cá thể.”

L. F. CÉLINE.

*L' Eglise*

## LỜI THƯA TRƯỚC CỦA NGƯỜI XUẤT BẢN

Những tập vở này đã được tìm thấy trong số các giấy tờ của Antoine Roquentin. Chúng tôi cho xuất bản mà không thay đổi gì cả.

Trang thứ nhất không ghi ngày tháng, song chúng tôi có những lý lẽ vững chắc để nghĩ rằng nó có trước chừng vài tuần khi khởi đầu cuốn nhật ký thật sự. Như thế, nó, đã được viết muộn nhất là vào khoảng đầu tháng Giêng, 1932.

Vào thời gian này, Antoine Roquentin, sau khi đi du lịch ở Trung Âu, Bắc Phi và Viễn Đông, đã đến định cư ở Bouville từ ba năm để hoàn tất công trình nghiên cứu lịch sử của chàng về hầu tước De Rollebon.

NGƯỜI XUẤT BẢN

## TỜ RỜI KHÔNG NGÀY THÁNG

Điều tốt nhất là ghi lại những biến cố từng ngày một. Tạo giữ một cuốn nhật ký để nhìn thấy rõ ở đây. Đừng để vượt thoát những sắc thái, những sự kiện nhỏ nhặt, ngay cả khi chúng không có vẻ gì cả, và nhất là xếp hạng chúng. Phải nói rõ tôi thấy chiếc đèn này, con phố, đám đông, gói thuốc lá của tôi như thế nào, vì lẽ chính *điều đó* đã thay đổi. Phải xác định một cách chính xác phạm vi và bản chất của sự thay đổi này.

Chẳng hạn, đây là một chiếc hộp giấy đang đựng lọ mực của tôi. Phải cố nói rõ tôi đã thấy nó *trước đây* thế nào, và làm thế nào hiện tại tôi <sup>(1)</sup> nó.

Này! Đây là một chiếc hộp chữ nhật, nổi bật lên trên – thật ngu xuẩn, chẳng có gì để nói về nó cả. Đó là điều phải tránh, không nên đặt vẻ lạ lẫm vào một nơi chẳng có gì

---

1. Một chữ để trống.

cả. Tôi nghĩ rằng đó là nỗi nguy hiểm khi viết nhật ký: người ta phóng đại mọi sự, người ta bị rình mò và cứ liên tục cưỡng bách sự thật. Đáng khác, từ lúc này sang lúc nọ, chắc chắn là tôi có thể – và nhất là nhân câu chuyện chiếc hộp ở trên hay bất cứ một đồ vật nào khác – tìm thấy lại cái cảm giác ngày hôm kia. Tôi phải luôn luôn sẵn sàng, nếu không, cảm giác ấy sẽ còn lọt qua những kẽ tay tôi. Tuyệt đối không nên<sup>(1)</sup> nhưng phải ghi chú cẩn thận và trong từng chi tiết tỉ mỉ, tất cả những gì xảy ra.

Dĩ nhiên, tôi không còn viết được chi rõ ràng về những câu chuyện xảy ra vào thứ bảy và ngày hôm kia, tôi đã quá cách xa với chúng, điều duy nhất tôi có thể nói được là, trong cả hai trường hợp, tuyệt nhiên chẳng có gì thuộc về cái mà thói thường người ta gọi là một biến cố. Ngày thứ bảy, những đứa trẻ chơi ném đá cuội lan thành vòng tròn trên mặt nước và tôi đã muốn, như chúng, ném một viên đá cuội lên mặt biển. Vào đúng lúc đó, tôi đã dừng lại, tôi để rơi viên đá xuống và bỏ đi. Hẳn lúc ấy tôi có vẻ lơ lảo, chắc thế, vì mấy đứa trẻ đã cười rộ lên sau lưng tôi.

---

1. Một chữ bị xóa (có thể là "forcer" hay "forger") một chữ khác được viết thêm vào, nhưng không đọc ra được.

Đấy là về phần ngoại diện. Còn những gì đã diễn ra trong tôi thì lại không để lại những dấu vết rõ ràng. Có một cái gì đó mà tôi đã thấy và làm tôi phiền tởm, song tôi không biết nữa là mình đã nhìn vào mặt biển hay hòn cuội. Hòn cuội phẳng lì, khô khan ở một mặt và ẩm ướt, vấy bùn ở mặt kia. Tôi cầm nó ngoài mép, với những ngón tay rón rén, để tránh vấy bẩn.

Ngày hôm kia, chuyện lại càng phức tạp hơn nữa. Và cũng lại có một chuỗi những sự trùng hợp, những điều lẫn lộn quàng xiên, mà tôi không tự giải thích được. Song tôi sẽ không khuây vui khi viết lại tất cả những thứ đó trên mặt giấy. Sau cùng, chắc chắn là tôi đã sợ hãi hay đã có một tình cảm nào đó cùng loại. Nếu chỉ biết được là mình sợ gì, tôi cũng đã thực hiện được một bước tiến lớn lao.

Điều kỳ dị là tôi chẳng hề tin rằng mình điên: tôi lại còn thấy rất rõ ràng tôi không điên; tất cả những biến đổi kể trên chỉ liên quan đến sự vật. Ít nhất đó cũng là điều mà tôi muốn chắc tâm.

*Mười giờ rưỡi.<sup>1</sup>*

---

1. Hiển nhiên là vào buổi tối. Đoạn tiếp theo đây được viết sau những đoạn trước một thời gian rất lâu. Chúng tôi tin rằng nó được viết sớm nhất là vào ngày hôm sau.

Rốt cuộc, rất có thể đây là một cơn khủng hoảng thoáng qua của bệnh điên. Nó không còn lưu lại vết tích gì. Ngày hôm nay, những tình cảm kỳ cục của tôi tuần trước lại mang vẻ lối bịch: tôi không còn bị sa vào đấy nữa. Tối nay, tôi thấy dễ chịu trong người, dễ chịu một cách trưởng giả. Đây là phòng tôi, xoay mặt về hướng Đông Bắc ở bên dưới con đường Mutilés và con lộ của nhà ga mới. Từ cửa sổ phòng, tôi nhìn thấy ngọn lửa đỏ và trắng của quán "Rendez-vous des Cheminots", ở góc đại lộ Victor Noir, chuyển xe lửa từ Ba Lê vừa đến. Người người túa ra từ nhà ga cũ và tản mác trên các đường phố. Tôi nghe những bước chân và những giọng nói. Nhiều người đang chờ chuyển tàu điện cuối cùng. Hẳn họ đang tụ tập thành một nhóm nhỏ ở dột chung quanh ngọn đèn hơi, ngay dưới cửa sổ tôi. Ừ, họ còn phải chờ vài phút nữa: chuyển tàu điện sẽ không qua đây trước mười giờ bốn mươi lăm. Quý hồ những người khách thương đừng đến vào đêm nay: tôi thêm ngủ như người và thêm khát như điên một giấc ngủ muộn. Một đêm ngon giấc, chỉ một đêm thôi, và mọi chuyện đó sẽ bị quét sạch.

*11 giờ kém 15.*

Không còn gì phải sợ nữa, chắc họ đến đấy rồi. Trừ khi đây là ngày của ông Rouen.

Ông đến mỗi tuần, người ta dành cho ông căn buồng số 2, tầng nhất, căn buồng có một chiếc chậu vệ sinh. Ông còn có thể đến được mà: thường ông uống một ly “bốc” ở quán “Rendez-vous des Cheminots” trước khi đi nằm. Vả lại ông không làm ồn quá. Ông rất nhỏ người, sạch sẽ, với bộ râu mép đen bóng loáng và bộ tóc giá. Ông kia rồi.

Khi nghe ông ta leo thang lầu, tim tôi thất lại, đồng lúc tôi an tâm: có gì phải sợ hãi đối với một thế giới đều đặn thế kia? Tôi tin rằng tôi đã bình phục.

Và kia là chuyến tàu điện số bảy “Abattoirs-Grands Bassins”. Chuyến tàu chạy đến với tiếng sắt va chạm âm ỉ. Nó lại đi. Bây giờ, trên thân chất đầy va li và những đứa trẻ đang ngủ say, nó lao mình về hướng Grands Bassins, về các xưởng máy, trong miền Đông đen tối. Đây là chuyến tàu điện áp chót, chuyến cuối cùng sẽ qua đây trong một giờ nữa.

Tôi sắp đi nằm. Tôi đã bình phục, tôi từ chối ghi lại những cảm tưởng của tôi từng ngày một trong một cuốn vở mới xinh xắn như những thiếu nữ. Chỉ có một trường hợp duy nhất là có hứng thú để viết một nhật ký: đó là nếu.<sup>1</sup>

---

1. Bản văn của tờ rời không ngày tháng dừng lại ở đây.

## NHẬT KÝ

*Thứ hai, 29 tháng Giêng, 1932.*

Một điều gì đó đã xảy đến cho tôi, không thể nghi ngờ gì nữa. Nó đến kiểu như một cơn bệnh, chứ không như một sự chắc tâm thông thường hay một sự hiển nhiên. Nó an trú trong tôi một cách âm hiểm, dần dà; tôi cảm thấy mình hơi kỳ cục, hơi bức bối, chỉ có thế. Một khi yên vị thì nó không còn động đậy nữa, nó lặng câm và tôi có thể tự thuyết phục mình rằng không có gì cả, đấy chỉ là một cuộc báo động hoảng. Rồi bây giờ, nó lại nổ bùng ra trong tôi.

Tôi không nghĩ rằng nghề sử gia lại thuận tiện cho việc phân tích tâm lý. Trong

nghề này, chúng tôi chỉ liên hệ đến những tình cảm toàn vẹn mà người ta đặt ra cho chúng những cái tên thuộc loại, như Tham Vọng, Lợi Ích. Tuy nhiên nếu có được chút hiểu biết nào về chính mình, thì đây là lúc tôi phải sử dụng nó.

Chẳng hạn trong tay tôi có một cái gì mới mẻ, một cách thức nào đó để cầm lấy cái ông điều hay chiếc nĩa. Hoặc là hiện tại, chính chiếc nĩa đã có một cách thức nào đó để được cầm nắm đến, tôi không biết nữa. Mới vừa đây, khi đi vào phòng, tôi khựng lại vì cảm thấy trên tay mình một đồ vật lạnh lẽo, làm tôi chú tâm đến như do một loại nhân cách riêng. Tôi mở tay ra, nhìn: té ra chỉ là một cái hột xoài cửa. Sáng nay, tại thư viện, khi chàng Tự Học<sup>(1)</sup> đến chào tôi, tôi phải để mất mười giây mới nhận ra anh ta. Tôi đã nhìn thấy một khuôn mặt xa lạ, hao hao như một khuôn mặt. Và rồi bàn tay anh ta như thể một con sâu lớn màu trắng nằm trên tay tôi. Tôi buông anh ra lập tức, cánh tay rơi xuống mềm xèo.

---

1. Ogier P...; người hay được nói đến trong tập Nhật ký này. Ông là một viên thư ký thừa phát lại, Roquentin quen biết ông vào năm 1930, tại thư viện Bouville.

Cả trên đường phố, cũng có một số lớn tiếng động ám muội vật vờ khắp nơi.

Vậy thì đã có một sự thay đổi, trong những tuần lễ qua. Nhưng ở đâu? Đó là một sự thay đổi trừu tượng không dựa trên cái gì cả. Có phải tôi đã thay đổi chăng? Nếu không phải tôi, thì lúc bấy giờ chính là căn buồng này, thành phố này, thiên nhiên này. Phải chọn lựa.



Tôi tin rằng chính tôi đã thay đổi: đó là giải pháp đơn giản nhất. Và cũng là giải pháp khó chịu nhất. Song cuối cùng tôi phải nhận rằng tôi đã chịu những sự biến đổi thành hình nọ. Điều xảy ra là tôi rất hiếm khi suy nghĩ; trong khi ấy vô số những sự biến hình nhỏ tích tụ trong tôi mà tôi không để phòng và rồi, một ngày đẹp trời nọ, một cuộc cách mạng thực sự xảy ra. Đó là điều đã làm cho đời tôi có vẻ bị vấp phạm và thiếu mạch lạc. Chẳng hạn như khi rời nước Pháp, đã có nhiều người bảo tôi rằng tôi đã ra đi một cách bốc đồng. Và khi đột nhiên tôi trở về Pháp, sau sáu năm du lịch, người ta cũng rất có thể còn nói đến sự bốc đồng. Tôi còn thấy mình cùng với Mercier, trong bàn giấy của người

công chức Pháp đã từ chức năm rồi vì vụ Pétrou. Mercier đã đến Bengale với đoàn khảo cổ. Tôi đã luôn mơ ước đi Bengale, và anh đã thúc hối tôi đến gặp anh. Lúc này tôi tự hỏi tại sao. Tôi cho rằng anh không tin cậy Portal và anh tin vào tôi để coi chừng y. Tôi không thấy có một lý do gì để từ chối. Và ngay cả vào thời đó, nếu tôi đã linh cảm sự thông đồng nhỏ nhặt nọ về vụ anh chàng Portal, thì đó lại là một lý do nữa để nồng nhiệt chấp nhận. Tôi đã bị tê liệt, tôi không thể nói một tiếng nào. Tôi nhìn chăm vào một pho tượng nhỏ Cao Miên, đặt trên tấm thảm xanh cạnh chiếc máy điện thoại. Đường như chất chua hay sữa ấm gì đấy đã dồn ứ cả cổ họng tôi. Mercier bảo tôi, với một sự nhần nại kinh khủng che giấu chút giận dữ:

“Có phải thế không, tôi cần ở cố định một chỗ chính thức. Tôi biết rằng rốt cuộc anh sẽ thuận: tốt hơn là nên nhận lời ngay”.

Anh ta có một bộ râu màu đen hơi hoe, sực nức mùi thơm. Mỗi khi anh lúc lắc cái đầu, tôi lại ngửi thấy nồng nức một làn hương. Và rồi, đột nhiên tôi thức dậy từ một giấc ngủ sáu năm.

Pho tượng đối với tôi có vẻ chướng mắt, ngu xuẩn, và tôi cảm thấy mình buồn nản sâu

xa. Tôi chịu không hiểu tại sao tôi đã ở Đông Dương. Tôi đã làm gì ở đấy? Tại sao tôi đã nói chuyện với những người kia? Tại sao tôi đã mặc y phục kỳ cục như vậy? Nỗi đam mê của tôi đã chết lịm. Nó nhận chìm tôi xuống và lăn tròn tôi trong suốt nhiều năm; hiện tại, tôi cảm thấy mình trống rỗng. Nhưng đó không phải là điều tệ hại nhất: trước mặt tôi, có một ý tưởng vĩ đại và nhạt phèo, hiện thân trong một vẻ uể oải. Tôi không biết rõ cái đó là gì, song tôi không thể nhìn ngắm nó chừng nào nó còn làm tôi kinh tởm. Tất cả những điều ấy đối với tôi đều được trộn lẫn cùng mùi hương từ bộ râu của Mercier.

Tôi lắc đầu, giận y ngạt cổ và trả lời khô khan:

“Cảm ơn anh, nhưng tôi cho rằng mình đã đi du lịch khá nhiều, bây giờ tôi phải trở về Pháp”.

Hai ngày sau đó, tôi đáp tàu đi Marseille.

Nếu tôi không lầm, nếu tất cả những dấu hiệu được tích tụ lại là những điểm báo trước cho một cuộc rối loạn mới trong đời tôi, thì quả thật là tôi đang sợ. Không phải là đời tôi phong phú, nặng nề hay quý báu gì cả. Song tôi sợ điều sắp phát sinh, sắp xâm chiếm lấy tôi – và sắp lôi cuốn tôi đến đâu?

Liệu tôi có phải bỏ đi nữa không, và để mặc cho những nghiên cứu, để mặc cuốn sách của mình vẫn còn là những dự định? Liệu tôi sẽ thức tỉnh trong vài tháng, trong vài năm, một nhòai, thất vọng, giữa những điều tàn mới? Tôi muốn nhìn rõ trong tôi trước khi đã quá muộn.

*Thứ ba, 30 tháng Giêng.*

Chẳng có gì mới.

Tôi đã làm việc từ chín giờ đến một giờ tại thư viện. Tôi đã hoàn tất chương XII và tất cả những gì liên can tới cuộc lưu trú của Rolleston tại Nga, cho đến khi hoàng đế Paul đệ I băng hà. Công việc đã xong: sẽ không còn vấn đề gì nữa cho đến khi sao chép nó lại rõ ràng. Bây giờ là một giờ rưỡi. Tôi ngồi tại tiệm cà phê Mably, ăn một cái sandwich, mọi sự gần như bình thường. Vả lại, trong các quán cà phê, mọi sự đều luôn luôn bình thường, và đặc biệt là ở quán Mably, nhờ người quản lý, ông Fasquelle, có một khuôn mặt bần tiện rất rõ rệt và làm ta an tâm. Chốc nữa đây là giờ ngủ trưa của ông, mắt ông đã hồng lên, nhưng đáng diệu còn linh hoạt và quả quyết. Ông đi giữa những chiếc bàn và tiến đến gần những thực khách, với vẻ thân mật:

“Phải thế chứ, ông nhĩ?”

Tôi mỉm cười khi thấy ông linh hoạt như thế: vào những giờ hàng ăn của ông trống khách, đầu óc của ông cũng trống rỗng theo luôn. Từ hai đến bốn giờ, quán cà phê vắng người, lúc ấy ông Fasquelle bước tới bước lui với vẻ ngớ ngẩn, các người bồi tắt đèn và ông chuỗi mình vào cũi vô thức: khi chỉ có một mình, ông ngủ.

Hiện giờ còn chừng hai mươi khách hàng, những người độc thân, những anh chàng kỹ sư tỉnh nhỏ, những công nhân. Họ đã ăn vội bữa trưa trong những nhà trọ gia đình mà họ gọi đó là nhà hàng công cộng, và vì cần một ít xa xỉ, họ đến đây sáu bữa ăn, dùng một tách cà phê và chơi bài; họ ồn ào chút đỉnh, một thứ ồn ào rời rạc không làm phiền đến tôi. Cả họ nữa, muốn hiện hữu, họ phải bắt đầu bằng số đông.

Tôi, tôi sống một mình, hoàn toàn một mình. Tôi chẳng bao giờ nói với ai; tôi không nhận gì, cũng không cho gì. Không kể anh chàng Tự Học. Cả đến Françoise, bà chủ quán "Rendez-vous des Cheminots". Nhưng có phải tôi nói với nàng không? Đôi khi sau bữa ăn, khi nàng dọn cho tôi một ly "bốc", tôi hỏi nàng:

"Chiều nay em rảnh không?"

Chưa bao giờ nàng đáp “không” và tôi theo nàng vào một trong những căn buồng lớn ở tầng nhất, căn buồng nàng thuê từng giờ hoặc từng ngày. Tôi không trả tiền cho nàng; chúng tôi cùng làm ái tình với nhau. Nàng tìm thấy khoái cảm trong đó (mỗi ngày nàng cần một người đàn ông và nàng đã có nhiều người khác ngoài tôi ra) và như thế tôi tự thanh lọc mình khỏi một vài nỗi sầu muộn mà tôi quá biết rõ nguyên do. Song chúng tôi cũng trao đổi sơ qua vài lời. Nào có ích gì? Mỗi người sống cho mình; vả lại đối với nàng, trước hết tôi vẫn là một khách hàng của tiệm cà phê do nàng làm chủ. Nàng bảo tôi, khi cởi áo ra:

“Này anh biết chứ, rượu Bricot là một thứ rượu khai vị phải không? Vì tuần này có hai khách hàng đặt mua. Con bé chiêu đãi không biết nên đến báo cho em. Họ là du khách, chắc họ đã uống thứ rượu đó tại Paris. Nhưng em không thích mua những gì mình không biết rõ. Nếu anh không phiền, em cứ mang bít tất nhé”.

– Hồi xưa ngay cả sau khi nàng đã rời khỏi tôi rất lâu – tôi đã nghĩ về Anny. Bây giờ, tôi không suy nghĩ về ai cả, tôi lại còn chẳng lo lắng đến chuyện tìm chữ nữa. Chữ nghĩa tự trôi chảy trong tôi, với ít nhiều nhanh chóng, tôi không dừng nó lại, tôi cứ để

nó trôi. Phần lớn thời gian, vì lẽ thiếu gắn bó với từ ngữ, những tư tưởng của tôi tựa như những đám sương mù. Chúng vẽ nên những hình thể mơ hồ, buồn cười, và nuốt chửng lẫn nhau: ngay tức khắc, tôi quên chúng.

Những chàng thanh niên nọ làm tôi kinh ngạc: trong khi uống cà phê, họ thuật lại những câu chuyện rõ rệt và gần-như-thật. Nếu bạn hỏi ngày hôm qua họ đã làm gì, thì họ không bối rối chút nào: họ sẽ cho bạn biết rõ trong chừng hai chữ. Ở vào vị trí họ, tôi sẽ diên cái đầu. Quả thật từ rất lâu nay, chẳng ai lưu tâm đến việc sử dụng thời gian của tôi. Khi sống một mình, người ta không biết cả đến “thuật lại” là cái gì nữa, sự gần-như-thật tan biến cùng lúc với những người bạn. Cả những biến cố nữa, người ta cũng để chúng trôi đi; đột nhiên người ta thấy xuất hiện những con người nói năng lảm nhảm rồi bỏ đi, người ta chìm mình vào trong những câu chuyện không đầu không đuôi: người ta là một chứng nhân kinh tởm. Nhưng bù lại, tất cả mọi sự khó tin, tất cả những gì đáng lẽ không thể tin được trong những quán cà phê, người ta lại không thiếu. Chẳng hạn hôm thứ bảy, vào khoảng bốn giờ chiều, ở đầu lễ đường lát ván của con lộ nhỏ đưa đến nhà ga, một thiếu phụ nhỏ nhắn y phục xanh da trời chạy giật lùi, vừa cười vừa vẩy chiếc

khăn tay. Đồng lúc, một người da đen vận áo mưa màu kem, giày vàng, đội mũ xanh lá cây, đang đổi hướng đường cho xe lửa và huýt còi. Người thiếu phụ va phải anh ta, luôn luôn là ở cái tư thế chạy giật lùi ấy, bên dưới một ngọn đèn treo lơ lửng trên hàng rào và sẽ được thắp lên vào chiều tối. Vậy là cùng lúc, đã có cái hàng rào nồng nặc mùi gỗ ẩm, chiếc đèn lồng nọ, người thiếu phụ nhỏ nhắn tóc vàng kia ở trong vòng tay của người da đen, dưới một bầu trời lửa. Trong nhóm bốn hay năm người, tôi giả thiết rằng chúng tôi đã để ý đến sự động chạm nọ, tất cả những màu sắc êm dịu kia, chiếc áo khoác xinh đẹp màu xanh da trời giống như một chiếc mền bằng lông chim, chiếc áo mưa màu tươi sáng, những ô vuông màu đỏ của chiếc đèn lồng; chúng tôi đã cười khi thấy sự thẳng thốt hiện lên trên hai nét mặt trẻ thơ đó.

Hiếm khi một người sống cô độc lại muốn cười: đối với tôi toàn thể đã được khuấy động bằng một ý nghĩa rất mạnh mẽ và có khi tàn bạo nữa, nhưng thuần khiết. Rồi thì toàn thể ấy bị phân liệt rã rời: chỉ còn lại chiếc đèn lồng, hàng rào và bầu trời. Như thế kể cũng còn khá. Một giờ sau, chiếc đèn được thắp lên, gió thổi, bầu trời đen thẫm: tuyệt chẳng còn gì nữa cả.

Tất cả những điều đó không có gì là mới mẻ; tôi đã chẳng bao giờ từ chối những cảm xúc vô hại đó, trái lại là khác. Muốn cảm nghiệm chúng, chỉ cần hơi cô đơn một chút, vừa đủ để tự giải thoát đúng lúc khỏi tình trạng gần-như-thật. Nhưng tôi vẫn còn gần gũi đám đông, vẫn còn ở trên mặt của sự cô đơn, còn vững dạ tìm đến trú ẩn trong bọn họ, vào trường hợp có báo động: thực ra, cho đến nay tôi vẫn chỉ là một kẻ hời hợt.

Hiện giờ, khắp nơi đều có những sự vật như thể ly bìa đang đặt trên bàn kia. Khi nhìn thấy nó, tôi muốn nói: thôi, tao không chơi nữa. Tôi hiểu rõ mình đã đi quá xa. Tôi giả thiết rằng người ta không thể “định giới hạn” cho sự cô đơn. Điều đó không có nghĩa tôi phải nhìn kỹ dưới gầm giường trước khi đi nằm hay sợ hãi thấy cửa phòng mình đột ngột mở ra vào giữa đêm khuya. Duy có điều là tôi lo lắng: đã nửa giờ rồi tôi tránh nhìn ly bìa kia. Tôi nhìn bên trên, bên dưới, bên phải, bên trái: nhưng cái ly bìa thì tôi lại không muốn nhìn. Và tôi biết rất rõ rằng tất cả những người độc thân đang vây quanh đây đều không thể giúp được gì cho tôi cả: đã quá muộn, tôi không còn có thể đến trú ẩn giữa họ được. Họ sẽ đến vỗ vai tôi và bảo: “này, ly bìa kia có gì thế? Nó cũng như mọi chiếc

ly khác. Nó cũng có mép tròn, với một chiếc quai, nó mang một nhãn hiệu nhỏ vẽ một cái mai, và trên nhãn hiệu người ta có viết chữ *Spatenbräu*". Tôi biết tất cả những điều đó, nhưng tôi lại biết còn có một cái gì khác hơn. Một cái hầu như chẳng là gì cả. Nhưng tôi không thể giải thích những điều tôi thấy nữa. Với bất cứ ai. Đấy: tôi chuôi mình nhẹ nhàng xuống tận đáy nước sâu, hướng về sự sợ hãi.

Tôi một mình ở giữa những giọng nói vui vẻ và hợp lý này. Tất cả những gã đó đều dùng thời gian để tự biện minh, để sung sướng nhận ra rằng họ đồng ý với nhau các thứ. Trời đất quý thần ơi, họ xem là quan trọng dường nào cái việc cùng có ý nghĩ như nhau về một điều. Chỉ cần nhìn cái đầu ngúc ngoắc của họ khi có một người với đôi mắt lơ đãng như cá chết đi ngang qua giữa họ, đôi mắt có vẻ như đang nhìn vào nội tâm, là người ta không thể hoàn toàn đồng ý với họ được. Khi lên tám, đang chơi đùa trong vườn Lục Xâm Bảo, tôi thấy một người như thế đến ngồi trong một chiếc ghế có mái che, dựa vào hàng rào sắt dọc theo đường Auguste Comte. Ông ta lặng thinh, nhưng thỉnh thoảng lại duỗi chân ra và nhìn bàn chân mình với một vẻ kinh hãi. Bàn chân đó mang một chiếc giày cao cổ, nhưng bàn chân kia lại nằm trong một

chiếc băng chân. Người gác đàn đã nói với chú tôi rằng đó là một viên cựu giám học. Người ta đã cho ông về hưu, vì lẽ ông đến đọc các điểm thi tam cá nguyệt trong lớp với y phục hàn lâm. Chúng tôi đã sợ khiếp vì biết rằng ông ta cô đơn. Một ngày nọ ông đã cười với Robert và dang tay chào đón từ xa: Robert suýt chết ngất. Không phải vẻ khốn khổ của ông nọ đã làm chúng tôi sợ, cũng không phải chiếc bấu trên cổ ông, chiếc bấu đang cạ vào cổ áo giả: nhưng chúng tôi biết rằng ông đang tạo nên trong đầu óc mình những tư tưởng cong queo như tôm cua. Và đó chính là điều làm chúng tôi kinh khủng: ấy là người ta có thể có những ý tưởng cong queo lằng nhằng về chiếc ghế, về những chiếc vòng chúng tôi đang chơi; về những bụi cây.

Có phải cảnh ngộ đó đang chờ đợi tôi hay không? Lần đầu tiên trong đời, tình trạng sống đơn chiếc một mình làm tôi buồn nản. Tôi muốn nói với một người nào đó về những điều xảy đến cho tôi trước khi đã quá muộn, trước khi tôi làm cho những đứa trẻ sợ hãi. Tôi muốn Anny có mặt ở đây.

Thật kỳ lạ: tôi vừa viết đầy mười trang giấy và lại không nói được sự thật – ít ra cũng không nói được tất cả sự thật. Khi dưới chỗ ghi ngày tháng, tôi ghi “chẳng có gì mới”, đó

là tôi viết với một thái độ nguy tín: thật ra có một câu chuyện nhỏ, không đáng xấu hổ và cũng chẳng có gì là phi thường, không chịu lộ diện ra. “Chẳng có gì mới”. Tôi thán phục khi thấy ta có thể nói dối đến mức nào khi về phe với lý trí. Hiển nhiên là chẳng có gì mới mẻ xảy ra, nếu người ta muốn: sáng nay, lúc tám giờ mười lăm, khi ra khỏi khách sạn Printania để đến thư viện, tôi đã không thể nhặt được một mảnh giấy đang chập choạng trên mặt đất. Đấy, chỉ có thế và đó cũng không là một biến cố. Vâng đúng thế. Nhưng muốn nói tất cả sự thật, thì quả là tôi đã bị kích động sâu xa: tôi đã nghĩ rằng mình đã không còn tự do nữa. Tại thư viện tôi đã tìm cách xua đuổi ý tưởng này nhưng không được. Tôi đã muốn trốn chạy nó tại quán cà phê Mably. Tôi hy vọng rằng nó sẽ tan biến trước ánh sáng. Nhưng nó vẫn còn đấy, trong tôi, nặng nề và đau đớn. Chính ý tưởng đó đã xui tôi viết nên những trang trên.

Tại sao tôi đã không nói đến nó? Đó chắc là vì lòng kiêu hãnh, và rồi một phần cũng là vì vụng về. Tôi không có thói quen tự thuật lại những gì xảy đến cho mình, trong khi tôi không tìm ra được cái chuỗi liên tục những biến cố, trong khi tôi chưa phân biệt được điều nào là quan trọng. Nhưng hiện tại,

thế là hết rồi: tôi đọc lại những gì mình đã viết tại quán cà phê Mably và tôi xấu hổ, tôi không ưa muốn những điều bí mật, những trạng thái tâm hồn, cũng như những điều không thể nói lên được, tôi không phải là trình nữ hay mục sư gì cả, để mà chơi cái trò đời sống nội tâm.

Quả thật chẳng có chuyện gì lớn lao đáng nói; tôi đã không thể nhặt được mảnh giấy, chỉ có thế.

Tôi rất thích nhặt những hạt dẻ, những mảnh vụn cũ kĩ, nhất là những mảnh giấy. Tôi khoái chết được khi cầm nó lên, khi nắm nó trong tay, chỉ thiếu điều tôi sắp sửa đưa nó lên miệng như những đứa trẻ thường làm. Anny nổi tam bành lục tặc lên khi tôi nhón lấy một mảnh giấy nặng nề và lộng lẫy, nhưng chắc đã vấy bẩn. Vào mùa hạ hay đầu mùa thu, người ta tìm thấy trong những khu vườn những mẫu giấy báo mà mặt trời đã nung chín, cứng khô và dễ vỡ như những chiếc lá rụng vàng đến nỗi người ta tưởng chúng đã được ngâm vào Acide picric. Vào mùa đông những tờ giấy khác bị nện đập, nghiền nát, vấy bẩn. Chúng quay trở lại mặt đất. Những tờ khác còn mới nguyên và có khi bị đóng giá, trắng tinh, còn rung rẩy đậu trên mặt đất như những con thiên nga, nhưng đất

đã phủ lên chúng ở mặt dưới. Chúng vặn mình, dút ra khỏi bùn lầy, nhưng là để đến nằm dài vĩnh viễn ở chỗ xa hơn một chút. Tất cả những mẫu giấy đó mà được cầm lên thì thật tuyệt. Đôi khi tôi chỉ sờ chúng và nhìn thật sát, những lần khác tôi xé chúng ra để nghe tiếng lẹt đẹt kéo dài, hoặc nếu chúng quá ẩm ướt, tôi nhóm chúng lên lửa, điều đó không phải dễ dàng gì, đoạn tôi chùi lòng bàn tay đầy bùn của mình vào một vách tường hay vào một thân cây.

Vậy thì ngày hôm nay, tôi nhìn đôi giày ống màu hung hung của một viên sĩ quan kỵ binh, vừa ra khỏi trại lính. Khi nhìn theo đôi giày ống, tôi thấy một mảnh giấy nằm bên một vũng nước. Tôi tưởng rằng viên sĩ quan sẽ dùng gót giày nghiền nát mảnh giấy trong bùn; nhưng không, anh đã nhảy một bước qua cả mảnh giấy và vũng nước. Tôi tiến đến gần: đó là một trang giấy có kẻ hàng hằn đã được xé ra từ một quyển vở học trò. Mưa đã làm nó ướt đẫm và xoắn lại, tờ giấy đầy những vết phồng như một bàn tay bị bóng. Đường gạch đỏ chia lề đã phai nhạt thành một vết nhòa màu hồng; mực loang chảy ra từng chỗ. Phần dưới của trang giấy biến mất dưới một lớp bùn. Tôi cúi xuống. Tôi đã khoái chết vì được sờ đến đồng bột mềm mát đang lăn tròn dưới

những ngón tay tôi thành những cục nhỏ màu xám... Tôi đã không thể.

Tôi vẫn cúi mình xuống, trong một giây, tôi đọc được “Chính tả: con Cú trắng”, đoạn tôi đứng thẳng người dậy, hai bàn tay trống không. Tôi không còn tự do nữa, tôi không còn có thể làm những gì mình muốn nữa. Những đồ vật, người ta không nên đụng chạm đến chúng, vì chúng không sống động. Người ta sử dụng chúng, đặt chúng trở lại đúng vị trí. Sống giữa chúng: chúng hữu ích, thế thôi. Còn tôi, chúng lại đụng chạm đến tôi, đó là, điều không thể chịu đựng nổi. Tôi sợ phải tiếp xúc với chúng, như thế chúng là những con vật sống.

Giờ đây tôi nhìn rõ, tôi nhớ lại chính xác hơn những gì mình đã cảm nghiệm trên bờ biển vào ngày nọ, khi tôi cầm viên đá nhỏ. Đó là một nỗi kinh tởm dịu nhẹ. Thật khó chịu biết bao! Và nỗi kinh tởm ấy đến từ viên đá, tôi chắc thế, nó chuyển từ viên đá sang tay tôi. Vâng, đúng nó, đúng là nó: một thứ Buồn Nôn nơi hai bàn tay.

*Sáng thứ năm, tại thư viện.*

Mới đây, khi xuống cầu thang khách sạn, tôi đã nghe Lucy than phiền với bà chú

cửa nàng lần thứ một trăm, trong lúc nàng lau bóng các bậc thang. Khi nói, bà chủ phải cố gắng và chỉ dùng những câu ngắn vì chưa mang răng giả vào; bà hầu như trần truồng trong chiếc áo ngủ màu hồng với đôi giày đế thấp. Lucy thì dơ dáy, như thói quen, thỉnh thoảng nàng dùng tay chà bóng và quỳ thẳng dậy trên đầu gối để nhìn bà chủ. Nàng nói không dứt, với một vẻ hợp lý khôn ngoan:

“Tôi sẽ ngàn lần khoái hơn nếu ảnh sống lang bạt, nàng nói; tôi không thiết đến điều ấy nếu nó không có hại cho ảnh”.

Nàng đang nói về chồng; người đàn bà nhỏ bé tóc hung da nâu trạc tứ tuần này tự hiến mình, cùng số tiền dành dụm được, cho một chàng bánh trai làm thợ lắp máy ở xưởng Lecointe. Nàng không được hạnh phúc trong gia đình. Chồng nàng không đánh đập, cũng chẳng lừa dối nàng; chàng ta chỉ phải tạt uống rượu và mỗi chiều về nhà đều say khướt. Chàng kém sức khoẻ; ba tháng nay, tôi thấy chàng vàng bủng và ỉu xiu. Lucy nghĩ rằng đó là do rượu. Tôi lại cho rằng chàng bị lao phổi.

“Phải tỏ ra cao thượng”, Lucy bảo.

Ý tưởng đó gặm nhấm nàng, tôi chắc thế nhưng gặm nhấm chậm chạp và kiên

nhấn, nàng cố tỏ ra cao thượng nên không thể tự an ủi cũng như phớt mình cho sự đau khổ. Nàng nghĩ đến nó một tí; một tí tẹo thôi, ở chỗ nọ, nàng sống bám vào nỗi buồn khổ. Nhất là khi ở trong đám đông, vì đám đông an ủi nàng và cũng vì nàng bớt sầu não hơn khi nói về nó bằng một giọng trầm tĩnh, với vẻ như đang khuyên nhủ ôn tồn. Khi chỉ còn một mình trong phòng, tôi nghe nàng hát nhỏ nhỏ để tránh khỏi suy nghĩ. Nhưng suốt ngày nàng buồn thảm, chán nản và mệt mỏi liên tục một lúc:

“Đấy, đấy, chuyện không ổn rồi”, nàng vừa nói vừa sờ cổ họng. Nàng đau khổ trong sự keo kiệt. Hẳn nàng cũng phải bủn xỉn đối với những khoái lạc của mình. Tôi tự hỏi không biết có đôi lúc nào nàng mong ước được giải thoát khỏi nỗi đau đớn buồn tẻ này, khỏi những lời lẩm bẩm nguyên rủa cứ bắt đầu vang lên ngay khi nàng thôi hát, không biết nàng có mong ước chịu khổ đau một lần cho cùng tận, chịu chìm mình trong cơn tuyệt vọng hay không. Nhưng dù sao nàng cũng không thể làm thế được: Nàng đã bị mắc vào tròng.

*Xế trưa thứ năm.*

“De Rollebon là người rất xấu xí. Nữ hoàng Marie Antoinette gọi đùa ông là “con

khí cùng” của bà. Tuy vậy, ông lại được tất cả những mệnh phụ trong triều yêu thương, không phải bằng cách làm trò hề như kiểu Voisenon, con người xấu xí như khi, mà bằng một áp lực kỳ lạ như nam châm, đưa những cuộc chinh phục tuyệt diệu của ông đến mức tệ hại thái quá của dục vọng. Ông âm mưu và đóng một vai trò khá ám muội trong vụ Collier và biến mất vào năm 1790 sau khi đã liên lạc liên tục với Mirabeau Tonneau và Nerciat. Người ta gặp lại ông ở Nga, nơi dường như ông đã mưu sát hoàng đế Paul đệ I, và từ Nga, ông du lịch những xứ xa xôi nhất, như Ấn Độ, Trung Hoa, Turkestan. Ông buôn lậu, lập đảng bí mật, do thám. Vào năm 1813, ông trở lại Paris. Năm 1816, ông đã đến tột đỉnh quyền thế: ông là người tâm giao duy nhất của bà công tước d'Angoulême. Người đàn bà già bốc đồng và cố chấp đối với những kỷ niệm kinh khủng của thời ấu thơ này lại dịu xuống và mỉm cười khi nhìn thấy ông. Qua bà công tước, ông ban phước giáng họa cho triều đình. Vào tháng 3-1820, ông cưới cô De Roquelaure, một giai nhân mười tám tuổi. De Rollebon lúc ấy đã bảy mươi tuổi, và đang ở tột đỉnh của danh vọng. Bảy tháng sau, bị buộc tội phản bội, ông bị bắt giữ, bị vắt vào trong một khám tối, và chết ở đấy sau năm năm giam cầm, mà không được người ta tuyên xử”.

Tôi buồn bã đọc lại lời ghi chú trên của Germain Berger<sup>(1)</sup>. Tôi đã biết đến De Rollebon trước hết là nhờ những dòng trên. Ông có vẻ quyến rũ tôi mãnh liệt, và ngay tức khắc, căn cứ trên ít dòng nhỏ nhất đó, tôi yêu ông xiết bao! Chính vì ông, vì cái con người xấu xí dễ thương đó, tôi mới có mặt tại đây. Khi đi du lịch về, tôi đã có thể ở luôn tại Paris hay Marseille. Nhưng phần lớn các tài liệu liên quan đến những ngày lưu trú lâu dài tại nước Pháp của viên hầu tước lại ở trong thư viện thành phố Bouville. Rollebon đã là chủ lâu đài Marommès. Trước chiến tranh, người ta còn tìm thấy trong thị trấn nhỏ này một trong những hậu duệ của ông, một kiến trúc sư tên là Rollebon-Campouyré, và người này khi qua đời năm 1912, đã để lại một di sản rất quan trọng cho thư viện Bouville: những lá thư của viên hầu tước, một đoạn nhật ký, những giấy tờ đủ loại. Tôi vẫn chưa lục soạn tất cả những thứ đó.

Tôi hài lòng vì đã tìm gặp những ghi chú trên. Đã mười năm nay, tôi chưa hề đọc lại. Chữ viết của tôi đã thay đổi, dường như thế: tôi đã viết chữ sát nhau hơn. Năm đó tôi

---

1. Germain Berger: *Mirabeau-Tonneau et ses amis*, trang 406, ghi chú số 2. Champion, 1906. (chú thích của người xuất bản)

yêu De Rollebon ngân nào! Tôi nhớ lại một buổi chiều – một chiều thứ ba; tôi đã làm việc suốt ngày tại Mazarine; tôi đã vừa dựa theo những thư tín của Rollebon trong những năm 1789-1790 để phỏng đoán cái cách thức kỳ diệu ông đã dùng để đánh lừa Nerciat. Đêm tối đen, tôi xuống đại lộ Du Maine và ở góc đường Gaité, tôi đã dừng lại để mua hạt dẻ. Tôi sung sướng vô vàn! Tôi cười một mình khi nghĩ đến sự điên đầu của Nerciat khi ông ta từ Đức trở về. Gương mặt viên hầu tước cũng tựa như thứ mực này: nó xanh xao, kể từ khi tôi lưu tâm nhìn nó.

Thoạt tiên, bắt đầu từ năm 1801, tôi không còn biết gì nữa về hành vi của ông. Đó không phải vì tài liệu thiếu thốn: những bức thư, những đoạn hồi ký, những phúc trình mật, những công văn sở cảnh sát. Ngược lại, tôi hầu như có quá nhiều tài liệu nữa là khác. Tuy nhiên, điều thiếu thốn trong tất cả những chứng từ này, là sự quả quyết, sự chắc chắn. Không, chúng không trái ngược nhau, nhưng chúng cũng không phù hợp với nhau nữa: chúng có vẻ như không cùng nói về một người. Tuy vậy, các sử gia khác lại làm việc dựa trên những tài liệu cùng loại. Họ đã làm thế nào? Có phải tôi quá cẩn thận hay kém thông minh hơn họ? Vả lại vấn đề này cũng làm tôi dừng đứng. Thực ra, tôi đang tìm cái

gì? Tôi cũng không biết nữa. Đã từ lâu, con người đó – Rollebon – làm tôi thích thú hơn là quyển sách phải viết. Nhưng bây giờ, con người... con người đó bắt đầu làm tôi buồn nản. Chính tôi gắn bó với quyển sách, tôi cảm thấy một nhu cầu ngày càng mạnh để viết nên nó – khi tôi càng già thêm ra, tưởng như thế.

Hiển nhiên, người ta có thể chấp nhận rằng Rollebon đã giữ một phần tích cực trong việc mưu sát hoàng đế Paul đệ I, rằng kể đó ông đã nhận một nhiệm vụ do thám cao cấp ở Đông phương cho hoàng đế Nga và thường xuyên phản bội Alexandre để phục vụ cho Napoléon. Cùng lúc ông đã có thể liên lạc thư tín chặt chẽ với bá tước d'Artois và báo cho ông này biết những tin tức ít quan trọng để chiếm được lòng tin về sự trung thành của ông; tất cả những điều đó không có chi là đáng ngờ cả; ở vào cùng thời, Fouché đã đóng một vở kịch còn phức tạp và nguy hiểm hơn. Cũng rất có thể viên hầu tước này đã buồn sủng cho các tiểu quốc thuộc châu Á để kiếm lời.

Vâng, ông đã có thể làm tất cả những thứ đó, nhưng điều đó lại không được chứng nghiệm; tôi bắt đầu tin rằng không bao giờ người ta có thể chứng thật được cái gì cả. Đó chỉ là những giả thuyết thích nghi giúp ta hiểu các sự kiện: nhưng tôi cảm thấy rõ ràng

rằng chúng phát xuất từ tôi, chúng chỉ là một cách hợp nhất những điều hiểu biết của tôi. Không một tia sáng nhỏ nào rơi đến từ phía Rollebon. Chậm chạp, lười biếng chán chường, những sự kiện uốn mình theo sự chặt chẽ của trật tự mà tôi muốn sắp đặt cho chúng, nhưng trật tự đó lại ở ngoài chúng. Tôi có cảm tưởng mình đang làm một việc thuần tưởng tượng. Lại nữa, tôi còn biết rõ ràng những nhân vật tiểu thuyết còn có vẻ thật hơn, và dù sao nữa, cũng có vẻ tươi vui hơn.

*Thứ sáu.*

Ba giờ. Ba giờ, thật luôn luôn quá chậm hay quá sớm đối với tất cả những gì ta muốn làm. Khoảng thời gian kỳ cục lúc xế trưa. Hôm nay, chuyện đó quả không thể dung thứ được.

Một mặt trời lạnh lẽo đang nhuộm trắng đám bụi bám trên những cửa kính. Bầu trời xanh xao, lổ đố những đốm trắng. Những con suối đã đóng băng vào sáng nay.

Tôi suy nghĩ, tiêu hóa một cách nặng nề gần lò sưởi, tôi biết trước rằng ngày hôm nay thế là hỏng. Tôi sẽ không làm được trò trống gì, có lẽ, trừ phi dèm xuống. Đó là vì mặt trời; mặt trời nhuộm vàng mờ hồ các đám sương mù bản thủ trắng bạch, lững lơ trong

không, bên trên con đường nhỏ; mặt trời chảy tràn vào phòng tôi, vàng bệch, xanh xao; mặt trời trải lên bàn tôi bốn tia phản chiếu nhợt nhạt và mờ ảo.

Chiếc ống điều của tôi được sơn bằng một nước sơn màu vàng, thoát tiên nó hấp dẫn mắt nhìn bằng một bề ngoài vui vẻ: nhưng khi ta nhìn nó, lớp sơn chảy ra, chỉ còn để lại một vết nhợt lợt trên một mẫu gỗ. Và mọi sự đều như thế, mọi sự, cả đến hai bàn tay của tôi. Khi mặt trời đỏ bắt đầu lên, điều tốt nhất là đi nằm. Duy có điều đêm qua tôi đã ngủ như một con thú và hiện giờ tôi không buồn ngủ.

Tôi yêu biết ngần nào bầu trời hôm qua, một bầu trời hẹp, đen kịt, mưa đang đập vào cửa kính, như một khuôn mặt buồn cười và gợi cảm. Mặt trời ngày đó không có vẻ lố bịch, trái lại là khác. Trên tất cả những gì tôi ưa thích, trên vẻ hoen ỉ của con đường nhỏ, trên những tấm ván mục nát của hàng rào, mặt trời rọi xuống một luồng sáng hiếm hoi, vừa phải, tựa như cái nhìn mà, sau một đêm không ngủ, người ta phóng lên trên những quyết định nhiệt thành vào hôm trước, lên trên những trang sách người ta đã viết thẳng một mạch không bôi xóa. Bốn quán cà phê của đại lộ Victor Noir chiếu sáng vào ban

đêm, nằm cạnh nhau, chúng còn hơn là những quán cà phê – những chiếc bồn nuôi cá, những vì sao, hay những con mắt màu trắng – đã mất đi cái vẻ duyên dáng mơ hồ của chúng.

Một ngày tuyệt vời để quay trở về mình: những luồng ánh sáng lạnh lẽo mà mặt trời chiếu rọi lên, như một phán đoán nghiêm khắc đối với những sinh vật – những luồng ánh sáng ấy đi vào trong tôi theo ngã mắt; tôi đã được soi sáng bên trong bằng một nguồn ánh sáng làm mình khô kiệt đi. Chỉ cần một khắc, tôi chắc thế, là đủ để tôi đi đến chỗ ghét bỏ mình cùng cực. Cám ơn lắm, tôi không chịu nổi đâu. Tôi cũng sẽ không đọc lại những gì mình đã viết ngày hôm qua về cuộc lưu trú của Rollebon ở St. Pétersbourg. Tôi ngồi yên, hai tay dong đưa, hoặc có thể là tôi đang vạch nên một vài chữ gì đó một cách chán nản; tôi ngáp dài và chờ đêm xuống. Khi đêm đen đến, những đồ vật và tôi, chúng tôi sẽ cùng ra khỏi những giới hạn mơ hồ.

Rollebon đã tham dự hay không vào cuộc ám sát hoàng đế Paul đệ I? Đấy, đấy là vấn đề trong ngày: tôi đã đi đến đó và không thể tiếp tục mà không xác định rõ.

Theo Tcherkoff, ông đã được bá tước Pahlen trả tiền. Phần lớn những người dự

mưu đều đã đồng ý hạ bệ và bắt giam hoàng đế, Tcherkoff bảo vậy. (Quả thế, Alexandre dường như đã tán đồng giải pháp này). Nhưng Pahlen lại còn muốn thanh toán dứt khoát với Paul. De Rollebon đã nhận nhiệm vụ thúc đẩy từng cá nhân các người dự mưu trong cuộc ám sát.

“Ông đến thăm từng người và diễn tả cái cảnh sắp xảy ra, với một mãnh lực không bì kịp. Như thế, ông làm phát sinh hay phát triển nơi họ lòng điên cuồng sát nhân”.

Nhưng tôi không tin Tcherkoff. Đó không phải là một nhân chứng thích đáng, mà chỉ là một viên giáo sĩ bạo dâm, điên điên tàng tàng: ông biến mọi sự thành quỷ quái hết. Tôi hoàn toàn không thấy De Rollebon trong vai trò có tính cách cái lương ấy. Ông đã diễn nên cảnh sát nhân ư? Cho là vậy đi! Ông ta lạnh lùng, không lời cuốn, như thói thường: ông không làm cho người ta thấy, mà chỉ dẫn đưa một cách khéo léo, và phương pháp xanh xao không màu sắc của ông chỉ có thể thành công với những người đứng về phe ông, những kẻ âm mưu có suy đoán, những chính trị gia.

“Adhémar De Rollebon không tô vẽ cho lời nói của mình, không làm dáng điệu và cũng chẳng thay đổi giọng nói. Mặt ông lim dim và hiếm khi người ta bắt gặp, giữa cặp

lông mi, cái bờ ngoài cùng của đôi con ngươi màu xám. Cách đây ít năm tôi mới dám thú thật rằng ông đã làm tôi buồn nản quá mức. Ông nói hơi giống như giám mục Mably đã viết". Bà De Charrières viết thế.

Và chính người đàn ông đó, bằng cái tài năng diễn kịch của ông... Nhưng nếu thế, làm thế nào ông quyến rũ được những người đàn bà? Và rồi lại có cái câu chuyện kỳ cục này do Ségur kể lại mà tôi cho là thật:

"Vào năm 1787, trong một quán trọ gần Moulins, một lão già bạn của Diderot đang hấp hối, lão ta được giáo dục bởi các triết gia thời đó. Các thầy tu những vùng lân cận đều mệt mỏi cùng cực: họ đã thử hết mọi cách song vô ích, lão già họ không muốn chịu phép bí tích, lão là người phiếm thần. De Rollebon, lúc ấy đang đi qua đó và lại là kẻ chẳng tin tưởng vào chi cả, đánh cuộc với các thầy tu ở Moulins rằng ông ta không cần đến hai giờ là đủ để đưa người bệnh trở lại với những tình cảm Thiên Chúa giáo. Viên mục sư nhận lời và thua cuộc: bắt tay vào cuộc lúc ba giờ sáng, người bệnh xưng tội lúc năm giờ và chết lúc bảy giờ. "Sao ông tài tình trong nghệ thuật tranh biện thế? Viên giáo sĩ hỏi. Ông chiếm chỗ của chúng tôi mất!". "Tôi không tranh luận, De Rollebon trả lời, nhưng tôi đã làm cho lão ta sợ địa ngục".

Ông ta quả có dự phần thực sự trong việc ám sát không? Tối hôm đó, vào khoảng tám giờ, một viên sĩ quan của những bằng hữu ông đã đưa ông về đến tận nhà. Nếu đã ra khỏi nhà thì làm thế nào ông băng ngang qua St. Pétersbourg mà không bị nguy hiểm? Hoàng đế Paul, lúc đó nổi điên lên, đã ra lệnh bắt giữ kể từ chín giờ tối, tất cả những bộ hành, trừ những nữ hộ sinh và y sĩ. Ta có nên tin theo truyền thuyết phi lý, theo đó Rollebon đã phải hóa trang thành một nữ hộ sinh để đi đến cung điện? Nói cho cùng, rất có thể ông đã làm như thế. Dù sao, ông cũng không ở nhà vào đêm xảy ra cuộc ám sát, điều đó dường như được chứng thực. Alexandre hẳn đã nghi ngờ ông lắm, vì lẽ một trong những hành vi đầu tiên khi Alexandre lên trị vì là tách xa viên hầu tước với cái cơ mơ hồ là một nhiệm vụ đang chờ ông ở miền Viễn đông.

De Rollebon làm tôi chán ngấy. Tôi đứng dậy. Tôi xúc động trong luồng ánh sáng xanh xao này, tôi thấy ánh sáng thay đổi trên đôi tay mình và trên những ống tay áo: tôi không thể nói cho xiết nó làm tôi kinh tởm biết dường nào. Tôi ngáp dài. Tôi thấp đèn lên, trên bàn: có lẽ ánh sáng ngọn đèn có thể đẩy lui ánh sáng ban ngày. Nhưng không: ngọn đèn chỉ rọi một vòng ánh sáng khốn khổ

dưới chân đèn. Tôi tắt đèn; tôi đứng dậy. Trên tường, có một lỗ hồng màu trắng, tấm gương. Đấy là một cái bầy. Tôi biết rằng tôi sẽ để mình sa bầy. Nó đấy, cái vật màu xám vừa hiện ra trong gương. Tôi tiến lại gần và nhìn nó, tôi không thể nào bỏ đi nữa.

Đấy là phản ảnh của mặt tôi. Thường khi trong những ngày phí bỏ này, tôi hay nhìn ngắm nó. Tôi chẳng hiểu gì, cái khuôn mặt đó. Khuôn mặt của những người khác có một ý nghĩa. Còn của tôi thì không. Tôi lại không thể quả quyết nó đẹp hay xấu. Tôi nghĩ rằng nó xấu, vì lẽ người ta đã bảo tôi thế. Nhưng điều đó không làm tôi xúc động. Thực ra tôi còn tức bực vì người ta lại có thể gán cho khuôn mặt những phẩm tính loại này, như thế người ta gọi một mẩu đất hoặc một khối đá là đẹp hay xấu.

Tuy vậy cũng có một vật khi nhìn làm tôi thích thú, ở bên trên những vùng mềm mại của đôi má, bên trên vầng trán: ngọn lửa xinh đẹp màu đỏ đang trang điểm chiếc sọ. Đấy là tóc tôi. Đấy, cái ấy thật dễ ưa nhìn. Ít nhất nó cũng có một màu rõ rệt: tôi khoái tóc mình màu hoe. Nó đấy, trong tấm gương, nó hiện ra và tỏa chiếu. Tôi còn gặp may: nếu trán tôi lại mang một trong những bộ tóc lơ mờ không rõ là màu đỏ hung hay màu vàng

nâu, thì mặt tôi sẽ chìm mất trong tình trạng hảm hồ, và sẽ làm tôi chóng mặt.

Cái nhìn của tôi hạ xuống chậm chậm, buồn bã, trên vầng trán, trên đôi gò má: tôi không gặp chi vững chãi cả, cái nhìn của tôi bị mắc cạn. Hiển nhiên, trên khuôn mặt ấy có một chiếc mũi, hai con mắt, một cái miệng, nhưng tất cả những thứ ấy không có ý nghĩa, cũng không mang một biểu lộ gì của con người cả. Tuy thế Anny và Véliness lại thấy tôi có vẻ sinh động; rất có thể là tôi đã quá quen với mặt mình. Khi tôi còn nhỏ, bà di Bigeois bảo tôi: “Nếu nhìn mặt mày quá lâu trong gương, mày sẽ thấy một con khỉ”. Có lẽ tôi đã nhìn còn hơn cái quá lâu đó nữa: điều tôi thấy lại còn thua cả một con khỉ, ở biên giới của loài thảo mộc, ở mức độ những giống san hô. Khuôn mặt ấy cũng sống động đấy, tôi chẳng bảo là không, nhưng Anny không nghĩ đến đời sống nọ: tôi nhìn thấy những cơn run rẩy thoáng qua, tôi thấy một khối thịt nhợt nhạt đang nở ra và phập phồng với vẻ hững hờ. Nhất là đôi mắt, nhìn gần thì lại quá khủng khiếp. Nó đùng đục, nhão nhẹt, mù mù, viền quanh bằng màu đỏ như những vảy cá.

Tôi tựa cả thân người trên bờ sành, tôi đưa mặt mình tới gần gương đến nỗi đụng cả

mặt gương. Đôi mắt, chiếc mũi và cái miệng biến mất: chẳng còn gì có vẻ là người cả. Những lần nhăn màu nâu của mỗi bờ môi phồng căng nóng sốt, những đường nứt, những hang hốc. Một dải lông măng trắng mượt chạy xô xuống trên hai triền dốc lớn của đôi má, hai sợi lông ló ra từ lỗ mũi: đấy là một bản đồ địa chất khắc nổi. Và mặc dù vậy, cái thế giới nguyệt cầu này lại quen thuộc với tôi. Tôi không thể nói rằng mình *nhận biết* những chi tiết của nó. Nhưng toàn thể gây cho tôi ấn tượng của một cái gì đã thấy, làm tôi tê cóng cả người, tôi chuỗi mình êm ái vào trong giấc ngủ.

Tôi muốn chụp bắt mình lại: một cảm giác mãnh liệt và rõ ràng sẽ giải thoát tôi. Tôi đập bàn tay trái vào má, tôi kéo da ra; tôi nhăn nhó mặt mày. Cả một nửa mặt tôi nhượng bộ, nửa bên trái miệng thì vặn vẹo và phồng lên, để lộ một chiếc răng, ổ mắt mở ra trên một khối cầu trắng, trên khối thịt hồng dầm máu. Đấy không phải là những gì tôi tìm kiếm: chẳng có gì mãnh liệt, chẳng có gì mới mẻ; chỉ thuần là cái êm dịu, lờ mờ, cái đã thấy! Tôi thiếp ngủ với hai mắt thao láo, gương mặt lớn dần, lớn dần trong tấm kính, một quang lớn xanh xao đang lướt vào ánh sáng...

Điều làm tôi đột nhiên thức tỉnh, là tôi mất thăng bằng. Tôi ngồi ghéch chân lên một cái ghế, đầu óc hãy còn quay cuồng. Những người khác có khổ nhọc như thế khi phán đoán về bộ mặt của họ không? Đường như tôi nhìn thấy khuôn mặt mình hay cảm nghiệm thân thể mình, bằng một thứ cảm giác nặng nề và có tính cách cơ thể. Nhưng còn những người khác, nhưng còn Rolleston chẳng hạn? Khuôn mặt ông có làm ông ngủ yên được khi nhìn nó trong mặt kính hay không, khuôn mặt mà bà De Genlis gọi là “khuôn mặt nhỏ nhắn in hằn nét nhăn, sạch sẽ và quang thuần, rõ ràng rõ rệt, với một vẻ tinh quái lạ thường đập rõ vào mắt ta, mặc dù đã cố gắng cách gì để che giấu. Bà ta thêm: “Ông săn sóc tỉ mỉ bộ tóc và chưa bao giờ tôi thấy ông không mang tóc giả. Song đôi gò má của ông lại có màu xanh sấp ngả sang đen vì bộ râu rậm, và ông đã muốn tự cạo râu lấy, điều mà ông làm rất tệ. Ông có thói quen xoa phấn màu chì theo lối của Grimm. Ông De Dangeville đã bảo rằng với tất cả những màu trắng và xanh đó, trông ông giống như một miếng pho mát Roquefort”.

Tôi cho ông phải có vẻ rất ngộ nghĩnh. Nhưng nói cho cùng, đó không phải là khuôn mặt ông xuất hiện với bà De Charrières. Tôi

tin rằng bà ta thấy ông có vẻ dịu bớt đi. Có lẽ ông cũng không thể nào hiểu được khuôn mặt của chính mình. Hoặc có lẽ tôi nghĩ thế vì tôi là một người cô độc? Những người sống trong xã hội đã tập tữ nhìn mình trong gương, y như khi họ xuất hiện với các bạn bè. Tôi chẳng có bạn bè: có phải vì thế mà da thịt tôi trần trồng đến độ ấy chăng? Như thế – vâng, như thế là thiên nhiên hoang bóng người.

Tôi không còn hứng để làm việc nữa, tôi không thể làm gì khác hơn là chờ đêm tối đến.

*Năm giờ rưỡi.*

Không xong! Không xong rồi: Tôi cảm thấy nó, tình trạng nhộp nhúa, cơn Buồn Nôn. Và lần này, là chuyện mới mẻ: nó bắt chợt tôi trong một quán cà phê. Mãi đến nay, những quán cà phê đã là chỗ trú ẩn duy nhất của tôi, vì chúng đầy người và rất sáng sủa; giờ đây sẽ không còn được cả đến điều đó nữa; khi bị vây kín trong phòng, tôi chẳng còn biết đi đâu.

Tôi đến để tình tự cùng nàng, nhưng vừa mới đẩy cửa thì Madeleine, người hầu gái, nói to:

“Bà chủ đi vắng rồi, bà chủ xuống phố để mua hàng”.

Tôi cảm thấy một nỗi thất vọng mạnh mẽ ở cơ quan sinh dục, một cơn nhột nhột khó chịu. Cùng lúc, tôi cảm thấy áo mình chạm vào đầu vú, và tôi bị vây quanh, bị chộp lấy bởi một cơn lốc nhiều màu sắc đang dâng lên chậm chậm, một cơn lốc sương mù, ánh sáng trong khói thuốc, trong những chiếc gương, với những chiếc băng nhỏ loè ánh sáng ở tận đáy phòng và tôi không thấy tại sao nó lại ở đấy, cũng như tại sao nó là thế. Tôi đang đứng trên bậc cửa, do dự, rồi một cơn xoáy động xảy ra, một chiếc bóng lướt qua trên trần nhà và tôi thấy mình bị đẩy tới trước. Tôi lơ lửng, kinh hoàng vì những đám sương mù lấp lánh đang thẩm nhập vào tôi từ khắp nơi cùng một lúc. Madeleine trôi giạt đến gần và cởi áo khoác hộ tôi. Tôi để ý thấy nàng đã vén tóc ra sau và có mang hoa tai: tôi đã chẳng nhận ra nàng. Tôi nhìn đôi gò má lớn của nàng không ngớt chạy về mép tai. Ở lỗ hõm của gò má, dưới lưỡng quyền, có hai đốm hồng tách biệt, mang vẻ buồn bã trên mảnh thịt nghèo nàn khô khan đó. Đôi gò má chạy dài, chạy dài về mé tai và Madeleine mỉm cười:

“Ông dùng gì, ông Antoine?”

Lúc bấy giờ cơn Buồn Nôn chiếm đoạt lấy tôi, tôi thả người trên chiếc băng nhỏ và

không biết mình đang ở đâu nữa; tôi nhìn thấy những màu sắc xoay chậm chậm quanh mình, tôi muốn mưa. Và đấy: từ lúc ấy cơn Buồn Nôn không rời tôi, nó giữ chặt lấy tôi.

Tôi trả tiền. Madeleine đã thu dọn ly tách. Chiếc ly của tôi áp trên đá hoa một vũng bia màu vàng, nơi đấy một bọt nước đang bùng bùng. Chiếc ghế nhỏ bị rã ra nơi chỗ tôi ngồi, và để đừng trôi lướt đi, tôi buộc phải tựa mạnh gót giày vào nền đất; trời rét. Bên phải tôi, họ đang chơi bài trên một tấm thảm len. Tôi đã không nhìn thấy họ khi bước vào; tôi chỉ cảm nhận rằng có một cái gì như một cái gối ấm ấm, nửa nằm trên băng, nửa trên bàn tận trong sâu, với đôi cánh tay máy động. Madeleine đã mang đến cho họ cốc bài, tấm thảm và những thẻ tiền trong một chiếc bát gỗ. Họ độ ba hay năm người, tôi không biết nữa, tôi không có can đảm nhìn họ. Tôi như có một chiếc lò xo bị gãy: tôi có thể cử động đôi mắt, nhưng còn cái đầu thì không. Cái đầu mềm xèo, co dãn, y như được đặt chồng ngay trên cổ tôi. Nếu xoay đầu đi tôi sẽ làm nó rơi xuống đất. Vừa đây, tôi nghe một hơi thở dài và thỉnh thoảng, qua kheo mắt, tôi thấy một làn chớp đỏ hồng phủ bằng những lông trắng. Đấy là một bàn tay.

Khi bà chủ đi mua hàng, người anh họ thay thế bà ở quầy. Y tên Adolphe. Tôi đã

bắt đầu nhìn y đang khi ngồi xuống và tôi vẫn tiếp tục nhìn vì lẽ không thể xoay đầu đi nơi khác. Y chỉ mặc sơ mi với những dây treo màu hoa cà; y đã xắn tay áo lên đến quá cùi chỏ. Những chiếc dây treo hơi khó nhận ra trên nền áo sơ mi xanh da trời, chúng hoàn toàn bị xóa nhòa, bị che lấp trong màu xanh, nhưng đó là một thứ khiêm tốn giả mạo: thực ra chúng không để cho người ta quên chúng, chúng làm tôi chú ý vì cái vẻ cứng đầu của những chú cừ non, như thế trên đường tiến đến chỗ trở thành màu tím, chúng đã dừng lại nửa vời nhưng vẫn không từ bỏ ý định của mình. Người ta muốn bảo chúng: “đi đi, *hãy trở thành* màu tím, và rồi tao sẽ không lý đến mày nữa!”. Nhưng không, chúng vẫn lững lờ, vẫn bị gắn chặt vào trong nỗi cố gắng bất thành của mình. Đôi khi màu xanh da trời vây quanh lại lướt lên và hoàn toàn bao phủ: trong khoảnh khắc, tôi không còn thấy chúng nữa. Nhưng đó chỉ là một đợt sóng, chẳng mấy chốc màu xanh da trời lại thành xanh mét ở nhiều chỗ và tôi thấy xuất hiện lại những đốm nhỏ của một màu hoa cà do dự đang tỏa rộng ra, bắt gặp nhau và lại tạo nên những chiếc dây treo.

Anh chàng Adolphe không còn mắt nữa: đôi mí mắt căng mọng và vênh lên mỉm cười với vẻ lừ đừ; thỉnh thoảng y lại phì hơi

ra, kêu như chó con và giẫy giụa yếu ớt, như một con chó đang nằm mơ.

Chiếc áo vải xanh da trời của y nổi bật tươi vui trên một bức tường màu sô-cô-la. Cả điều ấy nữa cũng làm Buồn Nôn. Hay đúng hơn *nó chính là* cơn Buồn Nôn. Cơn Buồn Nôn không có trong tôi: tôi cảm nghiệm nó ở *đằng kia*, trên bức tường, trên những chiếc dây treo quần, ở khắp nơi chung quanh tôi. Nó nhập làm một với quán cà phê, chính tôi đang hiện hữu trong nó.

Ở bên phải tôi, cái gói ấm nóng bắt đầu ồn ào vang động, y máy động đôi tay.

“Này, con bài của anh đây. – Con bài gì đây?”. Chiếc lưng to màu đen cúi xuống canh bài: “Ha ha ha!”. “Thế nào? Con bài đó hần vừa mới đánh ra.” “Tôi không biết, tôi chẳng thấy...” “Có chứ, bây giờ tôi vừa đánh con bài ra đó.” “À tốt, vậy thì con cơ” y hát nho nhỏ: “Con cơ, con cơ, c-o-n cơ.” Giọng nói: “Gì thế, ông bạn? Gì thế? Tôi theo!”.

Im lặng lần nữa – vị ngọt đường của không khí trong yết hầu tôi. Những mùi hương. Những chiếc dây treo quần.

Anh chàng Adolphe đã đứng dậy, bước đi vài bước, tay chấp sau lưng, y đang mỉm cười, y ngẩng đầu lên và uốn cong mình ra

sau, dựa người trên đầu gót giày. Trong tư thế đó, y ngủ thiếp đi. Y đứng đó, thân thể lắc lư, miệng luôn luôn mỉm cười, đôi gò má rung rinh. Y sắp ngã. Y khom người ra sau, khom xuống, khom xuống, khuôn mặt hướng hẳn lên trần nhà, đoạn, lúc ngã xuống, y níu lấy bờ quây một cách khéo léo và lập lại được thăng bằng. Sau đó y khởi sự diễn lại trò cũ. Tôi chán ngấy rồi, tôi gọi người nữ chiêu đãi:

“Madeleine, cô làm ơn vận cho nghe một bản nhạc. Bản tôi thích, cô biết đó: *Some of these days*”.

“Vâng, nhưng có lẽ nó làm phiền các quý ông đây; họ không thích nhạc khi đang chơi bài. À! Tôi sẽ đi hỏi xin họ”.

Tôi phải cố gắng lắm mới quay cái đầu đi được. Họ gồm bốn người. Madeleine nghiêng mình xuống một lão già hồng hào mang trên chót mũi một cái kính viền đen. Lão ta giấu bài vào ngực và liếc nhìn tôi.

“Xin ông cứ tự nhiên nghe nhạc, không hề chi.”

Những nụ cười mỉm. Lão có một bộ răng hư gần hết. Không phải lão là người có bàn tay màu đỏ, mà là người bên cạnh, một thằng cha với bộ râu mép đen, thằng cha râu mép này có một lỗ mũi to phát khiếp, có thể bơm

không khí cho cả một gia đình và ăn lan cả nửa khuôn mặt, nhưng mặc dù vậy, hấn vẫn thở bằng miệng và thở hơi hỗn hển. Trong bọn họ cũng có một chàng thanh niên có cái đầu không cảm nổi. Tôi không nhận rõ người thứ tư đang chơi bài.

Những lá bài rơi trên thảm len, xoay tròn. Rồi những bàn tay với những ngón mang nhẫn nhặt chúng lên, những ngón tay khê đục tẩm tẩm. Những bàn tay tạo nên những vệt trắng trên tẩm tẩm. Chúng như bị nướng phồng và đầy bụi. Luôn luôn có những lá bài khác rơi xuống, những bàn tay qua, lại. Thật là một công việc kỳ cục dường nào: nó không có vẻ một trò chơi, cũng không có vẻ một trò cười, lại càng không có vẻ một thói quen. Tôi cho rằng họ làm thế để lấp đầy thời gian, chỉ thế thôi. Nhưng thời gian quá bao la, nó không dễ bị lấp đầy. Tất cả những gì người ta chìm vào trong thời gian đều mềm nhũn và duỗi dài ra. Chẳng hạn, cử chỉ của bàn tay màu đỏ đang vấp vấp nhặt những lá bài: cử chỉ ấy mềm nhão vô cùng. Phái tháo gỡ ra và gọt dẽo nó từ bên trong.

Madeleine quay chiếc tay quay của máy hát. Miễn nàng không lầm, hoặc nàng dừng cho chơi bản nhạc *Cavalleria Rusticana*, như ngày nọ. Nhưng không, đúng là bản đó rồi,

tôi nhận ra bản nhạc ngay từ những nhịp đầu tiên. Đây là một *ragtime* cổ với điệp khúc véo von. Tôi đã nghe những quân nhân Mỹ thổi sáo bản này vào năm 1917 trên các đường phố La Rochelle. Bản nhạc phải có trước chiến tranh. Nhưng việc thu âm thì lại rất gần đây. Đây cũng lại là đĩa nhạc cổ nhất của bộ sưu tập, một đĩa Pathé dành cho kim Sa-phia.

Chốc nữa đây, sẽ là điệp khúc: đây chính là đoạn tôi yêu thích nhất, và cả cái cách nó lao mình đột ngột đến trước, như một tảng đá dựng trên mặt biển. Lúc này đây, đang là điệu jazz; không có âm điệu hài hòa mà chỉ toàn nốt nhạc là nốt nhạc, một tập hợp vô số những kích động nhỏ. Chúng không biết đến sự nghỉ ngơi, một trật tự kiên cố khai sinh và hủy diệt chúng, không bao giờ ban cho chúng thời gian nhàn rỗi để hưng phục lấy mình, để hiện hữu cho mình. Chúng chạy ủa tới, chúng xô đẩy nhau, chúng đập vào tôi một thanh âm cụt lủn khi đi ngang qua và tan biến vào cõi hư vô. Tôi rất thích lưu giữ chúng, nhưng tôi biết rằng nếu chặn đứng một kích động lại, thì chỉ còn giữa kẻ tay mình một âm thanh góm ghiếc, vô sinh khí. Tôi phải chấp nhận sự diệt vong của chúng; tôi cũng phải *muốn* sự diệt vong này: tôi ít biết những ấn tượng nào cay chua và mãnh liệt hơn thế.

Tôi bắt đầu tự hâm nóng lại, tự cảm thấy mình hạnh phúc. Đó cũng không phải là cái chi phi thường, mà chỉ là một hạnh phúc nhỏ bé của sự Buồn Nôn: hạnh phúc ấy trải dài đến tận đáy vũng bia nhầy nhụa, tận đáy thời gian *của chúng ta* – thời gian của những chiếc dây treo quần màu hoa cà và những chiếc ghế nhỏ nhạt màu, được tạo thành bằng những khoảnh khắc rộng rãi và mềm nhũn, những khoảnh khắc lớn dần như vết dầu loang. Vừa sinh ra nó đã già cỗi, như thể tôi đã biết nó từ hai mươi năm nay.

Còn một hạnh phúc khác: ở bên ngoài, có một dải thép, cái kỳ gian ngắn ngủi của bản nhạc, đang băng ngang qua thời gian của chúng ta từng khoảnh, và từ khước, và xé rách nó ra khỏi những điểm nhỏ khô cằn; còn một thời gian khác.

“Ông Randou đánh con cơ, bồ đánh con ách đi”.

Giọng nói lướt qua và biến mất. Không có gì bám trên dải thép, cả cánh cửa cũng không mở ra, cả luồng hơi lạnh đang chảy giữa đầu gối tôi, cũng như sự xuất hiện của viên thú y sĩ cùng cô con gái nhỏ: âm nhạc xuyên thủng những hình thể mơ hồ của nó và băng ngang qua. Vừa ngồi xuống, cô bé đã bị

thu hút: nàng thẳng đơ người, mắt mở to; nàng lắng nghe và cọ nắm tay trên bàn.

Một vài giây nữa, người nữ ca sĩ da đen sẽ cất tiếng hát. Đó là điều dường như không thể tránh được, tính chất tất yếu của điệu nhạc nọ quá dồi mạnh mẽ: không gì có thể làm gián đoạn nó, không có gì xảy đến vào lúc này, lúc mà thế giới đang bị xô vỡ: điệu nhạc tự nó thôi là chính mình, như tuân theo một lời truyền khiến.

Tôi yêu giọng hát tuyệt vời kia chỉ vì lẽ đó: không phải vì âm độ hay nỗi buồn của giọng hát, mà vì nó là biến cố mà nhiều nốt nhạc đã sửa soạn từ một thời gian rất xa, bằng cách tàn tạ đi để biến cố được khởi sinh. Tuy vậy, tôi đâm ra lo lắng; chỉ cần một chuyện không đâu cũng đủ cho chiếc đĩa ngừng quay: một chiếc lò xo bị gãy, hay anh chàng Adolphe đâm ra đổi ý bất tử. Thật lạ lùng, thật xúc động làm sao khi biết rằng cái kỳ gian ấy lại mỏng manh đến thế. Không gì có thể làm gián đoạn nó, nhưng tất cả đều có thể phá vỡ nó.

Hòa âm cuối cùng đã tan vào hư vô. Trong khoảng im lặng ngắn ngủi tiếp theo, tôi cảm thấy một cách mạnh mẽ rằng nó đang ở đây, rằng *một cái gì đã xảy ra*.

Im lặng.

*Some of these days  
You'll miss me honey!*

Điều vừa xảy ra là cơn Buồn Nôn đã biến mất. Khi giọng hát cất cao trong im lặng, tôi đã cảm thấy thân thể mình cứng đơ lại và cơn Buồn Nôn tiêu tán. Đồng một lúc: hầu như rất khó nhọc để trở nên cứng đơ và đỏ gay như thế. Cùng lúc, kỳ gian của bản nhạc nở phồng, trương lên như một chiếc vôi dẫn nước. Nó tràn ngập gian phòng bằng cái vẻ trong suốt kim khí của nó, bằng cách đè bẹp thời gian khốn khổ của chúng ta vào tường. Tôi đang hiện hữu trong âm nhạc. Trong những chiếc gương, những đốm lửa đỏ quay lẩn; những vòng khói vây quanh và xoay tròn, che giấu và phơi bày cùng lúc nụ cười chói chang của ánh sáng. Ly bia của tôi đã bé nhỏ lại, gắn chặt trên bàn: nó có vẻ dày đặc, bất khả khuỷu. Tôi muốn cầm nó lên và nhắc thử, tôi đưa tay ra... Chúa ơi! Chính những cử chỉ của tôi đã thay đổi không ngờ. Cử động của tay tôi đã được khai triển như một nhạc đề long trọng, nó lướt dài theo tiếng hát của người ca sĩ da đen; dường như tôi đang khiêu vũ.

Khuôn mặt của Adolphe ở đấy, tựa trên bức tường màu sô-cô-la, khuôn mặt ấy có vẻ

rất gần gũi. Vào lúc tay tôi nắm lại, tôi nhìn thấy đầu anh ta, chiếc đầu ấy mang vẻ hiển nhiên, tất yếu của một câu kết luận. Tôi siết chặt tay vào ly, tôi nhìn Adolphe: tôi đang hạnh phúc.

“Này!”

- Một giọng nói cất lên trên một nền sương mù. Người ngồi cạnh tôi đang nói, cái lão già đang say. Gò má lão vẽ nên một vạch tím trên bộ da nâu của chiếc ghế nhỏ. Lão đập mạnh lá bài vào bàn. Con rô.

Nhưng chàng thanh niên có cái đầu dễ ghét mỉm cười. Lão già mặt đỏ, khom mình trên bàn, ngóng lên dò xét anh chăm chú, sẵn sàng nhảy xổ tới.

“Đây nè!”

Bàn tay của chàng thanh niên rút khỏi bóng tối, bay lượn một hồi, trắng trẻo, uể oải, rồi đột nhiên lao xuống ấn mạnh một lá bài trên tám thăm. Lão to béo mặt đỏ nhảy nhồm lên:

“Mẹ kiếp! Nó cúp bài”.

Chiếc bóng của ông già cơ hiện ra giữa những ngón tay siết chặt, đoạn người ta lật ngửa lá bài lên và cuộc chơi tiếp tục. Lão già mới kỳ dị làm sao, lão đến từ một nơi xa xôi

nào đó và được sửa soạn bằng biết bao tổ hợp, biết bao cử động đã mất tâm! Tôi phiên mình lão già ấy lại biến dạng, để cho những sự tổ hợp, những hành vi khác, những sự tấn công, những lời đối đáp, những cơn may mắn trở về, một đám những cuộc phiêu lưu nhỏ được nảy sinh.

Tôi xúc động, cảm thấy thân thể mình như một chiếc máy chính xác đang hồi ngơi nghỉ. Tôi, tôi đã có những cuộc phiêu lưu thật sự. Tôi không nhớ lại được chi tiết nào về chúng, song tôi nhận được sự diễn tiến chặt chẽ của những hoàn cảnh. Tôi đã băng qua những đại dương, đã để lại đằng sau những thành phố và đã ngược dòng những con sông hay dẫn mình vào sâu trong rừng thẳm và luôn luôn tôi đi về hướng những thành phố khác. Tôi đã chung sống với những người đàn bà, đã chiến đấu với những gã đàn ông, và không bao giờ tôi có thể trở lui được nữa, cũng như những chiếc đĩa hát không thể quay ngược vòng, và tất cả những điều ấy dẫn tôi đến đâu? Vào đúng phút này, ngay tại chiếc ghế nhỏ này, trong bọt bóng ánh sáng tràn đầy âm nhạc này.

*And when you leave me.*

Vâng, tôi, người thích ngồi ở bờ sông Tibre tại La Mã, tại Barcelone, buổi chiều,

lên xuống trăm lần công trường Ramblas, tôi, người đã thấy một cây đa quán rế chung quanh ngôi nhà nguyện thờ những long thần Nagas, gần Đệ thiên Đệ thích, trong hòn đảo nhỏ Baray de Prah Kan; tôi đang ở đây, tôi đang sống trong cùng giây phút với những người chơi bài manille kia, tôi đang nghe một nữ ca sĩ da đen hát trong khi bên ngoài bóng đêm yếu ớt đang rình mò.

Chiếc đĩa kia đã ngừng lại.

Đêm tối đi vào, êm dịu, ngập ngừng. Người ta không thấy nó, nhưng nó vẫn có đấy, nó đang che mờ những ngọn đèn: người ta thở hút trong không khí một cái gì dày đặc; nó đấy. Trời lạnh. Một trong những người chơi bài đẩy những quân bài xáo trộn về hướng một người khác để y xếp lại. Có một kẻ trong bọn đang đứng đằng sau. Bọn họ không nhìn thấy đêm tối sao? Đấy là con chín cơ. Một người nào đó sau cùng đã cầm nó lên, đưa nó cho anh chàng có cái đầu dễ ghét.

“A! Con chín cơ!”

Được rồi, tôi sắp bỏ đi. Lão già đó tía nghiêng người trên một tờ giấy, gặm đầu bút chì. Madeleine nhìn lão bằng con mắt sáng và rỗng. Anh chàng thanh niên lật đi lật lại con chín cơ giữa những ngón tay. Trời ơi...!

Tôi đứng lên một cách khó nhọc, trong chiếc gương phía trên sọ của viên thú y sĩ, tôi nhìn thấy một khuôn mặt nửa người nửa ngợm.

Chốc nữa đây, tôi sẽ đi xem chiếu bóng.

Không khí làm tôi dễ chịu: nó không có vị ngọt của đường, cũng không có mùi tanh tươi của rong rêu. Nhưng trời rét đến khiếp.

Đã bảy giờ rưỡi, tôi không đói và xuất chiếu bóng chỉ bắt đầu vào chín giờ, tôi sẽ làm gì đây? Tôi phải đi nhanh để sưởi ấm. Tôi do dự: đằng sau tôi, đại lộ dẫn đến trung tâm thành phố, đến những vật trang sức khổng lồ bằng lửa đỏ trên các đường phố trung ương, đến lâu đài Paramount, dinh Impérial, đến những đại thương điểm Jahan. Những thứ đó không cảm dỗ tôi chút nào: bây giờ đang là giờ khai vị; những sự vật sống động, những con chó, những con người, tất cả những khối lượng mềm nhũn động đập tự phát đó, tôi chán ngấy chúng lúc này.

Tôi rẽ sang trái, tôi sắp dẫn mình vào trong cái lỗ hồng nọ, ở đằng kia, cuối dãy của những ngọn đèn hơi: tôi sẽ đi theo đại lộ Victor Noir cho đến đại lộ Galvani. Chiếc lỗ hồng thổi ra một luồng gió lạnh: ở đấy chỉ có những hòn đá và đất bụi. Những hòn đá chúng cứng nhắc và chẳng hề động đập.

Có một đầu đường buồn thảm: trên lề đường bên phải, một khối hơi màu xám với những vạch lửa tạo nên một âm thanh của loài sò ốc: đấy là nhà ga cũ. Sự hiện diện của nó đã mang lại trù phú cho độ một trăm thước đường lộ đầu tiên của đại lộ Noir – kể từ đại lộ Redoute cho đến con đường Paradis – và đã khai sinh ra ở đấy chừng một tá đèn lồng và bốn quán cà phê nằm cạnh nhau, quán “Rendez – Vous des Cheminots” và ba quán khác, nằm buồn nản cả ngày, nhưng tối đến lại rực lên và chiếu rọi những khung sáng hình chữ nhật trên vỉa hè. Tôi còn phải tắm đấm ba lần trong màu ánh sáng vàng nữa, tôi nhìn thấy một thiếu phụ đi ra từ hiệu thực phẩm Rabache đưa tay sửa lại chiếc khăn choàng trên đầu và khởi sự chạy: rồi thế là hết. Tôi đang ở trên vệ đường Paradis, cạnh chiếc đèn lồng cuối cùng. Dải hắc ín đứt khúc rõ rệt. Bên kia là màn đêm và bùn lầy. Tôi băng ngang đường Paradis. Chân phải tôi giẫm vào trong một vũng nước, bít tất tôi ướt đẫm; cuộc dạo chơi bắt đầu.

Người ta *không* cư ngụ trong vùng này của đại lộ Noir. Khí hậu nơi đây quá khắc khe, còn đất đai thì quá xấu để đời sống có thể an định và phát triển. Ở hướng Tây, ba xưởng cửa của hãng Les Frères Soleil (hãng

này đã cung cấp chiếc vòm lát ván cho nhà thờ Sainte-Cécile de-la-Mer, trị giá một trăm ngàn quan) mở tất cả những cửa lớn và cửa sổ của chúng về phía đường Jeanne Berthe-Coeuroy, con đường êm dịu bị chúng tràn ngập bằng những tiếng động ù ù. Chúng xoay ba cái lưng ra đại lộ Victor Noir, tiếp nối bằng những bức tường. Những tòa nhà này chạy viển lề đường bên trái gần bốn trăm thước: chẳng hề có cửa sổ, cũng chẳng có lấy một chiếc cửa sổ trên mái nhà.

Lần này tôi đã bước cả hai chân vào con suối nhỏ. Tôi băng qua đường: bên kia lễ có một ngọn đèn hơi độc nhất, như một ngọn hải đăng ở địa đầu thế giới rọi sáng dãy hàng rào nhạt màu, gãy đổ ở nhiều nơi.

Những mẫu bích chương còn dính liền vào những tấm ván. Một khuôn mặt đẹp đầy hận thù đang nhăn nhó trên một nền màu xanh lục, bị xé rách tươm; bên trên chiếc mũi, một người nào đang vẽ một bộ râu ngạnh tre bằng bút chì. Trên một mảnh giấy tả tơi khác, người ta còn đọc được chữ "Purâtre" bằng màu trắng từ đó rơi xuống những giọt đỏ, có lẽ là những giọt máu. Rất có thể khuôn mặt nọ và chữ kia cùng thuộc về một tấm bích chương. Hiện tại, tấm bích chương đã bị xé rách, những mối liên lạc đơn thuần và cố ý nối kết

chúng đã biến mất, nhưng một sự thống nhất khác đã được thiết lập từ chính nó, giữa cái miệng vụn vụn, những giọt máu, những chữ trắng, ngũ vĩ “acre” tựa như một đám mê tội lỗi và không ngừng tìm cách tự biểu lộ ra bằng những dấu hiệu huyền bí nọ. Giữa những tấm ván, người ta có thể thấy lấp lánh những đèn hiệu của con đường sắt. Một bức tường dài chạy tiếp theo dãy hàng rào. Một bức tường không thủng lỗ, không cửa lớn, không cửa sổ sẽ dừng lại cách xa đây hai trăm thước, tựa vào một ngôi nhà. Tôi đã vượt khu vực soi sáng của chiếc đèn lồng; tôi đi vào trong lỗ hổng đen ngòm. Khi nhìn bóng mình dưới chân tan hòa trong bóng tối, tôi có cảm tưởng đang chìm người vào nước lạnh. Trước tôi, ở títt đằng xa, xuyên qua những chiều dày đen thẫm, tôi nhận rõ được một đóa hồng nhợt nhạt: đại lộ Galvani. Tôi quay lại, đằng sau ngọn đèn hơi, rất xa, có một luồng sáng mơ hồ: nhà ga với bốn quán cà phê. Đằng sau tôi, đằng trước tôi, đang có những người giải khát và chơi bài trong những quán rượu bia. Ở đây chỉ toàn một màu đen thẫm. Từng chập ngọn gió lại mang đến một hồi chuông lẻ loi, vắng lại từ xa. Những tiếng động quen thuộc, tiếng rừ rừ của những chiếc xe hơi, những tiếng la hét, tiếng chó sủa vẫn không xa rời những con đường sáng sủa,

những âm thanh ấy vẫn được sưởi ấm. Những hồi chuông văng vẳng đó xuyên thủng bóng đêm vang đến tận đây: chúng cứ nhắc và ít tính chất người hơn những tiếng động khác.

Tôi dừng lại lắng nghe. Tôi lạnh run, hai tai đau nhức, hẳn chúng đã đổ như. Nhưng tôi không còn cảm thấy điều ấy nữa; tôi đã bị cuốn hút bởi vẻ thuần khiết của những gì vây quanh, không một cái gì sống động ở đây cả; gió thổi, những đường nét cứng đờ chạy xa trong đêm tối. Đại lộ Noir không mang vẻ dĩ hòa của những con đường trường giả, luôn luôn khoe mẽ với những khách bộ hành. Không ai để tâm đến việc trang điểm nó. Nó đúng là một mặt trái. Mặt trái của đường Jeanne-Berthe-Coeuroy, của đại lộ Galvani. Chung quanh nhà ga, dân Bouville cũng hơi săn sóc đến con đường chút đỉnh; thỉnh thoảng họ quét rửa nó, vì có những du khách. Nhưng liền sau đó, họ bỏ bê và chuồn thẳng đến đại lộ Galvani để chén chú chén anh một cách mê muội. Thành phố đã lãng quên con đường. Đôi khi một chiếc xe vận tải lớn màu đất chạy hết tốc lực ngang đường, với tiếng âm ì kinh khủng. Ở đấy người ta cũng không ám sát ai nữa, vì lẽ thiếu những kẻ sát nhân và những nạn nhân. Đại lộ Noir không *người* chút nào. Đây là một khoáng vật. Như một hình tam giác. Thật may mắn khi có

được một đại lộ như thế ở Bouville. Thông thường người ta chỉ tìm được nó trong những đô thị ở Bá Linh, cạnh Neukölln hay về hướng Friedrichshain – ở Luân Đôn, đằng sau Greenwich. Những dãy hành lang thẳng và bản, đầy gió, với những lề đường rộng không cây. Hầu như chúng luôn ở bên ngoài thành, trong những khu vực kỳ lạ nọ, nơi người ta kiến tạo nên các thành phố, gần những nhà ga hàng hóa, những nhà kho tàu điện, những lò sắt sinh, những máy đo hơi. Hai ngày sau cơn mưa rào, khi toàn thành phố ẩm mốc dưới ánh mặt trời và tỏa ra những hơi nóng ẩm ướt, chúng vẫn còn lạnh cứng, vẫn còn lưu giữ bùn lầy cùng những vũng nước trên thân thể. Chúng cũng có những vũng nước không bao giờ khô, trừ vào một tháng trong năm, tháng tám.

Cơn Buồn Nôn ở đằng kia, trong vùng ánh sáng vàng. Tôi đang hạnh phúc: cơn lạnh này thật thuần khiết, đêm tối thật trong lành; chính tôi, há tôi không phải là một làn hơi lạnh lẽo sao? Không máu, không nhựa sống, không da thịt. Chảy dài theo con kênh này về hướng xanh xao mờ nhạt đằng kia. Chỉ thuần là sự lạnh lẽo.

À, có người kia rồi. Hai bóng đen. Họ cần gì mà đến đây?

Đấy là một thiếu phụ nhỏ nhắn, nàng đang vịn tay áo một gã đàn ông. Nàng nói bằng giọng nhanh và thì thào. Vì gió bạt, tôi không hiểu những lời nàng nói.

“Em không cảm mồm lại, hả?” Người đàn ông hỏi.

Nàng vẫn luôn mồm nói. Đột nhiên, chàng đẩy nàng ra.

Họ nhìn nhau, ngần ngừ, đoạn người đàn ông thọc tay vào túi và bỏ đi không quay đầu lại.

Người đàn ông đã biến mất. Tôi cách người đàn bà khoảng ba thước. Bất thành linh những âm thanh trầm đặc, khàn khàn xé rách nàng, nổ tung ra khỏi nàng và tràn đầy cả đường phố, với một sức dữ dội phi thường:

“Charles, tôi van anh, anh biết tôi đã nói với anh gì chứ? Charles, hãy trở lại, tôi chán lắm rồi, tôi quá đau khổ!”

Tôi đi gần đến nỗi có thể sờ đụng nàng. Đó là... Nhưng làm sao tin được rằng khối da thịt đang bốc lửa kia, gương mặt đang ngập tràn những nỗi đau khổ kia? Tuy thế tôi cũng nhận ra chiếc khăn choàng, chiếc áo khoác và cái bớt lớn màu rượu trên tay phải nàng; chính là nàng, chính là Lucie, người hầu gái.

Tôi không dám dâng hiến cho nàng nơi nương tựa, nhưng cần phải để nàng có thể cầu cứu đến khi cần: tôi đi chậm chậm qua trước mặt và nhìn nàng. Đôi mắt nàng tuy nhìn đắm đắm vào tôi nhưng dường như không thấy tôi; nàng có vẻ chưa định tĩnh lại trong cơn đau khổ. Tôi bước đi vài bước. Tôi quay lại...

Vâng, đúng là nàng, đúng là Lucie. Nhưng là một Lucie đã bị biến hình, thoát ra ngoài mình, đau khổ với một lòng quảng đại điên cuồng. Tôi thêm muốn nàng. Nàng đứng đó, thẳng người, hai tay buông thõng, như đang chờ những dấu vết ô nhục, nàng hé miệng ra, thở hào hển. Tôi có cảm tưởng những bức tường đã lớn dần lên ở mỗi góc đường, và chúng tiến lại gần nhau, còn nàng thì đang ở tận đáy một cái giếng sâu. Tôi chờ một chốc: tôi sợ nàng sẽ ngã lăn quay ra: nàng quá yếu ớt để có thể chịu đựng được nỗi đau đớn thảm khốc này. Song nàng không động đậy, nàng có vẻ đã bị biến thành khoáng vật như tất cả những gì vây quanh. Trong thoáng chốc tôi tự hỏi mình có lăm lăm về nàng không, đấy có phải là bản tính chân thật của nàng đột nhiên hiển lộ ra với tôi hay không...

Lucie thốt ra một tiếng rên nhỏ. Nàng đặt tay lên cổ họng, hai mắt mở lớn kinh

ngạc. Không, không phải từ trong nàng mà nàng rút ra được sức mạnh đau đớn như thế. Sức mạnh ấy đến với nàng từ bên ngoài... đó là đại lộ này. Phải nắm lấy vai nàng, dịu nàng ra ánh sáng, giữa đám đông, trên những con đường êm dịu và hồng tươi: ở đấy, người ta không thể nào đau khổ mãnh liệt như thế được; nàng sẽ mềm nhũn, nàng sẽ tìm lại được vẻ tích cực và mức độ thông thường của những nỗi đau khổ của mình.

Tôi xoay lưng lại. Nói cho cùng, nàng còn gặp may. Phần tôi, từ ba năm nay, tôi quá yên bình. Tôi không còn có thể nhận được gì từ những nỗi cô đơn bi thảm kia, ngoài một ít sự thuần khiết rỗng không. Tôi bỏ đi.

*Thứ năm, 2 giờ rưỡi.*

Tôi đã làm việc hai giờ liền trong phòng đọc. Tôi đi xuống sân Hypothèques để hút một tẩu thuốc. Công trường lát gạch hồng. Những người dân Bouville hãnh diện với nó, vì lẽ công trường được xây từ thế kỷ XIII. Ở ngõ vào của con đường Chamade và Suspédard, những cây sồi già ngăn đường xe chạy. Những bà mặc áo đen dẫn chó dạo chơi, dọc theo các bức tường, lướt qua dưới những vòm cây hình bán nguyệt. Hiếm khi họ đi đến chỗ có nhiều ánh sáng, song họ liếc xiên về một bên những

cái nhìn con gái vụng trộm và thỏa mãn trên pho tượng Gustave Impéraz. Chắc họ không biết tên ông khổng lồ bằng đồng nọ, nhưng họ thấy rõ rằng với bộ áo quần và tướng tá cao lớn như thế, hẳn ông ta là một dân thượng lưu. Ông đưa tay trái lên giữ nón và đặt bàn tay phải trên một chồng sách khổ giấy gấp đôi: như thế ông nội của họ đang ở đây, trên chiếc bệ đúc bằng đồng. Các bà đó không cần nhìn ông ta lâu để hiểu rằng ông cũng suy nghĩ như họ, y hệt như họ, về tất cả mọi vấn đề. Để phụng sự những ý tưởng nhỏ bé, hẹp hòi và vững chãi của họ, ông ta đã sử dụng uy quyền cùng sự thông thái rút tĩa được từ những trang sách khổ to đang bị ông dõ bẹp dưới bàn tay nặng nề. Những bà mặc y phục đen cảm thấy được an ủi, họ có thể chăm sóc nhà cửa một cách bình thản, dặt chớ đi dạo: Những ý tưởng lành mạnh, những ý tưởng tốt đẹp mà họ có từ các đảng tổ phụ, họ không còn trách nhiệm bảo vệ chúng nữa; một người bằng đồng đã đứng ra làm kẻ canh giữ chúng.

Quyển Bách khoa đại từ điển có dành vài hàng cho nhân vật này; tôi đã đọc qua vào năm ngoái. Tôi đọc quyển sách trên bục gỗ một cửa sổ; xuyên qua cửa kính, tôi có thể nhìn thấy chiếc sọ màu xanh lục của Impé-

traz. Tôi được biết ông nổi danh từ khoảng 1890. Lúc ấy ông là thanh tra Hàn lâm viện, ông vẽ những bức họa nhỏ rất tài hoa và viết ba cuốn sách: “Về dân-vọng nơi những người cổ Hy Lạp” (1887), “Khoa sử phạm của Rolin” (1891) và một bản Chúc thư bằng thơ năm 1899. Ông qua đời năm 1902, mang theo nỗi hối tiếc bùi ngùi của những người trong ngành và những kẻ sành điệu.

Tôi đi dọc theo mặt tiền của thư viện. Tôi gõ vào chiếc ống điếu đang muốn tắt. Tôi nhìn thấy một bà cụ đang sợ hãi đi ra khỏi hành lang vòng bán nguyệt và nhìn Impétraز với vẻ cứng đầu, quý quyết. Đột nhiên bà cụ bạo dạn lên, bà chạy hết tốc lực băng qua sân và ngừng lại một chốc trước pho tượng, tay mân mê hàm dưới. Đoạn bà bỏ chạy, thành một vệt đen trên lề đường màu hồng, và biến mất trong một khe hở của bức tường.

Có lẽ vào năm 1800, công trường này tràn đầy sự vui tươi, với những viên gạch màu hồng và những ngôi nhà vây quanh. Hiện tại, công trường có vẻ khô khan và xấu xí, âm thầm gây cho ta sự sợ hãi. Điều đó phát sinh từ người đàn ông trọng tuổi đang đứng nơi bệ tượng, trên cao kia. Khi đức viên đại học sĩ đó thành tượng đồng, người ta đã biến ông thành một tên phù thủy.

Tôi nhìn ngay mặt Impétraz. Ông không có mắt, lỗ mũi chỉ hơi lộ ra, một bộ râu bị gặm nhấm bởi những vết sần sùi kỳ dị, đôi khi ăn phủ lên tất cả những pho tượng trong cùng một khu, như một chứng bệnh đậu mùa. Ông đang chào; chiếc áo gi-lê vấy một vết bẩn lớn màu xanh tươi bên trái tim. Ông có vẻ ốm yếu và xấu xí. Ông không sống động, không, nhưng cũng không bất động. Một sức mạnh âm ỉ thoát ra từ nơi ông; nó như thể một ngọn gió đẩy lùi tôi: Impétraz muốn đuổi tôi ra khỏi sân Hypothèques. Tôi sẽ không bỏ đi trước khi hút xong mỗi thuốc này.

Một bóng đen cao gầy xuất hiện thành linh sau lưng. Tôi giật nảy mình.

“Xin lỗi, tôi không muốn quấy rầy ông. Tôi đã nhìn thấy môi ông động đấy. Hẳn ông đang nhấm lại những câu trong cuốn sách của mình”, y cười. “Ông đang tìm vần thơ chắc?”.

Tôi sững sờ nhìn chàng Tự Học. Song y có vẻ ngạc nhiên về sự ngạc nhiên của tôi:

“Thưa ông, ông đã biết rằng phải cẩn thận tránh làm thơ mười hai âm trong văn xuôi hay sao?”

Tôi đã hơi bị y bất kính trọng. Tôi hỏi y làm gì ở đây, vào giờ này. Y giải thích rằng người chủ cho y nghỉ việc và y đến thẳng thư

viện, y chưa ăn tối, y sẽ đọc sách cho đến khi thư viện đóng cửa. Tôi không còn nghe y nói nữa, nhưng hẳn là y vừa rời bỏ đề tài lúc ban đầu vì thỉnh linh tôi nghe:

“... có được hạnh phúc viết một cuốn sách như ông”.

Tôi cần phải nói lên một điều gì.

“Hạnh phúc...”, tôi nói bằng vẻ hoài nghi.

Y hiểu lầm ý nghĩa câu trả lời của tôi và nhanh nhẩu sửa lại:

“Thưa ông, có lẽ tôi phải nói: công lao”.

Chúng tôi leo thang lên phòng đọc. Tôi không còn muốn làm việc nữa. Một người nào đã để lại quyển *Engénie Grandet* trên bàn, quyển sách được mở ra ở trang hai mươi bảy. Tôi cầm lấy một cách máy móc, tôi bắt đầu đọc trang hai mươi bảy, đoạn, trang hai mươi tám: tôi không can đảm khởi sự bằng chỗ bắt đầu. Chàng Tự Học tiến đến những kệ sách dựa tường bằng một bước đi hăng hái; y mang về hai quyển sách và đặt trên bàn, với điệu bộ của một con chó tìm được khúc xương.

“Ông đọc gì thế?”

Dường như y không thích nói tên sách y đang đọc với tôi: y do dự một lúc, đôi mắt bối rối đảo lộn, đoạn y miễn cưỡng chìa sách cho

tôi. Đây là quyển *La tourbe et les tourbières* của Larbalétrier, và cuốn *Hitopadèsa ou l' Instruction utile* của Lastex. Sao? Tôi chẳng thấy có chi làm y lúng túng: đối với tôi, những sách đó rất đúng đắn. Để khỏi bị bứt rứt sau này, tôi lật xem qua loa cuốn *Hitopadèsa*, và tôi chỉ thấy trong ấy toàn những điều cao nhã.

*Ba giờ.*

Tôi rời quyển *Eugénie Grandet*. Tôi đã khởi sự làm việc, nhưng trong sự nản lòng. Thấy tôi viết, chàng Tự Học chăm chú quan sát tôi với một vẻ thèm thuồng đầy tôn kính. Thỉnh thoảng, tôi hơi ngẩng đầu lên, tôi nhìn thấy chiếc cổ áo giả to lớn thẳng đơ, từ đấy lộ ra chiếc cổ khăng khiu của y. Y vận bộ âu phục xơ sần song màu vải còn trắng tinh. Trên cùng kệ sách, y vừa lấy ra một quyển sách khác, mà tôi đọc được cái tựa ở tư thế đảo ngược: *La Flèche de Caudabec*, ký sự Normandie, của cô Julie Lavergne. Những sách đọc của chàng Tự Học luôn làm tôi sững sốt, bối rối.

Đồng một loạt, những tên tác giả mà y tham khảo lại hiện ra trong trí nhớ của tôi: Lambert, Langlois, Larbalétrier, Lastex, Lavergne. Như một thoáng linh cảm, tôi đã

hiếu phương pháp của chàng Tự Học: y tự học hỏi theo thứ tự các mẫu tự.

Tôi nhìn ngắm y với một thứ tình cảm ngưỡng phục. Y há không sử dụng đến một ý chí sắt đá vô biên để thực hiện một cách chậm chạp, kiên quyết, một chương trình rộng lớn dường kia? Một ngày nọ, cách đây bảy năm (y đã bảo với tôi y học hỏi nghiên cứu từ bảy năm nay) y đã trang trọng đi vào phòng này. Y đã lướt nhìn qua vô khối cuốn sách đang phủ kín các bức tường, và hẳn y đã nói, gần như Rastignac: “Chỉ hai chúng ta thôi, hỡi nàng Khoa học nhân văn”. Đoạn y đi đến lấy quyển sách thứ nhất, ở trên kệ thứ nhất, phía cực hữu; y mở trang sách đầu tiên ra với một tình cảm tôn kính và sợ hãi, dính liền với một quyết định không gì lay chuyển nổi. Ngày hôm nay, y đã đọc đến vần L, K sau J, L sau K. Y đã chuyển bước tàn bạo từ sự nghiên cứu những loài bọ tiêu sí đến sự nghiên cứu học thuyết lượng tử, từ một tác phẩm viết về Tamerlan đến một bài văn phúng thích của Ky-tô giáo chống lại thuyết Darwin: không có giây phút nào y bị rối loạn. Y đã đọc qua mọi sách, y đã tích trữ trong đầu phân nửa những gì người ta biết được về hiện tượng đơn tính sinh dục, phân nửa những chứng lý chống lại sự giải phẫu cơ thể

sinh vật. Trước y, sau y, là cả một vũ trụ. Và đang tiến gần đến ngày mà, gấp quyển sách cuối cùng ở chiếc kệ cuối cùng, tận cùng bên trái, y tự bảo mình: “Và bây giờ?”.

Đang giờ quà chiều của y, y ăn bánh mì và một thỏi Sô-cô-la Gala Peter, với một vé ngày thơ. Mí mắt của y đã hạ thấp xuống và tôi có thể mặc tình chiêm ngưỡng đôi hàng lông mi cong đẹp – thứ lông mi của phụ nữ. Từ người y bốc ra mùi vị thuốc lá cũ trộn lẫn mùi thơm dịu của Sô-cô-la , khi y thở.

*Thứ sáu, 3 giờ.*

Suýt chút nữa tôi rơi vào cạm bẫy của chiếc gương soi mặt. Tôi tránh nó, nhưng là để rơi vào bẫy của chiếc cửa kính. Nhàn rỗi, hai tay buông thõng, tôi bước đến gần cửa sổ. Con Đường, Hàng Rào, Nhà Ga Cũ – Nhà Ga Cũ, Hàng Rào, Con Đường. Tôi ngáp quá mạnh đến nỗi một giọt nước mắt trào lên. Tôi cầm chiếc ống điếu bên tay phải và hộp thuốc bên tay trái. Phái nhồi thuốc vào ống điếu. Song tôi không có can đảm làm thế. Hai tay buông thõng, tôi tựa trán vào tấm kính cửa. Người đàn bà kia làm tôi bức dọc. Bà chạy lúp xúp với sự ương ngạnh gàn bướng, đôi mắt trầm ngâm. Đôi khi bà ngừng lại với vẻ khiếp hãi, như thể một nỗi nguy hiểm vô

hình đang lướt chạm qua. Bà ta kia kia, dưới cửa sổ tôi đang đứng, gió dấn sát váy bà vào đầu gối. Bà ngừng lại, vuốt chiếc khăn choàng cho ngay ngắn. Hai tay bà run run. Bà lại bước đi: bây giờ, tôi nhìn thấy bà từ phía sau. Đồ một đất già nua! Tôi giả sử bà ta sẽ rẽ phía trái trên đại lộ Victor Noir. Nếu thế, bà phải chạy qua chừng một trăm thước nữa: từ chiếc xe lửa bà đi, bà phải mất trọn mười phút, mười phút trong đó tôi sẽ như thế này đây, đứng nhìn bà, trán dấn vào cửa kính. Bà ta sắp sửa ngừng lại đến hai mươi lần, lại đi, dừng lại...

Tôi *nhìn thấy* tương lai. Nó đấy, nó được bài trí ra trên đường, hơi xanh xao hơn hiện tại chút đỉnh. Nó cần gì để tự thể hiện? Điều đó sẽ ban thêm cho nó gì? Người đàn bà xa dần trong bước chân khập khiễng, bà ta ngừng lại, vén lọn tóc màu xám vừa xổ tung ra khỏi chiếc khăn choàng. Bà bước đi, bà ở kia, bây giờ bà đang ở đây... tôi bối rối hết sức: có phải tôi đang *nhìn thấy* những cử động kia, có phải tôi đang *thấy trước* những cử động đó? Tôi không còn phân biệt được hiện tại với quá khứ nữa; tuy nhiên tình trạng ấy kéo dài, tình trạng ấy được thể hiện dần dần; người đàn bà tiến bước trên con đường hoang bóng người: bà di động đôi giày đàn

ông to lớn của mình. Đấy, đấy là thời gian, thời gian trơ trụi, nó đến chậm rãi với cuộc hiện sinh, nó làm người ta chờ đợi và khi nó đến, người ta đâm ra phiền tởm vì nhận ra rằng nó đã hiện hữu ở đấy từ lâu rồi. Người đàn bà tiến đến gần góc đường, bây giờ chỉ còn lại như một đồng nhỏ vải đen. Vâng, vâng, đó là điều mới mẻ, tôi rất muốn thế, quả thật lúc này đây bà ta không có ở đấy. Song đó là một thứ mới mẻ ám đục, một thứ mới mẻ đã bị lấy mất đi vẻ thanh tân, và không bao giờ có thể làm người ta kinh ngạc. Bà ta sắp sửa rẽ ở góc đường, bà ta rẽ vào – trong một thời gian miên viễn.

Tôi rời khỏi cửa sổ và đi suốt qua căn phòng, thân hình xiêu vẹo; tôi mắc cứng vào tấm gương, tôi nhìn mình, tôi kinh tởm mình: cũng lại một thời gian miên viễn nữa. Sau cùng, tôi thoát ra khỏi hình ảnh tôi và đến ngả lưng trên giường. Tôi nhìn lên trần nhà, tôi muốn ngủ.

Yên bình. Yên bình. Tôi không còn cảm nghiệm nữa trạng thái lướt trôi, những cơn lướt chậm của thời gian. Tôi nhìn thấy những hình ảnh trên trần nhà. Trước hết là những vòng tròn sáng, kế đến là những dấu thập ác. Chúng chạy loạn xạ vào nhau. Rồi tiếp đến, một hình ảnh khác được tạo thành; ở sâu

trong mắt tôi, hình ảnh ấy. Một con thú to lớn quỳ trên đất. Tôi nhìn thấy hai chân trước và chiếc yên của nó. Phần lớn lại bị vây phủ trong sương mù. Tuy thế, tôi nhận ngay ra: đây là một con lạc đà bị buộc vào một tảng đá, tôi đã gặp tại Marrakech. Con thú quỳ xuống và đứng thẳng dậy liên tiếp sáu lần; các cậu bé cười rộ la hét khích lệ con vật.

Chỉ mới cách đây hai năm thôi, thật là kỳ diệu: tôi chỉ cần khép mắt lại là lập tức đầu tôi dấy lên tiếng kêu rì rầm như một bông ong; tôi nhìn thấy lại những khuôn mặt, những cây cối, những ngôi nhà, một người đàn bà Nhật Kamaishi tắm khóa thân trong một chiếc thùng lớn, một người Nga nằm chết và bị khô kiệt vì một vết thương lớn sâu hoắm, bao nhiêu máu trên người chảy tuôn ra. Tôi ngửi lại được mùi vị món couscuss<sup>(1)</sup>, mùi dầu nhớt tràn ngập các đường phố Burgos vào giữa trưa, mùi hương tiểu hồi bênh bồng trên các đường phố Tetuan, những tiếng còi của những người mục phu Hy Lạp; tôi xúc động. Từ rất lâu, niềm vui đó đã bị hao mòn, cùn nhut. Hôm nay chúng sẽ sống trở lại chăng?

Trong đầu tôi, một mặt trời nóng bức lướt vút qua, như tấm gương nơi chiếc đèn

---

1. Món ăn A-rập nấu bằng thịt với bột gạo hay bột kê (DG.).

chiếu ánh. Tiếp theo là một mảng trời xanh lơ; sau vài lay động, mặt trời đứng yên; tôi hoàn toàn bị nhuộm vàng bên trong.

Vào cái ngày lưu trú nào tại Maroc (hay Algérie? Hay Syrie?) về rực rỡ chói lọi đột nhiên nổi bật hẳn lên? Tôi tự buông mình chảy trôi, ngập chìm trong quá khứ.

Meknès. Gã sơn dân đã làm chúng tôi sợ hãi trên một con phố nhỏ, giữa thánh đường Hồi giáo Berdaine và cái công trường duyên dáng rợp bóng mát của một cây dâu, gã ta như thế nào? Gã tiến đến gần chúng tôi, còn Anny lúc đó ở bên phải tôi. Hay là bên trái?

Mặt trời và bầu trời xanh lơ nọ chỉ là sự lừa dối. Đây là lần thứ một trăm mà tôi để mình sa bẫy. Những hoài niệm của tôi tựa như những đồng tiền xưa trong túi vải quý sứ: khi mở túi ra, người ta chỉ gặp những chiếc lá khô.

Về gã sơn dân, tôi chỉ còn thấy được một con mắt lớn võ tung, đục như sữa. Cả hai con mắt ấy nữa, có chắc nó thuộc về chính anh ta hay không? Viên y sĩ thuyết trình cho tôi nghe nguyên tắc của những viện phá thai quốc gia, tại Bakou, cũng là người chột mắt, và khi tôi muốn nhớ lại khuôn mặt ông, cái

hốc tròn màu trắng đục đó cũng lại hiện ra. Như những nữ thần Nornes trong thần thoại, hai người trên đều chỉ có một con mắt mà họ luân phiên giao chuyển cho nhau.

Đối với cái công trình nọ ở Meknès, nơi mà mỗi ngày tôi đều đến đó, thì sự việc còn đơn giản hơn: tôi tuyệt chẳng hề nhớ lại. Chỉ còn lại trong tôi cái cảm thức mơ hồ rằng công trường ấy xinh đẹp lắm, và năm chữ nối liền nhau chặt chẽ: công-trường-xinh-đẹp-Meknès. Hiển nhiên, nếu nhắm mắt lại hay nếu nhìn đắm đuối mơ hồ vào trần nhà, tôi có thể tái dựng lại khung cảnh ấy: một cây to ở đằng xa, một hình thể mờ mịt và vạm vỡ chạy xô đến tôi. Song tôi đang bày đặt những thứ đó ra vì những nhu cầu cần thiết. Người Ma Rốc ấy cao lớn và lạnh lùng, và lại tôi chỉ nhìn thấy y khi y chạm phải tôi. Như thế tôi còn *biết được* rằng y cao lớn và lạnh lùng: một vài hiểu biết được thu gọn lại vẫn tồn tại trong ký ức tôi. Song tôi không còn *nhìn thấy* gì nữa cả: tôi hoài công lục soạn quá khứ... và chỉ rút ra được những mẩu vụn hình ảnh còn rơi rớt lại và tôi không biết rõ chúng biểu tượng cho cái gì, cũng không biết chúng có phải là những hoài niệm hay chỉ là những điều giả tưởng.

Ngoài ra, có rất nhiều trường hợp trong đó cả những hình ảnh ít ỏi nọ cũng tan biến

mất: chỉ còn lại những từ ngữ: tôi còn có thể thuật lại những câu chuyện, thuật lại rất rành rọt là khác (về môn kể chuyện vật này tôi không ngán bất cứ ai, trừ những sĩ quan hàng hải và những tay chuyên nghiệp), song đây chỉ là những bộ xương khô khảnh. Trong những câu chuyện đó, có một gã làm cái này cái nọ, song đây không phải là tôi, tôi chẳng có gì giống y. Y dạo chơi trên những xứ miền mà chính tôi cũng chẳng biết gì hơn nếu như chưa từng có lần ngụ tại đó. Đôi khi, trong lúc kể chuyện tôi lại xướng lên những cái tên thơ mộng người ta đọc thấy trong các tập sách địa đồ, Aranjuez hay Canterbury. Chúng làm nảy sinh trong tôi những hình ảnh hoàn toàn mới mẻ, tựa hồ các hình ảnh mà những người chưa từng đi du lịch lần nào tạo ra về chúng, sau khi đọc xong: tôi mơ mộng trên những từ ngữ, chỉ có thế.

Tuy thế, trong số những câu chuyện chết khô kia, cũng còn một hay hai chuyện sống động. Những câu chuyện đó đôi khi tôi gọi lại với lòng cẩn trọng, nhưng không thường xuyên lắm, e rằng sẽ làm hao mòn chúng đi một ít. Tôi nắm bắt lấy một chuyện, tôi nhìn thấy lại bối cảnh, những nhân vật, những thái độ. Đột nhiên, tôi dừng lại: tôi đã cảm thấy có một sự hao mòn tàn tạ, tôi đã

nhìn thấy một chữ chớm mọc lên dưới dòng giao luan của những cảm giác. Chữ đó, tôi tiên đoán chẳng mấy chốc sẽ thay thế cho nhiều hình ảnh mà tôi yêu thích. Ngay khi dừng lại, tôi liền nghĩ sang một chuyện khác; tôi không muốn làm khô cạn những hoài niệm của mình. Song vô ích, lần sau khi gọi lại những hoài niệm ấy, phần lớn hoài niệm sẽ đông cứng lại.

Tôi phác một cử chỉ mơ hồ để đứng dậy đi tìm những tấm ảnh tôi chụp tại Meknès, trong chiếc thùng tôi đã đẩy xuống gầm bàn. Nào có ích gì? Những loại kích thích ấy chẳng còn hiệu quả đối với ký ức của tôi nữa. Có một hôm tôi đã bắt gặp một tấm ảnh nhỏ nhạt màu dưới một tờ giấy thâm. Một người đàn bà đang mỉm cười, đứng bên một vụng biển. Tôi ngấm nhìn con người đó trong một lúc, song không nhận ra nàng là ai. Đoạn, tôi đã đọc được ở mặt sau tấm ảnh: "Anny, Portsmouth, 7 tháng tư 27".

Chẳng bao giờ hơn hôm nay tôi cảm thức mạnh mẽ rằng tôi không có những chiều hướng bí mật, và luôn bị giới hạn vào thân thể của mình, vào những tư tưởng nhẹ bồng sủi lên từ thân thể đó như những bọt nước. Tôi kiến tạo những hoài niệm bằng hiện tại của tôi. Tôi bị vút lại, bị bỏ rơi trong hiện tại.

Còn quá khứ, tôi đã gắng công vô ích để bắt gặp lại nó: tôi không thể thoát ra khỏi tôi được.

Có ai gọi cửa: chàng Tự Học. Tôi đã quên bẵng đi mất. Tôi đã hứa sẽ cho y xem những bức ảnh du lịch của tôi. Cầu cho ma bắt y đi.

Y ngồi trên một chiếc ghế dựa; đôi mông căng thẳng chạm vào lưng ghế và nửa thân trên thẳng đơ nghiêng về đằng trước. Tôi nhảy xuống giường, bật đèn lên:

“Không phải để xem các bức ảnh...”

Tôi nhấc lấy chiếc nón mà y lúng túng không biết đặt đâu.

“Thật sao, thưa ông? Ông vui lòng cho tôi xem chúng à?”

“Cố nhiên”.

Đấy là một sự tính toán: tôi hy vọng y sẽ cảm mềm lại, khi y nhìn các bức ảnh. Tôi chui mình xuống gầm bàn đẩy chiếc thùng tựa vào đôi giày bóng loáng của y, tôi đặt trên đầu gối y một mớ bưu ảnh và ảnh chụp: Tây Ban Nha và Ma Rốc thuộc Tây Ban Nha.

Nhưng, bằng vào vẻ mặt tươi cười và cời mở cửa y, tôi thấy rõ mình đã lầm to khi định bắt y im lặng, y nhìn thoáng qua một tấm ảnh chụp phong cảnh Saint-Sébastien nhìn từ

ngọn Iguelpo, thận trọng đặt trả lại trên bàn và im lặng một chốc. Đoạn y than thở:

“A! Thưa ông, ông may mắn thật. Nếu lời người ta bảo là đúng, thì quả thật những cuộc du lịch là những trường học tốt nhất cho con người. Ông đồng ý với tôi chứ?”.

Tôi phác một cử chỉ mơ hồ. May mắn thay, y chưa nói dứt.

“Đấy hẳn là một rối loạn ghê gớm lắm. Nếu có khi nào phải đi du lịch, thì trước khi đi, tôi muốn ghi lại tất cả những nét nhỏ nhất nhất trong tính tình mình để khi trở về, có thể so sánh con người của tôi lúc trước và con người mà tôi đã trở thành. Tôi đã đọc trong sách thấy nói có những người đi du lịch đã thay đổi kinh khủng về mặt thể xác lẫn tinh thần, đến đôi khi về lại quê hương, những người thân thuộc nhất cũng không nhận ra được họ”.

Y lơ đãng mân mê một gói ảnh lớn. Y lấy ra một tấm ảnh và đặt trên bàn song không nhìn vào; đoạn y nhìn thật chăm chú bức ảnh kẻ đó, chụp ông thánh Jérôme, khắc trên một chiếc ghế tại giáo đường Burgos.

“Ông có thấy đức Ky-tô bằng da thú này tại Burgos rồi chứ? Thưa ông, có một cuốn sách lạ lùng về những pho tượng bằng da thú này và cả bằng da người nữa. Còn pho tượng

Thánh nữ Đồng Trinh màu đen này? Không phải ở Burgos? Ở Saragosse chắc? Nhưng có lẽ có một pho tượng như thế ở Burgos chứ? Những người hành hương đến ôm hôn pho tượng, phải thế không? – Tôi muốn nói: pho tượng ở Saragosse. Và còn có dấu chân của Thánh nữ trên một viên đá lát chứ? Ai ở trong một cái lỗ? Chỗ các bà mẹ sinh con?”.

Thân thể thẳng đơ, y dùng hai tay sinh ra một đứa bé tưởng tượng. Như thế y đang từ khước những lễ vật của Artaxerxès, hoàng đế Ba Tư.

“A! Những phong tục, thật... thật kỳ lạ, ông ạ”.

Hơi thở dốc ra, y vênh chiếc hàm lửa to lớn của y về phía tôi. Từ thân thể y bốc ra mùi thuốc lá và nước tù. Đôi mắt đẹp lạc lõng của y chói sáng như những trái cầu lửa và bộ tóc lửa thừa đóng quăng lấy chiếc sọ đầy hơi nước đọng. Dưới chiếc sọ đó, những người Samoyètes, những người Nyams-Nyams, Malgachens, Fuégies, cử hành những nghi lễ kỳ dị nhất, ăn thịt những ông bố già, ăn thịt con, xoay tròn quanh mình theo điệu trống dập dồn cho đến khi bất tỉnh say mê cuồng loạn, hỏa thiêu những người chết, đặt thi thể họ trên mái nhà, bỏ thi thể trôi theo dòng nước trên một chiếc thuyền thấp sáng bằng một

ngọn đuốc, giao hoan nhau theo sự tình cờ, mẹ với con trai, cha với con gái, anh với em, tự huỷ hoại thân thể, tự thiến hoạn, tự căng môi bằng những chiếc đĩa, chạm trổ những con thú quái dị trên thắt lưng.

Người ta có thể nói cùng với Pascal, rằng phong tục là bản tính thứ hai của con người không, thưa ông?"

Y dán chặt đôi mắt đen láy vào mắt tôi, khẩn nài một câu trả lời.

"Cái đó cũng tùy", tôi bảo.

Y thở ra.

"Đấy cũng là điều tôi tự nhủ, ông ạ. Song tôi còn nghi ngờ mình lắm; cần phải đọc hết mọi thứ".

Nhưng, khi lật sang bức ảnh kế tiếp, thì quả là một cơn mê sảng cuồng loạn, y bật kêu lên một tiếng vui mừng.

"Ségovie! Ségovie! A, tôi có đọc một quyển sách về Ségovie".

Y nói thêm với vẻ trang nhã:

"Thưa ông, tôi chẳng còn nhớ tên tác giả cuốn sách đó nữa. Đôi khi, tôi hơi lãng trí. N... No... Nod..."

"Không thể nhớ lại được đâu, tôi nóng nảy bảo y, ông chỉ mới đọc đến Lavergne..."

Sau đó, tôi đâm ra hối tiếc ngay câu nói của mình: dù sao thì y cũng chẳng hề nói cho tôi biết về cái phương pháp đọc sách nọ của y; đấy hẳn là một nỗi đam mê bí mật. Quả thế, y mất bình tĩnh và đôi môi dày trề ra như mếu máo. Đoạn y cúi đầu xuống và nhìn cả lối hình mà không thốt nên tiếng nào.

Nhưng, tôi thấy rõ rằng, trong vòng ba mươi giây, một cơn kích động mạnh mẽ căng cứng người y và y sẽ vỡ tan nếu không mở miệng:

“Khi tôi học xong (tôi còn định dành sáu năm nữa cho việc học), nếu được thì tôi sẽ đi theo các sinh viên và các giáo sư thực hiện một cuộc du khảo thường niên ở miền Cận Đông. Tôi muốn xác định cho rõ một vài kiến thức thu thập được, y nói bằng giọng trầm trầm, và tôi cũng thích xảy đến cho tôi những điều bất ngờ, mới mẻ, nói tóm lại là những cuộc phiêu lưu”.

Y đã hạ thấp giọng và mặt lộ vẻ ranh mãnh.

“Loại phiêu lưu nào?” tôi ngạc nhiên hỏi y.

“Đủ mọi loại, ông ạ. Mình đáp lăm tàu hỏa. Mình đặt chân xuống một thành phố xa lạ. Hoặc bị mất ví, bị bắt giữ do sự lầm lẫn

của nhà chức trách, ngủ qua đêm trong nhà giam. Thưa ông, tôi tưởng người ta có thể định nghĩa cho một cuộc phiêu lưu: đấy là một biến cố vượt ngoài thông lệ, song không có vẻ phi thường lắm. Người ta có nói đến sức cảm dỗ của những cuộc phiêu lưu. Kiểu nói này, theo ông, có chính xác không? Tôi muốn đặt cho ông một câu hỏi, ông ạ”.

“Câu hỏi gì thế?”

Y đỏ mặt, mỉm cười.

“Có thể là quá thóc mách...”

“Ông cứ nói đi”.

Y nghiêng người về phía tôi và hỏi, đôi mắt nửa nhắm nửa mở:

“Hắn ông đã trải qua nhiều cuộc phiêu lưu rồi chứ?”

Tôi trả lời một cách máy móc:

“Một vài” và ngã người ra phía sau, để tránh hơi thở hơi hám của y. Vâng, tôi đã nói ra điều ấy một cách máy móc mà không nghĩ đến nó. Quả thế, thường thì tôi hãnh diện vì đã có nhiều cuộc phiêu lưu như thế. Song hôm nay, vừa thốt ra những chữ này, tôi lại đâm ra giận dữ với chính mình: tưởng như tôi đang nói dối, như thể tôi chẳng hề có lấy một cuộc phiêu lưu nhỏ nhất nào trong suốt đời

mình, hay đúng hơn, tôi không còn biết rõ từ ngữ “phiêu lưu” có nghĩa gì nữa. Đồng lúc, trĩu nặng trên vai tôi cùng một nỗi chán nản đã xâm chiếm tâm hồn tôi tại Hà Nội, cách đây gần bốn năm, khi Mercier hối thúc tôi đến gặp anh và tôi nhìn đắm đắm vào pho tượng nhỏ Cao Miên, không trả lời. Và Ý Tưởng đang hiện hữu, tại đây, cái khối lớn trắng đã làm tôi kinh tởm vào lúc ấy, tôi đã chẳng hề nhìn thấy lại từ bốn năm nay.

“Tôi có thể nào xin ông...”, chàng Tự Học hỏi.

Mẹ! Kể cho hắn nghe một trong những cuộc phiêu lưu tuyệt diệu nọ chứ gì. Song tôi chẳng còn muốn nói một lời nào nữa về chuyện này.

“Đấy, đấy là Santillane, ngôi làng xinh đẹp nhất Tây Ban Nha”, nghiêng mình xuống trên đôi vai nhỏ bé của y và chỉ tay vào một tấm ảnh, tôi bảo:

“Làng Santillane của Gil Blas? Tôi lại không tin rằng nó có trên quả đất này chứ. Ồ! Thưa ông, cuộc đàm thoại với ông thật bổ ích. Người ta thấy rõ rằng ông đã du lịch nhiều”.

Tôi tổng xuất chàng Tự Học, sau khi đã nhét đầy túi y những bưu thiếp, những bức chạm và những tấm ảnh. Y ra về trong hoan

hỉ và tôi tắt đèn. Bây giờ, tôi một mình. Nhưng không hoàn toàn một mình. Hãy còn có cái ý tưởng nọ đang chờ đợi, trước mặt tôi. Nó đã co tròn lại, nó đang hiện diện ở đó như một con mèo to lớn; nó chẳng hề giải thích, cũng chẳng động đậy và bằng lòng trong việc nói lên tiếng “không”. Không, trước nay tôi đã chẳng hề có cuộc phiêu lưu nào cả.

Tôi nhồi thuốc vào ống vố, châm lửa, đoạn đến nằm dài trên giường, đắp chân bằng chiếc áo khoác. Điều này làm tôi kinh ngạc là cảm thấy mình buồn bã và chán nản mỗi một đến thế. Ngay cả khi, quả thật tôi đã chẳng từng dự vào cuộc phiêu lưu nào đi nữa, điều ấy có thể có tác động gì đến tôi cơ chứ? Thoạt tiên, đối với tôi, dường như đấy chỉ là vấn đề thuần túy từ ngữ. Chẳng hạn, cái vụ ở Meknès mà tôi vừa nghĩ đến: một anh chàng Ma Rốc nhảy bổ vào tôi và muốn hạ tôi bằng dao con chó, cõ bự. Song tôi đã tổng cho y một quả đấm trúng ngay dưới thái dương... Lúc ấy, y khởi sự kêu lên bằng tiếng Ả Rập và một tốp người nghèo đói hiện ra, đuổi theo chúng tôi đến tận chợ Attarin. Ủ, người ta có thể gọi biến cố đó bằng bất cứ tên gì, song, dù thế nào đi nữa, đấy cũng là một biến cố *đã xảy đến cho Tôi*.

Trời tối đen như mực và tôi không biết chắc ống điếu của tôi đã được đốt lên chưa.

Một chuyến tàu điện băng ngang qua: lần chợp mắt trên trần. Kế tiếp là một chiếc xe hạng nặng làm rung chuyển ngôi nhà. Hẳn bây giờ là sáu giờ.

Tôi đã chẳng qua một cuộc phiêu lưu nào. Đã xảy đến trong đời tôi những câu chuyện, những biến cố, những việc rắc rối đột nhiên, tất cả những gì người ta muốn. Nhưng không có những cuộc phiêu lưu. Đấy không phải là một vấn đề từ ngữ; tôi đang bắt đầu hiểu rõ. Có một cái gì đó được tôi xem trọng hơn tất cả mọi cái khác – nhưng không hiểu nó là cái gì. Đấy không phải là tình yêu, Thượng đế, không, cũng chẳng phải sự vinh quang, sự giàu có. Đấy là... Rốt cuộc, tôi đã tưởng tượng ra rằng vào một vài lúc nào đó, cuộc đời tôi có thể mang một tính chất lạ thường và quý báu. Không cần đến những trường hợp phi thường: tôi chỉ đòi hỏi một chút nghiêm mật. Cuộc đời hiện tại của tôi chẳng có chi là rục rờ quá mức: song thỉnh thoảng, chẳng hạn khi người ta chơi nhạc trong quán cà phê, tôi lại thả hồn về dĩ vãng và tự bảo mình: hồi trước tại Luân Đôn, tại Meknès, Đông Kinh, mình đã biết đến những giây phút tuyệt vời, mình đã có những cuộc phiêu lưu. Hiện tại, đấy là điều người ta đã

thu đoạt mất của tôi. Một cách đột nhiên và không lý do rõ ràng, tôi vừa biết được rằng mình đã nói dối ròn rã suốt mười năm nay. Những cuộc phiêu lưu chỉ có trong các sách vở. Và cố nhiên, tất cả những gì được thuật lại trong sách đều có thể thành sự thật, nhưng không theo cùng một kiểu như nhau. Chính cái kiểu cách trở thành đó là điều tôi lưu tâm mạnh mẽ.

Trước hết, những khởi đầu phải thực sự là những khởi đầu. Hỡi ôi! Bây giờ tôi đã thấy quá rõ điều tôi muốn. Những khởi đầu thực sự, xuất hiện như một hồi kèn rên rĩ, như những âm điệu đầu tiên của một bản nhạc jazz, đột ngột, cắt đứt gọn sự phiền muộn, làm cho kiên cố thêm cái kỳ gian nọ; những buổi chiều trong số những buổi chiều kể đó người ta nói về nó như sau: "Tôi đã dạo chơi suốt buổi, đây là một buổi chiều tháng năm". Người ta dạo chơi, mặt trăng vừa lộ dạng, người ta rồi rảnh, thiếu vắng, hơi trống rỗng một ít trong hồn. Và rồi, đột nhiên, người ta nghĩ: "Một điều gì đó đang xảy đến". Bất cứ điều gì: một tiếng lay động nhẹ trong bóng tối, một chiếc bóng nhẹ nhàng đang băng qua đường. Song cái biến cố mỏng manh ấy không giống với những biến cố khác: ngay tức khắc,

người ta nhận ra rằng nó xuất hiện trước một hình thể lớn mà bản phác họa đang còn chìm ngập trong sương mù và người ta cũng tự bảo mình: “Một điều gì đó đang khởi sự”.

Một điều gì đó đang khởi sự để chấm dứt: cuộc phiêu lưu không để cho được nổi dài thêm: nó chỉ có ý nghĩa do cái chết của mình. Hướng về cái chết đó, có lẽ cũng sẽ là cái chết của chính tôi, tôi bị kéo lôi đi biệt. Mỗi một khoảnh khắc chỉ xuất hiện để đưa dẫn những khoảnh khắc tiếp theo sau. Tôi đem hết lòng mình nâng niu từng khoảnh khắc: tôi biết rằng mỗi khoảnh khắc là độc nhất; không thể thay thế được – và tuy thế tôi sẽ không làm một cử chỉ nào để ngăn cản nó tan biến vào hư vô. Cái giây phút cuối cùng tôi sống qua – ở Bá Linh, ở Luân Đôn – trong vòng tay người đàn bà tình cờ gặp gỡ vào ngày hôm trước – cái giây phút mà tôi yêu quý cuồng nhiệt, người đàn bà mà tôi gần thương yêu – cái giây phút đó sẽ chấm dứt, tôi biết rõ thế. Chốc nữa đây, tôi sẽ khởi hành sang một xứ miền khác. Tôi sẽ không tìm lại được người đàn bà nọ cũng như sẽ vĩnh viễn chẳng gặp lại được buổi tối kia. Tôi cúi mình trên mỗi phút giây, tôi cố tâm sống cho cùng kiệt, chẳng có gì xảy ra mà tôi không nắm bắt, không lưu định vĩnh viễn trong hồn,

chẳng có gì, cả vẻ trù mẩn thoáng qua trên đôi mắt đẹp nọ, cả những tiếng động trên đường phố, cả vẻ rực sáng lơ mờ giả tạo của ngày vừa chớm: tuy thế, giây phút ấy vẫn trôi qua và tôi không níu giữ nó lại, tôi thích nó cứ trôi đi.

Rồi đột nhiên một cái gì đó rạn vỡ rõ rệt. Cuộc phiêu lưu đã kết thúc, thời gian lấy lại vẻ mềm nhão thường ngày. Tôi quay trở lui; đằng sau tôi, cái hình thể xinh đẹp du dương nọ hoàn toàn chìm ngập vào quá khứ. Nó thu giảm lại; trong khi tàn灭, nó co rút vào, và giờ đây, sự chấm dứt nhập làm một với lúc khởi đầu. Đôi mắt nhìn theo cái tụ điểm vô giá ấy, tôi nghĩ rằng – ngay cả khi phải chết đi, phải mất đi cả một gia tài, một người bạn – tôi sẽ chấp nhận sống lại tất cả, trong cùng những trường hợp, từ đầu đến cuối. Nhưng một cuộc phiêu lưu không bao giờ khởi đầu lại, cũng chẳng kéo dài.

Vâng, đấy chính là điều tôi đã ước muốn – hỡi ôi! Đấy cũng lại là điều tôi đang còn ước muốn nữa trong lúc này. Tôi đã hạnh phúc tràn đầy khi một người nữ ca sĩ da đen cất lên tiếng hát: còn có đỉnh cao nào tôi chẳng hề vươn tới, nếu như *chính đời sống riêng tư của tôi* lại làm chất liệu cho hòa điệu du dương nọ? Ý tưởng vẫn luôn luôn hiện hữu

tại đây, cái bất khả định danh. Nó đang thanh thản đợi chờ: giờ đây, nó có vẻ muốn bảo tôi:

“Sao? Đây chính là điều người đã ước muốn? Đây lại đúng là điều người chẳng hề có bao giờ (người hãy nhớ lại xem: người đã tự lừa gạt mình bằng chữ nghĩa, người đã gọi là cuộc phiêu lưu cái vẻ hào nhoáng bên ngoài của cuộc du lịch, tình yêu của các nàng thiếu nữ, những cuộc đấu đá, những đồ vật thủy tinh) và đây chính là điều người sẽ chẳng bao giờ có được – cũng như bất cứ kẻ nào khác ngoài người.”

Nhưng tại sao? Tại Sao?

*Trưa thứ bảy.*

Chàng Tự Học không nhìn thấy tôi đi vào trong phòng đọc. Y ngồi tận cuối bàn trong cùmg; trước mặt có đặt một cuốn sách, song y không đọc. Y mỉm cười nhìn người đọc giả ngồi cạnh tay mặt, một cậu học sinh dơ dáy, năng đến thư viện. Cậu nọ để yên cho y nhìn ngắm một hồi, rồi đột nhiên lè lưỡi ra nhạo báng, vừa làm bộ nhăn nhó khùng khiếp. Chàng Tự Học đỏ mặt. Y vội cúi mũi vào sách và sau đó đọc mê man.

Tôi đã trở lại với những suy tư ngày hôm qua. Tôi hoàn toàn đứng đưng: không có được những cuộc phiêu lưu trong quá khứ, điều ấy tôi chẳng cần. Tôi chỉ tò mò muốn tìm biết xem có phải *không thể* nào có được những cuộc phiêu lưu đó trong quá khứ hay không.

Đây là điều tôi đã suy tư: muốn cho một biến cố tầm thường nhất trở nên một cuộc phiêu lưu, phải cần và chỉ cần người ta bắt đầu *thuật lại* nó. Đây là điều đối gạt thiên hạ: một con người luôn luôn là một kẻ kể lại những câu chuyện, y sống trong sự vây phủ chung quanh bởi những câu chuyện của y và của những người khác, y nhìn tất cả những gì đang xảy đến cho mình xuyên qua chúng, và y tìm cách sống đời sống mình như thể y đã thuật nó lại cho người khác.

Nhưng phải chọn lựa: sống hay là thuật lại đời sống. Chẳng hạn khi tôi ở Hambourg với cô nàng Erna, người tôi không tin cậy và sợ hãi tôi, tôi đã hiện hữu một cách kỳ quặc. Song tôi đang ở trong cuộc, tôi đã không suy nghĩ gì đến điều đó. Rồi một buổi chiều, trong một quán cà phê nhỏ tên là San Pauli, nàng rời tôi để vào phòng rửa mặt. Tôi còn lại một mình, chiếc máy hát đang chơi bản *Blue Sky*. Tôi khởi sự thuật lại cho mình nghe những gì đã xảy ra kể từ khi tôi bị đẩy vào cuộc. Tôi

đã tự bảo: “Buổi chiều ngày thứ ba, khi bước vào khiêu vũ trường *Grott Bleue*, tôi đã chú ý đến một thiếu phụ to lớn gần như say khướt. Và thiếu phụ nọ, chính là kẻ tôi đang chờ đợi vào ngay lúc này, đang khi nghe bản *Blue Sky*, và nàng sẽ trở lại ngồi vào bên phải, choàng tay ôm lấy cổ tôi”. Lúc bấy giờ, tôi đã cảm thức mãnh liệt rằng mình đang có một cuộc phiêu lưu. Nhưng Erna đã trở lại, nàng đã ngồi xuống cạnh tôi, vòng tay ôm quấn lấy cổ tôi và tôi đã ghét giận nàng mà không biết rõ vì sao. Giờ đây, tôi hiểu rõ: đấy là vì tôi phải khởi sự sống trở lại, và ấn tượng về cuộc phiêu lưu tan biến ngay tức khắc.

Khi người ta sống, chẳng có gì xảy đến. Những bối cảnh thay đổi, người người đi ra đi vào, chỉ có thế. Không bao giờ có những lúc khởi đầu. Ngày tháng nối tiếp ngày tháng, không tiết điệu, không lý do, đấy là một con toán cộng bất tận và đơn điệu, buồn nản. Thỉnh thoảng, người ta lại đưa ra một tổng số có tính chất phân bố: người ta bảo: tôi đi du lịch ba năm rồi, ba năm rồi tôi ở Bouville. Cũng chẳng có kết thúc nữa: người ta không bao giờ xa lìa một người đàn bà, một người bạn, một thành phố trong một lần thiên thu duy nhất. Rồi tất cả lại tập hợp lại: Thượng Hải, Mạc Tư Khoa, Alger, chừng khoảng mười

lắm thành phố, y hết như nhau. Thỉnh thoảng – hiếm khi – người ta định vị trí cho hiện tại, người ta nhận ra mình đang sống lang bang với một thiếu phụ, đang dẫn mình vào trong một câu chuyện như nhớp. Thời gian của một lần chớp. Sau đó, cuộc diễn hành khởi sự lại, người ta lại bắt đầu cộng lại những giờ, những phút, những ngày. Thứ hai, thứ ba, thứ tư. Tháng tư, tháng năm, tháng sáu. 1924, 1925, 1926.

Đó, cái đó chính là sống. Nhưng khi người ta thuật lại đời sống, thì mọi sự đều thay đổi. Duy có điều đấy là một biến đổi chẳng ai nhận thấy: bằng chứng là người ta cứ mãi nói đến những câu chuyện chân thực. Như tưởng có thể có những câu chuyện chân thực; những biến cố diễn ra theo một chiều hướng và chúng ta thuật chúng theo một chiều hướng ngược lại. Người ta có vẻ muốn bắt đầu bằng chỗ khởi sự: Đấy là một buổi chiều đẹp trời vào mùa thu năm 1922. Tôi lúc đó đang là thư ký chương khế ở Marommes”. Và thực ra, chính người ta đã khởi đầu bằng chỗ kết thúc. Chỗ kết thúc có đấy, vô hình vô ảnh, song vẫn cứ hiện diện, chính nó đã ban cho những từ ngữ ngăn ngủi trên cái vẽ hoa lệ và giá trị của một chỗ khởi điểm. “Tôi đang dạo chơi, tôi đã ra khỏi làng khi nào không hay, tôi đang nghĩ đến những lo buồn

về tiền bạc". Chỉ nhìn trong bản chất của nó, câu này có nghĩa là gã nọ đang trầm ngâm phiến muộn, gã đang cách xa ngàn trùng với một cuộc phiêu lưu, đứng ngay trong cái thứ tính khí để mặc cho những biến cố diễn ra mà không nhận biết. Nhưng sự kết thúc đã có đấy, và chuyển hoá tất cả mọi sự. Đối với chúng ta, gã nọ đã là nhân vật chính của câu chuyện. Tính áo nã, những phiến muộn về tiền bạc của y thì quý hóa nhiều hơn những áo nã, những phiến muộn của chúng ta; tất cả chúng đều được mạ vàng bằng ánh sáng của những dục vọng tương lai. Và câu chuyện được tiếp tục theo bề trái: những khoảnh khắc thôi còn được xếp chồng lên nhau thành những nỗi hạnh phúc bé nhỏ, chúng bị dính chặt vào nhau do phần kết thúc của câu chuyện đang thu hút chúng và mỗi một khoảnh khắc đến phiên mình lại thu hút khoảnh khắc trước đó: "Trời tối đen, con đường hoang bóng người". Câu nói được ném ra trong vẻ hững hờ, nó có vẻ thừa thãi, song chúng ta không để mình bị sa bẫy và chúng ta để nó sang một bên, đấy là một chỉ dẫn mà sau này chúng ta mới hiểu được giá trị. Và chúng ta cảm biết rằng nhân vật chính nọ đã sống qua tất cả mọi chi tiết của đêm đó như những lời báo trước, những lời hứa hẹn; hay cả đến cảm biết rằng y chỉ sống những chi

tiết nào mang lời hứa hẹn, và đui mù cảm điếc đối với tất cả những gì không báo trước cuộc phiêu lưu. Chúng ta quên rằng là tương lai hiện chưa có ở đây, gã nọ dạo chơi trong một đêm tối không có những điểm báo trước, đêm tối dâng hiến lẫn lộn cho y những phong phú trầm buồn của mình và y sẽ không để tâm chọn lựa.

Tôi đã muốn rằng những giây phút trong đời tôi kế tục và tự phối trí với nhau trong những giây phút của một cuộc đời mà người ta đang gọi lại. Chẳng thà toan tính nắm bắt thời gian đằng đuôi còn hơn.

*Chúa nhật.*

Sáng nay, tôi đã quên hôm nay là chúa nhật. Tôi ra khỏi nhà và đi trên những đường phố cũ như thường lệ. Tôi có mang theo quyển *Eugénie Grandet*. Và rồi, đột nhiên, khi đẩy chiếc cửa lưới công viên, tôi có ấn tượng mơ hồ rằng một cái gì đó đang báo hiệu cho tôi. Khu công viên hoang vắng và trầm trụi. Nhưng... nói sao bây giờ? Nó không mang dáng vẻ thường nhật, nó đang mỉm cười với tôi. Tôi đứng tựa người một chốc vào cánh cửa lưới, đoạn, đột nhiên, tôi hiểu rằng hôm nay là chúa nhật. Ngày chúa nhật hiện diện trên các cây cối trong vườn, trên những thảm

cổ mượt như một nụ cười nhẹ mĩm. Không thể mô tả điều ấy được, mà phải thốt ra thật nhanh: “Đấy là một công viên, mùa đông, một buổi sáng chúa nhật”.

Tôi buông tấm cửa lưới, tôi quay trở về những căn nhà, những đường phố trường giả và tôi thầm thì: “Chúa nhật”.

Ngày Chúa nhật: đằng sau những bến tàu, dọc theo bờ biển, gần những ga hàng hóa, toàn thể khu chung quanh thành phố, có những nhà kho trống rỗng và những chiếc máy bất động trong bóng tối. Trong mọi ngôi nhà, những người đàn ông đứng cạo râu đằng sau khung cửa sổ; họ ngả đầu ra, chăm chú nhìn khi thì mặt kính, khi thì bầu trời ảm lạnh để biết xem trời hôm nay có đẹp không. Những nhà chứa gái mở cửa đón những khách hàng đầu tiên trong ngày, những người thôn quê và những quân nhân. Trong các giáo đường, dưới ánh sáng bập bùng của những ngọn nến, một người đàn ông đang uống rượu tế trước những người đàn bà quỳ gối. Trong tất cả những vùng ngoại ô, giữa những bức tường bất tận của các xưởng máy, những chuỗi dài màu đen bắt đầu bước đi, tiến bước chậm chạp về hướng trung tâm thành phố. Để đón tiếp chúng, những đường phố đã khoác lấy khuôn mặt của những ngày náo

loạn; tất cả mọi cửa hiệu ở đường Tournebride đều đã hạ tấm bùng sắt xuống. Chẳng bao lâu, trong im lặng, những hàng người màu đen sẽ tràn ngập xâm chiếm các đường phố đang giả vờ chết: trước tiên là những nhân viên hỏa xa ở Tourville và những bà vợ làm cho hãng xà phòng Saint Symphorin, kế đến là những người tiểu tư sản ở Jouxtebouville, rồi đến những công nhân nhà máy dệt Pinot, đoạn những người thợ nhuộm vải khu Saint Maxence; những người ở Thiérarche sẽ đến sau cùng bằng chuyến tàu điện mười một giờ. Chẳng mấy chốc, đám đông ngày chúa nhật sẽ sinh sôi nảy nở ra, giữa những cửa hiệu cài then và kín cửa.

Một chiếc đồng hồ gõ chuông báo mười giờ rưỡi và tôi bắt đầu lên đường: ngày chúa nhật, vào giờ này tại Bouville người ta có thể trông thấy một quang cảnh đặc biệt, nhưng không nên đến quá muộn sau khi đại lễ mi-sa đã kết thúc.

Con đường Joséphine Soulary bé nhỏ nằm hiu quạnh, bốc lên mùi rượu cất dưới hầm. Song, cũng như mọi chúa nhật khác, một âm thanh huy hoàng tràn ngập con phố nhỏ, một âm thanh của thủy triều. Tôi rẽ sang đường Président Chamart, nơi những ngôi nhà ba tầng, với những tấm cửa lá sách dài màu

trắng. Con đường của những viên chướng khế này hoàn toàn bị tràn đẫm trong những tiếng lao xao âm ỉ ngày chúa nhật... Trong hành lang Gillet, tiếng động hãy còn tăng lên và tôi đã nhận ra: đấy là tiếng động do con người gây nên. Đoạn đột nhiên, bên tay trái, như thể có một sự nổ bùng đầy ánh sáng và âm thanh. Tôi đã đến nơi: đây là đường Tournebride, tôi chỉ có việc nhập bọn vào trong số những đồng loại và tôi sắp nhìn thấy những người đàn ông ngã mũ chào nhau cẩn trọng.

Chỉ mới cách đây sáu mươi năm mà không một ai dám tiên đoán số phận kỳ diệu của con đường Tournebride, con đường ngày nay những dân cư thành phố Bouville gọi là một Prado tí hon. Tôi đã nhìn thấy một đồ án năm 1847 trong đó đường này còn chưa có mặt. Lúc bấy giờ, chắc hẳn nó còn là một con hẻm tối đen và hôi hám, với một chiếc rãnh giữa những vệ đường mang theo đầu tôm xương cá. Nhưng, vào cuối năm 1847, Quốc hội tuyên bố thiết lập một giáo đường trên ngọn đồi Montmartre, vì công ích. Ít tháng sau, vợ của viên thị trưởng Bouville thấy phép màu hiển lộ: Thánh nữ Cécile, thánh bảo chủ của bà, hiện ra khiến trách. Ai có thể chịu đựng nổi chuyện giới thượng lưu của thành phố cứ mỗi ngày chúa nhật lại phải lội

bùn để đến nhà thờ Thánh René hay Thánh Claudien xem lễ cùng với những bọn nhà buôn? Quốc hội đã chẳng làm gương rồi sao? Hiện tại, nhờ Trời che chở, Bouville đang chiếm một địa vị kinh tế quan trọng vào bậc nhất, há chẳng nên dựng lên một giáo đường để tạ ơn Thượng đế?

Những linh kiến này được thỏa mãn: Hội đồng thành phố họp phiên lịch sử và viên giám mục lãnh phần nhận sự quyên góp. Chỉ còn vấn đề chọn vị trí. Những gia đình thương gia và chủ tàu thủy kỳ cựu đưa ra ý kiến nên dựng ngôi giáo đường trên đỉnh Đồi Xanh nơi họ cư ngụ “cốt để cho Thánh nữ Cécile quan phòng cho Bouville cũng như ngôi giáo đường Thánh Tâm Chúa Giê-su đối với Ba Lê”. Mấy ông mặt mới ở đại lộ Maritime, hây còn ít ỏi, nhưng rất giàu làm khó dễ: họ sẽ đóng góp tích cực, nhưng người ta phải xây giáo đường trên công trường Marignan: họ trả tiền cho một ngôi nhà thờ, là để có thể sử dụng được nó; họ đã giận dữ chứng tỏ sức mạnh của mình cho bọn trưởng giả kiêu căng kia, bọn người luôn xem họ như là những tay nhà giàu mới phát. Vị giám mục tìm ra một giải pháp thỏa hiệp: ngôi giáo đường sẽ được xây ở quảng giữa khu Đồi Xanh và đại lộ Martime, trên công trường Halle-aux Morues, sau đó

được đặt tên thành công trường Thánh nữ Cécile-de-la-Mer. Tòa nhà dị thường ấy, hoàn tất vào năm 1887, trị giá không dưới mười bốn triệu đồng.

Con đường Tournebride, rộng rãi song bẩn thỉu và mang tiếng xấu, hẳn đã được tái tạo lại hoàn toàn và những dân cư trên con đường đã bị đẩy lùi hẳn về phía sau công trường Thánh nữ Cécile, cõi Prado tí hon đã trở thành nơi hò hẹn của những người thanh lịch và kẻ có uy quyền trong thành phố. Lần lượt, những cửa hiệu đẹp đẽ được mở ra trên lối đi dành cho giới thượng lưu. Chúng vẫn mở cửa vào ngày thứ hai lễ Phục sinh, trọn đêm Giáng Sinh, và mọi chúa nhật cho đến buổi trưa. Bên cạnh Julien, người hàng thịt mà món ba-tê-sô đã nổi danh, anh hàng bánh Foulon trình bày những đặc phẩm danh tiếng của hiệu mình, những chiếc bánh ngọt nhỏ, hình nón tuyết diệu bằng bơ màu hoa cà, nổi lên trên là một đóa hoa tím bằng đường. Ở cửa kính của hiệu sách Dupaty, người ta nhìn thấy những ấn phẩm mới của nhà Plon, một vài tác phẩm kỹ thuật, như là một cuốn lý thuyết về tàu biển, hay một thuyết luận về các loại buồm ghe, một quyển lịch sử cỡ lớn có hình viết về thành phố Bouville và những

ấn bản quý được xếp đặt một cách trang nhã: *Koe-nigmark*, đóng bìa da xanh, *le Livre de mes Fils*, của Paul Doumer, đóng bìa xám với những cánh hoa đỏ thắm. Ghislaine “nhà may thượng hạng, kiểu Ba Lê” gần cách Piégeois, người hàng hoa, với Paquin người bán đồ cổ. Tiệm hớt tóc Gusatve, dùng đến bốn người chuyên săn sóc bàn tay, chiếm tầng nhất của một tòa nhà mới tinh, sơn màu vàng.

Cách đây hai năm, ở góc ngõ cụt Moulins-Gémeaux và đường Tournebride, một cửa hiệu nhỏ trơ trẽn còn bày biển quảng cáo thuốc Tu-pu-nez, một sản phẩm diệt trừ sâu bọ. Cửa hiệu đã phát đạt vào thời mà người ta còn rao bán cá thu trên công trường Thánh nữ Cécile, và đã sống trải qua một trăm năm nay. Những chiếc cửa kính của mặt tiền, chỗ bày hàng, hiếm khi được lau chùi: phải cố gắng lắm mới phân biệt được rõ, xuyên qua lớp bụi và hơi nước đọng, một lô những hình người bằng sáp mặc áo ngắn màu hỏa hoàng, tượng trưng cho những loại chuột lớn chuột nhỏ. Những chú chuột này chống gậy bước xuống từ trên mạn cao của chiếc tàu; vừa đặt chân lên đất liền thì lập tức một nông dân, y phục dỏm dáng, nhưng người lại xanh mét và đầy cáu bẩn, đuổi chúng chạy biệt đi bằng cách rắc thuốc Tu-pu-nez; tôi yêu cửa hiệu

đó lắm, nó mang một vẻ trơ tráo và ương ngạnh. Nó nhắc nhở một cách ngạo mạn đến những quyền hạn của loài chuột bọ và của sinh lý cấu bản, kế cận ngôi giáo đường đất giá nhất nước Pháp.

Người buôn được thảo vừa chết vào năm rồi và cháu trai của y đã bán ngôi nhà lại. Chỉ cần hạ đổ vài bức vách: bây giờ. Chỗ đó là một phòng diễn thuyết, "la Bondonnrière". Năm ngoái, Henry, Bordeaux đã nói về môn leo núi ở đây.

Trên đường Tournebride, không nên vội vã: các gia đình đi bộ chậm rãi. Đôi khi người ta chiếm hẳn một hàng vì cả một gia đình đã rẽ vào hiệu Foulon hay Piégois. Nhưng, vào những lúc khác, phải ngừng lại và giậm chân một chỗ vì lẽ hai gia đình, đi theo hai hàng lên xuống, lại gặp mặt nhau và núm cứng lấy tay nhau. Tôi tiến từng bước chậm. Tôi vượt cao quá hai hàng người cả một cái đầu và tôi nhìn thấy những chiếc nón, một rừng nón. Phần lớn màu đen và cứng nhắc. Thỉnh thoảng, người ta lại thấy một chiếc bay lên ở đầu một cánh tay và bày ra vẻ bóng nhoáng rực rỡ dịu dàng của một chiếc sọt; đoạn, sau vài giây phút bay lượn nặng nề, chiếc nón đậu trả lại. Ở số 16, đường Tournebride, anh hàng nón Urbain, chuyên môn chế tạo mũ

lưỡi trai, treo la đà một chiếc mũ đỏ lớn tướng dành cho vị giám mục, dùng làm biểu hiệu cho cửa hàng, và những nuốm tua kim tuyến lủng lẳng từ hai thước cách mặt đất.

Người ta dừng bước: ngay dưới những nuốm tua, một nhóm nhỏ vừa thành hình. Người bên cạnh tôi kiên nhẫn chờ đợi, hai tay dong đưa: ông già nhỏ người, xanh xao và mảnh dẻ như đồ sứ này, tôi tin chắc là Coffier, viên chủ tịch phòng Thương mại. Đường như ông quá oai nghiêm vì chẳng bao giờ thấy ông nói điều gì. Trên đỉnh ngọn Đồi Xanh, ông cư ngụ trong một ngôi nhà lớn bằng gạch, các cửa sổ luôn mở rộng. Hết rồi: nhóm người khi nãy đã tán ra, người ta lại bước đi. Một nhóm khác lại vừa thành hình, song chỉ chiếm ít chỗ hơn: vừa tụ thành, nó đã bị đẩy dựa vào mặt tiền của hiệu Ghislaine. Cột người cũng chẳng dừng lại nữa: nó chỉ hơi tránh xa ra một chút thôi: chúng tôi diễn hành qua mặt sáu người đang bắt tay nhau: "Chào ông, chào ông ạ, ông mạnh giỏi thế nào, kìa, ông cứ đội mũ lên chứ, không khéo ông lại cảm lạnh; cảm ơn bà, vì trời không nóng. Em yêu, anh giới thiệu với em đây là bác sĩ Lefrançois; thưa bác sĩ, rất sung sướng được biết bác sĩ, nhà tôi cứ nhắc đến bác sĩ luôn, vì bác sĩ đã săn sóc tận tình cho anh,

nhưng mà bác sĩ cứ đội mũ lên chứ, cơn lạnh này không tốt cho bác sĩ đâu. Nhưng bác sĩ bình phục chóng lắm; than ôi, thưa bà, chính những vị bác sĩ mới là những người được săn sóc cẩn thận nhất; bác sĩ đây là một nhạc sĩ trác tuyệt. Thế sao, thưa bác sĩ, tôi lại không biết đến chứ, bác sĩ chơi vĩ cầm hẳn? Bác sĩ có nhiều tài thật”.

Cái ông già nhỏ người đi bên cạnh tôi, chắc chắn là Coffier, có một người đàn bà trong đám đó nhìn ông ta trau trấu, người thiếu phụ tóc nâu, trong khi nụ cười mỉm vẫn hướng về ông bác sĩ. Nàng có vẻ như đang suy nghĩ: “Kia là ông Coffier, chủ tịch phòng Thương mại, ông có vẻ oai nghiêm làm sao, ông ấy hình như quá lạnh đậm”. Song ông Coffier chẳng đoái hoài đến: đây là những người ở đại lộ Maritime, họ không thuộc vào thế giới này. Kể từ lúc đến đường này nhìn thấy những pha giở nón chào nhau ngày chúa nhật, tôi đã học phân biệt được những người ở Đại Lộ và những người ở khu Đồi Xanh. Khi một người vận một chiếc măng tô mới tinh, đội chiếc nón nỉ mềm, khoác chiếc sơ mi chói lọi bước đi trong tự tin, thì không lầm lẫn gì nữa: đây là một kẻ thuộc khu đại lộ Maritime. Những người ở khu Đồi Xanh khác biệt với họ bằng một vẻ gì tồi tàn và suy nhược. Họ có

những đôi vai hẹp và một vẻ ngạo mạn trên những khuôn mặt tiêu tụy, hao mòn. Cái ông to lớn đang nắm tay đứa trẻ đang kia, tôi thể rằng ông ta là người ở khu Đồi Xanh: khuôn mặt ông xám ngoét và chiếc cà vạt ông được thắt nút như một sợi dây.

Cái ông to lớn tiến lại gần chúng tôi: ông nhìn đắm đắm ông Coffier. Song, một vài giây trước khi chạm mặt nhau, ông quay đầu đi và bắt đầu đùa giỡn thân mật với đứa bé trai. Ông còn bước đi vài bước, nghiêng mình xuống cậu con, đôi mắt nhìn sâu vào mắt cậu bé, trong vẻ thuần túy là một người cha; đoạn, đột nhiên, quay nhanh về phía chúng tôi, ông ném một tia nhìn sắc sảo về phía ông già nhỏ người, rồi ông khoa tay chào thành một vòng tròn rộng lớn và vô vị. Cậu bé, ngỡ ngàng bối rối, đã không ngả mũ chào: đấy là chuyện giữa người lớn với nhau.

Ở góc đường Basse-de-Vieille, hàng người của chúng tôi chạm phải một hàng tín đồ vừa xem lễ ra: chừng một lối người va đụng và chào nhau trong khi vẫn quay cuồng, song những cú giở mũ chào diễn ra quá nhanh nên tôi không thể khảo sát tường tận được; ở bên trên đám đông mập mập và xanh xao này, nhà thờ Thánh nữ Cécile dựng đứng lên cái hình khối màu trắng kỳ dị của mình: một thứ

màu trắng của phấn viết trên một nền trời u ám; đằng sau những bức tường rục rã kia, ngôi giáo đường còn giữ lại bên hông một ít bóng tối của đêm đen. Người ta lại đi, theo một trật tự hơi bị thay đổi. Ông Coffier đã bị đẩy lùi về phía sau. Một bà y phục xanh dương đang ép sát người vào hông trái tôi. Bà ta vừa từ cuộc lễ ra. Bà nháy mắt hơi bị chói chang khi tìm thấy lại buổi sáng. Cái ông đi trước bà và là người có chiếc gậy ốm o, là chồng bà.

Trên lễ đường bên kia; một gã ôm tay vợ, vừa mới thăm thì bên tai nàng và cười mỉm. Lập tức, cô nàng xem xét lại tỉ mỉ khuôn mặt trát đầy kem của mình và bước bừa đi vài bước. Những dấu hiệu này không thể làm ai lầm lẫn được: họ sắp chào nhau. Quả thế, trong khoảnh khắc, gã nọ vung tay lên trong không khí. Khi những ngón tay sắp chạm vào đầu chiếc mũ nỉ, chúng hơi do dự một thoáng đoạn đặt mình thanh nhâ lên trên chiếc mũ, khi gã nọ nâng nhẹ mũ lên, bằng cách hơi cúi đầu xuống để giúp dễ lấy mũ ra, người vợ nháy một bước nhỏ và trên gương mặt nàng rạng rỡ một nụ cười tươi trẻ. Một chiếc bóng đen vượt qua mặt họ và nghiêng mình chào. Nhưng hai nụ cười song sinh của cặp vợ chồng chưa tắt hẳn: chúng vẫn còn đó vài giây trên môi họ, như do một thứ từ lưu.

Khi hai vợ chồng gã nọ đi chạm mặt tôi, họ đã lấy lại được vẻ thần nhiên, song chung quanh miệng vẫn còn một vẻ vui tươi.

Hết rồi: đám đông ít đông đúc hơn, những pha giở mũ chào nhau trở nên hiếm hoi hơn, những cửa kính của các cửa hàng có một vẻ gì kém thanh lịch hơn: tôi ở cuối đường Tournebride. Tôi có nên băng qua đường và đi ngược lại trên vệ đường bên kia? Tôi tin rằng tôi đã chán ngấy, tôi đã thấy quá đủ những chiếc sọ hồng kia, những gương mặt nhỏ nhen, nổi bật, ẩn khuất. Tôi sẽ băng qua công trường Marignan. Đang khi tôi cẩn trọng tách mình ra khỏi hàng người, một chiếc đầu của một ông bảnh choẹ nọ lộ ra kề cận tôi từ một chiếc mũ đen. Đây là chồng của bà vận y phục màu xanh dương. A! Chiếc sọ đẹp của người có đầu dài, dựng đứng lên những sợi tóc ngắn và chi chít, bộ râu mép Hoa Kỳ xinh xắn, rải rác những sợi bạc. Và nhất là nụ cười mím, nụ cười tuyệt diệu được trau luyện kỹ càng. Ông ta cũng có một chiếc mắt kính, ở đầu đó trên mũi ông.

Ông quay lại bảo bà vợ:

“Y là một họa công mới của xưởng máy. Anh đang tự hỏi y làm gì ở đây. Y là một thanh niên tốt, có vẻ nhút nhát, y làm anh vui”.

Dựa vào tấm gương của cửa hàng thịt Julien, người họa công trẻ tuổi vừa mới đội mũ trở lại, mặt hầy còn đỏ bừng, đôi mắt hạ thấp xuống, vẽ buồng bình.

Quả đúng đây là ngày chúa nhật đầu tiên mà anh dám băng ngang đường Tournebride. Anh mang vẻ lúng túng cảm động của một người được thọ lĩnh thánh thể lần đầu. Anh chấp tay sau lưng và quay mặt vào tấm gương với vẻ hổ thẹn hoàn toàn kích động, anh nhìn chăm chú, song không thấy, bốn khúc dồi lợn nhỏ sáng bóng vì giá đông, tươi tắn trên những rau mùi rác làm hoa vị.

Một thiếu phụ bước ra khỏi hiệu thịt nguội và khoác tay anh. Đây là vợ anh, nàng trông còn trẻ mặc dù màu da mòn mõi. Nàng rất có thể lướt qua lướt lại ở những vùng phụ cận con đường Tournebride mà không ai có thể tưởng nàng là một cô gái đã có chồng, người ta chỉ nhận ra biển hiệu của sự kiện ấy ở ánh sáng trần tráo của đôi mắt, ở cái bề ngoài khôn ngoan và lịch duyệt của nàng. Những người đàn bà thực sự không biết đến giá trị các vật, các bà ưa thích những cơn điên cuồng mỹ diệu, đôi mắt họ là những đóa hoa thuần khiết xinh đẹp, những bông hoa trong khu nhà gương trông kiếng.

Tôi đến quán rượu bia Vézélizer khi chuông đổ một giờ. Những ông già đang có mặt ở đó, như thường lệ. Hai người trong bọn đã bắt đầu bữa ăn trưa. Bốn người đang chơi bài manille và uống rượu khai vị. Những người khác đang đứng nhìn họ chơi trong khi những người hầu việc đặt khăn ăn. Người lớn nhất trong bọn, cái lão có bộ râu thậm thượt, là nhân viên sở hối đoái. Một người khác là ủy viên của hệ thống danh bộ hải quân, nay đã về hưu. Họ ăn và uống như những người hai mươi tuổi. Ngày chúa nhật, họ dùng món dưa cải bắp thái nhỏ. Những người đến sau hỏi những người khác, đã ăn trước:

“Sao? Vẫn món cải bắp ngày chúa nhật chứ?”

Họ ngồi xuống và thở ra hoan hỉ:

“Marianne cũng, một đờ-mi không bọt và cải bắp nghe.”

Nàng Marianne nọ là một người đàn bà lẳng lơ. Khi tôi ngồi xuống chiếc bàn trong cùng, một lão già da đỏ thắm khởi sự ho dữ dội khi nàng dọn lên cho lão một cốc rượu “vết-mút.”

“Rót thêm nữa đi, cô em”, lão vừa bảo vừa ho.

Song đến lượt nàng nổi giận: nàng chưa ngừng tay rót rượu:

“Nhưng hẳn để tôi rót đã chứ, ai có nói gì với cụ đầu nào? Cụ giống như một người lên tiếng phản đối trước khi người khác hầu chuyện cùng mình”.

Những người khác cười phá lên.

“Nhào!”

Khi đến chỗ ngồi, lão nhân viên sợ hãi đoán nắm vai Mariette:

“Chúa nhật rồi, Mariette ơi. Chiều nay đi xem chiếu bóng với bồ mình nhé.”

“Chứ sao! Hôm nay là ngày của Antoinette. Về chuyện bồ mình đó, tôi “bao thầu” cả đấy.”

Lão nhân viên hồi đoán đã ngồi xuống, đối diện với một ông già râu cạo nhẵn nhụi, có vẻ khốn khổ. Ông già cạo râu bắt đầu kể ngay một câu chuyện sinh động. Lão nhân viên hồi đoán chẳng nghe ông nói: lão nhăn mặt và mân mê bộ râu. Họ chẳng bao giờ nghe nhau.

Tôi nhận ra những người ngồi bên cạnh: đây là những tiểu thương gia gần nhà. Ngày chúa nhật, người hầu gái của họ nghỉ việc. Lúc bấy giờ, họ đến đây và luôn luôn ngồi

yên tại cùng một bàn như hôm trước. Người chồng đang ăn một đĩa thịt sườn màu hồng. Y nhìn sát vào khúc thịt và thỉnh thoảng lại hít hít mũi. Người vợ đang nhấm nháp đĩa thức ăn. Đây là một người đàn bà mạnh khoẻ, tóc vàng nâu, cỡ bốn mươi tuổi, đôi gò má đỏ hồng phủ lông tơ. Đôi nhũ hoa đẹp dễ căng cứng dưới lớp áo thun bằng hàng sa tanh. Nàng ta nốc một hơi cá chai rượu Bordeaux ở mỗi bữa ăn, như một người đàn ông.

Tôi sắp đọc *Eugénie Grandet*. Không phải vì tôi tìm thấy hứng cảm lớn lao trong sách: nhưng vì tôi phải làm một cái gì đó. Tôi lật sách ra tình cờ; người mẹ và cô gái đang nói về tình yêu mới chớm nở của Eugénie:

*“Eugénie hôn tay mẹ và nói:*

*“– Mẹ tốt quá, mẹ yêu dấu!*

*“Những lời này làm rạng rỡ gương mặt già nua của bà mẹ đã bị cần cỗi, héo tàn trong những nỗi khổ đau dằng dặc:*

*“– Mẹ thấy chàng tử tế đấy chứ? Eugénie hỏi bà.*

*“Bà, Grandet chỉ trả lời bằng một nụ cười mỉm; đoạn sau một lúc im lặng, bà thấp giọng bảo:*

*“ Vây ra con đã yêu rồi à? Sẽ tai hại lắm đấy nghe.*

“– Tai hại, Eugénie lặp lại, tại sao? Chẳng làm mẹ hài lòng, chẳng làm Nanon hài lòng, tại sao chẳng sẽ không làm con hài lòng chứ? Này, mẹ ạ, chúng ta hãy dọn bàn ăn cho chàng dùng bữa trưa.

“Nàng bỏ dở công việc thêu thùa, bà mẹ cũng thế và bảo nàng:

“– Con điên rồi!

“Song bà lại hài lòng với việc biện minh sự điên rồ của cô con gái yêu dấu bằng cách cùng nàng chia sẻ cơn điên rồ đó.

“Eugénie gọi Nanon.

“– Cô còn muốn thêm gì nữa đó, thưa cô?

“– Nanon, đúng giữa trưa, u chắc là có kem được đấy chứ?

“– À! Giữa trưa, vâng, người tớ già trả lời.

“– Này, u nhớ pha cà phê thật đậm cho chàng nhá, hôm ở nhà ông Les Grassins tôi có nghe bảo rằng cà phê ở Ba Lê được pha rất đậm. U cứ đổ nhiều cà phê vào.

“– Cô muốn tôi lấy cà phê ở đâu ra đây chứ?

“– U cứ đi mua đi.

“– Lỡ ông nhà gặp thì sao?

“– Ông đang ở ngoài đồng mà...”

Những người bên cạnh đã giữ im lặng từ khi tôi đến, song đột nhiên, giọng nói của người chồng kéo tôi ra khỏi trang sách đọc.

Người chồng, với một vẻ vui tươi và bí mật:

“Nói anh biết đi, em đã gặp rồi hả?”

Người vợ giật mình, nhìn chồng chăm chú, nàng vừa ra khỏi cơn mộng. Lão nọ ăn và uống, đoạn y tiếp tục, với cùng vẻ tỉnh nghịch:

“Ha, ha!”

Một lúc im lặng, người vợ lại đã rơi trở vào cơn mộng.

Đột nhiên, nàng giật mình và hỏi:

“Anh nói gì vậy?”

“Chuyện Suzanne hôm qua ấy.”

“À, vâng! Người vợ bảo, nàng đã gặp Victor.”

“Anh đã nói với em gì thế?”

Người vợ đẩy chiếc đĩa đi với vẻ nóng nảy.

“Tệ thật.”

Mép đĩa của nàng rải rác những viên chả thịt màu xám nàng đã nhả ra. Người chồng vẫn theo đuổi ý tưởng của mình:

“Cái cô nàng nọ...”

Y lặng thinh và cười mơ hồ. Đối diện chúng tôi, lão nhân viên hối đoái đang vuốt ve cánh tay trần của Mariette và thở nhẹ vào đấy. Độ một lúc sau:

“Ngày nọ, em đã nói với anh chuyện đó rồi.”

“Em đã nói với anh chuyện gì thế?”

“Chuyện Victor, nàng ta sắp thăm Victor. Gì thế, đột nhiên lão ta hỏi với vẻ hoảng hốt, em không thích chuyện đó à?”

“Tệ thật.”

“Chẳng phải thế nữa đâu, lão ta tiếp với vẻ quan trọng, chẳng phải như vào thời của Hécart nữa đâu. Em biết y hiện đang ở đâu chứ, anh chàng Hécart đó?”.

“Bộ anh ta không ở Domrémy sao?”

“Có, có ai bảo với em thế?”

“Anh chứ ai, anh đã nói với em hồi chúa nhật trước.”

Nàng ta ăn một miếng ruột bánh mì nằm lộn xộn trên chiếc khăn bàn bằng giấy. Đoạn, bàn tay miết sát phần giấy trên mép bàn, nàng ngẩn ngai:

“Anh biết đó, anh đang lằm, Suzanne còn...”

“Rất có thể, em cũng, rất có thể như thế lằm”, lão nọ lơ đãng trả lời. Lão đang đưa mắt tìm Mariette, lão ra dấu cho nàng:

“Trời nóng quá”.

Mariette tựa mình thân mật trên mép bàn.

“Ồ, phải, trời nóng lạ, người vợ rên rỉ, ở đây người ta đến nghẹt thở mất, và rồi món thịt bò thật tệ, em sẽ nói cho lão chủ biết điều đó, cô Mariette ơi, làm ơn mở hộ tôi chiếc cửa sổ con một tí.”

Người chồng lấy lại vẻ tươi vui:

“Nói cho anh biết đi, em không thấy đôi mắt đó à?”

“Nhưng mà khi nào thế, anh yêu?”

Lão ta bắt chước nàng với vẻ nóng náy:

“Nhưng mà khi nào thế, anh yêu? Đúng là em: vào mùa hè, khi trời rơi tuyết.”

“Anh muốn nói hôm qua? À!”

Lão ta cười, nhìn ra xa, rồi lão đọc lại rất nhanh, với sự chú tâm nào đó:

“Những đôi mắt mèo trong than gỗ hồng.”

Lão có vẻ thỏa mãn quá đến nỗi quên hẳn những gì mình muốn nói. Đến phiên nàng nọ đùa cợt, không hậu ý:

“Ha, ha, đại ma lạnh.”

Nàng đập đập vào vai lão.

“Đại ma lạnh, đại ma lạnh.”

Lão nọ lặp lại với nhiều tự tin hơn:

“Con mèo trong than hồng.”

Nhưng nàng không cười nữa:

“Không, đừng đắn mà, anh biết, nàng ta đoan trang mà.”

Lão nọ nghiêng mình xuống, thăm thì bên tai nàng một câu chuyện dài. Nàng chăm chú, miệng há hốc, khuôn mặt hơi căng thẳng và tươi vui, như thể một người sắp sửa phá lên cười, đoạn đột nhiên, nàng ngã hấn người ra sau và cấu lấy tay lão nọ.

“Không phải thế, không đúng thế.”

Lão ta nói bằng giọng sành sỏi và nghiêm nghị:

“Nghe anh nói này, cưng, bởi vì hấn ta đã nói thế: nếu không đúng như vậy thì tại sao hấn ta lại nói thế?”.

“Không, không.”

“Nhưng mà hấn ta đã bảo thế: nghe này, giá thử...”

Nàng phá lên cười:

“Em cười vì đang nghĩ đến René.”

“Phải.”

Lão nọ cũng cười. Nàng nói tiếp, bằng giọng trầm xuống và quan trọng:

“Thế thì, hẳn đã biết được chuyện ấy vào ngày thứ ba.”

“Thứ năm chứ.”

“Không, thứ ba, anh biết rõ là vì...”

Nàng vẽ phác trong không khí một loại hình bầu dục.

Một lúc im lặng lâu. Người chồng nhúng mẩu ruột bánh mì vào trong nước xốt, Mariette thay đĩa và mang đến cho họ bánh nhân kem. Bất thành linh, người đàn bà hơi mơ mộng, trên môi thoáng nụ cười kiêu hãnh và hơi tức giận, lên tiếng bằng một giọng dễ dãi:

“Ồ không, anh biết rõ mà!”

Có nhiều nhục cảm trong giọng nói của nàng đến nỗi lão nọ cảm xúc, lão ta ve vuốt mơn man chiếc gáy nàng bằng bàn tay thô mập.

“Charles, thôi anh, anh đang làm em bị kích thích đấy, anh yêu”, nàng thì thầm và mỉm cười, miệng đầy bánh.

Tôi cố gắng đọc tiếp:

“– Cô muốn tôi lấy cà phê ở đâu ra đây chứ?”

“– Ừ, cứ đi mua đi.”

“– Lỡ ông nhà gặp thì sao?”

Song tôi còn nghe người đàn bà nói:

“Marthe này, anh sắp làm nàng cười, anh sẽ thuật lại cho nàng...”

Những người ngồi cạnh tôi đã lặng im. Sau món bánh nhân kem. Mariette đã dọn lên cho họ những trái ô mai và người đàn bà đang bận bịu nhả những chiếc hạt vào trong chiếc cùi đĩa một cách duyên dáng. Người chồng, mắt lơ đãng nhìn lên trần nhà, tay vỗ nhẹ nhẹ một bản hành khúc trên bàn. Như thể trạng thái bình thường của họ là im lặng và lời nói là một cơn sốt nhỏ băng qua họ một đôi khi.

“– Cô muốn tôi lấy cà phê ở đâu ra đây chứ?”

“– U cứ đi mua đi.”

Tôi khép sách lại, tôi sắp dạo chơi.

Khi ra khỏi quán rượu Vézelize, đã gần ba giờ: tôi cảm thấy buổi xế trưa trong toàn thân nặng trĩu của mình. Không phải buổi trưa của tôi; buổi xế trưa của họ, khoảng thời

gian mà một trăm ngàn người dân Bouville sắp sống chung với nhau. Vào cùng giờ này, sau bữa ăn thịnh soạn và dài dặc ngày chúa nhật, họ đang đứng dậy khỏi bàn, và đối với họ, một cái gì đó đã chết đi. Ngày chúa nhật đã làm mòn tuổi thanh xuân nhẹ nhàng của họ. Họ phải tiêu hóa thịt gà và bánh ngọt, vận y phục để ra phố.

Hồi chuông của rạp chiếu bóng Eldorado giõn giã reo vang bầu không khí trong sáng. Âm thanh quen thuộc ngày chúa nhật, hồi chuông giữa ban ngày. Hơn trăm người đứng nối đuôi nhau, dọc theo bức tường màu xanh lá cây. Họ đang khát khao chờ đợi cái giờ khắc của bóng tối êm dịu, của sự thoải mái, sự buông thả phóng túng, cái giờ mà màn bạc, bóng loáng như một hòn cuội trắng dưới mặt nước, sẽ thốt ra lời và mộng mơ vì họ. Khát vọng vô ích: có cái gì đó trong họ bị thu rút lại; họ đã quá sợ rằng người ta làm hỏng ngày chúa nhật tươi đẹp của mình. Chốc nữa đây, cũng như mọi chúa nhật khác, họ sẽ thất vọng tràn trề: cuốn phim thật ngốc nghếch, người bên cạnh hút ống điếu phì phà và cứ nhỏ nước bọt vào giữa hai đầu gối họ, hay Lucien quá khó chịu, ánh chẳng thốt ra được một lời đáng yêu, hoặc nữa, như cố ý, đúng vào ngày này, cơn đau nhức ở xương sườn lại

tái phát. Chốc nữa đây cũng như mọi chúa nhật khác, những cơn giận dữ vụn vặt âm thầm sẽ lớn dần lên trong phòng tối.

Tôi đi dài theo con đường Bressan yên tĩnh. Mặt trời đã làm tan những cụm mây, trời đang đẹp. Một gia đình vừa ra khỏi biệt thự "La Vague". Cô con gái đang cài nút đôi găng tay trên vệ đường. Nàng trạc ba mươi tuổi. Người mẹ, đang đứng trên bậc thang đầu tầng cấp, nhìn thẳng trước mặt với vẻ vững dạ và bà ta thở mạnh. Về người cha, tôi chỉ thấy được chiếc lưng to lớn. Khom người trên ổ khóa, ông đang khóa cửa lại. Căn nhà sẽ trống rỗng và tối đen cho đến khi họ trở về. Trong những ngôi nhà lân cận, đã hoen rỉ và hoang vắng, những đồ đạc và rầm nhà bằng ván kêu lên nhẹ nhẹ. Trước khi đi khỏi, người ta đã dập tắt lửa trong lò sưởi ở phòng ăn. Người cha bắt kịp hai người đàn bà, và cả gia đình bắt đầu bước đi, không nói một lời. Họ đi đâu? Ngày chúa nhật, người ta đến khu nghĩa trang, hay đến thăm những người thân thuộc, hoặc nữa, nếu hoàn toàn tự do, người ta sẽ dạo chơi trên đường Jetée. Tôi hoàn toàn tự do: tôi đi theo đường Bressan đổ ra đường Jetée-Promenade.

Trời xanh xao: một vài đụn khói, một vài túp lông trên đầu chim; thỉnh thoảng, một

đám mây trong khi trôi giạt bay ngang qua mặt trời. Đàng xa, tôi nhìn thấy chiếc bao lớn bằng xi măng trắng chạy dọc theo đường *Jetée-Promenade*, mặt biển lấp loáng xuyên qua những khung hờ. Gia đình nọ đi về bên phải, con đường *Aumônier-Hilaire*, leo đến tận khu Đồi Xanh. Tôi nhìn họ bước lên từng bước chậm, tạo thành ba vệt đen trên sắc màu lấp loáng của nhựa đường. Tôi rẽ về bên trái và tôi sẽ nhập vào đám đông đang lượn chơi trên bãi biển.

Đám đông hỗn loạn hơn buổi sáng. Dường như tất cả những người này đều không còn sức để duy trì cái thẩm cấp xã hội đẹp đẽ mà họ đã rất hãnh diện trước khi dùng bữa trưa. Những thương gia và những công chức đi cạnh nhau; họ để mặc cho những khuỷu tay va đập vào nhau, có khi còn va phải và bị xô đẩy bởi những người làm công tầm thường, đáng vẻ nghèo nàn. Những nhà quý tộc, những kẻ thượng lưu, những nhóm người tụ hội theo nghề nghiệp đã tan loãng trong đám đông ấm nóng nọ. Chỉ còn lại những con người hầu như một mình, và không còn biểu trưng cho gì nữa.

Một vùng ánh sáng đàng xa, đấy là mặt biển đang cơn sóng hạ. Một vài tảng đá ngầm bắn tung bọt nước thành những đóa hoa, đang

nhô đầu chọc thủng bề mặt sáng sủa nọ. Trên bãi cát, nằm yên những chiếc thuyền đánh cá, không xa những khối đá nhòn mà người ta vút lộn xộn ở chân đập, để che chở đập chống lại những cơn sóng vỗ, và lưu lại những lỗ hổng đầy những tiếng rì rầm. Ở lối vào ngoài cảng, trên nền trời nhuộm trắng bởi vầng dương, một chiếc tàu vét bùn in bóng hằn lên. Mỗi buổi chiều, cho đến tận nửa khuya chiếc máy tru tréo, rền rĩ, và làm âm ĩ như quỷ phá nhà chay. Song vào ngày chúa nhật, những công nhân dạo chơi trên đất liền, chỉ còn lại một người gác đàn trên mạn tàu: con tàu câm tiếng.

Mặt trời sáng và trong mờ: một thứ rượu vang trắng. Ánh sáng mặt trời phớt chạm qua thân thể, không in thành bóng đen trên nền cát, cũng không làm nổi bật thân thể lên: những khuôn mặt và những bàn tay tạo thành những vệt vàng nhợt nhạt xanh xao. Tất cả những người đang mang áo khoác ngoài này tưởng như đang nhẹ nhàng phát phối là đà trên mặt đất. Thỉnh thoảng ngọn gió đẩy về phía chúng tôi những chiếc bóng đen run rẩy như làn nước; những khuôn mặt phai mờ đi một khoảnh khắc, trở nên vương bụi phấn.

Ngày chúa nhật; bị thu vào giữa dây hành lang và những chiếc cửa lưới sắt của

những ngôi nhà nghỉ mát, đám đông chảy đi thành từng cơn sóng nhỏ, để rồi mất tăm trong muôn ngàn cơn sóng đằng sau khách sạn lớn của công ty Xuyên Đại tây dương. Biết bao nhiêu là trẻ con! Những đứa trẻ nằm trên xe, ấm trong lòng, dặt nôi tay hay đi thành hai, ba đứa trước mặt cha mẹ chúng, với một vẻ đứng đắn nghiêm nghị. Tất cả những khuôn mặt này, tôi đã có phen nhìn thấy, chừng vài giờ trước đây, lúc ấy chúng hầu như hờ hững đắc ý, trong buổi sơ sinh của một sáng mai chúa nhật. Hiện tại, tràn trề ánh mặt trời, chúng chẳng còn diễn tả được gì ngoài sự yên tĩnh, thoải mái, một loại bướng bỉnh gan lì.

Rất ít những cử chỉ: người ta cũng hãy còn giỡn mồm chào nhau, song vùng tay không rộng, và không cả vẻ tươi vui nồn nống của buổi ban mai. Tất cả mọi người đều tự để cho mình đi chậm bước về sau một tí, đầu ngẩng cao, mắt nhìn vào cõi xa, mặc cho ngọn gió làm căng phồng những chiếc áo khoác, đẩy đưa họ đi. Thỉnh thoảng, một tiếng cười khô khăng, vụt tắt ngay sau đó; tiếng la của một bà mẹ, Jeannot, Jeannot, con chịu chứ. Rồi là sự im lặng. Làn hương nhẹ nhàng của loại thuốc vàng nâu: những người thư ký đang hút thuốc. Salammô, Aicha; những loại thuốc

điều ngày chúa nhật. Trên vài khuôn mặt, cô đơn trơ trọi hơn, tôi tưởng đọc được một thoáng buồn bã, nhưng không, những người nọ không buồn cũng không vui: họ đang ngồi nghỉ. Đôi mắt mở lớn đắm đắm phản chiếu lại mặt biển và bầu trời một cách thụ động. Chốc nữa đây, họ sẽ quay trở về nhà, cùng với gia đình uống một tách trà trên chiếc bàn nơi phòng ăn. Hiện giờ, họ đang muốn sống với ít phí tổn nhất, đang muốn tiết kiệm những cử chỉ, lời nói, tư tưởng, muốn mở đường làm gương cho kẻ khác theo: họ chỉ có một ngày độc nhất để xóa nhòa những vết nhăn, những đường nhăn trên khoé mắt, những làn nếp đáng cay gây ra do công việc suốt tuần. Chỉ một ngày duy nhất. Họ đang cảm nghiệm những giây phút chảy luôn qua kẽ tay mình; liệu họ có đủ thời gian thu nhặt lấy khối lượng trẻ trung cần thiết để khởi đầu lại vào chín giờ sáng mai chăng? Họ thở căng lồng ngực vì khí biển làm họ phục sinh: duy có những hơi thở, đều và sâu như hơi thở những người đang ngủ, chứng tỏ họ hãy còn sống. Tôi đi nhẹ bước, tôi chẳng biết làm gì với cái thân thể nặng nề và tươi mát của mình, ở giữa đám đông đang hồi ngơi nghỉ nọ.

Bây giờ, biển đang khoác màu đá đen; biển dâng lên chậm chạp. Khi đêm đến, nước

biển sẽ ngập cao, con đường Jetée Promenade này sẽ còn hoang vu hơn đại lộ Victor Noir. Đằng trước mặt, về bên trái, một đốm lửa đỏ lấp lánh trong vũng.

Mặt trời chậm chậm lặn trên biển. Ánh sáng nhuộm đỏ rực khung cửa sổ một ngôi biệt thự gỗ kiểu Normandie, khi lướt ngang qua. Một người đàn bà bị quáng mắt đang uể oải đưa tay lên che ánh sáng và cựa quậy chiếc đầu.

“Gaston, em chói mắt quá”, nàng nói với một tiếng cười e ấp.

“Hé! Mặt trời này tốt chứ, người chồng bảo, mặt trời không sưởi ấm, song cũng làm mọi người vui thú”.

Nàng nói tiếp nữa, mặt xoay về hướng biển:

“Em cho rằng người ta đã nhìn thấy nó.”

“Đừng hy vọng hão, người đàn ông bảo, nó đang ở trong mặt trời kia.”

Hắn họ đang nói về hòn đảo Caillebotte, mà lẽ ra người ta phải nhìn thấy được mũi đất hướng Nam ở giữa chiếc đập và bến tàu khu ngoại cảng.

Ánh sáng dịu hẳn lại. Trong giây phút mỏng manh này, có một nỗi gì mơ hồ đang báo tin buổi chiều đang đến. Ngày chúa nhật

hôm nay đã có một dĩ vãng. Những ngôi biệt thự và dãy bao lon xám xịt tựa hồ những hoài niệm rất gần gũi. Lần lượt, những khuôn mặt mất đi vẻ nhàn rỗi, thanh thoi, nhiều khuôn mặt đã trở nên êm dịu hơn.

Một người đàn bà mang thai đang tựa vào một gã thanh niên tóc vàng, vẻ thô bạo.

“Kìa, kìa, anh nhìn xem”, nàng bảo.

“Gì thế?”

“Kìa kìa, những con hải âu.”

Gã nọ nhún vai: “chẳng có con hải âu nào cả. Bầu trời đã trở nên gần như trong suốt, và hơi nhuộm hồng ở phía chân trời”.

“Em có nghe thật mà. Anh lắng tai xem, chúng đang kêu đó.”

Gã trả lời:

“Cái gì đang kêu kệt đấy chứ.”

Một chiếc mó hơi sáng bật lên. Tôi nghĩ rằng người phu thấp đèn lồng đã đi qua. Những đứa trẻ đang chờ, vì ông ra hiệu trở về. Nhưng đấy chỉ là phản ánh cuối cùng của mặt trời. Mặt trời vẫn còn trong sáng, song đất đã tẩm đẫm trong vùng bóng tối lơ mơ. Đám đông thưa dần, người ta nghe rõ âm thanh rền rĩ của biển nổi bật lên. Một thiếu

phụ tựa hai tay vào bao lơn, ngẩng khuôn mặt xanh mét lên trời, khuôn mặt bị vạch đen bởi nước phấn trên đôi môi. Trong thoáng chốc, tôi tự hỏi không biết mình có sắp sửa thương yêu loài người chăng. Nhưng dẫu sao, đây là ngày chúa nhật của họ chứ không phải của tôi.

Ánh sáng đầu tiên được đốt lên là luồng sáng của ngọn hải đăng trên đảo Caillebotte, một cậu bé dừng lại cạnh tôi, thăm thì trong dáng điệu xuất thần: “Ồ! Hải đăng.”

Lúc bấy giờ tôi cảm thấy tâm hồn mình phồng căng một tình cảm phiêu lưu tràn trề.



Tôi rẽ về bên trái và, do đường Voiliers, tôi đi đến khu Prado tí hon. Người ta đã hạ các màn sắt trên những cửa kính. Con đường Tournebride sáng sủa nhưng hoang vu, nó đã mất đi nổi vịnh hiên ngấn gối của buổi ban mai, vào giờ này chẳng có gì phân biệt nó với những con đường lân cận. Một ngọn gió khá mạnh đã thổi lên. Tôi nghe tiếng kéo kẹt của chiếc mũ giám mục làm bằng tôn.

Tôi một mình, phần lớn mọi người đã trở về nhà, họ vừa đọc báo buổi chiều vừa nghe vô tuyến. Ngày chúa nhật đang kết thúc

đã lưu lại nơi họ mùi vị của tro tàn và tư tưởng họ đã hướng về thứ hai. Song đối với tôi chẳng có thứ hai cũng chẳng có chúa nhật; chỉ có những tháng ngày xưa đẩy nhau rối loạn, và rồi đột nhiên, có những lần chớp như ngày hôm nay.

Chẳng có gì đã thay đổi, và tuy thế mọi sự lại hiện hữu theo một thể cách khác. Tôi không thể mô tả ra đây được, nó tựa hồ cơn Buồn Nôn, tuy nhiên nó chính là điều trái nghịch lại: Sau cùng, một cuộc phiêu lưu đã đến với tôi và khi tra vấn mình, tôi thấy rằng *tôi là tôi, và tôi đang hiện hữu ở đây*: chính *tôi* đã chẻ tan đêm tối, tôi đang hạnh phúc như một nhân vật trong tiểu thuyết.

Một điều gì đó sẽ diễn ra: trong bóng tối của con đường Passe-de-Vieille, có một cái gì đó đang đợi chờ tôi, chính ở đấy, ngay ở góc con đường yên tĩnh nọ, cuộc đời tôi sắp khởi đầu. Tôi nhìn thấy mình tiến bước, với cảm thức rằng đây là định mệnh. Ở góc đường, có một cái gì giống như một thứ mốc đá màu trắng. Từ xa, trông nó đen tuyền và mỗi bước tiến đến gần nó lại ngả sang màu trắng hơn một chút. Cái vật thể tối tăm nọ đang rực sáng dần dần gây cho tôi một ấn tượng dị thường; khi nó hoàn toàn sáng sủa, trắng ngần, tôi sẽ dừng lại, ngay đúng bên

cạnh nó và lúc ấy sẽ bắt đầu cuộc phiêu lưu. Hiện giờ nó quá gần gũi với tôi, cái ngọn hải đăng màu trắng nó đang thoát mình ra khỏi đêm đen và làm tôi sợ hãi: trong thoáng chốc tôi nghĩ đến việc quay trở lui. Song không thể được. Tôi tiến bước, dang rộng tay ra, tôi chạm phải mốc đá.

Đây là đường Passe-de-Vieille và cái khối khổng lồ của nhà thờ Thánh nữ Cécile đang dán chặt vào bóng đêm với các khung cửa kính lấp loáng. Chiếc mũ bằng tôn kéo kẹt. Tôi không biết là thế giới đã đột nhiên siết chặt lại hay là chính tôi đang đặt vào giữa những âm thanh và hình thể một mối nhất thống mạnh mẽ đến như thế: tôi còn không thể quan niệm bất cứ những gì đang vây quanh lại có thể hiện hữu khác hơn hiện thể của tôi.

Tôi dừng lại một chốc, tôi đợi chờ, tôi nghe tim mình đập loạn, tôi dò mắt kiếm tìm trên công trường hoang vắng. Tôi chẳng nhìn thấy gì cả. Một ngọn gió khá mạnh đã nổi lên. Tôi đã lầm, con đường Passe de Vieille chỉ là một trạm nghỉ chân: *sự vật* đang chờ đợi tôi ở tận nẻo sâu của công trường Ducoton.

Tôi không vội cất bước trở lại. Như tưởng tôi đang chạm đến đỉnh cao của hạnh

phúc. Ở Marseille, ở Thượng Hải, Meknès, có gì mà tôi đã chẳng làm để đạt được một cảm thức viên mãn đến thế? Ngày nay tôi chẳng còn đợi chờ chi nữa, tôi quay trở về nhà, vào cuối một buổi chiều chúa nhật trống không: hạnh phúc đang ở đấy.

Tôi lại đi. Ngọn gió vang đến tai một hồi còi rên rĩ. Tôi thật một mình, nhưng tôi đi như một đoàn người đang đổ xô xuống thành phố. Vào giây phút này, có những chiếc tàu đang vang dội âm nhạc trên đại dương, những luồng ánh sáng được đốt lên trong tất cả mọi đô thị Âu châu; những người Cộng sản và những người Quốc xã đang bắn nhau trên những đường phố Bá Linh, những người thất nghiệp đi lang thang trên vỉa hè Nữ Ước, những người đàn bà đang kẻ đường viền lông mi trước các cô thợ uốn tóc, trong một căn phòng ẩm áp. Và tôi, tôi đang ở đây, trong con đường hoang vắng và mỗi một phát súng bắn đi từ một cửa sổ khu Neukölln, mỗi một tiếng nấc trào máu của những người bị thương được mang đi, mỗi một cử chỉ chính xác và tấn mẫn của những người đàn bà đang trang điểm lại tương ứng với mỗi một bước chân, một nhịp đập của quả tim tôi.

Đến trước hành lang Gillet, tôi phân vân chẳng biết làm gì nữa. Người ta chẳng

đang đợi chờ tôi ở cuối hành lang sao? Song cũng còn có một điều gì đó cần đến tôi để được khai sinh, nơi công trường Ducoton, cuối đường Tournebride. Lòng tôi tràn đầy xao xuyến: chỉ một cử chỉ nhỏ nhất cũng đẩy tôi vào cuộc. Tôi không thể đoán được người ta muốn gì nơi tôi. Tuy nhiên, phải chọn lựa: tôi hy sinh hành lang Gillet, tôi sẽ vĩnh viễn không biết nó đã dành cho tôi những gì.

Công trường Ducoton hoang bóng người. Tôi đã lầm chăng? Tôi cho rằng mình sẽ không thể chịu đựng được sự lầm lạc ấy. Thật sẽ chẳng có gì xảy ra chăng? Tôi tiến đến gần những màu ánh sáng của quán cà phê Mably. Tôi lúng túng, tôi không biết rằng mình có nên vào chăng: tôi nhìn thoáng qua những khung cửa kính nhòa hơi nước.

Căn phòng chật ních những người. Không khí xanh xao vì khói thuốc và hơi nước bốc ra từ những bộ y phục ẩm ướt. Người thu ngân đang ngồi tại quầy. Tôi biết rõ bà ta lắm: bà ta cũng tóc hoe đỏ như tôi; bà mắc phải chứng bệnh nơi bụng. Bà đang tàn lụi êm đềm dưới những lớp váy với một nụ cười buồn bã, tương tự mùi hương đồng thảo đôi khi thoát ra từ những thể xác đang thối rữa. Một cơn rung mình truyền từ đỉnh đầu đến gót chân tôi: chính... chính nàng đang đợi chờ

phúc. Ở Marseille, ở Thượng Hải, Meknès, có gì mà tôi đã chẳng làm để đạt được một cảm thức viên mãn đến thế? Ngày nay tôi chẳng còn đợi chờ chi nữa, tôi quay trở về nhà, vào cuối một buổi chiều chúa nhật trống không: hạnh phúc đang ở đấy.

Tôi lại đi. Ngon gió vang đến tai một hồi còi rền rĩ. Tôi thật một mình, nhưng tôi đi như một đoàn người đang đổ xô xuống thành phố. Vào giây phút này, có những chiếc tàu đang vang dội âm nhạc trên đại dương, những luồng ánh sáng được đốt lên trong tất cả mọi đô thị Âu châu; những người Cộng sản và những người Quốc xã đang bắn nhau trên những đường phố Bá Linh, những người thất nghiệp đi lang thang trên vỉa hè Nữ Ước, những người đàn bà đang kẻ đường viền lông mi trước các cô thợ uốn tóc, trong một căn phòng ẩm áp. Và tôi, tôi đang ở đây, trong con đường hoang vắng và mỗi một phát súng bắn đi từ một cửa sổ khu Neukölln, mỗi một tiếng nấc trào máu của những người bị thương được mang đi, mỗi một cử chỉ chính xác và tấn mẫn của những người đàn bà đang trang điểm lại tương ứng với mỗi một bước chân, một nhịp đập của quả tim tôi.

Đến trước hành lang Gillet, tôi phân vân chẳng biết làm gì nữa. Người ta chẳng

tôi. Nàng đó, tựa cả thân người bất động trên chiếc quây, nàng mỉm cười. Từ cuối quán cà phê này, một cái gì đang trở lui trên những thời khắc phân tán của ngày chúa nhật hôm nay và hàn dính chúng lại với nhau, ban cho chúng một ý nghĩa: tôi đã trải qua suốt cả ngày nay để đạt đến đây, chiếc trần tựa vào khung cửa kính nọ, để nhìn ngắm cái khuôn mặt thanh tú đang bùng nổ như hoa trên một tấm màn màu thạch lựu. Mọi sự đều dừng lại; đời tôi đã dừng lại: cái khung cửa kính to lớn nọ, cái bầu không khí nặng nề xanh màu nước biển, cái loài cây to lớn và trắng trẻo nằm tận đáy sâu của nước, và chính tôi nữa, chúng tôi tạo thành một toàn thể bất động và tròn đầy: tôi đang hạnh phúc.

Khi bước đi trên đại lộ Redoute, chỉ còn lại trong tôi nỗi hối tiếc đầy cay đắng. Tôi tự báo mình: “Có thể là tôi nâng niu cái cảm thức phiêu lưu hơn bất cứ thứ gì trên quả đất. Song cảm thức ấy đến khi nó muốn; nó lại bỏ đi quá nhanh và tôi khô héo ngăn nào khi nó đã đi mất! Có phải nó đã đến với tôi trong chớp nhoáng đầy mai mĩa để chứng tỏ cho tôi biết rằng tôi đã làm hỏng đời mình?”.

Đằng sau tôi, trong thành phố, trên những đại lộ thẳng tắp dưới làn ánh sáng lạnh lẽo của những chiếc đèn lồng, một biển

cố xã hội kinh khủng vừa qua cơn hấp hối: giờ kết thúc của ngày chúa nhật.

*Thứ hai.*

Làm thế nào mà hôm qua, tôi đã viết nên được cái câu đầy phi lý và kèn kiệu này:

“Tôi thật một mình, nhưng tôi bước đi như thể một đoàn người đang đổ xô xuống thành phố.”

Tôi không cần làm văn chương. Tôi viết cốt để soi sáng vài trường hợp. Kinh thị văn chương. Phải viết theo sức trôi chảy tràn lan của ngòi bút; không dụng tâm tìm chữ.

Thực ra điều làm tôi kinh tởm, là ngày hôm qua tôi đã cao thượng như thế. Khi hai mươi tuổi, tôi uống rượu say khướt và kể đó tôi đã giải thích rằng mình là một mẫu người theo kiểu Descartes. Tôi cảm thấy rất rõ rằng lòng tôi đang căng phồng máu anh hùng, tôi để mặc mình trôi đi, điều đó làm tôi hài lòng. Sau đấy, vào ngày hôm sau, tôi lại kinh tởm khi được đánh thức dậy từ một chiếc giường đầy những chất bẩn do tôi mửa ra. Khi say, tôi không mửa bao giờ, song mửa được lại còn khá hơn. Ngày hôm qua, tôi lại chẳng thể biện hộ là mình đã say. Tôi đã nhiệt cuồng như một chàng ngốc. Tôi cần lau rửa đầu óc

mình với những ý tưởng trừu tượng, trong suốt như nước.

Cái cảm thức phiêu lưu nọ quyết chẳng đến từ những biến cố: chứng cứ quá rõ ràng, đúng hơn đấy là cái cách thức mà những khoảnh khắc lôi cuốn theo nhau. Đấy, tôi nghĩ đấy là điều đã xảy ra: đột nhiên, người ta cảm thấy thời gian trôi chảy, và mỗi một khoảnh khắc, lại dẫn đưa một khoảnh khắc khác, khoảnh khắc này dẫn đưa khoảnh khắc tiếp theo, và cứ như thế mãi. Người ta cảm thấy rằng mỗi một khoảnh khắc đang tan biến vào hư vô và không nên nhọc công níu giữ nó lại, vân vân và vân vân. Và lúc bấy giờ, người ta đem gán cái đặc tính ấy cho những biến cố xuất hiện ra với bạn *trong* những khoảnh khắc; những gì thuộc về hình thức, người ta lại quy chiếu nó về nội dung. Nói tóm lại, cái dòng trôi chảy nọ của thời gian đã được người ta nói đến nhiều, nhưng chẳng ai nhìn thấy được nó. Người ta nhìn thấy một người đàn bà, người ta nghĩ rằng nàng sẽ già đi, duy có điều người ta lại không *nhìn thấy* nàng đang già. Song thỉnh thoảng, người ta lại *nhìn thấy* nàng già đi và cũng tự thấy mình già theo với nàng: đấy là cảm thức phiêu lưu.

Nếu tôi nhớ không lầm, thì người ta gọi sự kiện đó là tính chất bất khả huy hồi của

thời gian. Cái cảm thức phiêu lưu sẽ chỉ đơn thuần là cảm thức về cái tính chất bất khả huy hồi của thời gian. Nhưng tại sao người ta lại không có được cảm thức ấy thường xuyên? Có phải tại thời gian không luôn luôn mang tính chất bất khả huy hồi? Có những giây phút người ta sống trong cảm tưởng mình có thể làm những gì mình muốn, đi đến trước hay quay trở lại sau, rằng điều đó chẳng có gì quan hệ; và rồi có những giây phút khác người ta báo rằng những vòng xích đã siết chặt lại trên mình, và trong những trường hợp đó người ta không được phép làm lỡ chuyện, bởi vì không thể nào tái khởi sự việc đó lại được nữa.

Anny biết dành cho thời gian tất cả những quyền hạn của nó. Vào thời nàng còn ở tại Djibouti và tôi, ở Aden, khi tôi đến thăm nàng trong hai mươi bốn giờ, nàng khôn khéo làm gia tăng những ngộ nhận giữa chúng tôi, cho đến khi chỉ còn lại vồn vện đúng sáu mươi phút trước lúc tôi phải khởi hành; sáu mươi phút, đúng là cái thời gian cần có để người ta cảm nghiệm được những giây phút đang lần lượt chảy trôi. Tôi nhớ lại một trong những buổi chiều kinh khủng nọ. Tôi phải lên đường vào nửa đêm. Chúng tôi đi xem chiếu bóng giữa trời, cả hai đứa đều cùng thất vọng. Duy có điều nàng đang điều

khiến cuộc chơi. Lúc 11 giờ khi cuốn phim khởi sự, nàng cầm lấy tay tôi và siết chặt trong tay nàng, không thốt nên lời nào. Tôi thấy mình tràn ngập một niềm vui chua chát và tôi đã hiểu rằng bảy giờ là 11 giờ mà không cần nhìn đến đồng hồ. Kể từ giây phút đó, chúng tôi bắt đầu cảm thấy những khoảnh khắc đang dần trôi. Lần đó, chúng tôi sẽ xa nhau trong ba tháng. Có một lúc cuốn phim rơi trên màn bạc một hình ảnh trắng toát, bóng tối trong căn phòng dịu bớt và tôi nhìn thấy Anny đang khóc. Đoạn, vào nửa đêm, nàng buông tay tôi ra sau khi đã siết chặt; tôi đứng dậy và bỏ đi không nói với nàng lời nào. Như thế càng tốt.

*Bảy giờ chiều.*

Ngày làm việc nhiều. Công việc tiến hành không tệ lắm; tôi đã viết được sáu trang với lòng vui thích. Hướng nữa đây lại là những nhận định tritu tượng về thời gian trị vì của Hoàng đế Paul đệ I. Sau cơn say cuồng hôm qua, tôi ở nhà suốt ngày, nằm dài trên giường. Không cần phải cố vũ tâm hồn tôi! Song tôi cảm thấy thoải mái khi phân tích những động lực của nền chuyên chế Nga.

Duy có điều ông Rollebon nọ làm tôi khó chịu. Ông ta bí ẩn trong cả những sự việc

nhỏ nhất nhất. Ông đã có thể làm gì tại vùng Ukraine vào tháng tám năm 1804? Ông nói về cuộc du lịch của mình bằng những câu úp mở:

“Hậu thế sẽ phán đoán xem những cố gắng của tôi, những cố gắng mà sự thành công cũng không thể nào đền bù lại được, có xứng đáng hơn là một cuộc bỏ báng dữ dội và những lời nhục mạ mà người ta phải chịu đựng trong im lặng, khi tôi có ý định gì làm câm miệng những người đàm tiếu và đẩy họ vào cơn sợ hãi.”

Tôi đã để cho mình sa sẩy một lần: ông ta tỏ ra đầy những điều ản ước kèn kiệu nhân một cuộc du lịch ngắn của ông ở Bouville năm 1790. Tôi đã mất cả một tháng trời để kiểm chứng những hành vi và cử chỉ của ông. Rốt cuộc tôi biết rõ rằng ông đã làm cho con gái một trong những trại chủ của mình mang thai. Đấy có phải chỉ là một tay phường chèo thôi sao?

Tôi bức tức với con người hợm hĩnh đầy dối trá đó; có thể đấy là do lòng hờn giận: tôi thích ông nói dối với những người khác, nhưng muốn rằng ông trừ tôi ra; tôi cho rằng chúng tôi hiểu nhau như những tay kẻ cắp trong phiên chợ, trên tất cả những người chết nọ và muốn rằng rốt cuộc ông lại nói với tôi,

với chính tôi, sự thật! Ông đã chẳng nói gì, tuyệt chẳng nói gì; cũng chẳng nói đến chuyện ông đã đánh lừa hoàng đế Alexandre hay Louis thập bát. Điều quan trọng đối với tôi Rollebon là một mẫu người tốt bụng. Đom dáng, cố nhiên: ai lại không thế? Nhưng là một tay làm đom cỡ bự hay cỡ nhỏ? Tôi không ưa thích lắm những cuộc khảo tâm lịch sử để có thể mất thì giờ của mình cho một người chết, người mà nếu còn sống, tôi cũng chẳng thèm chạm đến tay y. Tôi biết gì về Rollebon? Người ta không thể mơ mộng đến một cuộc sống nào huy hoàng hơn cuộc sống của ông ta. Song ông ta đã tạo ra cuộc sống đó cho mình? Nếu như những lá thư ông để lại không mang về khoa trương đến thế... A! Còn phải biết đến cái nhìn của ông, có thể là ông có một kiểu cách duyên dáng để nghiêng đầu xuống, hay để tạo ra một vẻ tinh quái, ngón tay trở dài ngoằng đặt lên mũi, hoặc là đôi khi, giữa hai điều đối trá nhả nhẹn, lộ ra một cơn hung bạo ngấn ngủi mà ông dập tắt ngay lập tức. Nhưng ông đã chết rồi: ông chỉ còn để lại một cuốn "Luận về chiến lược" và "Những suy tư về đức hạnh."

Nếu cứ để lan man, tôi sẽ tưởng tượng nên ông rất rõ: dưới cái bề ngoài hài hước đặc sắc đã gây cho biết bao nạn nhân, ông là

một người đơn giản, hầu như là kẻ ngây thơ. Ông ít suy nghĩ, nhưng trong mọi trường hợp, nhờ vào một vẻ duyên dáng sâu xa, ông thực hiện đúng những gì cần thiết. Sự làm đom của ông mang vẻ ngây ngô, tự nhiên, đầy quảng đại và cũng thành thực như tình yêu của ông đối với đức hạnh. Và khi ông trở mặt phản bội những ân nhân cùng bằng hữu, ông lại quay về với những biến cố để rút ra từ chúng một nền đạo đức. Ông chẳng hề nghĩ rằng mình có một tí quyền nào trên những người khác, cũng như những người khác chẳng có quyền gì trên ông: những thiên năng mà cuộc đời ban cho, ông lại xem chúng như là những gì bất khả biện minh và như-không. Ông gấn bó mãnh liệt với mọi sự, song lại dễ dàng tách rời mọi sự. Và những bức thư, những tác phẩm của mình, ông chẳng hề tự tay viết ra: ông giao cho những văn công tạo nên chúng.

Nếu chỉ để đi đến đó, chẳng thà tôi viết ngay một tiểu thuyết về hầu tước De Rollebon còn hơn.

*Mười một giờ khuya.*

Tôi đã dùng cơm tối tại quán “Rendez-vous des Cheminots”. Bà chủ có mặt ở đấy, tôi đã phải hôn nàng, nhưng đấy là do phép

lịch sự. Nàng làm tôi hơi kinh tởm, nàng quá trắng và lại toát ra mùi trẻ sơ sinh. Nàng siết chặt đầu tôi vào ngực trong một mối đam mê tràn bờ: nàng tưởng thế là quyến rũ lắm. Về phần tôi, tôi đưa tay mân mò dưới lớp chăn rồi tay tôi tê cứng lại. Tôi nghĩ đến De Rollebon: nói cho cùng, có gì ngăn cản tôi viết nên một thiên tiểu thuyết về đời ông? Tôi để tay mình lướt dài theo hông nàng và đột nhiên tôi nhìn thấy một khu vườn nhỏ với những lùm cây thấp và rộng, lũng lảng những cành lá rậm rạp phủ đầy lông. Những con kiến chạy khắp nơi, những con rết, những con bướm vải. Còn có những con thú kinh khủng hơn nữa: thân thể chúng được làm bằng những phiến bánh mì nướng chín như những phiến bánh đặt dưới những con bồ câu quay; chúng đi nghiêng nghiêng một bên với những chiếc chân của loài cua. Những chiếc lá rộng đen nghệt những con thú. Đằng sau những cây xương rồng và những cây vả Bắc Phi, cô Velléda của khu công viên đưa tay chỉ vào "sexe" của mình. "Khu vườn này bốc lên mùi nôn mửa", tôi kêu to.

Em không muốn làm anh thức dậy, bà chủ nói, song mộng em bị cắn đau và em phải xuống dưới hiệu để tiếp những người khách của chuyến tàu Paris vừa đến."

*Ngày cuối cùng trong lễ vui Carême.*

Tôi đã đánh đòn Maurice Barrès. Chúng tôi là ba người lính, và một đứa trong bọn bị thủng một lỗ ngay giữa khuôn mặt. Maurice Barrès tiến đến gần, bảo chúng tôi: “Tốt lắm!”. Và ông ban cho mỗi người một bó hoa tím nhỏ. “Tôi không biết đặt nó vào đâu”, người lính có chiếc đầu thủng lỗ nói thế. Lúc bấy giờ Maurice Barrès đã bảo: “Phải đặt bó hoa vào ngay giữa lỗ hồng trên đầu anh”. Người lính trả lời: “Tôi sẽ đặt nó vào lỗ đít ngài”. Và chúng tôi đã vật ngã Maurice Barrès xuống, cởi quần ông ra”. Dưới lớp quần, ông có mặc chiếc áo hồng y màu đỏ. Chúng tôi lột chiếc áo lót ra và Maurice Barrès bắt đầu kêu la: “Coi chừng, tao mặc những chiếc quần cáo dây ghệt xuống lòng bàn chân”. Song chúng tôi đã đánh đòn ông đến có máu ra, và trên mông ông chúng tôi đã dùng những cành hoa tím vẽ nên hình chiếc đầu Déroulède.

Thời gian gần đây, tôi thường hay nhớ lại những giấc mộng của mình. Ngoài ra, hẳn tôi còn trần trở nhiều trong giấc ngủ, vì sáng nào tôi cũng thấy chân mền của mình bị đập tung xuống đất. Hôm nay là ngày cuối cùng trong lễ vui Carême, nhưng ở Bouville, điều đó chẳng có nghĩa gì quan trọng: ngoại trừ

trong cả thành phố có chừng một trăm người hóa trang.

Khi xuống cầu thang, bà chủ đã gọi tôi lại. "Có một lá thư cho anh."

Một lá thư: lá thư cuối cùng tôi nhận được là của người quản thủ thư viện Rouen hồi tháng năm vừa rồi. Bà chủ dẫn tôi vào phòng làm việc của bà; bà chìa cho tôi một phong bì dài màu vàng và căng phồng: Anny đã viết cho tôi. Năm năm nay, tôi chẳng hề được tin gì về nàng. Lá thư mang địa chỉ cũ của tôi ở Paris, dấu tem đóng ngày 1 tháng hai.

Tôi bước ra ngoài; tôi cầm phong thư giữa những ngón tay, tôi không dám mở; Anny không thay đổi loại giấy viết thư của nàng. Tôi tự hỏi nàng có luôn luôn mua giấy ấy tại cửa hiệu tí hon Piccadilly? Tôi nghĩ rằng nàng cũng vẫn còn giữ mái tóc cũ, những lọn tóc hoe vàng trĩu nặng mà nàng không muốn cắt đi. Hẳn nàng phải chiến đấu kiên trì trước tấm gương để cứu vãn khuôn mặt của mình: đấy không phải là làm dõm, cũng không phải nàng sợ mình già; nàng muốn vẫn còn là mình, đúng hệt như tình trạng nàng đang hiện hữu. Đấy có thể là điều tôi thích nhất nơi nàng, lòng trung thành mãnh liệt và nghiêm khắc với những nét nhỏ nhất nhất của hình ảnh mình.

Dòng chữ cứng cõi ghi địa chỉ, viết bằng mực tím (nàng cũng chẳng thay đổi màu mực) hãy còn hơi lấp lánh.

*“Ông Antoine Roquentin”*

Tôi thích đọc tên mình trên những chiếc phong bì nọ vô ngần. Trong một lần sương mù, tôi đã tìm gặp lại nụ cười mỉm của nàng, tôi đã đoán ra được đôi mắt và cái đầu của nàng đang cúi xuống: khi tôi ngồi, nàng đến đứng trước mặt tôi và mỉm cười. Nàng áp phục cả thân thể vào tôi, ôm lấy vai và lay tôi bằng đôi tay rộng mở.

Chiếc phong bì nặng trĩu, hẳn nó phải chứa ít ra là sáu trang thư. Những hàng chữ như ruồi bò của bà gác cửa thuở xưa chạy xiên xẹo:

*“Khách sạn Printana – Bouville.”*

Những chữ nhỏ đó không lấp lánh sáng.

Khi bóc phong thư, sự vỡ mộng làm tôi trở lại sáu năm:

“Tôi không biết làm sao Anny lại có thể làm cho bì thư căng phồng như thế: chẳng bao giờ có gì trong bì thư.”

Câu này tôi đã lặp đi lặp lại hàng trăm lần vào mùa xuân năm 1924, trong khi chiến

đầu như ngày hôm nay để rút ra từ lần giấy lót một mẫu giấy gạch ô vuông. Lần giấy lót mang một vẻ rạng rỡ: màu xanh sẫm với những ngôi sao vàng óng: tựa như một tấm vải nặng hồ. Chỉ riêng mình nó cũng đã chiếm ba phần tư trọng lượng phong bì.

Anny đã viết bằng bút chì:

“Em sẽ qua Paris trong vài ngày nữa. Hãy đến gặp em tại khách sạn Espagne, ngày 20 tháng hai. Em van anh (nàng đã gạch bỏ chữ ‘em van anh’ ở đầu dòng và đã đem nó xuống chỗ ‘gặp em’ bằng một đường xoáy tròn ốc ngo nghĩnh). Em cần gặp anh. Anny.”

Ở Meknès, ở Tanger, khi về nhà vào buổi chiều, đôi khi tôi gặp một mảnh giấy trên giường: “Em muốn gặp anh ngay”. Tôi chạy bỏ hơi, Anny mở cửa đón tôi, lông mày nhướng cao, vé kinh ngạc: nàng chẳng có gì để nói với tôi nữa; nàng lại còn hơi bức tức vì tôi đến với nàng. Tôi sẽ đi; có thể nàng sẽ từ khước không tiếp tôi. Hoặc người ta sẽ bảo tôi tại phòng khách sạn: “Không có cô nào mang tên này ngụ tại đây”. Tôi không tin rằng nàng sẽ làm thế. Duy có điều, chỉ già một tuần thôi, nàng có thể viết cho tôi rằng nàng đã thay đổi ý kiến và chuyện gặp nhau sẽ gác lại một lần khác.

Mọi người đang làm việc. Một ngày cuối tuần trong lễ vui Carême nhạt phèo đang lộ xuất. Con đường Mutilés bốc lên nồng nặc mùi gỗ ẩm, như mỗi lần khi trời sắp mưa. Tôi không thích những ngày kỳ cục này: những rạp chiếu bóng thêm những xuất buổi sáng, những cô cậu học sinh nghỉ học; trên các đường phố, có vẻ gì mơ mơ hồ hồ của những ngày lễ, luôn kích thích sự chú tâm của ta nhưng lại tan biến ngay khi ta để tâm đến nó.

Hiển nhiên là tôi sắp gặp lại Anny song tôi không thể nói được rằng ý tưởng trên làm cho tôi vui sướng. Kể từ khi nhận được bức thư, tôi cảm thấy mình rảnh rỗi. May thay, lúc ấy đang là giữa trưa; tôi không đói bụng, song tôi sắp đi dùng bữa cho qua thời giờ. Tôi vào tiệm Camille, đường Horlogers.

Tiệm là một chiếc hộp đóng kính; tại đây có món dưa cái bắp thái nhỏ hay món thịt cừu xào đậu, suốt đêm. Người ta ghé đó dùng bữa khuya khi ra khỏi rạp hát; những đội cảnh sát chỉ dẫn lại tiệm những du khách đến vào ban đêm và đang cơn đói. Tám chiếc bàn đá hoa. Một chiếc băng nhỏ bằng da chạy dài theo các bức tường. Hai tấm gương lỗ chỗ những vết đỏ hoe. Khung kính của hai chiếc cửa sổ và cửa ra vào làm bằng gương mờ. Chiếc quầy rượu được đặt lùi vào trong

xa. Cũng có một căn phòng nằm bên cạnh. Song tôi chưa hề bước chân vào đấy; nó được dùng cho những cặp nhân tình một đêm.

“Cho xin một đĩa trứng tráng dăm bông.”

Người hầu gái, một cô gái to lớn với đôi gò má đỏ hồng, cứ luôn miệng tươi cười khi nói với đàn ông.

“Tôi không có quyền. Ông có muốn dùng trứng tráng với khoai tây không? Dăm bông đã mọc cả rồi, chỉ có ông chủ mới cắt nó được.”

Tôi kêu một đĩa thịt cừu xào đậu. Người chủ quán tên Camille và là một gã cục cằn.

Người hầu gái bỏ đi. Tôi một mình trong căn phòng cũ kĩ tối ám này. Trong ví tôi, có một lá thư của Anny. Một sự xấu hổ nhằm nhí ngăn không cho tôi đọc lại lá thư. Tôi cố gắng nhớ lại từng câu một.

“Anh Antoine thân mến.”

Tôi mỉm cười: chắc chắn là không, chắc chắn là Anny chẳng bao giờ viết “Anh Antoine thân mến.”

Cách đây sáu năm – chúng tôi vừa dứt khỏi một giao kết chung – tôi đã quyết định đi Đông Kinh. Tôi viết cho nàng vài dòng. Tôi không thể gọi nàng là “Tình yêu thân thiết

của anh” nữa; tôi đã bắt đầu trong tất cả về ngây ngô vô tội “Em Anny thân mến”.

“Em khâm phục tính bình dị dễ dãi của anh rồi đó, nàng trả lời tôi; em đã chẳng hề bao giờ là, và hiện tại, em chẳng hề đang là Anny thân mến của anh. Về phần anh, em xin anh tin rằng anh không phải là anh Antoine thân mến của em. Nếu anh chẳng biết gọi em ra sao, thì tốt hơn anh đừng gọi tên em.”

Tôi bốc lấy lá thư của nàng trong chiếc ví. Nàng đã không viết “Anh Antoine thân mến”. Cuối lá thư, cũng chẳng có những hình thức lịch sự xã giao: “Em cần phải gặp anh. Anny”. Không có dấu hiệu gì có thể cho tôi biết rõ về những tình cảm của nàng. Tôi chẳng thể phàn nàn về việc ấy; tôi nhận ra ở đấy tình yêu đều toàn hảo của Anny. Nàng luôn muốn thực hiện cho kỳ đủ những “giây phút toàn hảo”. Nếu giây phút không thích hợp với dự định này, thời nàng chẳng chú tâm đến gì nữa, sự sống biến mất khỏi mắt nàng, nàng lê lét biếng lười, với dáng vẻ một cô gái lớn đang tuổi dậy thì. Hoặc nữa, nàng kiếm chuyện gây gổ với tôi:

“Anh hỉ mũi trông cứ long trọng như một tay trưởng giả, và anh cứ ho khúc khúc trong mù-xoa với vẻ thỏa mãn lắm.”

Không nên trả lời lại, mà phải đợi chờ: đột nhiên, do vài dấu hiệu nào đó tôi không nhận biết được, nàng rùng mình, những đường nét đẹp uể oải của nàng cứng ra và nàng khởi đầu công việc kiên nhẫn của mình. Nàng mang một vẻ quyến rũ khó cưỡng và đầy duyên dáng; nàng hát nhỏ giữa hai hàm răng và nhìn quanh, đoạn nàng đứng dậy, mỉm cười, đi đến lay vai tôi, và trong một vài khoảnh khắc nào đó, dường như nàng đang ra lệnh cho những đồ vật vây quanh. Nàng giải thích cho tôi nghe bằng giọng trầm và nhanh, về những gì nàng đã chờ mong nơi tôi:

“Nghe này, anh rất muốn cố gắng, phải thế không? Lần trước, anh đã quá ngốc nghếch không thể chịu được. Anh có nhìn thấy giây phút này có thể đẹp đẽ tuyệt diệu đến mức nào không? Anh hãy nhìn bầu trời xem, hãy nhìn màu sắc mà mặt trời lưu lại trên tấm thảm. Em vừa mới mặc chiếc áo màu xanh lá cây và không xoa phấn, em đang xanh lốt. Anh lùi lại xem, đến ngồi trong bóng tối; anh hiểu anh phải làm gì chứ? Này, nhìn xem! Trời đất ơi, sao trông anh ngổ thế! Nói với em lời gì đi.”

Tôi cảm nghiệm rằng sự thành công của sự việc đang nằm trong tay tôi: cái khoảnh khắc nọ mang một ý nghĩa tối tăm mà người

ta cần phải đổ gọt và làm cho toàn hảo; một vài cử chỉ phải được thực hiện, một vài lời nói phải được thốt ra: tôi ngã quỵ dưới sức nặng của trách nhiệm mình, tôi mở to mắt ra và chẳng nhìn thấy chi cả, tôi giãy giụa trong những lễ nghi mà Anny vừa cấp thời tạo ra và bằng đôi cánh tay to lớn của mình, tôi xé rách chúng như những lưới nhện. Vào những giây phút đó, nàng ghét hận tôi.

Chắc chắn tôi sẽ đến gặp nàng. Tôi quý mến và vẫn còn thương yêu nàng bằng cả hồn tôi. Tôi cầu mong rằng một kẻ khác sẽ có đủ may mắn và khéo léo hơn tôi trong cái trò “những giây phút toàn hảo” nọ.

“Những sợi tóc quấy quái của anh làm hỏng hết mọi sự, nàng đã bảo thế. Anh muốn người ta làm gì được với một gã đàn ông tóc hoe chứ?”

Nàng mỉm cười. Thoạt tiên tôi đã mất đi hoài niệm về đôi mắt nàng, kế đến là hoài niệm về tấm thân dài mềm của nàng. Tôi đã giữ lại trong một thời gian tối đa, nụ cười mỉm của nàng, và rồi, cách đây ba năm, tôi cũng đã mất nó luôn. Mới đây, khi nhận lá thư từ tay bà chủ, đột nhiên nụ cười mỉm ấy lại trở về với tôi; tôi đã tưởng mình đang nhìn thấy Anny mỉm cười. Tôi cố nhớ lại nụ cười ấy lần nữa: tôi cần cảm nghiệm tất cả những nỗi

niềm triu mến mà Anny đang làm nảy nở trong tâm trí tôi; nó đang có đó, cái nỗi niềm triu mến nọ, nó rất gần gũi tôi, nó chỉ đòi hỏi được khai sinh. Song nụ cười mỉm đó chẳng hề trở lại: thế là hết. Tôi trống rỗng trong hồn và khô khan vô vị.

Một người đàn ông bước vào, lạnh lẽo.

“Chào quý ông bà.”

Gã ngồi xuống, vẫn không rời chiếc áo khoác ngoài ngả sang màu lục. Hai bàn tay dài của gã chà xát và xoắn những ngón lại với nhau.

“Thưa ông dùng gì ạ?”

Gã giật nảy mình, đôi mắt ưu tư:

“Chi? À, cho tôi một ly Byrrh pha nước.”

Người hầu gái vẫn không động dậy. Trong gương, khuôn mặt nàng mang vẻ ngái ngủ. Thực ra, mắt nàng vẫn mở, song đấy chỉ là những khe mắt. Nàng luôn luôn như thế, nàng không vội phục dịch khách hàng, luôn luôn nàng dành ra một phút để mơ mộng trên những món họ gọi. Hẳn nàng đang nghĩ đến chiếc chai mà nàng sắp sửa lấy ra trên quầy, đến chiếc nhãn trắng với những chữ đỏ, đến chất nước ngọt sánh đặc màu đen nàng sắp rót ra: tưởng như chính nàng đang uống vậy.

Tôi chuỗi lá thư của Anny vào ví; lá thư đã cho tôi những gì nó có thể; tôi không thể thả trí nghĩ lên đến người đàn bà đã cầm nó trong tay, gấp lại, đặt vào phong bì. Người ta có thể nào có khả năng nghĩ tưởng đến một người nào đó trong quá khứ hay không? Trong lúc còn yêu nhau, chúng tôi không cho phép dù một khoảnh khắc nhỏ nhất vô nghĩa nào, dù nỗi đau khổ nhẹ nhàng nào của chúng tôi được tách lìa khỏi hai người và ở lùi đằng sau. Những âm thanh, những làn hương, những sắc diện của ngày, ngay cả những tư tưởng mà chúng tôi không thốt ra, chúng tôi đều mang theo trọn vẹn và tất cả đều còn nguyên nét sinh động; chúng tôi không ngừng hưởng thụ và đau khổ vì chúng trong hiện tại. Chẳng có lấy một hoài niệm nào; một tình yêu không nguôi và thiêu đốt, không bóng tối, không khoáng lùi, không nơi trú ẩn. Cả ba năm hiện diện về cùng một lúc. Chính vì lẽ đó mà chúng tôi đã chia biệt nhau: chúng tôi không còn đủ sức để chịu đựng gánh nặng này nữa. Và rồi, khi Anny đã rời bỏ tôi, ngay lập tức, luôn một lúc, cả ba năm bị sụp đổ tan tành trong quá khứ. Tôi không cả đau đớn nữa, tôi cảm thấy hồn mình trống rỗng. Kể đó, thời gian lại khởi sự chảy trôi và khoảng trống vắng lớn dần. Kể đó, tại Sài Gòn, khi tôi quyết định trở về Pháp, tất cả những gì hãy

còn lưu giữ trong tôi – những khuôn mặt xa lạ, những công trường, những bến tàu dọc theo bờ sông dài – tất cả đều bị tan biến vào hư vô. Và đấy, dĩ vãng của tôi chỉ còn lại như một lỗ hổng to lớn. Hiện tại của tôi: người hầu gái với chiếc áo lót đen đang mơ mộng gần quầy rượu, gã đàn ông dễ thương kia. Tất cả những gì tôi biết được về cuộc đời của tôi, hình như tôi đã học chúng trong sách vở. Những toà lâu đài ở Bénarès, chiếc sân thượng của quốc vương Lépreux, những đền đài ở Java với những chiếc cầu thang lớn bị vỡ, đã được phản ánh trong mắt tôi trong một khoảnh khắc, song chúng vẫn cứ ở đấy, ngay tại chỗ của mình. Vào chiều tối, chuyển tàu điện ngang qua khách sạn Printania không mang theo nơi mặt kính toa tàu phản ánh của tấm bảng hiệu bằng đèn ống; nó chỉ bùng sáng lên trong một khoảnh khắc rồi chạy xa dần với những khung cửa kính tối đen.

Gã đàn ông nọ không ngừng chăm chú nhìn tôi: gã làm tôi phiền muộn. Gã có vẻ rất oai vệ nhờ tầm vóc cao lớn của mình. Sau cùng, người hầu gái quyết định dọn rượu cho gã. Nàng lười biếng đưa cánh tay to lớn màu đen lên, vớ lấy chai rượu và mang đến cho ông khách cùng với chiếc ly.

“Rượu đây, thưa ông.”

“Ông Achille”, gã bảo với vợ nhà nhạn của dân thành thị.

Người hầu gái im lặng rót rượu; đột nhiên gã nọ nhanh nhẹn rút ngón tay ra khỏi lỗ mũi và đặt cả hai bàn tay trải rộng trên bàn.

Gã đã ngã ngựa đầu ra sau và đôi mắt lấp lánh. Gã nói bằng một giọng lạnh lẽo:

“Con bé khốn nạn thật.”

Người hầu gái giật nảy mình và tôi cũng nhảy nhồm người lên: gã có một kiểu nói khó xác định được, có thể nói là gây kinh ngạc, như thể một kẻ khác vừa thốt ra câu đó. Cả ba chúng tôi đều khó chịu.

Người hầu gái to lớn định tĩnh lại trước tiên: nàng ta thiếu óc tưởng tượng. Nàng ngạo nghễ nhìn ngắm ông Achille nọ với vẻ đường bệ trang nghiêm: nàng biết rõ rằng mình chỉ cần dùng một tay là đủ để rút ông ta ra khỏi ghế và ném ra ngoài cửa.

“Tại sao tôi lại là một cô bé khốn nạn chứ?”

Gã nọ do dự. Gã nhìn nàng, bối rối, đoạn cười to. Khuôn mặt gã hằn lên cả ngàn vết nhăn, cổ tay gã phác những cử chỉ nhẹ nhàng:

“Điều đó làm nàng phật ý. Tôi bảo chơi chơi thể thôi; tôi bảo: con bé khốn nạn. Tôi không cố ý ám chỉ gì.”

Song nàng ta đã xoay lưng lại với gã và bỏ đi ra phía sau quầy rượu: nàng bị xúc phạm thực tình. Gã nọ hãy còn cười lớn:

“Ha! Ha! Câu ấy tôi vô tình thốt ra. Người ta giận dữ há? Nàng giận rồi”, gã nói, có ý mơ hồ muốn phân bua với tôi.

Tôi quay đầu lại. Gã nọ nâng nhẹ ly lên, song không nghĩ tới chuyện uống: gã nháy nháy mắt với một vẻ kinh ngạc và sợ sệt; tưởng như gã đang tìm cách nhớ lại một chuyện gì đó. Người hầu gái đã ngồi ở quầy thu ngân; nàng đang khâu vá. Tất cả đã trở lại im lặng: song không còn là sự im lặng như trước nữa. Ngoài kia trời đang mưa: mưa đập nhẹ nhàng trên các mặt kính mờ; nếu còn những trẻ em hóa trang trên các đường phố, mưa sẽ làm những mặt nạ bằng giấy bìa của chúng mềm nhão và lem luốc.

Người hầu gái bật đèn lên: gần hai giờ rồi. Song trời còn tối đen, nàng chẳng nhìn thấy đủ để khâu vá nữa. Ánh sáng dịu dàng; mọi người đang ở yên trong nhà, hẳn họ cũng đã thấp đèn lên. Họ đọc sách, họ nhìn bầu trời qua khung cửa sổ. Đối với họ... lại là điều khác. Họ đã già cỗi theo một cách khác. Họ sống yên giữa những di sản, những quà tặng và mỗi đồ đạc trong nhà là một kỷ niệm.

Những chiếc đồng hồ quả lắc nhỏ, những huy chương, những bức chân dung, những vỏ sò vỏ ốc, những vật chận giấy, những tấm bình phong, những chiếc khăn choàng cổ. Họ có những chiếc tủ đầy những chai lọ, vải vóc, áo quần cũ, nhật báo; họ đã lưu giữ lại mọi thứ. Dĩ vãng, chính là một món xa xỉ của người sở hữu.

Như thế, tôi sẽ bảo tồn dĩ vãng của tôi nơi đâu đây? Người ta không cất dĩ vãng trong túi được; cần phải có một mái nhà để sắp đặt dĩ vãng ấy cho chỉnh đốn. Tôi chỉ sở hữu được thân thể mình; một con người hoàn toàn cô đơn, với tấm thân thể duy nhất, không thể nào chụp giữ những kỷ niệm lại được; những kỷ niệm xuyên ngang người họ. Tôi cũng chẳng nên phàn nàn làm gì: tôi đã chỉ ước muốn được tự do.

Gã đàn ông nhỏ người động dậy và thở ra. Gã đã co mình trong chiếc áo khoác, song thỉnh thoảng lại đứng thẳng dậy và biểu lộ một dáng vẻ con người. Cả gã nọ nữa, cũng chẳng có quá khứ. Hiển nhiên nếu để tâm tìm kiếm, người ta sẽ có lúc gặp được nơi nhà những kẻ họ hàng, nay chẳng còn lại vãng với mình nữa, một bức ảnh chụp họ trong dịp hôn lễ, với chiếc cổ áo bị gãy, chiếc sơ mi có yếm và một bộ râu mép cứng nhắc thời thanh

niên. Riêng phần tôi, tôi tin mình cũng chẳng còn đến cả những thứ đó.

Gã lại nhìn chăm tôi. Lần này gã sắp sửa ngổ lời với tôi đây, tôi cảm thấy toàn thân cứng đờ. Không phải là vì giữa chúng tôi đã nảy sinh mỗi thiện cảm, không: chỉ vì chúng tôi giống nhau, thế thôi. Gã cũng cô đơn như tôi, song còn chìm sâu vào cô đơn hơn tôi nữa. Hẳn gã đang đợi cơn Buồn Nôn hay một thứ gì cùng loại. Như thế, hiện giờ đã có những người đang *nhìn nhận* tôi, những kẻ nghĩ thâm trong đầu – sau khi nhìn kỹ khuôn mặt tôi: “Thằng cha đó cũng thuộc bọn mình”. Sao? Gã muốn gì cơ chứ? Gã phải biết rõ rằng chúng tôi không thể làm gì trợ giúp cho nhau được. Các gia đình đang đoàn tụ trong những ngôi nhà, giữa những kỷ niệm. Còn chúng tôi đang ngồi tại đây, hai tàn vật trôi giạt không trí nhớ. Nếu thành linh gã nọ đứng dậy, nếu gã ngổ lời với tôi, chắc tôi sẽ nhảy nhồm lên cao vì giật mình.

Cánh cửa mở ra ồn ào: bác sĩ Rogé.

“Chào quý vị.”

Lão bác sĩ bước vào, vẻ dữ tợn và nghi ngờ, đôi chân dài hơi mỗi run, đôi chân chống đỡ khó nhọc thân thể. Ngày chúa nhật, tôi thường gặp lão luôn tại quán rượu

Vézelize, song lão không nhận ra tôi. Lão rắn chắc như những tay huấn luyện viên kỳ cựu ở Joinville: đôi cánh tay nở nang như những bắp đùi, vòng ngực một trăm mười phân nhưng tất cả những thứ đó chẳng đứng vững.

“Jeanne, em Jeanne cứng.”

Lão lơn tơn đi đến móc áo để móc chiếc mũ nỉ lớn khổ. Người hầu gái đã xếp việc khâu vá lại và chậm rãi, lừ đừ, tiến đến cởi chiếc áo mưa cho lão bác sĩ.

“Thưa, bác sĩ muốn dùng gì ạ?”

Lão ta nhìn nàng với vẻ uy nghiêm. Đấy đúng là cái mà tôi gọi là một đầu người đẹp. Bị hao mòn, lõm sâu, vì cuộc sống và những nỗi đam mê. Song lão bác sĩ đã thấu hiểu cuộc đời, đã chế ngự được những dục vọng mê đắm của mình.

“Tôi cũng chẳng biết tôi muốn gì nữa”, lão nói bằng một giọng thâm trầm.

Lão đã buông người ngồi xuống trên chiếc băng nhỏ đối diện với tôi; lão thăm mỗ hời trên trán. Ngay khi không còn đứng trên đôi chân mình nữa, lão tìm lại được vẻ thoải mái. Đôi mắt lão làm người đối diện sợ hãi, đôi mắt to đen và đầy uy quyền.

“Cho ta... cho ta, cho ta, cho ta – một ly rượu tần lâu năm, bé cứng.”

Người hầu gái không cử động, im ngấm cái gương mặt to lớn bị thời gian xoi trụng. Nàng đang mơ mộng. Gã đàn ông khi nãy đã ngẩng đầu lên với một nụ cười giải thoát. Và quả thế: lão to lớn nọ đã giải thoát chúng tôi. Nơi đây vài phút trước đã có một điều gì kinh khủng sắp chộp lấy chúng tôi. Tôi thở phào nhẹ nhõm: bây giờ, ta đang ở giữa những con người với nhau.

“Sao, rượu tần của tôi có rồi chứ?”

Người hầu gái giật nảy mình, bỏ đi. Lão bác sĩ đã vươn rộng tay ra và nắm trọn lấy mép bàn. Ông Achille coi bộ vui vẻ lắm: gã muốn thu hút sự chú ý của lão bác sĩ. Song gã ta đã đóng đưa vô ích đôi chân và hoài công nhảy cả trên chiếc băng nhỏ, gã quá bé nhỏ, bần tiện, đến độ không gây ra tiếng động.

Người hầu gái mang rượu tần lại. Dùng đầu ra hiệu, nàng chỉ cho lão bác sĩ thấy gã ngồi cạnh. Lão bác sĩ Rogé chậm chạp xoay tròn thân mình lại: lão không thể cử động chiếc cổ được.

“Sao, mày đấy à, đồ nhơ nhớp, lão kêu to lên, mày chưa chết sao?”

Lão hỏi người hầu gái:

“Cô cũng tiếp thứ đó tại quán này à?”

Lão ta chăm chú nhìn gã nhỏ người nọ với đôi mắt dữ tợn. Một cái nhìn thẳng thừng, đặt lại mọi sự vào đúng vị trí. Lão giải thích:

“Đây là một tay trước đây mắc chứng tàng tàng điên điên đó.”

Lão cũng chẳng nhọc công chứng tỏ rằng mình đang nói đùa. Lão biết gã điên điên tàng tàng nọ sẽ chẳng nổi giận và sắp mỉm cười. Và quả như vậy: gã kia mỉm cười với vẻ nhân nhượng từ tốn. Một người điên điên tàng tàng trước đây: gã thoải mái và tự cảm thấy được che chở chống lại chính mình; ngày hôm nay sẽ chẳng có gì xảy ra cho gã cả. Điều quan trọng nhất là tôi cũng đã được an tâm. Một gã trước đây đã điên điên tàng tàng: như thế đấy, chỉ như thế đấy.

Lão bác sĩ mỉm cười, lão ném cho tôi một cái nhìn đầy quyến rũ và a tòng: hẳn là vì vóc dáng của tôi – ngoài ra, tôi lại còn mặc một chiếc sơ mi sạch sẽ – lão ta rất muốn liên kết tôi vào trong cuộc bốn cột của mình.

Tôi không cười, tôi không đáp trả sự đi nước trước của lão: lúc bấy giờ, vẫn không ngừng cười, lão dán chặt vào tôi cái ngọn lửa khùng khiếp của đôi đồng tử. Chúng tôi im lặng nhìn nhau trong một vài khoảnh khắc: lão ta quan sát tôi từ đầu đến chân như người

cận thị, lão đang sắp hạng tôi đây. Trong hạng những kẻ điên điên tàng tàng? Những tay du đảng?

Chính lão quay đầu đi trước: một chút thua thiệt đối với một gã cô đơn, không có tầm quan trọng xã hội, điều đó quả không đáng nói, và người ta sẽ quên nó ngay lập tức. Lão cuộn một điếu thuốc, châm lửa, đoạn ngồi bất động với đôi mắt đăm đăm và khắc bạc như kiểu những ông già.

Những nét nhăn xinh đẹp, lão ta đều có đủ: những nét ngang trên trán, những làn nhăn cuối mắt, những nếp gấp cay đắng bên mỗi khoé miệng, không kể đến những sợi dây vàng treo lủng lẳng dưới cằm. Đó là một người gặp nhiều may mắn: khi thấy họ từ rất xa, người ta tự nhủ rằng hẳn họ đã phải đau khổ nhiều và là một người đã từng sống trải cuộc đời. Vả lại, lão ta xứng đáng mang khuôn mặt đó, vì chẳng có giây phút nào lão lằm lẩn về cách thức lưu định và sử dụng quá khứ của mình: lão đã nhồi rơm quá khứ và biến quá khứ thành kinh nghiệm, dành cho những người đàn bà và những thanh niên sử dụng.

Ông Achille sung sướng như đã từ lâu rồi, gã chẳng hề được sung sướng. Gã há hốc miệng ra ngưỡng phục; gã uống cốc rượu

Byrrh từng ngum nhỏ, và phồng má ra. A! Lão bác sĩ đã biết cách ăn nói, hành động! Không phải lão tự để cho mình bị dụ hoặc bởi một tay diên diên tàng tàng sắp lên cơn; một cú bất ngờ, một vài lời đột ngột và kích động, đó là những gì cần cho họ. Lão bác sĩ đã có kinh nghiệm. Đây là một tay chuyên nghiệp về kinh nghiệm: những y sĩ, những thầy tu, những quan tòa và những sĩ quan đều biết rõ con người như thế họ đã tự tay tạo ra nó.

Tôi xấu hổ cho thằng cha Achille. Chúng tôi cùng đứng về một phía, và chúng tôi phải hợp thành khối chống lại họ. Song gã đã bỏ rơi tôi, gã đã trở gót sang hàng ngũ bên kia; gã tin tưởng một cách thành thật vào Kinh Nghiệm. Không phải kinh nghiệm của gã, cũng chẳng phải kinh nghiệm của tôi. Mà kinh nghiệm của bác sĩ Rogé. Mới lúc này đây, ông Achille cảm thấy mình kỳ cục, và mang cảm tưởng mình đang hoàn toàn cô độc; hiện tại, gã biết rằng có những người khác thuộc cùng một loại với mình, nhiều người khác: lão bác sĩ Rogé đã gặp họ, lão ta có thể thuật lại cho ông Achille lịch sử của mỗi một người trong bọn và nói rõ lịch sử ấy kết thúc như thế nào. Ông Achille là một trường hợp đặc biệt, chỉ có thế, và trường hợp đặc biệt đó rất dễ đưa về một vài khái niệm chung chung.

Tôi rất muốn bảo cho gã biết rằng người ta đang lừa gạt gã, rằng gã đang chơi cái trò những nhân vật quan trọng. Những tay nhà nghề của kinh nghiệm? Họ đã kéo lê đời sống mình trong sự tê công trì độn, và trạng thái mơ mơ màng màng; rồi vì thiếu kiên nhẫn, họ đã vội kết hôn, và đã sinh ra những đứa con do tình cờ. Họ đã gặp gỡ những người khác trong những quán cà phê, nơi những lễ cưới, những đám táng. Đôi khi, bị cuốn vào trong một cơn xoáy động, họ vùng vẫy quần lộn mà không hiểu những gì đang xảy đến cho mình. Tất cả những gì diễn ra chung quanh họ đã bắt đầu và được kết thúc ngoài tầm thấy hiểu của họ; những hình thể dài dặc tối tăm, những biến cố đến từ xa xôi đã phớt chạm qua họ nhanh như lần chớp và, khi họ muốn nhìn rõ chúng, tất cả mọi sự đã kết thúc. Rồi, khi xấp xỉ bốn mươi, họ đặt cho những cơn ương ngạnh vụn vặt của mình và một vài câu cách ngôn cái tên là kinh nghiệm. Họ khởi sự làm những chiếc máy phân bố tự động: hai đồng xu bỏ vào khe hở bên trái và chiếc máy nhả ra những câu chuyện vật được gói kỹ trong tờ giấy bạc; hai xu bỏ vào khe bên phải và người ta nhận được những lời khuyên nhủ quý báu dính chặt vào răng như những thứ đường ngào mềm mại. Theo điệu ấy, cả tôi nữa, tôi cũng

có thể làm cho họ mời tôi đến giữa nhà bọn họ, và họ sẽ bảo với nhau rằng tôi là một nhà đại du hành trước Vinh Cửu. Vâng: những người Hồi giáo đi tiểu bằng cách ngồi xổm; những bà mẹ Ấn Độ dùng thủy tinh tán nhỏ trong phân bò, thay cho chất ergotine; tại Bornéo, khi một người con gái có kinh, cô phải leo lên ở trên mái nhà ba ngày ba đêm. Ở đô thị Venise, tôi đã nhìn thấy những đám táng bằng du thuyền, ở Séville những buổi lễ của tuần Thánh, tôi đã nhìn thấy cảnh chúa Giê-su thụ khổ nạn ở Oberammergau. Hiển nhiên, tất cả những thứ đó chỉ là một kiểu mẫu ít ỏi trong số những gì tôi biết được: tôi còn có thể ngả người trên một chiếc ghế và khởi đầu trong vẻ thích thú:

“Thưa bà, bà biết Jihlava chứ? Đấy là một thành phố nhỏ bé đầy kỳ lạ ở Moravie, nơi tôi đã lưu ngụ vào năm 1924...”

Và viên chánh thẩm toà án, người ta đã từng gặp thấy nhiều cảnh ngộ đặc biệt, sẽ lên tiếng khi tôi kể dứt câu chuyện:

“Quả thật thế, thưa ông, quả thật như thế là thường tình. Tôi đã gặp một trường hợp giống như vậy khi mới bắt đầu vào nghề. Năm đó là năm 1902. Lúc ấy tôi đang giữ chức thẩm phán dự khuyết tại Limoges...”

Chỉ thế, người ta đã làm tôi quá bức mình với loại chuyện đó trong thời thanh niên. Tuy nhiên, tôi đã không thuộc vào một gia đình gồm những người chuyên nghiệp. Song cũng có những tay tài tử. Đây là những người thư ký, những công nhân, những thương gia, tất cả những người nghe kể khác kể chuyện nơi quán cà phê: họ cảm thấy lòng mình phồng căng lên bởi một kinh nghiệm mà họ không thể tiêu thụ ra ngoài được, khi xấp xỉ tuổi bốn mươi. May mắn thay, họ tạo ra những đứa bé và cưỡng bách chúng tiêu thụ kinh nghiệm đó tại chỗ. Họ muốn làm cho chúng ta tin rằng quá khứ họ đã chẳng hề mất đi, những hoài niệm của họ chẳng hề bị cứng đọng lại, bị hoán cải dịu dàng thành sự Khôn Ngoan. Dĩ vãng tiện lợi! Một thứ dĩ vãng loại bỏ túi, theo kiểu một quyển sách nhỏ mạ vàng đầy những câu châm ngôn đẹp đẽ. "Hãy tin nơi tôi, tôi đang nói với anh bằng kinh nghiệm, tất cả những gì tôi biết được, tôi đều đón nhận từ đời sống". Có phải là Đời Sống đã nhận lãnh trách nhiệm suy tưởng thay cho họ? Họ giải thích cái mới mẻ bằng cái cổ xưa, và cái cổ xưa lại được giải thích bằng những biến cố cổ xưa hơn nữa, như thế những tay sử gia đã biến Lénine thành một Robespierre nước Nga, và biến Robespierre thành một Cromwell nước Pháp: rất cuộc, họ

đã chẳng hề hiểu gì cả... Đằng sau cái bộ điệu quan trọng của họ, người ta đoán thấy một sự biếng lười đầy áo não: họ nhìn thấy những ngoại ảnh diễn qua trước mắt, họ ngáp dài, họ nghĩ rằng chẳng có gì mới mẻ dưới bầu trời này. “Một gã điên điên tàng tàng trước đây” – và lão bác sĩ Rogé mơ hồ nghĩ đến những người điên điên tàng tàng khác trước đây, mà ông chẳng còn đặc biệt nhớ lại một khuôn mặt nào. Hiện tại, chẳng có hành vi nào của ông Achille lại có thể làm cho chúng ta ngạc nhiên: Bởi vì đây là một gã trước đây đã điên điên tàng tàng!

Đó không phải một người trước đây đã điên điên tàng tàng: y đang sợ hãi. Y sợ hãi điều chi? Khi muốn hiểu thấu đáo một sự vật, người ta tự đặt mình đối diện với sự vật, trong tình trạng thật là đơn lẻ, không nơi cầu viện; tất cả quá khứ của mọi người thiên hạ đều không thể dùng làm gì được cả. Và rồi, sự vật biến dạng và những gì người ta đã hiểu được cũng biến dạng theo với nó.

Những ý tưởng tổng quát lại còn hơn trốn phỉnh phờ hơn. Rồi thì những tay tài tử và ngay cả những người chuyên nghiệp, rốt cuộc, lại luôn luôn có lý. Sự khôn ngoan đòi hỏi họ gây ra một tiếng động tối thiểu, sống tối thiểu, tự để mình bị quên lãng đi. Những

câu chuyện hay ho nhất của họ là những chuyện về các sự cầu tha, các sự độc đáo đã bị trừng phạt. Vâng, mọi sự diễn ra như thế và không ai nói lời ngược lại. Có thể ông Achille không được yên ổn lương tâm. Có thể gã đang tự nhủ rằng không đến nỗi như thế nếu trước đây gã đã chịu nghe những lời khuyên lơn của cha, của người chị cả. Lão bác sĩ có quyền được nói: lão chẳng làm hỏng đời mình; lão đã biết làm cho cuộc đời ấy thành hữu ích. Trên cái tàn vật nhỏ bé nọ, lão dựng đứng lên, yên tĩnh và mạnh mẽ, như một tảng đá.

Bác sĩ Rogé đã uống cốc rượu tân. Cái thân thể to lớn của lão thu nhỏ lại và đôi mí mắt nặng nề khép xuống. Lần đầu tiên, tôi nhìn thấy khuôn mặt lão không có mắt: như tưởng một tấm mặt nạ bằng giấy bìa, như những tấm mặt nạ đang bày bán nơi các cửa hiệu. Đôi gò má lão phủ một màu hồng gôm ghiếc... Sự thật đột nhiên hiển lộ ra với tôi: người đang ngồi đấy chẳng bao lâu nữa sẽ chết. Chắc chắn là lão ta biết rõ điều đó; chỉ cần lão tự nhìn mình trong một tấm gương: mỗi ngày lão lại càng giống hết thêm một chút với cái thầy ma trong tương lai. Đấy chính là bản chất kinh nghiệm của họ, đấy chính là lý do vì sao tôi thường hay tự nhủ

rằng kinh nghiệm ấy tỏa ra mùi chết: đó là sự tự vệ cuối cùng của họ. Lão bác sĩ rất muốn tin vào nó, lão muốn dùng mặt nạ để che kín cái thực tại bất khả biện giải: rằng lão đang cô đơn, không kinh nghiệm, không dĩ vãng, với một trí thông minh đang làm lão mập phệ ra, một thể xác đang tàn lụn. Lúc bấy giờ, lão đã khéo kiến tạo, khéo chỉnh đốn, bố trí, khéo nhồi độn cái cơn mê sáng bù trừ của mình: lão tự nhủ rằng mình đang tiến bộ. Lão có những lỗ hổng trong tư tưởng ư? Những giây phút mà cái đồ xoay cuồng vô bổ trong đầu lão? Đấy là vì phán đoán của lão không còn tính hấp tấp của tuổi thanh niên. Lão không còn hiểu nổi những gì được viết ra trong những cuốn sách nữa? Đấy chỉ vì hiện giờ, lão quá cách xa với sách vở. Lão không còn có thể làm ái tình được nữa? Nhưng mà lão đã có làm rồi. Đã làm ái tình thì tốt đẹp vạn lần hơn là còn đang làm ái tình nữa: với một khoảng thụt lùi, người ta phán đoán, so sánh và phản tỉnh. Và cái khuôn mặt kinh khủng của người chết đó, để có thể chịu đựng nổi khi nhìn ngắm nó trong gương, lão đang cố sức tin rằng những bài học của kinh nghiệm đã in hằn lên đấy.

Lão bác sĩ hơi quay đầu đi. Mí mắt hé mở, lão nhìn tôi với đôi mắt đỏ hồng vì buồn

ngủ. Tôi mỉm cười với lão. Tôi muốn rằng nụ cười này tỏ lộ cho lão biết tất cả những gì lão đang gắng sức che đậy. Chính nụ cười đó sẽ đánh thức lão dậy, nếu lão có thể tự bảo mình: "Kìa là một kẻ đang biết rằng ta sắp sửa tàn đời đây!". Song hai mí mắt lão lại hạ xuống: lão ngủ yên. Tôi bỏ đi, tôi để cho ông Achille nọ canh chừng giấc ngủ.

Mưa đã dứt hột, không khí mát dịu, bầu trời trải chậm những hình ảnh xinh đẹp màu đen: thật quá tuyệt hảo để làm khung cho một giây phút hoàn hảo; để phản ánh những hình ảnh nọ, Anny sẽ làm nảy sinh trong lòng chúng tôi những ngọn triều u ám nhỏ. Tôi, tôi không biết lợi dụng cơ hội: lòng rộng không và bình thản tôi bước đi theo sự tình cờ, dưới bầu trời tinh khôi chưa người sử dụng đó.

*Thứ tư.*

*Đừng nên sợ hãi.*

*Thứ năm.*

Viết được bốn trang. Kế đó, là một thời gian hạnh phúc dài. Đừng nên suy nghĩ quá nhiều về giá trị của Lịch Sử. Người ta dễ có cơ chán ngán. Đừng nên công bố rằng: vào lúc này, ông De Rollebon tượng trưng cho sự biện chính duy nhất của đời tôi.

Tám ngày nữa, tôi sẽ đi thăm Anny.

*Thứ sáu.*

Sương mù dày đặc trên đại lộ Redoute, đến nỗi tôi cho rằng nên cẩn thận đi men theo những bức tường của trại binh; bên phải tôi, những ngọn đèn pha xe hơi phóng ra trước mặt một luồng ánh sáng ẩm ướt, và không thể nào biết được lề đường kết thúc ở đâu. Có nhiều người xung quanh; tôi nghe được tiếng chân họ bước đi, hoặc đôi khi, cả tiếng rừ rừ nho nhỏ của những lời trò chuyện; nhưng tôi chẳng nhìn thấy ai. Có một lần, một gương mặt đàn bà hiện ra ngang tầm vai tôi, song sương mù đã lập tức nuốt chửng khuôn mặt ấy ngay; lần khác, một người nào đó đi chạm phốt qua và thở thật mạnh. Tôi không biết mình đi đâu, tôi đang quá bận tâm: phải tiến bước cẩn thận, dùng đầu bàn chân dò giẫm mặt đất và có khi lại phải dang tay ra về đằng trước. Tôi chẳng thích thú gì lắm cái trò thể thao này. Tuy thế, tôi không nghĩ đến chuyện quay trở về, tôi đã bị vương bẫy. Sau cùng, quãng nửa tiếng đồng hồ, tôi nhận ra một đám hơi mềm xanh đằng xa. Hướng về đấy, chẳng bao lâu tôi đi đến gần một luồng sáng rộng lớn mờ mờ; ở trung tâm, xuyên thủng sương mù bằng những ngọn đèn hiệu, tôi nhận ra quán cà phê Mably.

Quán cà phê Mably có mười hai ngọn đèn điện; song chỉ có hai ngọn được thắp lên, một trên quầy thau ngân, và một treo sát trần nhà. Gã bồi độc nhất trong quán đẩy mạnh tôi vào một góc tối ám.

“Thưa ông, đừng bước qua lối này, tôi đang lau chùi.”

Gã vận bộ veston, không khoác gi-lê cũng chẳng có cổ giá, với một chiếc sơ mi trắng kẻ vạch tím. Gã ngáp dài, gã vừa nhìn tôi bằng một vẻ gắt gỏng cau có vừa luồn những ngón tay vào tóc.

“Một cà phê đen với bánh croissant.”

Gã chà chà tay vào mắt, không trả lời và đi xa ra. Bóng tối dâng lên tận mắt tôi, một bóng tối bần thiêu giá lạnh. Chắc hẳn lò sưởi chưa được đốt lên.

Tôi không cô độc. Một thiếu phụ màu da bóng sáp đã ngồi trước mặt tôi và đôi tay nàng cử động không ngớt, khi thì để vuốt ve chiếc áo choàng, khi thì sửa chiếc mũ đen cho thẳng. Nàng ngồi chung với một gã tóc vàng lớn vóc, gã đang im lìm ăn một chiếc bánh bơ. Sự im lặng đầy ngọt ngào đối với tôi. Tôi muốn thắp ống vố lên, song lại khó chịu vì tiếng bật diêm sẽ lôi cuốn sự chú ý của họ.

Một hồi chuông điện thoại. Đôi bàn tay dừng lại: chúng bấu chặt vào chiếc áo choàng. Gã bối không vội vã. Gã ngưng quét nhà một cách chậm rãi, trước khi đi nhấc ống nghe lên. “Alô, ông Georges? Chào ông... Vâng, thưa ông... Ông chủ không có đây... Vâng, lẽ ra ông đã xuống... A! Trời sương mù như thế này... Thường lệ thì ông xuống hiệu khoảng tám giờ... Vâng, thưa ông, tôi sẽ làm điều ông nhờ cậy. Chào tạm biệt, ông Georges.”

Sương mù dè nặng trên những cửa gương, tương tự một tấm màn nặng trĩu bằng nhung xám. Một khuôn mặt dán sát vào ô vuông trong thoáng chốc rồi biến mất.

Người thiếu phụ, giọng rên rĩ:

“Cột giày lại cho em với.”

“Giày em có sút ra đâu”, người đàn ông nói song chẳng nhìn. Thiếu phụ bực tức. Đôi tay nàng vuốt dài theo chiếc áo choàng và trên cổ, tựa như những con nhện khổng lồ.

“Có, có mà, cột lại cho em đi.”

Gã nọ khom người xuống trong một vẻ bực mình và sờ nhẹ vào chân nàng dưới gập bàn:

“Xong rồi.”

Nàng mỉm cười hài lòng. Người đàn ông gọi bồi.

“Bồi, bao nhiêu tiền đây?”

“Ông dùng mấy chiếc bánh bơ?”, gã bồi hỏi.

Tôi đã hạ thấp mắt xuống để đừng có vẻ đang nhìn ngắm kỹ gương mặt họ. Sau vài giây, tôi nghe những tiếng răng rắc và nhìn thấy hiện ra mép của một chiếc váy và hai chiếc giày cao cổ nhem nhuốc bùn khô. Đôi giày của người đàn ông đi tiếp theo, bóng loáng và nhọn lều. Chúng tiến bước về phía tôi, đứng dừng bất động đoạn quay nửa vòng: người đàn ông đang khoác áo choàng. Vào lúc đó, dài theo chiếc váy đầm, một bàn tay khởi sự lặn xuống, ở đầu của một cánh tay thẳng đơ; bàn tay hơi do dự, đoạn gài vào váy.

“Em sẵn sàng rồi chứ?”, người đàn ông hỏi.

Bàn tay mở rộng ra và đến chạm vào một bệt bùn hình ngôi sao lớn trên chiếc giày bên phải, đoạn biến mất.

“Thôi đi!”, người đàn ông nói.

Gã đã xách lên một chiếc va-li gần móc áo. Họ đi ra, và tôi nhìn thấy họ dẫn mình vào sâu trong sương mù.

“Hai người đó là nghệ sĩ, gã bồi bảo với tôi khi mang cà phê lại, họ là những người trình diễn trong lúc tạm nghỉ giữa phim tại

rap xi-nê Palace. Người vợ tự bịt mắt lại và đọc vanh vách tên tuổi những khán giả. Hôm nay họ đi vì là thứ sáu và người ta thay đổi chương trình.”

Gã bồi đi tìm bánh sừng trâu trên chiếc bàn hai vợ chồng người nghệ sĩ vừa rời khỏi.

“Thôi, khỏi mất công anh”.

Mấy chiếc bánh sừng trâu đó, quá thật tôi chẳng muốn ăn nữa.

“Tôi phải tắt điện đây. Hai ngọn đèn cho một người khách, vào lúc chín giờ sáng: ông chủ sẽ rầy tôi lắm.”

Bóng tối mờ mờ tràn ngập quán cà phê. Một vùng sáng yếu ớt, nhem nhuốc bởi màu xám và nâu, đang phủ xuống từ những khung cửa kính trên cao.

“Tôi muốn gặp ông Fasquelle.”

Tôi đã không nhìn thấy bà già nọ đi vào quán. Một làn không khí giá lạnh làm tôi rùng mình.

“Ông Fasquelle hãy còn trên phòng.”

“Bà Florent nhờ tôi đến đây, bà già nọ bảo, không ổn rồi. Hôm nay bà ấy sẽ không đến được.”

Florent là người râu ngắn, người đàn bà tóc hoe đỏ.

“Thời tiết này không tốt cho bụng của bà”, bà già nói tiếp.

Gã bồi làm bộ quan trọng:

“Tại sương mù, gã trả lời, cũng như ông Fasquelle đây: tôi lấy làm lạ sao ông chưa xuống hiệu. Có người đã gọi điện thoại hỏi ông rồi đó.

Thường lệ thì ông xuống đây vào lúc tám giờ.”

Bà già nhìn lên trần một cách máy móc:

“Ông ở trên à?”

“Vâng, trên ấy là phòng ông.”

Bà lão nói bằng giọng dề dà, như thể đang tự nhủ với chính mình:

“Những lần lẽ ra ông ta chết...”

“Á à! – gương mặt của gã bồi lộ vẻ tức giận cùng cực – Á à! Cám ơn bà.”

Những lần mà ông ta sắp chết... Tư tưởng này đã phốt qua trí tôi. Đây chính là loại ý tưởng người ta thường nghĩ đến vào những lúc trời nổi sương mù như thế này.

Bà già đi ra. Tôi phải bắt chước bà: trời đang lạnh lẽo và tối đen. Sương mù len vào dưới ngạch cửa, sương mù sắp dâng lên chậm

chập và nhận chìm tất cả. Tại thư viện thành phố, tôi sẽ tìm được ánh sáng và lửa ấm.

Lại một khuôn mặt đến dán sát vào cửa kính; khuôn mặt đang nhăn nhó.

"Xin ông chờ một chút" gã bồi giận dữ bảo, và chạy vụt ra khỏi quán.

Khuôn mặt nhòa tan, tôi còn lại một mình. Tôi tự thống trách mình cay đắng vì đã rời phòng ra đây. Hiện giờ, sương mù hắc đã tràn ngập căn phòng, tôi sợ phải trở về lại đây.

Đằng sau quầy thu ngân, trong bóng tối, một tiếng gì kêu răng rắc. Tiếng động ấy đến từ chiếc cầu thang riêng: viên quản lý đang xuống hiệu chỉnh? Nhưng không phải: không ai xuất hiện cả; những bậc thang tự kêu một mình. Ông Fasquelle hãy còn đang ngủ. Hay là ông ta đang chết trên đầu tôi, cũng chưa biết chừng. Tìm thấy chết trên giường, một buổi sáng sương mù. – Ở dưới hàng "tít" lớn: trong quán cà phê, khách hàng đang ăn uống và không ngờ chi cả...

Nhưng ông ta có còn ở trên giường chẳng? Hay ông lại chẳng lộn nhào, kéo lôi những tấm chăn theo mình và động đầu xuống sàn nhà?

Tôi biết rất rõ ông Fasquelle; đôi khi ông có hỏi thăm sức khỏe của tôi. Ông là một

“Thời tiết này không tốt cho bụng của bà”, bà già nói tiếp.

Gã bồi làm bộ quan trọng:

“Tại sương mù, gã trả lời, cũng như ông Fasquelle đây: tôi lấy làm lạ sao ống chưa xuống hiệu. Có người đã gọi điện thoại hỏi ống rồi đó.

Thường lệ thì ống xuống đây vào lúc tám giờ.”

Bà già nhìn lên trần một cách máy móc:

“Ống ở trên à?”

“Vâng, trên ấy là phòng ống.”

Bà lão nói bằng giọng dễ dãi, như thể đang tự nhủ với chính mình:

“Những lần lẽ ra ông ta chết...”

“Á à! – gương mặt của gã bồi lộ vẻ tức giận cùng cực – Á à! Cảm ơn bà.”

Những lần mà ông ta sắp chết... Tư tưởng này đã phớt qua trí tôi. Đấy chính là loại ý tưởng người ta thường nghĩ đến vào những lúc trời nổi sương mù như thế này.

Bà già đi ra. Tôi phải bắt chước bà: trời đang lạnh lẽo và tối đen. Sương mù len vào dưới ngạch cửa, sương mù sắp dâng lên chậm

chập và nhận chìm tất cả. Tại thư viện thành phố, tôi sẽ tìm được ánh sáng và lửa ấm.

Lại một khuôn mặt đến dán sát vào cửa kính; khuôn mặt đang nhăn nhó.

“Xin ông chờ một chút” gã bồi giặc dữ bảo, và chạy vụt ra khỏi quán.

Khuôn mặt nhòa tan, tôi còn lại một mình. Tôi tự thống trách mình cay đắng vì đã rời phòng ra đây. Hiện giờ, sương mù hắt đã tràn ngập căn phòng, tôi sợ phải trở về lại đây.

Đằng sau quầy thu ngân, trong bóng tối, một tiếng gì kêu răng rắc. Tiếng động ấy đến từ chiếc cầu thang riêng: viên quản lý đang xuống hiệu chăng? Nhưng không phải: không ai xuất hiện cả; những bậc thang tự kêu một mình. Ông Fasquelle hãy còn đang ngủ. Hay là ông ta đang chết trên đầu tôi, cũng chưa biết chừng. Tôi thấy chết trên giường, một buổi sáng sương mù. – Ở dưới hàng “tít” lớn: trong quán cà phê, khách hàng đang ăn uống và không ngờ chi cả...

Nhưng ông ta có còn ở trên giường chăng? Hay ông lại chẳng lộn nhào, kéo lôi những tấm chăn theo mình và động đầu xuống sàn nhà?

Tôi biết rất rõ ông Fasquelle; đôi khi ông có hỏi thăm sức khỏe của tôi. Ông là một

người to lớn, vui tính, với bộ râu được chăm sóc kỹ lưỡng: nếu ông chết thì là do một cơn bệnh cấp phát. Thân thể ông sẽ mang màu tím nhạt, lưỡi lè ra khỏi miệng. Bộ râu vểnh lên trời; chiếc cổ tím bầm dưới lớp lông dờn dợn sóng.

Chiếc cầu thang riêng chìm mất trong tối đen. Tôi có thể nhìn thấy lơ mờ đoạn đầu lan can thang gác. Phải băng qua vùng bóng tối này. Cầu thang sẽ kêu răng rắc. Trên cao kia, tôi sẽ tìm gặp cánh cửa phòng...

Thân thể nằm đó, ngay trên đầu tôi. Tôi vận nút bấm điện: tôi sẽ chạm phải cái làn da ấm nóng nọ, để nhìn thấy. – Tôi không chịu nổi nữa, tôi đứng dậy. Nếu gã bồi bắt chợt tôi đang ở cầu thang, tôi sẽ bảo gã rằng tôi nghe có tiếng động đâu đây.

Gã bồi bước vào thỉnh linh, thở hào hển.

“Vâng, thưa ông!” gã kêu to lên.

Đồ ngốc! Gã tiến lại phía tôi.

“Hai mươi đồng.”

“Tôi có nghe thấy tiếng động ở trên kia”, tôi bảo gã.

“Không quá sớm như thế đâu.”

“Vâng, nhưng tôi cho rằng có chuyện không ổn đây: hình như có tiếng khò khè, rồi là một tiếng động không rõ.”

Trong căn phòng tối ám này, với làn sương mù bao phủ sau những khung cửa kính, câu đó vang dội hoàn toàn tự nhiên. Tôi sẽ không bao giờ quên được đôi mắt của gã bồi lúc đó.

“Anh phải leo lên xem thử”, tôi bảo thêm với vẻ âm hiểm.

“A, không! Gã trả lời; đoạn tiếp: Tôi sợ bị ổng bố lăm. Mấy giờ rồi?”

“Mười giờ.”

“Mười giờ rưỡi tôi sẽ đi, nếu như ổng không xuống.”

Tôi bước một bước về phía cửa ra.

“Ông đi à? Ông không ở lại sao?”

“Không.”

“Có thực là tiếng khò khè không?”

“Tôi cũng chẳng biết rõ, tôi vừa bước ra cửa vừa trả lời gã bồi, có thể là vì tôi đang nghĩ đến chuyện đó.”

Sương mù đã hơi tan bớt. Tôi vội vã đi về đường Tournebride: tôi đang cần ánh sáng

của con đường này. Quá là một cơn thất vọng: ánh sáng, hiển nhiên là đang có sẵn, ánh sáng đang tuôn tràn trên khung kính của những thương điểm. Nhưng đấy không phải là làn ánh sáng vui tươi: ánh sáng trắng bệch vì sương mù và rơi xuống vai như một vòi nước tắm.

Có nhiều người, nhất là đàn bà: những người hầu gái, những bà giúp việc trong nhà, cả những bà chủ nữa, những người đang bảo: “Tự tôi đi mua hàng, như thế chắc hơn”. Họ đánh hơi, rình mò một chút trước mặt hàng và rồi cuộc bước vào bên trong:

Tôi dừng lại trước hàng thịt Julien. Thỉnh thoảng, tôi lại thấy xuyên qua mặt kính một bàn tay đưa ra chỉ trỏ những khúc dồi nhồi nấm và những khúc dồi nhỏ. Lúc đó, một cô gái béo tròn, tóc vàng, khom người xuống ngực bày rõ ra, và nhấc lấy đầu mẫu thịt chết giữa những ngón tay. Trong phòng của ông, cách đó độ năm phút đường đi, ông Fasquelle đã chết.

Tôi tìm quanh mình một chỗ tựa vững chãi, một sự tự vệ chống lại những tư tưởng của chính tôi. Chẳng có gì cả: dần dà sương mù bị xuyên thủng, xé rách, nhưng một điều gì đó đầy âu lo vẫn còn kéo lê trên đường

phổ. Có thể không phải là một mối đe dọa thực sự: nó bị xóa nhòa, trong suốt. Song đây chính là điều mà rốt lại, làm cho người ta sợ hãi. Tôi tựa trán vào khung cửa kính. Trên nước xốt ma-dôn-ne của món trứng làm theo lối Nga, tôi lưu ý tới một giọt màu đỏ quệt: máu. Màu đỏ nổi trên màu vàng làm tôi nôn mửa.

Đột nhiên, tôi nảy ra một thị kiến: một người nào đó đã ngã xuống, khuôn mặt rơi xuống trước và bật máu ra trên đĩa. Quả trứng đã lăn tròn trong máu; khoanh cà chua tròn viền quanh nó đã rời rã, nằm trái rộng, màu đỏ dề lên màu đỏ. Chất nước sốt hơn chảy rịn ra: một vũng kem màu vàng chia đường rãnh máu thành hai ngành.

“Thật quá sức ngu xuẩn, phải nhúc nhích người mới được. Mình sẽ đến làm việc tại thư viện.”

Làm việc? Tôi biết rõ rằng tôi sẽ chẳng viết được dòng nào. Lại một ngày tiêu tán. Khi băng ngang qua khu công viên, tôi nhìn thấy trên chiếc băng tôi thường ngồi, một chiếc áo choàng lớn màu xanh da trời nằm bất động. Đây là một kẻ không thấm lạnh.

Khi tôi bước vào phòng đọc, chàng Tự Học sắp bước ra. Y chạy bổ đến tôi:

“Thưa ông, tôi phải cảm ơn ông mới đặng. Các tấm ảnh của ông đã hiến cho tôi những giờ phút tuyệt diệu khó quên.”

Khi nhìn thấy y, tôi thoáng hy vọng: với hai người, có thể sẽ dễ sống qua ngày hôm nay. Nhưng, với chàng Tự Học, người ta chỉ cặp đôi ở bề ngoài.

Y đập đập tay trên một cuốn sách khổ gấp tư. Đây là một cuốn *Lịch sử các tôn giáo*.

“Thưa ông, chẳng ai đủ tư cách hơn Nouçapié để đưa ra cái tổng hợp vĩ đại này. Đúng vậy chứ?”

Y có vẻ chán nản mỗi một và đôi bàn tay run run.

“Ông có vẻ đau yếu”, tôi bảo y.

“A! Thưa ông, quá thế! Tôi vừa gặp một chuyện ghê gớm.”

Người gác đàn tiến đến gần chúng tôi: đây là một gã đảo Corse, nhỏ người và hay nổi giận, với bộ râu mép của một chàng trưởng nhạc đội. Gã đi đi lại lại suốt nửa giờ giữa những chiếc bàn, vừa nện gót giày cộp cộp. Mùa đông, gã khắc nhổ trong một chiếc khăn tay mà sau đó gã hong khô cạnh lò sưởi.

Chàng Tự Học tiến sát gần cho đến khi thở chạm mặt tôi:

“Tôi sẽ chẳng nói gì với ông trước anh chàng này”, y bảo tôi bằng một vẻ thân mật. “Ông vui lòng chứ, thưa ông?...”

“Gi thế?”

Y đỏ mặt và đôi hông y rún rẩy duyên dáng:

“Thưa ông, à! Thưa ông: tôi mạo muội xin ông cho tôi hân hạnh mời ông dùng bữa vào trưa thứ tư?”

“Rất sẵn lòng.”

Tôi muốn được dùng bữa trưa với y cũng như muốn treo cổ tự vẫn.

“Ông làm tôi sung sướng khôn xiết”. Chàng Tự Học bảo. Y vội thêm: “Tôi sẽ đến nhà đón ông, nếu ông muốn” và biến dạng ngay, hẳn là y sợ tôi thay đổi ý kiến nếu như y để tôi có đủ thời gian.

Lúc ấy là mười một giờ rưỡi. Tôi đã làm việc đến hai giờ kém mười lăm. Công việc thật tẻ: tôi có đặt một cuốn sách ngay dưới tầm mắt, nhưng tư tưởng tôi không ngừng quay trở lại quán cà phê Mably. Bây giờ, ông Fasquille đã xuống hiệu chưa? Thật ra, tôi chẳng tin lắm vào cái chết của ông ta, và đấy chính là điều làm tôi khó chịu! Đấy là một ý tưởng bình bồng mà tôi không thể nào thuyết

“Thưa ông, tôi phải cảm ơn ông mới đáng. Các tấm ảnh của ông đã hiến cho tôi những giờ phút tuyệt diệu khó quên.”

Khi nhìn thấy y, tôi thoáng hy vọng: với hai người, có thể sẽ dễ sống qua ngày hôm nay. Nhưng, với chàng Tự Học, người ta chỉ cặp đôi ở bề ngoài.

Y đập đập tay trên một cuốn sách khổ gấp tư. Đây là một cuốn *Lịch sử các tôn giáo*.

“Thưa ông, chẳng ai đủ tư cách hơn Nouçapié để đưa ra cái tổng hợp vĩ đại này. Đúng vậy chứ?”

Y có vẻ chán nản mỗi một và đôi bàn tay run run.

“Ông có vẻ đau yếu”, tôi bảo y.

“A! Thưa ông, quả thế! Tôi vừa gặp một chuyện ghê gớm.”

Người gác đàn tiến đến gần chúng tôi: đây là một gã đảo Corse, nhỏ người và hay nổi giận, với bộ râu mép của một chàng trưởng nhạc đội. Gã đi đi lại lại suốt nửa giờ giữa những chiếc bàn, vừa nện gót giày cộp cộp. Mùa đông, gã khạc nhổ trong một chiếc khăn tay mà sau đó gã hong khô cạnh lò sưởi.

Chàng Tự Học tiến sát gần cho đến khi thở chạm mặt tôi:

phục mình tin hẳn hay gạt bỏ nó đi! Đôi giày của gã dáo Corse nghiêng trên sàn nhà. Nhiều phen, gã đứng thẳng im trước mặt, với vẻ muốn nói cùng tôi. Song gã lại thay đổi ý kiến và lảng xa.

Vào khoảng một giờ, những độc giả cuối cùng đã bỏ đi. Tôi không đói bụng; nhất là tôi chẳng muốn đi. Tôi làm việc thêm một lúc nữa, đoạn tôi giật mình, tôi cảm thấy mình bị chôn vùi trong sự im lặng.

Tôi ngẩng đầu lên: tôi chỉ còn một mình. Anh chàng dáo Corse hẳn đã đi xuống nhà vợ, giữ việc gác cổng cho thư viện, tôi thêm muốn những tiếng động của bước chân gã. Tôi nghe thật rõ tiếng rơi nhẹ của một hòn than trong lò sưởi. Sương mù đã tràn ngập căn phòng: không phải sương mù thật, vốn đã tan từ lâu, – nhưng là một thứ sương mù khác, thứ sương mù hãy còn tràn đầy trên các đường phố, bốc ra từ các bức tường, các vỉa hè. Một thứ trạng thái rời rạc của sự vật. Dĩ nhiên, những cuốn sách vẫn luôn nằm yên đó, sắp theo thứ tự mẫu tự trên các kệ sách, với những chiếc gáy màu đen hay nâu và những chiếc nhãn DC vhp. 7996 (Dùng Chung – Văn học Pháp) hay DC vv. (Dùng Chung – Vạn vật). Nhưng... nói thế nào bây giờ đây? Mạnh mẽ và bậm bạp, cùng với chiếc lò sưởi,

những ngọn đèn xanh lá cây, những khung cửa sổ lớn, những chiếc thang, tất cả chúng thường thường đều hạn chế tương lai. Chúng nào người ta còn ở lại giữa những bức tường này, điều gì sẽ xảy ra, phải xảy ra ở bên trái hay bên phải lò sưởi. Ngay cả Thánh Denis cũng sẽ đi vào bằng cách xách chiếc đầu trên đôi tay, ông phải đi vào lối tay mặt, phải đi giữa những kệ sách dành cho ngành văn học Pháp và chiếc bàn dành riêng cho những nữ độc giả. Và nếu không chạm mặt đất, nếu ông lơ lửng cách đất hai mươi phân, thì chiếc cổ đâm máu của ông sẽ vừa đúng ngay với chiều cao của chiếc kệ sách thứ ba. Như thế, ít ra những đồ vật này được dùng để ấn định những giới hạn cho cái có-về-thực.

Song hôm nay đây, chúng chẳng ấn định cho cái gì cả: dường như chính sự hiện hữu của chúng cũng bị đặt trở thành vấn đề, dường như chúng phải rất khó nhọc để sống từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc tiếp theo. Tôi siết chặt trong tay quyển sách đang đọc: song những cảm giác mãnh liệt, tàn bạo nhất đã cùn nhụt đi. Chẳng gì có vẻ thật cả; tôi cảm thấy mình bị vây phủ trong một bối cảnh bằng giấy bìa, có thể đột nhiên bị dời chỗ lúc nào không hay. Thế giới đang đợi chờ, bằng cách kìm giữ hơi thở, bằng cách thu

hình nhỏ lại – thế giới đang chờ đợi cơn khủng hoảng, cơn Buồn Nôn của mình, như ông Achille ngày hôm nọ.

Tôi đứng dậy. Tôi không thể nào ngồi yên được nữa giữa những sự vật đang cơn suy tàn này. Tôi sẽ đến nhìn thoáng qua trên chiếc sọ của Impétraz. Tôi sẽ thăm thì: *Tất cả mọi sự* đều có thể xảy ra, *tất cả mọi sự* đều có thể xảy đến. Hiển nhiên, đấy không phải là cái thứ kinh khủng mà con người đã bày đặt ra; Impétraz, sẽ không khởi sự khiêu vũ trên bệ tượng đầu: đấy là một chuyện khác.

Tôi chăm chú nhìn những hữu thể mong manh nọ với niềm kinh hoàng thắng thốt, những hữu thể mà trong một giờ, trong một phút tới đây có thể sẽ tiêu tan mất hút: phải, tôi đứng đó, tôi đang sống giữa những cuốn sách chứa đầy kiến thức, cuốn thì mô tả những hình thái bất biến của những chủng loại sinh vật, cuốn thì giải thích rằng số lượng năng lượng vẫn được bảo tồn nguyên vẹn trong vũ trụ; tôi đang hiện hữu ở đó, đang đứng trước một khung cửa sổ mà những ô vuông có một chiết suất nhất định. Nhưng đó là những rào cản mỏng manh làm sao! Chính là do óc lười biếng, tôi giả thiết như thế, mà người ta thấy thế giới giống nhau từ ngày này sang ngày khác. Hôm nay, thế giới có vẻ

muốn thay đổi. Và lúc bấy giờ, *tất cả mọi sự, tất cả mọi sự* đều có thể xảy đến.

Tôi chẳng có nhiều thời giờ để mất mát: khởi đầu tình trạng khó chịu này, có câu chuyện tại quán cà phê Mably. Tôi phải quay trở lại đấy, phải nhìn thấy rõ ông Fasquelle đang sống, nếu cần thì tôi phải sờ vào râu hay tay ông ta. Lúc bấy giờ, có thể tôi sẽ được giải thoát.

Tôi vội vã nhặt lấy chiếc áo khoác, vắt lên vai mà không chui vào; đoạn bỏ chạy. Khi băng qua khu công viên, tôi lại thấy ngay cùng chỗ cũ gã khoác áo choàng xanh da trời; gương mặt to xanh mét của gã hiện ra giữa hai lỗ tai đỏ ửng vì khí lạnh.

Quán cà phê Mably lấp lánh đằng xa: hắc lẩn này mười hai ngọn đèn đã được thắp sáng cả lên. Tôi rảo bước: phải kết thúc chuyện này cho xong. Thoạt tiên tôi nhìn thoáng qua cửa kính: căn phòng hoang vắng. Bà thu ngân không có mặt đấy, gã bồi cũng không nốt – cả ông Fasquelle nữa.

Tôi phải cố gắng lắm mới bước vào nổi; tôi không ngồi xuống ghế. Tôi gọi to: “Bồi!”. Chẳng ai trả lời. Một cái tách trống không trên một chiếc bàn. Mẩu đường trên một chiếc đĩa nhỏ.

“Không có ai hết à?”

Một chiếc áo khoác treo lủng lẳng trên móc áo. Trên một chiếc bàn tròn xoay, những tờ tạp chí được xếp đồng trong những tấm giấy bìa cứng màu đen. Tôi cố rình chờ một âm thanh nhỏ nhất, tôi kìm giữ hơi thở lại. Chiếc cầu thang riêng kêu lên nhẹ nhẹ. Ở bên ngoài, hồi còi của một chiếc tàu. Tôi bước giật lùi ra, mắt không rời khỏi cầu thang.

Tôi biết rõ: vào hai giờ trưa, hiếm khi có khách. Ông Fasquelle đã bị cúm: hẳn ông đã sai người bồi đi đâu đó – có lẽ đi tìm một viên y sĩ. Vâng, nhưng mà tôi cần nhìn thấy ông Fasquelle. Ở lối vào con đường Tournebride, tôi quay lại, tôi nhìn ngấm quán cà phê đang lấp lánh và hoang bóng người với vẻ ghê tởm. Trên tầng lầu nhất, những tấm cửa lá sách đã được đóng kín.

Một nỗi khủng khiếp thật sự xâm chiếm lấy tôi. Tôi chẳng biết mình đi đâu nữa. Tôi chạy dọc theo đường Docks, tôi rẽ vào trong những con đường hoang vắng của khu Beauvoisis: những ngôi nhà đứng nhìn tôi chạy trốn, bằng đôi mắt áo nảo, rầu rĩ. Tôi lặp đi lặp lại với lòng xao xuyến: đi đâu? Đi đâu? *Tất cả mọi sự* đều có thể xảy ra. Thỉnh thoảng, tim đập thình thịch, tôi đột ngột xoay

mình lại, chuyện gì đã xảy ra ngay sau lưng tôi? Có thể chuyện ấy sẽ bắt đầu sau lưng tôi và, khi tôi quay người lại, thình lình, thì đã quá muộn. Chùng nào tôi còn có thể nhìn đắm đắm vào những sự vật, sẽ chẳng có gì xảy ra: tôi đã nhìn chúng chăm chú quá mức, những vỉa hè, những ngôi nhà, những mỏ hơi; đôi mắt tôi lướt nhanh từ vật nọ sang vật kia để bắt chợt chúng và lưu định chúng lại ngay giữa cơn biến hình. Chúng không có vẻ quá tự nhiên, song tôi cố sức tự nhủ mình: đấy là một mỏ hơi, đấy là một chiếc trụ máy nước; và bằng sức mạnh cái nhìn, tôi cố thu giảm chúng vào những bộ dạng thường nhật. Nhiều lần, tôi gặp những quán giải khát trên đường: quán *Café des Bretons*, *Bar de la Marine*. Tôi dừng lại, tôi ngần ngừ trước những tấm màn tuyền màu hồng của chúng: có thể những chiếc hộp kín mít này đã được miễn trừ chẳng, có thể chúng hãy còn chứa một mẫu nhỏ của thế giới hôm qua, nay đã bị cô lập, lãng quên. Song lại phải đẩy cửa, bước vào. Tôi không dám; tôi lại đi. Nhất là những cánh cửa của các ngôi nhà càng làm tôi hãi sợ. Tôi sợ rằng chúng sẽ mở ra một mình. Rốt cuộc, tôi đành bước đi giữa đường.

Đột nhiên tôi đổ ra bến tàu Bassins khu phía Bắc. Những chiếc ghe đánh cá, những

chiếc du thuyền nhỏ. Tôi đặt chân trên một vòng sắt gắn chặt vào trong mặt đá. Ở đây, xa những ngôi nhà, xa những cánh cửa, tôi sẽ được hưởng một khoảnh khắc nghỉ ngơi, triển hoán. Trên mặt nước yên tĩnh và điểm những hạt đen, một chiếc nút chai bập bênh.

“Còn *bên dưới* mặt nước? Mi chẳng nghĩ đến những gì có thể có được *bên dưới* mặt nước sao?”

Một con vật? Một chiếc mai lớn, cắm sâu một nửa trong sình? Mười hai đôi chân chậm chạp quẫy bùn. Thỉnh thoảng, con vật lại hơi trồi lên một tí. Dưới tận đáy sâu. Tôi tiến lại gần, rình chờ một cơn nước cuộn, một hồi sóng nhẹ dợn. Chiếc nút chai vẫn nằm yên, giữa những hạt đen.

Vào ngay lúc ấy, tôi nghe thấy những giọng nói. Đúng lúc rồi. Tôi quay người một vòng và tiếp tục cuộc chạy trốn.

Tôi bắt kịp hai người đang trò chuyện, trên đường Castiglione. Nghe tiếng chân tôi, họ giật nảy mình và cùng quay lại. Tôi nhìn thấy đôi mắt đầy lo âu của họ hướng về tôi, đoạn quay nhìn sau tôi để xem có xảy ra chuyện gì khác. Vậy ra, họ cũng như tôi, họ cũng đang sợ hãi? Khi tôi vượt qua họ, chúng tôi đưa mắt nhìn nhau: suýt chút nữa, chúng

tôi đã ngổ lờ với nhau. Song thành lĩnh những tia nhìn biểu lộ sự hồ nghi: vào một ngày như ngày hôm nay, người ta không nói chuyện với bất luận ai mình gặp.

Tôi chạy đến đường Boulibet, hực cả hơi. Này, số phận đã định rồi: tôi sẽ quay trở lại thư viện, lấy một cuốn tiểu thuyết, cố đọc cho trôi. Khi men theo hàng rào sắt khu công viên, tôi lại nhận ra gã mặc chiếc áo choàng xanh da trời. Gã vẫn luôn ngồi tại đấy, trong khu vườn hoang bóng người; lỗ mũi gã đã trở thành đỏ ửng như hai lỗ tai.

Tôi sắp sửa đẩy chiếc cửa lưới, song về mặt của gã làm tôi cứng người lại: gã nheo mắt lại và cười khẩy với một vẻ ngu dần và ngọt ngào giả dối. Nhưng cùng lúc, gã nhìn đăm đăm trước mặt mình một vật gì đó mà tôi không thể thấy được, với một cái nhìn trì trệ và căng thẳng đến độ làm tôi đột ngột quay người trở ra.

Trước mặt gã, một chân ghếch lên trời, chiếc miệng hé mở, một cô bé độ mười hai tuổi, vẻ quyến rũ, đang vừa chăm chú nhìn gã vừa mân mê một cách tức bực chiếc khăn choàng và chầu khuôn mặt nhọn về phía trước.

Gã nọ tự mỉm cười với mình, như một kẻ nào đó sắp diễn trò bông lơn đầy lý thú.

Thình lình, gã đứng thẳng dậy, hai tay thọc trong túi áo tôi, chiếc áo rơi phủ xuống tận chân. Gã bước đi hai bước, hai mắt lảo liên lộn nhào. Tôi tưởng gã sắp ngã xuống. Song gã vẫn tiếp tục mỉm cười, với vẻ mộng du.

Đột nhiên tôi hiểu ra: chiếc áo choàng! Tôi muốn ngăn cản điều đó. Tôi chỉ cần ho lên một tiếng hay đẩy cửa lưới bước vào. Song đến phiên tôi lại bị dụ hoặc bởi gương mặt của cô bé. Mặt cô căng thẳng vì sợ hãi, tim cô hẳn đang đập dữ dội: có điều tôi cũng đọc được trên chiếc mồm nhọn như chuột ấy một vẻ gì mãnh liệt và xấu xa. Đây không phải do tò mò nhưng đúng hơn là một thứ chờ đợi dạn dĩ. Tôi thấy mình bất lực; tôi đang ở bên ngoài, cạnh công viên, cạnh tấn thảm kịch nhỏ của họ; nhưng còn họ, họ đã bị đóng chặt vào nhau bởi cái sức mạnh tối tăm của những dục vọng mang trong mình, họ đã tạo thành một đôi. Tôi kìm giữ hơi thở lại, tôi muốn nhìn thấy những nét nào sẽ hiện ra trên khuôn mặt già khằn nọ, khi gã nọ, đằng sau lưng tôi, lách vạt áo tôi ra.

Song đột nhiên, như được giải thoát, cô bé lắc đầu và bỏ chạy. Gã mặc áo choàng đã nhìn thấy tôi: đấy là lý do ngăn gã lại. Trong một giây, gã đứng bất động giữa lối đi, đoạn vắng xa, chiếc lưng tròn. Chiếc áo choàng đập đập vào bắp chân.

Tôi đẩy tấm cửa lưới và nhảy theo, bắt kịp gã.

“Ê, bảo nào!” tôi la lớn.

Gã bắt đầu run lên.

“Một mối đe dọa to lớn đang đè nặng trên thành phố”, tôi bảo gã một cách nhã nhặn khi đi ngang qua.

Tôi đã bước vào phòng đọc và trên một chiếc bàn, tôi cầm lên cuốn *La Chartreuse de Parme*. Tôi cố đắm mình vào trong việc đọc sách, cố tìm thấy một miễn trú ẩn nơi xứ Ý Đại Lợi đầy tươi sáng của Stendhal. Tôi đạt đến mục tiêu bằng những cơn bộc phát, những ảo giác ngắn ngủi, đoạn tôi lại rơi trở vào cái ngày đầy đe dọa này, đối diện với một ông già khô khè trong hòng, một người đàn ông đang ngả người trên ghế mơ mộng.

Thời gian trôi qua, các khung cửa kính đã trở nên tối đen. Chúng tôi cả thấy bốn người, không kể gã đảo Corse đang ngồi tại bàn giấy đóng dấu vào những cuốn sách mới nhận được tại thư viện. Trong phòng đọc có ông già nọ, gã thanh niên tóc vàng, một người đàn bà trẻ tuổi đang soạn thi bằng cử nhân – và tôi. Thỉnh thoảng, một người trong bọn ngẩng đầu lên, nhìn thoáng qua thật nhanh và đầy nghi ngại trên các người khác, như thể

đang sợ hãi họ. Có một lúc, ông già phát ra cười to: tôi nhìn thấy người đàn bà sờn gai ốc từ đầu đến chân. Song tôi đã đọc ngược được cái tựa cuốn sách ông ta đang đọc: một cuốn tiểu thuyết vui.

Bảy giờ kém mười. Đột nhiên, tôi nghĩ rằng thư viện sẽ đóng cửa vào lúc bảy giờ. Tôi lại bị vứt ra đường phố một lần nữa. Tôi sẽ đi đâu? Tôi sẽ làm gì đây?

Ông già đã đọc xong cuốn tiểu thuyết. Song ông không rời phòng đọc. Ông miết ngón tay trên bàn, với những nhịp vô vị và đều đặn.

"Thưa quý ông, thư viện sắp đóng cửa rồi", gã đảo Corse nói.

Gã thanh niên giật mình, nhìn đảo qua tôi. Người đàn bà trẻ tuổi đã quay về phía gã đảo Corse, đoạn nàng lại cầm sách lên và có vẻ đắm mình trong sách.

"Thư viện đóng cửa", gã Corse bảo, lối năm phút sau.

Ông già lúc lắc cái đầu với vẻ dùng dằng lưỡng lự. Người đàn bà trẻ tuổi đẩy cuốn sách ra, nhưng chưa đứng dậy.

Gã đảo Corse không trở lại bàn. Gã bước đi vài bước do dự, đoạn vịn nút công

tắc. Trên những bàn đọc sách, những ngọn đèn tắt phụt. Chỉ ngọn đèn chính còn sáng.

“Phải đi à?” ông già hỏi một cách nhẹ nhàng.

Gã thanh niên, chậm chạp, hối tiếc, đứng dậy. Gã là người mất nhiều thời giờ nhất để khoác áo măng tô vào. Khi tôi bước ra, người đàn bà vẫn còn ngồi tại chỗ, một bàn tay đặt xuôi trên cuốn sách.

Dưới kia, cánh cổng ra vào mở rộng ra đêm tối. Gã thanh niên bước đi trước hết, quay trở lại, chậm chạp xuống thang lầu, băng qua phòng tiền đường; trên ngưỡng cửa, gã hơi dừng lại một chốc đoạn đảm mình vào trong bóng đêm và mất hút.

Đến dưới chân thang, tôi ngẩng đầu lên. Trong một thoáng chốc, ông già đã rời phòng đọc, vừa đi vừa cài nút áo khoác. Khi ông bước xuống ba bậc thang đầu tiên tôi đã lấy lại được đà và lặn sâu vào đêm tối với đôi mắt nhắm kín.

Tôi cảm thấy trên mặt mình một vuốt ve mát dịu. Đằng xa, một người nào đang huýt sáo. Tôi nhướn mí mắt lên: trời đang mưa. Một cơn mưa dịu nhẹ và yên bình. Khu công trường đang được soi sáng lằng lẽ bởi bốn ngọn đèn lồng. Một công trường tĩnh lý

dưới cơn mưa. Gã thanh niên xa dần với những bước dài: chính gã là người đang huyết sáo, với hai người kia, hãy còn chưa biết rõ, tôi muốn kêu to lên rằng họ có thể ra khỏi phòng mà không sợ, rằng mối đe dọa đã qua.

Ông già xuất hiện trên ngưỡng cửa. Ông bối rối đưa tay lên chà chà má, đoạn ông mỉm cười đại lượng và căng rộng chiếc dù ra.

*Sáng Thứ bảy.*

Một mặt trời mỹ lệ, với một làn sương mù nhẹ nhàng, hứa hẹn một ngày đẹp trời. Tôi đã dùng điểm tâm tại quán cà phê Mably.

Bà Florent, người thu ngân, đã duyên dáng mỉm cười với tôi. Từ chỗ bàn ăn, tôi kêu to:

“Ông Fasquelle bệnh hả?”

“Vâng, thưa ông; bị cúm nặng: ông nằm liệt giường mấy ngày rồi. Sáng nay, con gái ông đã từ Dunkerque đến. Cô ta ở luôn đây để săn sóc cho cha”.

Lần đầu tiên kể từ khi nhận được thư, tôi thành thực sung sướng vì gặp lại được Anny. Từ sáu năm nay, nàng đã làm những gì? Chúng tôi có khó chịu khi gặp lại nhau không? Anny không biết gì đến sự khó chịu, phiền hà. Nàng sẽ đón tiếp tôi hết như tôi

vừa mới rời nàng hôm qua. Miễn là tôi đừng đại dốt, miễn là tôi đừng làm nàng nổi giận, khi khởi sự. Phải nên nhớ kỹ đừng chìa tay cho nàng, khi mới đến: nàng ghét chuyện đó lắm.

Chúng tôi sẽ ở chung với nhau trong bao nhiêu ngày? Có thể tôi sẽ đưa nàng về Bouville. Chỉ cần nàng sống ở đây một vài giờ; chỉ cần nàng ngủ qua một đêm tại khách sạn Printania. Sau đó, chuyện sẽ không như thế nữa; tôi sẽ không thể sợ hãi nữa.

*Xế trưa.*

Năm rồi, khi viếng thăm viện bảo tàng Bouville lần đầu tiên, bức chân dung của Olivier Blévigne đập mạnh vào mắt tôi. Thiếu cân xứng? Thiếu phối cảnh? Tôi chẳng biết nói sao, nhưng có một cái gì đó làm tôi khó chịu: viên nghị sĩ này chẳng có được vẻ quân bình, cân đối trên mặt vải.

Kể từ đó, tôi đã trở lại nhìn bức chân dung nhiều lần. Nhưng nỗi khó chịu của tôi vẫn còn. Tôi không muốn chấp nhận rằng Bordurin, giải thưởng Rome và sáu lần được tặng huy chương, lại phạm một lỗi về hội họa.

Vậy mà, vào xế trưa nay, trong khi lật lật một bộ sưu tập cổ của tờ *Satirique Bouvillois*, tờ báo chuyên gây áp lực có viên chủ nhiệm bị

buộc tội đại phản trong thời chiến tranh, tôi đã hé thấy sự thật. Ngay lập tức, tôi rời khỏi thư viện và đi viếng viện bảo tàng.

Tôi băng nhanh qua vùng mờ tối của gian tiền sảnh. Trên những tấm gạch lát trắng và đen, những bước chân tôi không gây ra tiếng động. Chung quanh tôi, cả một lô những pho tượng thạch cao đang vụn vẹo tay chân. Qua hai lỗ hở, khi đi ngang qua, tôi đã thoáng nhìn thấy những chiếc bình da rạn, những chiếc đĩa, một dương thần màu xanh và vàng đứng trên một chiếc bệ. Đây là phòng Bernard-Palissy, dành riêng cho đồ gốm và những ngành tiểu công nghệ. Song đồ gốm không làm tôi cười. Một người đàn ông và một bà có tang đang kính cẩn ngắm nghía những đồ vật nung chín nọ.

Ở bên trên lối vào phòng triển lãm chính, – hay phòng Bordurin-Renaudas, – người ta đã treo thêm một bức tranh lớn mà tôi không biết, hẳn là mới đây thôi. Bức tranh được ký tên Richard Séverand và chủ đề là *Cái chết của Người độc thân*. Đây là một tặng vật của chính phủ.

Trần trướng cho đến tận thất lưng, thân mình hơi xanh màu lá cây như thường gặp nơi những người chết, gã độc thân đang nằm

dài bất động trên một chiếc giường rời rã. Chấn mền rối loạn chứng tỏ một cơn hấp hối kéo dài. Tôi mỉm cười khi nghĩ đến ông Fasquelle. Ông ta không một mình: con gái ông đang săn sóc ông. Trên bức tranh, người tố gái, một nữ tỳ kiêm tình nhân với những nét hằn rõ bởi tội lỗi, đã mở ngăn kéo chiếc tủ và đang đếm tiền. Một cánh cửa mở rộng cho thấy trong vùng ánh sáng mờ mờ, một người đội cát kết đang đứng chờ, điều thuốc dán chặt vào môi dưới. Gần bức tường, một con mèo đứng dưng liếm sữa.

Gã nọ đã chỉ sống cho chính mình. Do một hình phạt nghiêm khắc và xứng đáng, chẳng có ai đến vuốt mắt gã trên giường. Bức tranh này thông báo cho tôi một lời cáo tri cuối cùng: hãy còn kịp, tôi còn có thể quay trở lại. Nhưng, nếu tôi đi quá đà, tôi phải biết rõ điều này: trong phòng triển lãm chính mà tôi sắp bước chân vào, có hơn một trăm năm mươi bức chân dung được móc vào tường; nếu trừ ra vài người trẻ tuổi đã bị dứt đi quá sớm khỏi gia đình hay mẹ bẽ trên cửa một viện mồ côi, thì không một ai trong số những người được trưng bày đã chết trong tình trạng độc thân; không một ai trong bọn họ chết không con cái và không lưu lại di chúc; không một ai chết mà không chịu phép bí tích cuối cùng.

Theo đúng cách, ngày đó cũng như những ngày khác, với Thượng đế và với thế giới, những người nọ đã chuỗi mình nhẹ êm vào trong cõi chết, để đi đòi phần đời sống vĩnh cửu mà họ có quyền tham dự.

Bởi lẽ họ đã có quyền với tất cả: với đời sống, với công việc, với sự giàu có, sự chỉ huy, sự kính trọng và rốt lại, với sự bất tử.

Tôi đứng trầm mặc một hồi và bước vào. Một người gác đàn đang ngủ say gần cửa sổ. Một làn ánh sáng vàng hoe, rơi từ trên những khung kính, tạo nên các chỗ lốm đốm trên các bức tranh. Chẳng có gì sống động trong căn phòng hình chữ nhật này, trừ một con mèo sợ hãi khi thấy tôi vào và bỏ chạy. Nhưng tôi cảm thấy trĩu nặng trên mình cái nhìn của một trăm năm chục đôi mắt.

Tất cả những người thuộc giới thượng lưu Bouville giữa khoảng năm 1875 và 1910 đều đang ở đây, những người đàn ông và đàn bà, được vẽ lại cẩn trọng bởi tay Renaudas và Bordurin.

Những người đàn ông đã xây dựng nên ngôi giáo đường Thánh nữ Cécile-de-la-Mer. Vào năm 1882, họ đã sáng lập nên Liên hiệp những người chủ tàu và Những thương gia Bouville “để quy tụ lại trong một tập đoàn

manh mẽ tất cả những người thiện chí, cộng tác với nhau nhằm tái dựng quốc gia và đánh bại những phe nhóm gây rối...". Họ đã biến Bouville thành một thương cảng Pháp thuận lợi nhất cho những cuộc cất dỡ than, gỗ. Công trình nổi dài và mở rộng các bến tàu là công trình của họ. Họ đã phát triển vượt mức nhà ga Maritime và bằng những công cuộc vét bùn lâu dài, đã làm cho mực nước chỗ tàu thả neo khi nước ròng lên đến độ sâu 10 thước 70. Trong vòng hai mươi năm, nhờ họ, sức trọng tải của những chiếc tàu đánh cá – vào năm 1869 là 5.000 tấn – đã tăng lên đến 18.000 tấn. Không lùi bước trước bất cứ hy sinh nào để khuyến khích sự thăng tiến những đại biểu xứng đáng nhất của giai cấp thợ thuyền, do sáng kiến riêng của mình, họ đã tạo ra nhiều trung tâm giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp khác nhau, những trung tâm này đã hưng thịnh dưới sự bảo trợ tối cao của họ. Họ đã phá vỡ cuộc đình công ở các bến tàu vào năm 1898 và đã hiến dâng con mình cho tổ quốc vào năm 1914.

Những người đàn bà, những bạn đường xứng đáng của những tay tranh đấu trên, đã sáng lập nên phần lớn những Hội bảo trợ, những Ấu nhi viện, những Bản nữ công trường. Nhưng trước hết, họ là những người

vợ và những người mẹ. Họ đã nuôi dưỡng, giáo dục những đứa bé xinh đẹp, đã dạy cho chúng biết những bổn phận và quyền lợi của mình, tôn giáo, lòng tôn kính truyền thống đã tạo nên nước Pháp.

Màu sắc chung của những chân dung hơi ngả sang màu nâu sẫm. Những sắc màu sinh động đã bị loại bỏ sao cho được đoan trang lịch sự. Tuy thế trong các bức chân dung của Renaudas, người năng vẽ những ông già, màu tuyết trắng của những mái tóc và những bộ râu mép nổi bật lên trên nền đen; ông thật tuyệt luân trong việc diễn tả những bàn tay. Nơi Bordurin, họa sĩ kém thủ thuật hơn, những bàn tay hơi bị hy sinh đi nhưng những chiếc cổ áo giả lại lóng lánh như làm bằng cẩm thạch trắng.

Trời quá nóng và người gác đàn đang ngáy nhẹ. Tôi đảo mắt một vòng quanh tường: tôi nhìn thấy những bàn tay và những đôi mắt; ở chỗ này chỗ nọ, một đốm sáng ăn mất một khuôn mặt. Đang khi tiến về phía chân dung của Olivier Blévine, một điều gì đó đã giữ chân tôi lại: từ trên vành tròn giữa tường, ông nhà buôn Pacôme nhìn tôi với một cái nhìn trong sáng.

Ông ta đứng thẳng, chiếc đầu hơi ngả ra sau, một tay ông cầm một chiếc mũ cao và

đôi găng, để tựa vào chiếc quần dài màu hạt trai. Tôi chẳng nhìn thấy điều gì tầm thường, đáng chỉ trích nơi ông ta cả: những bàn chân nhỏ, đôi tay thanh tú, đôi vai rộng của người tranh đấu, vẻ thanh lịch kín đáo, với bộ điệu nghi ngờ theo một cách riêng. Ông nhã nhặn hiến dâng cho những khách thưởng ngoạn cái khuôn mặt trong sáng không nếp nhăn của mình: một nụ cười mím phảng phất trên đôi môi. Song đôi mắt xám của ông không mím cười. Ông có thể đã năm mươi: ông đang trẻ trung và tươi nhuận như một thanh niên ba mươi. Ông đẹp trai.

Tôi không xem bức tranh này là sai hỏng. Nhưng ông lại chẳng buông tha tôi. Tôi đọc thấy trong đôi mắt ông một lời phán đoán yên lặng và ghê gớm khôn nguôi.

Lúc bấy giờ tôi bừng hiểu ra tất cả những gì đang chia cách chúng tôi: những gì mà tôi có thể suy nghĩ về ông lại chẳng đạt tới được ông; đấy đúng là chuyện tâm lý, như người ta thường bày ra trong các tiểu thuyết. Nhưng lời phán đoán của ông xuyên thủng tôi như một lưỡi gươm và đặt thành vấn đề ngay cả cái quyền được hiện hữu của tôi. Và quả thực thế, tôi đã luôn luôn hiểu vậy: tôi không có quyền hiện hữu. Tôi đã xuất hiện do sự tình cờ, tôi đã hiện hữu như một hòn

đá, một cái cây, một con vi trùng. Cuộc đời tôi mọc lên nổi hạnh phúc bé nhỏ và tỏa ra mọi hướng. Đôi khi nó truyền gởi đến tôi những dấu hiệu mơ hồ; những lần khác tôi chẳng cảm thấy gì ngoài một tiếng rì rầm không liên tục, không ảnh hưởng.

Song đối với con người xinh đẹp không khuyết điểm này, con người ngày nay đã chết, đối với Jean Pacôme, con của Pacôme-bộ-Quốc-Phòng, thì mọi sự lại hoàn toàn khác hẳn; những nhịp đập của quả tim và những tiếng động âm ỉ của những cơ quan trong người ông vang vọng đến ông dưới hình thức của những quyền lợi nhỏ nhặt nhất thời và thuần túy. Trong suốt sáu mươi năm, không sai lầm, không suy nhược, ông đã sử dụng quyền sống của mình. Những đôi mắt xám tuyệt vời! Chẳng khi nào có một nỗi hoài nghi bé nhỏ lướt qua. Cũng chẳng khi nào Pacôme lảm lẩn.

Ông đã luôn thi hành bốn phận, tất cả bốn phận của mình, bốn phận làm con, làm chồng, làm cha, làm người chỉ huy. Ông cũng đã mạnh dạn kêu đòi quyền được giáo dục đảng hoàng, trong một gia đình hợp nhất, gia đình thừa tự một cái tên không điểm nhục, có một công việc rõ ràng phát đạt; làm chồng, quyền được săn sóc cẩn thận, được vây phủ

trong sự trù mẫn; làm cha, quyền được tôn kính; làm cấp chỉ huy, quyền được vâng lời không than vãn. Bởi vì một quyền lợi chỉ là khía cạnh khác của một bốn phần. Sự thành công phi thường của ông (dòng Pacôme là gia đình giàu có nhất Bouville hiện nay) hẳn không bao giờ làm ông kinh ngạc. Ông chẳng khi nào tự nhủ rằng mình đang sung sướng và khi ông thụ hưởng một khoái lạc, ông phải lao mình vào đó với sự tiết độ, bằng cách bảo rằng: “Ta đang giải lao đây”. Như thế, khoái lạc cũng đã được đưa lên hàng quyền lợi – nó đã mất đi tính cách vô bổ tổn hại. Về phía trái, hơi chếch lên trên mái tóc xám xanh của ông, tôi lưu ý tới những quyển sách xếp trên chiếc kệ. Những bìa sách đóng thật đẹp: chắc chắn đó là những sách cổ điển. Chắc là, vào buổi tối, trước khi ngủ, Pacôme đã đọc lại một vài trang của “ông bạn cố tri Montaigne” hay một khúc đoản thi của Horace trong bản văn La tinh. Đôi khi, để tăng tầm hiểu biết, hẳn ông cũng có đọc một tác phẩm hiện đại. Chính trong trường hợp đó ông đã biết đến Barrès và Bourget. Độ một lúc sau, ông đặt sách xuống. Ông mỉm cười. Cái nhìn của ông, mất đi vẻ tỉnh tể đáng phục, đã trở nên gần như mơ mộng. Ông bảo: “Thật giản dị và khó khăn làm sao khi thi hành bốn phần!”.

Ông chẳng bao giờ quay trở về với chính mình cách nào khác nữa: ông là một cấp chỉ huy.

Còn có những viên chỉ huy khác treo trên tường: chỉ rất có thể. Đây là một cấp chỉ huy, cái ông già cao lớn màu xám xanh trong chiếc ghế bành. Chiếc áo gi-lê trắng của ông là một lời nhắc nhở tài tình đến bộ tóc bạc. (Trong những bức chân dung này, được vẽ ra nhằm những mục đích giáo huấn và sự chính xác được đẩy tới chỗ thật tỉ mỉ rạch ròi, vẫn còn có mối lưu tâm về nghệ thuật). Ông ta đang đặt bàn tay thanh tú và thon dài của mình trên đầu một cậu bé. Một cuốn sách mở rộng nằm trên đầu gối ông được bọc bằng một tấm bì. Cái nhìn của ông lưu lạc nơi xa. Ông nhìn thấy tất cả những điều vốn là vô hình đối với những cậu thanh niên. Người ta đã viết tên ông trên một tấm gỗ hình thoi mạ vàng, gắn bên dưới bức chân dung: hẳn ông ta tên là Pacôme hay Parrottin, hay Chaigneau. Tôi không có ý định đến gần để xem: đối với những người thân cận, đối với đứa trẻ này, đối với chính ông, ông ta chỉ là Ông Nội, thế thôi; chốc nữa đây, nếu xét thấy đã đến lúc hé mở cho đứa cháu trai thấy tầm quan trọng to lớn của những nhiệm vụ tương lai của cậu, ông sẽ nói về chính ông bằng ngôi thứ ba.

“Cháu phải hứa với ông nội rằng cháu ngoan ngoãn, cháu yêu, cháu phải làm việc giỏi giang vào năm tới. Có thể là năm tới, ông nội sẽ không còn trên đời này nữa”.

Vào tuổi xế tàn của cuộc đời, ông ban phát cho mọi người lòng tốt đầy độ lượng của mình. Ngay cả tôi nữa, nếu ông ta nhìn thấy tôi – nhưng lúc này tôi đang trong suốt trước cái nhìn của ông – tôi cũng sẽ được ông ban ân huệ: ông sẽ nghĩ rằng xưa kia, tôi đã có ông bà. Ông chẳng kêu đòi gì cả: vào tuổi này, người ta chẳng còn ước ao gì. Chẳng có gì ngoại trừ người ta phải hơi hạ thấp giọng xuống khi ông bước vào, ngoại trừ khi ông đi qua, có một sắc thái triu mến đầy tôn kính trong những nụ cười, chẳng có gì, ngoại trừ đôi khi người con dâu bảo: “Cha thật phi thường; cha trẻ hơn tất cả mọi người chúng ta” ngoại trừ ông là người duy nhất có thể trấn an cơn giận dữ của đứa cháu trai bằng cách đặt tay lên đầu cháu và tiếp đó, có thể bảo: “Những mối buồn khổ lớn lao đó, chính ông nội là người biết làm khuây khỏa chúng”, chẳng có gì, ngoại trừ chuyện người con trai, nhiều lần trong năm, đến thỉnh nguyện những lời khuyên bảo về những vấn đề tế nhị; sau rốt, chẳng có gì, ngoại trừ tự cảm thấy u nhàn thanh tĩnh, cực kỳ khôn ngoan.

Bàn tay của ông già đặt lơ lửng trên những lọn tóc của đứa cháu trai; đấy hầu như là một cử chỉ chúc phúc. Ông có thể nghĩ đến điều gì? Đến quá khứ đầy vinh quang, cho ông có quyền ăn nói về mọi vấn đề và có quyền nói lời tối hậu cho mọi vấn đề. Tôi đã chẳng quá cách xa với ngày hôm nọ: Kinh nghiệm còn hơn là một sự tự vệ chống lại cái chết; kinh nghiệm còn là một quyền lợi: quyền của những ông già.

Đại tướng Aubry, được treo ngay vành tròn giữa tường, với thanh gươm to lớn, đã là một cấp chỉ huy. Cả là chủ tịch Hébert, học giả uyên bác, bạn của Impétraz, cũng lại là một cấp chỉ huy. Khuôn mặt ông dài ngoằng, cân xứng với chiếc cằm dài quá cỡ, chằm dứt ngay dưới môi bằng một bộ râu; ông hơi ngẩng hàm ra, với vẻ vui thích được phát biểu một lời biện biệt, trừ đi tính lại một vấn nạn về nguyên tắc, như chiếc lược nhẹ đưa trong khung dệt. Ông đang mơ mộng, ông cầm một cây bút lông ngỗng; trời đất! Cả ông ta nữa, ông ta cũng đang giải lao, và giải lao bằng cách làm thơ. Song ông ta có đôi mắt ó biếc của những viên chỉ huy.

Còn những người lính? Tôi đang đứng ngay chính giữa phòng, đang làm mốc nhắm cho tất cả những đôi mắt uy nghiêm nọ. Tôi

chẳng phải là một người ông, chẳng phải một người cha, cũng chẳng là một người chồng nữa. Tôi chẳng đi bầu cử, và hiếm khi chịu trả một vài thứ thuế: tôi không thể tự phụ về những quyền của người nộp thuế, cũng như những quyền của cử tri, cá cái quyền lợi khiếm tốn đáng được tôn kính mà người làm công được hưởng sau hai mươi năm vâng lời. Hiện sinh của tôi bắt đầu làm tôi kinh ngạc thật sự. Tôi chỉ là một vụng bóng hay sao?

“Hê, thành linh tôi tự bảo, chính tôi, chính tôi là người lính!”. Điều đó làm tôi bật cười lên, quên hết những giận hờn, ác cảm.

Một người trạc ngũ tuần, béo phệ, lễ phép xoay tôi lại bằng một nụ cười mỉm xinh tươi. Renaudas đã hóa nên ông với tình thương yêu, ông đã không có những nét quá mềm dịu đối với đôi tay nhỏ mập đầy và được gọt giũa tỉ mỉ, nhất là với những bàn tay, thon dài, nóng nẩy, với những ngón thả lỏng: những bàn tay đích thực của các nhà bác học hay những nghệ sĩ. Khuôn mặt ông đối với tôi đầy xa lạ: hẳn tôi thường đi ngang qua trước bức tranh mà không lưu ý đến. Tôi tiến lại gần, và đọc thấy: “Rémy Parrottin, sinh tại Bouville, năm 1849, giáo sư trường Y khoa Paris”.

Parrottin: bác sĩ Wakefield đã nói cho tôi biết về ông: “Có lần trong đời, tôi đã gặp được một vĩ nhân. Đó là ông Rémy Parrottin. Tôi theo những khóa giảng của ông suốt mùa đông năm 1904 (anh biết rằng tôi có sống hai năm tại Paris để nghiên cứu về sản khoa). Ông đã làm cho tôi hiểu rõ được một vị chỉ huy là gì. Ông có một sức truyền cảm thật mãnh liệt, tôi thề với anh như thế. Ông đã truyền điện cho chúng tôi, ông đã đưa dẫn chúng tôi đến tận địa đầu thế giới. Và cùng với điều đó, ông là một người phong nhã, ông có một gia tài vĩ đại, được ông dành phần lớn để trợ giúp cho những sinh viên nghèo”.

Chính trong trường hợp như thế, khi nghe đến ông lần đầu tiên, ông hoàng của ngành khoa học này đã gợi ra nơi tôi những tình cảm mãnh liệt. Hiện tại, tôi đang đứng trước mặt ông và ông đang mỉm cười với tôi. Nụ cười đầy vẻ thông minh, nhã nhặn làm sao! Thân thể mập mạp của ông mềm mại tựa vào lưng một chiếc ghế bành bọc da. Con người thông thái không tham vọng đó làm ta thoải mái ngay lập tức. Ta lại còn có thể lầm ông với một anh chàng nhân hậu tốt bụng nào đó, nếu không có cái chất trí thức toát ra từ cái nhìn.

Không cần lâu lắc mới đoán ra lý do tạo nên uy tín của ông: Ông được yêu mến vì ông

hiếu hết mọi sự; người ta có thể nói với ông hết mọi sự. Ông hơi giống Renan, tóm lại thì ông độc đáo hơn một chút. Ông thuộc vào hạng người nói:

“Những người xã hội chủ nghĩa? Này, tôi, tôi còn đi xa hơn họ nữa cơ!”. Khi theo ông trên con đường chông gai đó, chẳng bao lâu người ta phải rùng mình từ bỏ gia đình, Tổ quốc, quyền tư hữu, những giá trị thiêng liêng nhất. Người ta đâm ra hoài nghi cả cái quyền lãnh đạo của giới thượng lưu tư bản. Bước tới một bước nữa và đột nhiên, mọi sự lại được tái lập, được đặt nên một cách tuyệt diệu trên những lý do vững chãi, cố hữu. Người ta ngoảnh đầu trở lại, người ta nhận ra đằng sau mình những người theo xã hội chủ nghĩa, đã xa vời, bé tí đang phát những chiếc khăn tay vẫy gọi: “Chờ chúng tôi với”.

Mặt khác, qua Wakefield, tôi còn biết rằng vị Thầy nọ còn thích – như ông vẫn thường bảo với một nụ cười – “hộ sản những tâm hồn”. Tâm hồn trẻ trung, ông được giới thanh niên vây quanh. Ông thường tiếp những thiếu niên con nhà tử tế quyết tâm theo học ngành thuốc tại nhà. Wakefield đã nhiều bận dùng cơm nơi nhà ông. Sau bữa ăn, mọi người sang phòng hút thuốc. Ông Thầy đối xử với những cậu sinh viên mới vừa hút

những điều thuộc đầu tiên cách đây không lâu như những người lớn: ông mời họ những điều xì gà. Ông nằm dài trên một chiếc đi văng và nói thật lâu, đôi mắt khép hờ, chung quanh ông là đám đồ đệ đầy khao khát. Ông gợi lại những kỷ niệm, thuật lại những giai thoại, rút ra từ đó một thứ luân lý thâm trầm và ý vị. Và, nếu giữa những người trẻ tuổi học thức đó có một kẻ hơi tỏ ra ương ngạnh, thì Parrottin đặc biệt lưu ý tới anh ta. Ông gợi cho anh ta nói và nghe anh thật chăm chú, ông cung cấp cho anh những ý tưởng, những đề tài để suy niệm. Chắc chắn là có một ngày kia, anh chàng trẻ tuổi nọ, đầu óc tràn đầy những ý tưởng quảng đại, bị kích thích bởi sự thù nghịch của những người thân, chán nản mỗi một khi phải một mình suy tưởng chống lại tất cả, đến yêu cầu vị Thầy tiếp riêng mình, và trong nỗi rụt rè, ấp úng thổ lộ với ông những tư tưởng thầm kín nhất, những nỗi phần hận, những niềm hy vọng của mình. Parrottin siết chặt anh vào lòng và bảo: “tôi hiểu anh, tôi đã hiểu anh ngay từ ngày đầu”. Họ cùng nhau trò chuyện, Parrottin đi xa, xa hơn nữa, xa đến nỗi chàng thanh niên nọ phải theo ông một cách khó khăn. Với một vài cuộc đàm đạo thuộc loại đó, người ta có thể nhận ra một sự cải thiện rõ rệt nơi chàng trẻ tuổi nổi loạn. Anh ta nhìn rõ nơi mình,

anh học nhận biết những mối liên lạc sâu xa kết buộc anh với gia đình, với môi trường anh sinh hoạt; rõ cuộc anh hiểu rõ vai trò khả kính của giới thượng lưu. Và để kết thúc, như do một thứ phù phép, con chiên lạc đàn, kẻ đã theo đuổi Parrottin từng bước một, lại tìm gặp đàn cũ, được soi sáng và hối hận. “Ông ta đã chữa lành nhiều tâm hồn hơn là tôi chữa lành thể xác”. Wakefield kết luận.

Rémy Parrottin mỉm cười nhả nhận với tôi. Ông đang ngập ngừng, đang tìm hiểu lập trường, vị thế của tôi để dịu dàng xoay đổi nó và đưa dẫn tôi về lại chuồng cừu. Nhưng tôi không sợ ông; tôi không phải là một con cừu non. Tôi nhìn vắng trán đẹp bình lặng không nếp nhăn của ông, chiếc bụng nhỏ, bàn tay đặt xuôi dài trên đầu gối. Tôi mỉm cười trả và rời bỏ ông.

Jean Parrottin, anh ông, chủ tịch hội S.A.B., tựa cả hai bàn tay trên mép một chiếc bàn đầy cả giấy tờ; bằng toàn thể thái độ của mình, ông muốn tỏ cho người khách hiểu rằng buổi gặp gỡ đã kết thúc. Tia nhìn của ông thật phi thường; nó như một thứ gì trừu tượng và lóng lánh quyền năng thuần túy. Đôi mắt sáng rực tiêu hủy hoàn toàn khuôn mặt ông. Ở bên dưới sự vây phủ nọ tôi nhận ra đôi môi mỏng và mím chặt của lòng nhiệt tín. “Thật kỳ cục,

tôi tự nhủ, ông ta giống hệt Rémy Parrottin". Tôi quay đầu trở lại hướng vị Thầy: khi quan sát ông dưới ánh sáng của sự tương đồng đó, đột nhiên người ta thấy lộ xuất trên cái khuôn mặt hiền dịu nọ một vẻ gì khô khan vô vị và ảm đạm, cái dáng vẻ chung cho cả gia đình. Tôi trở lại với Jean Parrottin.

Người đàn ông này mang chất giản đơn của một ý tưởng. Chỉ còn lại nơi ông những đốt xương, những khối thịt chết cứng và Quyền Lợi Thuần Tuý. Một trường hợp điển hình của sự chiếm hữu, tôi nghĩ. Khi Quyền Lợi chiếm ngự hẳn một người nào, chẳng có một phép trừ tà đuổi quỷ nào có thể xua nó đi được; Jean Parrottin đã dành cả đời để suy tưởng về Quyền Lợi của mình: chỉ có thế. Thay vì cơn đau đầu nhẹ nhàng mà tôi thường cảm thấy mỗi khi viếng thăm một viện bảo tàng, ông ta đã cảm nghiệm ngay nơi thái dương mình cái quyền đòn đau được chằm chút đến. Người ta tuyệt đối chẳng nên gọi cho ông suy nghĩ quá nhiều, cũng như chẳng nên làm ông chú tâm đến những thực tại buồn phiền, đến cái chết có thể xảy ra bất cứ lúc nào cho ông, đến những nỗi đau khổ của kẻ khác. Chắc là trên giường chết, vào cái giờ mà từ Socrate trở đi, người ta nên tuyên bố một vài lời cao quý, hẳn ông đã bảo

vợ mình, tương tự như một trong những ông cậu tôi bảo với vợ tôi, người đã thức cạnh bên ông suốt mười hai đêm liền: "Thérèse em, anh chẳng cảm ơn em đâu; em đã chỉ làm tròn bổn phận của mình". Khi một người đã đạt đến mức đó, mọi người chỉ còn có thể ngả mũ chào y.

Đôi mắt ông mà tôi đắm đuối nhìn trong kính ngạc, đối với tôi có nghĩa là tôi nên cáo biệt. Tôi không dời gót, tôi quả là một kẻ tọc mạch. Vì đã chiêm ngưỡng lâu một bức chân dung nào đó của hoàng đế Philippe đệ II tại thư viện Escorial, tôi biết rõ rằng: khi nhìn thẳng vào một khuôn mặt rạng rỡ quyền năng, thì chỉ ít lâu sau, cái vẻ rạng rỡ ấy lụi tàn, và chỉ còn lại một chất tro thừa: chính chất tro thừa đó làm tôi hứng thú.

Parrottin chống trả lại mãnh liệt. Nhưng, đột ngột, cái nhìn của ông tàn lụi, bức tranh trở nên mờ đục. Còn lại gì nơi đó? Đôi mắt mê mờ, chiếc miệng mỏng như một con rắn nằm chết và đôi gò má. Đôi má xanh xao và tròn trịa của trẻ con: chúng nằm trải dài trên khung vải. Những công nhân của hội S.A.B. đã chẳng bao giờ có dịp hoài nghi chúng: họ chẳng lưu lại đủ lâu trong phòng làm việc của Parrottin. Khi bước vào, họ bắt gặp cái nhìn khủng khiếp nọ, như thể một

bức tường. Đằng sau đó, đôi gò má an tâm trú ẩn, trắng bệch và mềm nhũn. Phải mất một thời gian bao nhiêu năm, vợ ông mới để ý đến chúng? Hai năm? Năm năm? Một ngày nọ, theo tôi tưởng tượng, khi người chồng đang ngủ say bên cạnh, và một ánh trăng đang ve vuốt chiếc mũi, hoặc là khi ông tiêu hóa khó khăn, vào một giờ nóng nực, nằm ngả người trong chiếc ghế bành, đôi mắt khép hờ, với một vầng mặt trời trên cằm, bà vợ đã dám nhìn thẳng vào mặt ông; toàn thể cái khối thịt da kia đã lộ diện, không chống cự, căng phồng ra, nhều nhèo nước bọt, thoáng vẻ bí ối, tà dâm. Hẳn là, kể từ ngày đó, bà Parrottin đã nắm quyền cai quản.

Tôi bước lui vài bước, tôi nhìn bao quát một lần tất cả những danh nhân nọ: Pacôme, chủ tịch Hébert, hai anh em nhà Parrottin, đại tướng Aubry. Họ đội những chiếc mũ cao: vào ngày chúa nhật, trên đường Tournebride, họ đã gặp bà Gratien, vợ viên thị trưởng, người đã gặp Thánh nữ Cécile trong giấc mộng. Họ đã cúi chào bà trọng thể, những cái chào mà nổi bí ẩn đã biết tầm.

Người ta đã họa nên họ rất chính xác; tuy thế, dưới nét cọ, khuôn mặt họ đã bị tước đoạt mất cái vẻ yếu đuối bí ẩn của những khuôn mặt người. Khuôn mặt họ, ngay cả

những khuôn mặt yếu ớt nhất, vẫn rõ rệt như những đồ sành: tôi hoài công tìm kiếm nơi chúng một vẻ thân thuộc nào đó đối với những cái cây và những con thú, với những tư tưởng về đất và nước. Tôi nghĩ chắc rằng, lúc sinh thời, họ đã chẳng mang cái vẻ tất yếu nọ. Song, vào lúc bước qua hậu thời, họ đã giao phó cho một họa sĩ tên tuổi để y kín đáo điểm tô trên khuôn mặt họ tất cả những công trình vét bùn, khoan giếng, dẫn thủy nhập điền, nhờ đó họ đã chuyển đổi biển cá và đồng ruộng ở khu vực bao quanh Bouville. Như vậy, với sự tiếp tay của Renaudas và Bordutin, họ đã nhiếp phục toàn bộ Nhiên giới: Nhiên giới bên ngoài họ và Nhiên tính trong chính họ. Điều tôi nhận ra trên những khung vải ám tối đó, là con người được suy tưởng lại bởi con người, với cuộc chinh phục đẹp đẽ nhất của con người dùng làm vật trang sức độc đáo: bó hoa Nhân quyền và Dân quyền. Tôi thực tâm thán phục loài người.

Một ông và một bà nào đó bước vào. Họ vận y phục đen và đang tìm cách thu mình nhỏ lại. Họ dừng bước trên bậc thềm cửa ra vào, hốt bị kinh mang, và ông nọ gỡ mũ ra một cách máy móc.

"Ồ! Tuyệt!" bà ta nói trong vẻ xúc cảm cực độ.

Ông nọ lấy lại được vẻ bình tĩnh nhanh hơn. Ông bảo bằng giọng đầy tôn kính!

“Thật là cả một thời đại!”

“Đúng thế, bà nọ đáp, đây là thời đại của bà nội em”.

Họ bước đi vài bước và gặp phải cái nhìn của Jean Parrottin. Người đàn bà đứng há hốc miệng ra, nhưng ông nọ không có chi hãnh diện: ông có vẻ khiêm cung, hẳn ông phải biết rõ những cái nhìn uy nghiêm và những cuộc hội kiến bị cắt đứt. Ông nhẹ kéo tay bà vợ.

“Em hãy nhìn bức này”, ông bảo.

Nụ cười mỉm của Rémy Parrottin luôn luôn làm cho những kẻ khiêm cung được thoải mái. Người đàn bà tiến đến gần và chăm chú đọc.

“Chân dung Rémy Parrottin, sinh tại Bouville năm 1849, giáo sư trường Y khoa Paris, do họa sĩ Renaudas”.

“Parrottin, thuộc Hàn lâm viện khoa học, do Renaudas, người của Học viện họa. Thật đúng là Lịch sử”, người chồng bảo.

Người vợ lúc lắc cái đầu, đoạn nàng nhìn chăm chăm vị Thầy.

“Điều tốt đẹp trong bức họa này, là ông ấy có vẽ thông minh”, nàng nói.

Người chồng vung tay phác một cử chỉ rộng.

“Chính tất cả những nhân vật đó đã tạo nên Bouville”, ông ta bảo với vẻ dung dị.

“Đặt chung họ tất cả ở đây thật là hay”, người vợ nói trong cơn xúc động.

Chúng tôi là ba người lính đang thao diễn trong căn phòng bao la này. Người chồng cười to với niềm tôn kính, ông ta lặng lẽ ném về phía tôi một cái nhìn lo ngại và đột nhiên ngưng cười. Tôi xoay mặt đi, đến đứng yên trước chân dung Olivier Blévigne. Một nỗi khoan khoái dịu nhẹ tràn ngập người tôi: Này! Tôi đã có lý. Quả thật là quá kỳ cục!

Người vợ đã tiến lại gần tôi.

“Gaston, nàng đột nhiên bạo dạn lên và bảo, lại đây với em!”

Người chồng bước về hướng chúng tôi.

“Này anh, nàng ta tiếp, ông này có tên đường rồi đó: Olivier Blévigne. Anh biết chứ, con đường nhỏ leo lên khu Đồi Xanh ngay trước khi đến vùng tiếp cận Bouville”.

Độ vài giây sau, nàng lại nói thêm:

“Con đường đó chẳng có vẻ tiện lợi”.

“Không! Những người phản đối phải biết tìm đến kẻ có thẩm quyền để phàn nàn”.

Câu ấy gợi đến tôi. Ông nọ nhìn tôi bằng góc con mắt và cười hơi phát ra tiếng, lần này với một vẻ hóm hỉnh và tấn mẫn, như thể chính ông là Olivier Blévigne.

Olivier Blévigne không cười. Ông vênh về phía chúng tôi chiếc hàm co rút và trái khế nổi bật.

Có một giây phút im lặng và xuất thần.

“Như tưởng ông sắp cử động ấy”, người vợ bảo.

Người chồng ân cần giải thích:

“Ông là một đại thương gia ngành bông vải. Kế đó, ông đã làm chính trị, ông được bầu làm nghị viên”.

Tôi biết rõ ông. Cách đây hai năm, tôi đã tra cứu về ông ở cuốn “Tiểu tự điển các Danh nhân Bouville” của tu viện trưởng Morellet. Tôi có chép lại bài đó.

“Blévigne Olivier Martial, con của nhân vật trước, sinh và chết tại Bouville (1849-1909), học Luật ở Paris và đậu bằng cử nhân năm 1872. Bị kích động mãnh liệt vì cuộc nổi

loạn của Công xã Ba Lê, đã khiến ông cũng như nhiều người Ba Lê khác đến tị nạn tại điện Versailles; dưới sự che chở của Quốc ước nghị viện; ông đã thề nguyện “dành cả cuộc đời mình cho sự tái lập Trật Tự”, ở vào tuổi mà các thanh niên khác chỉ nghĩ tới những thú vui. Ông đã giữ lời; ngay khi quay trở về thành phố chúng ta, ông đã sáng lập nên một hội đoàn nổi danh: hội đoàn Trật tự, nhóm họp vào mỗi buổi chiều, trong suốt nhiều năm trường, quy tụ những đại thương gia và những chủ tàu thủy chính của Bouville. Cái hội đoàn quý tộc mà người ta có thể đùa nhạo bảo rằng còn khép kín hơn là hội đua ngựa này, đã tạo một ảnh hưởng tốt lành trên vận mệnh đại thương cảng chúng ta, mãi đến tận 1908. Năm 1808, Olivier Blévigne kết hôn với Marie Louise-Pacôme, con thứ của thương gia Charles Pacôme (xem tên này) và khi ông này chết, đã sáng lập nên ngôi nhà Pacôme-Blévigne và các con. Ít lâu sau, ông xoay sang hoạt động chính trị tích cực và ra ứng cử nghị sĩ.

“Xứ sở chúng ta, – ông phát biểu trong một bài diễn văn trứ danh – đang chịu đựng một cơn bệnh trầm trọng nhất: giai cấp lãnh đạo không còn muốn chỉ huy nữa. Và, thưa quý ngài, ai sẽ đứng ra điều khiển, nếu như những kẻ mà do di truyền, do giáo dục, do

kinh nghiệm đã trở thành có khả năng thi hành quyền lực nay lại quay lưng khỏi quyền hành, vì cố thoái nhiệm hay chán nản, mỗi một. Tôi đã thường phát biểu điều này: chỉ huy không phải là một quyền lợi của giới thương lưu, mà là một bổn phận chính yếu. Thừa quý ngài, tôi cầu xin quý ngài điều đó: hãy thiết lập lại nguyên tắc về quyền hành!".

Được bầu ở vòng đầu ngày 4 tháng 10 năm 1885, từ đó ông luôn luôn được tái cử. Bằng một tài hùng biện quả quyết và dữ dội, ông đã đọc vô số bài diễn văn lừng lẫy. Vào năm 1898, ông đang ngụ tại Paris khi cuộc đình công khủng khiếp nổ bùng ra. Ông tức tốc đáp tàu về Bouville, nơi ông sẽ là một tay cổ vũ cho phong trào chống đối. Ông đưa ra sáng kiến nên thương thuyết với những người đình công. Được bắt nguồn từ một tinh thần hòa giải rộng rãi, những cuộc thương thuyết này bị gián đoạn bởi cuộc giao chiến ở vùng phụ cận Bouville. Ta biết rằng một cuộc can thiệp kín đáo của quân đội đã lập lại an bình cho mọi người.

Cái chết yếu mệnh của cậu con trai Octave, người đã thi đậu vào trường Bách khoa khi còn rất trẻ và là người mà ông muốn "tạo thành một viên chỉ huy" đã gây xúc động khủng khiếp cho Olivier Blévine. Ông

không trở dậy được nữa và qua đời hai năm sau đó, vào tháng hai, năm 1908.

Tuyển tập diễn văn: *Những Sức mạnh Tinh thần*, 1894 (Hết), *Nhiệm vụ Trùng phạt*, 1900. Những bài diễn văn của bộ sưu tập này đã được đọc nhân vụ án Dreyfus (Hết), *Ý chí*, 1902 (Hết). Sau khi ông qua đời, người ta đã tập hợp những bài diễn văn cuối cùng và một vài bức thư gửi cho những người thân tình, dưới tiêu đề *Labor improbus* (nhà Plon, 1910).  
Họa tượng học: ông có một bức chân dung tuyệt hảo do Bordurin vẽ, treo tại viện bảo tàng Bouville".

Một bức chân dung tuyệt hảo, được Olivier Blévigne mang một chòm râu mép đen nhỏ và khuôn mặt màu xám lục của ông hơi giống khuôn mặt Maurice Barrès. Cả hai quyết nhiên là đều được mọi người biết đến: họ ngồi trên cùng một chiếc băng. Song viên nghị sĩ thành Bouville không có cái dáng điệu thiếu nhiệt thành như là viên chủ tịch Ái quốc đoàn. Ông ta thẳng đơ như một cây bạch vạn niên và tỏa vọt từ mặt vải như thể một con quỷ từ chiếc hộp nhảy ra. Đôi mắt ông lấp lánh: đồng tử đen tuyền, giác mô đỏ hồng. Ông mím chặt đôi môi dày thịt và ép mạnh bàn tay phải vào ngực.

Bức chân dung này quả đã làm tôi bức dọc, khổ tâm chừng nào! Đôi khi, tôi thấy Olivier Blévine quá to lớn và đôi lúc lại quá nhỏ nhoi. Nhưng ngày hôm nay, tôi hiểu ra rồi.

Tôi đã biết được sự thực khi lật thoáng qua tờ *Satirique Bouvillois*. Số ra ngày 6 tháng mười một, 1905 được dành hẳn cho Blévine. Người ta in ảnh ông trên bìa, nhỏ tí, bám vào chòm lông mũi của đức cha Combes, với câu chuyện truyền kỳ: Con Rận của Mãnh sư. Và ngay trang đầu tiên, mọi sự đã rõ rệt: Olivier Blévine cao một thước năm mươi ba phân. Người ta chế giễu tấm vóc nhỏ bé và cái giọng chầu chuộc của ông, giọng nói hơn một lần đã từng làm chết ngất toàn thể Nghị viện. Người ta tố cáo ông có mang những miếng gót bit tất bằng cao su trong giày ống. Trái lại, bà Blévine, dòng họ Pacôme, quả là một con ngựa đực. “Đây là trường hợp để bảo rằng ông ta đang có kẻ bù đắp đích đáng cho mình” người ký giả viết thêm.

Một thước năm mươi ba! Vâng: với một mối chú tâm tẩn mẩn, Bordurin đã vây quanh ông bằng những đồ vật chẳng hề có cơ thu nhỏ lại: một chiếc ghế nệm nhỏ lùn, một chiếc ghế bành thấp, một chiếc kệ với vài cuốn sách khổ xấp – 12, một chiếc bàn tròn xoay bé tí kiểu Ba Tư. Duy có điều, nhà họa

sĩ đã vẽ ông ta cùng một ni tắc như người trong bức tranh bên cạnh, Jean Parrottin, và cả hai bức tranh đều mang cùng kích thước như nhau. Kết quả là chiếc bàn tròn xoay ở trên bức này lại hầu như lớn bằng chiếc bàn to tướng trên bức tranh kia, và chiếc ghế nệm thấp sẽ cao đến vai Parrottin. Giữa hai bức tranh, con mắt sẽ theo bản năng mà so sánh lẫn nhau: nỗi bực dọc của tôi phát nguyên từ đó.

Giờ đây, tôi muốn cười to: một thước năm mươi ba! Nếu muốn nói chuyện với Blévine hẳn tôi phải nghiêng mình hay khòm gối xuống. Tôi không còn ngạc nhiên nữa khi thấy ông ta hùng hổ vênh chiếc mũi lên trời như thế: số mệnh của những người có tầm vóc thấp lùn như thế luôn luôn được diễn ra một vài phân trên đầu họ.

Sức mạnh tuyệt vời của nghệ thuật. Từ cái mẫu người có giọng nói chát chúa nọ, chẳng còn gì lưu lại hậu thế cả, ngoài ra một khuôn mặt đầy hăm dọa, một cử chỉ đường bệ oai nghiêm và đôi mắt toé máu của loài bò tót. Người sinh viên bị Công xã khủng bố, người nghị sĩ bé tí hay nổi giận; đấy là những gì mà thần chết đã cướp đi. Nhưng, nhờ vào Bordurin, viên chủ tịch của Hội đoàn trật tự, người diễn giả của Những sức mạnh Tinh thần vẫn còn sống mãi trong thiên thu.

“Ồ! Đáng thương cho cậu Pipol!”.

Người đàn bà thốt lên một tiếng kêu tắc nghẹn: dưới chân dung của Octave Blévine, “con của nhân vật trước”, một bàn tay kính tín đã viết nên dòng chữ:

“Tử trần tại trường Bách khoa năm 1904”.

“Cậu ấy chết rồi! Cũng như cậu Arondel. Cậu ta có vẻ thông minh thật. Mẹ cậu hẳn đã khổ tâm vì thế! Cũng vì phải làm việc quá sức trong những cái trường lớn đó. Trí óc phải làm việc liên miên, ngay cả trong giấc ngủ. Em, em thích những chiếc mũ hai góc này, trông thật bảnh. Còn những túm lông đó, chúng tên là casoars hả anh?”.

“Không; casoars là danh từ dành cho trường võ bị Saint-Cyr”.

Đến lượt tôi chiêm ngưỡng anh chàng học viên trường Bách khoa mệnh yếu. Máu da sấp bóng và bộ râu mép đầy tín tâm đã đủ để gợi ra ý tưởng về cái chết sắp đến. Vả lại, anh cũng đã thấy trước định mệnh mình: một sự nhấn nhục nào đó lộ rõ nơi đôi mắt trong sáng của anh, đôi mắt nhìn xa vời vợi. Song đồng lúc, anh lại ngẩng cao đầu lên; dưới bộ đồng phục đó, anh biểu trưng cho quân đội Pháp.

*Tu Marcellus eris! Manibus date lillie  
plenis...*

Một đóa hồng bị cắt đi, một học viên trường Bách khoa lia đời: còn có gì để đáng buồn hơn?

Tôi bước nhẹ theo dãy hành lang dài, vừa đi qua vừa cúi chào, nhưng không ngừng chân, những khuôn mặt lồi lạc ló ra từ vùng bóng tối mờ mờ: ông Bossoire, chủ tịch tòa án thương mại, Ô. Faby, chủ tịch hội đồng hành chánh của thương cảng tự trị Bouville, ô. Boulange, thương gia, cùng với gia đình, ô. Rannequin, thị trưởng Bouville, ô. De Lucien, sinh tại Bouville, đại sứ Pháp tại Mỹ quốc và là thi sĩ, một người lạ với y phục quân trưởng, mẹ Sainte-Marie Louise, mẹ bề trên của Đại cô nhi viện, ô. và bà Thérésion, ô. Thiboust Gouron, tổng chủ tịch của hội đồng hòa giải thợ và chủ, ô. Bobot, chánh quản lý của hệ thống danh bộ hải quân, các ô. Brion, Minette, Grelot, Lefebvre, ông bà bác sĩ Pain, cả Bordurin nữa, được con trai ông là Pierre Bordurin về lại. Những cái nhìn trong sáng và lạnh lùng, những đường nét thanh tú, những chiếc miệng mảnh mai, ông Boulange to lớn và kiên nhẫn, Mẹ Sainte-Marie-Louise với một vẻ kính tín đầy trí xảo. Ông Thiboust-Gouron cứng rắn với chính mình cũng như với kẻ khác. Bà Thérésion đang

dùng mảnh chống lại một điều ác sâu xa. Chiếc miệng chán nản cùng cực của bà đủ nói lên rõ rệt nỗi đau khổ bà đang chịu đựng. Song chẳng bao giờ người đàn bà đẩy lòng kính tín này lại than van: "Tôi đang đau đớn". Bà cố tỏ ra cao thượng. Bà sáng tác ra các thực đơn và làm hội trưởng các Hội từ thiện. Đôi khi, giữa một câu nói, bà chậm chạp khép đôi mí mắt lại và sự sống từ bỏ khuôn mặt bà. Về suy nhược này không kéo dài hơn một khoảnh khắc. Và người ta thì thầm với nhau trong công trường bần nữ: "Tội nghiệp bà Thérèse! Bà chẳng hề than vãn bao giờ".

Tôi đã băng qua suốt cả chiều dài phòng triển lãm Bordurin-Renaudas. Tôi quay đầu lại. Thôi, già biệt, những nhành hoa huệ thanh thoát trong những đèn đài miêu họa nhỏ bé của các người, già biệt, những cảnh hoa huệ xinh tươi, niềm kiêu hãnh và là lý do hiện hữu của chúng ta, già biệt, những Đồ Chó đẻ.

*Thứ hai.*

Tôi không viết tiếp tác phẩm của mình về Rolleston nữa; thế là hết, tôi chẳng thể nào viết ra được nữa. Tôi sắp sửa làm gì đời mình?

Đã ba giờ. Tôi đang ngồi tại bàn; tôi đã đặt cạnh tôi một bó thư đánh cắp được ở Mạc Tư Khoa; tôi đã viết:

“Người ta đã cố tâm rao truyền những lời đồn đại vô sỉ nhất. De Rollebon hẳn đã bị vướng vào xảo thuật này, vì trong thư đề ngày 13 tháng 9, ông đã viết cho người cháu trai của mình rằng ông vừa mới thảo một bản chúc thư”.

Viên hầu tước đã hiện diện: trong khi chờ đợi ông được lưu định chung thẩm trong hiện hữu lịch sử, tôi đã cho ông mượn cuộc đời tôi. Tôi cảm nghiệm ông như một làn hơi nóng nhẹ nhàng trong lỗ hổng dạ dày.

Đột nhiên tôi thấy rõ một vấn nạn mà người ta sẽ không bỏ lỡ dịp nêu ra: Rollebon đã chẳng thành thực gì với người cháu trai, kẻ mà ông sẽ dùng làm người chứng để chạy tội với hoàng đế Paul đệ I, trong trường hợp vụ mưu sát bị hỏng. Rất có thể ông đã đặt bày câu chuyện bản chúc thư để làm ra vẻ một người ngây thơ vô tội.

Đây là một vấn nạn nhỏ nhặt chẳng đáng kể vào đâu; có thể bỏ qua được. Tuy nhiên, nó cũng đủ chìm ngập tôi vào trong một cơn mơ mộng ảo não. Đột nhiên, tôi nhìn thấy lại người hầu gái to lớn của quán “Chez

Camille", chiếc đầu thô bạo dữ tợn của ông Achille, căn phòng nơi tôi đã cảm nghiệm rất rõ rệt rằng tôi đã bị lãng quên, bị bỏ rơi trong hiện tại. Tôi chán nản tự nhủ:

"Làm thế nào mà tôi, một kẻ chẳng đủ sức mạnh níu giữ chính ngay quá khứ của mình, lại có thể hy vọng sẽ cứu vãn được quá khứ của một người khác?"

Tôi cầm bút lên và cố gắng làm việc lại: tôi chán ngấy lên tận óc về những thứ đó, những sự suy nghĩ về quá khứ, hiện tại, về thế giới theo kiểu như thế. Tôi chỉ đòi hỏi một điều: người ta hãy để yên cho tôi hoàn tất tác phẩm của mình.

Nhưng khi những cái nhìn của tôi rơi xuống trên xấp giấy trắng, dáng vẻ bên ngoài của nó bắt chộp lấy tôi và tôi đã dừng lại, ngấm nhìn say sưa cái khối giấy rạn rở kia, cây viết đưa lưng lên trời: nó mới cứng rắn và thấu thị làm sao, nó mới thật là hiện tại làm sao. Nơi nó, chẳng có gì hiện hữu ngoài hiện tại. Những dòng chữ tôi vừa viết lên đấy hãy còn chưa khô hẳn thì đã chẳng còn thuộc về tôi nữa.

"Người ta đã cố tâm rao truyền những lời đồn đại vô sí nhất..."

Câu trên, tôi đã suy tưởng đến. Thoạt tiên, nó còn mang một chút gì thuộc về tôi.

Bây giờ, câu đó đã được khắc ghi trên giấy, nó hợp thành khối chống lại tôi. Tôi không còn nhận ra nó nữa. Tôi lại còn không thể nào suy nghĩ một lần nữa câu đó. Nó đang có đấy, đối mặt với tôi; tôi đã hoài công vô ích để tìm kiếm một dấu tích chỉ rõ nơi xuất phát. Bất cứ người nào khác cũng đã có thể viết nên câu đó. Nhưng còn tôi, *chính tôi*, tôi chẳng chắc tâm rằng mình đã viết nên nó. Hiện giờ, những dòng chữ không còn lấp lánh nữa, chúng đã khô lại. Cả chuyện đó nữa cũng biến mất: chẳng còn lại gì từ cái vẻ rạng rỡ mong manh của chúng.

Tôi liếc nhìn chung quanh đầy lo lắng: hiện tại, chẳng có gì khác ngoài hiện tại. Những đồ đạc nhẹ nhàng và kiên cố, bị trát phủ một lớp vỏ cứng trong hiện tại của chúng, một cái bàn, một cái giường, một chiếc tủ gương – và cả chính tôi. Bản chất đích thực của hiện tại đã hiện lộ ra; hiện tại đã là cái đang hiện hữu, và tất cả những gì không hiện tại thì cũng không hiện hữu. Quá khứ không hiện hữu. Hoàn toàn không. Cả trong những sự vật, lẫn trong tư tưởng tôi. Hẳn nhiên, từ rất lâu tôi đã hiểu rằng quá khứ của riêng mình đã vượt thoát khỏi tôi. Nhưng mãi đến bây giờ, tôi vẫn còn tin rằng quá khứ đó chỉ bị rút ra khỏi tầm hạn của tôi. Đối với tôi, quá khứ chỉ là một cuộc ẩn dật: đấy là một

cách thái khác để hiện hữu, một trạng thái nghỉ ngơi và vô hoạt; mỗi biến cố, một khi đã chấm dứt vai trò, đều tự mình sắp xếp một cách khôn ngoan trong một chiếc hộp và trở thành một biến cố khả kính: người ta phải hao hơi tốn lực biết bao để tưởng tượng ra hư vô. Giờ đây, tôi đã biết rõ; toàn thể những sự vật đều chỉ là những lộ diện của chúng – và *dằng sau chúng...* tuyệt chẳng có gì.

Tôi còn chìm đắm trong tư tưởng trên một vài phút nữa. Đoạn tôi vùng mạnh vai để tự giải thoát và kéo xấp giấy về phía tôi.

"... rằng ông vừa mới thảo một bản chúc thư".

Một nỗi xót xa khôn cùng đột nhiên tràn ngập tâm hồn và cây bút rời khỏi tay tôi, bắn mực văng tung toé. Chuyện gì đã xảy ra? Tôi đã gặp cơn Buồn Nôn chăng? Không, không phải thế, căn phòng vẫn mang vẻ nhân từ dịu ngọt mọi ngày. Ngoại trừ chiếc bàn đối với tôi có vẻ nặng nề thêm, dày đặc thêm và cây bút có vẻ cứng chắc hơn. Duy có điều là De Rollebon vừa chết lần thứ hai.

Mới lúc này đây, ông ta hãy còn có đó, trong tôi, yên tĩnh và ấm nóng, và thỉnh thoảng tôi lại cảm thấy ông ngọ nguậy. Đối với tôi, ông còn sống động nhiều, sống động hơn là chàng

Tự Học hay bà chủ quán “Rendezvous des Cheminots” nữa. Hẳn nhiên là ông có những ưa thích nhất thời, ông có thể ở lì trong phòng nhiều ngày không lộ dạng ra ngoài; nhưng thường khi, vào những lúc đẹp trời bí ẩn, ông lại lộ mũi ra ngoài, như con chim áo dài miền ẩm ướt, tôi nhận ra khuôn mặt trắng nhợt và đôi gò má xanh xao của ông. Ngay cả khi chẳng lộ dạng ra, ông vẫn đè nặng trên tâm hồn tôi, và tôi cảm thấy lòng mình tràn đầy.

Giờ đây, chẳng còn gì nữa. Cũng chẳng còn lấy chút hoài niệm nào về vẻ rạng rỡ tươi mát của những vệt mực khô này. Đây là lỗi ở tôi: những lời duy nhất chẳng nên thốt ra, tôi lại nói lên: tôi đã nói rằng quá khứ chẳng hiện hữu. Và đột ngột, im lìm, De Rollebon đã quay trở lại cõi hư vô.

Tôi cầm lấy những bức thư của ông nơi tay, tôi mân mê chúng với một thứ nỗi niềm thất vọng. Tôi tự nhủ:

“Chính ông ta, phải, tuy vậy, chính ông ta đã viết nên từng chữ một trong những bức thư này. Ông đã tựa mình trên tờ giấy này, ông đã đặt ngón tay lên những tấm giấy, để ngăn không cho chúng xoay chỗ dưới ngòi bút”.

Đã quá chậm: những dòng chữ này chẳng có nghĩa gì nữa. Chẳng còn gì hiện

hữu, ngoài xấp giấy vàng mà tôi đang ép chặt trong đôi bàn tay. Lại còn câu chuyện phức tạp này: người cháu trai của Rolleston bị cảnh binh Nga hoàng ám sát năm 1810, những giấy tờ của y bị tịch thu và chuyển vào Thư khố mật, đoạn, một trăm mười năm sau, được những người Xô Viết, lúc ấy đã lên cầm quyền, ký gởi tại thư viện Nhà nước, nơi tôi đã đánh cắp được chúng vào năm 1923. Song điều ấy không có vẻ gì thực, và ngay cả vụ đánh cắp mà chính tôi là thủ phạm, tôi cũng chẳng còn lưu giữ được một hoài niệm đích xác nào. Để giải thích sự hiện diện của những giấy tờ này trong phòng tôi, chẳng khó khăn gì để tìm ra hàng trăm câu chuyện khác đáng tin hơn: đối diện với những tờ giấy xù xì này, tất cả những câu chuyện đó đều có vẻ rõ ràng và nhẹ như những chiếc bọt bóng. Chẳng thà tôi phó thác mình cho vận số đỏ đen còn hơn là tin vào những tờ giấy đó để tự đặt mình cảm thông với Rolleston. Rolleston chẳng còn hiện hữu nữa. Hoàn toàn không. Nếu ông ta còn lại một vài đốt xương, thì những đốt xương đó cũng tự hiện hữu cho chính mình, hoàn toàn độc lập, chúng chỉ là một ít phốt-phát và cat-bô-nát pha lẫn muối và nước.

Tôi thực hiện một mưu định cuối cùng; tôi tự lập lại những lời sau đây của Bà De

Genlis mà thường tôi hay dùng để triệu thỉnh hầu tước Rollebon: “khuôn mặt ông nhăn nheo, sạch sẽ và quang thuần, rõ ràng rõ rệt, với một vẻ tinh quái lạ thường đập rõ vào mặt ta, mặc dù đã cố gắng cách nào để che giấu”.

Gương mặt ông đã hiện lên với tôi trong vẻ ngoan ngoãn, chiếc mũi nhọn, đôi gò má xanh xao, nụ cười mỉm. Tôi có thể tùy ý tạo nên những đường nét của ông và có lẽ còn dễ dàng hơn cả trước đây nữa. Duy có điều, đây chỉ là một ảnh tượng trong tôi, một ảo tượng. Tôi thở dài, ngả người ra sau, tựa vào lưng ghế, với ấn tượng một sự khiếm khuyết không thể dung thứ nổi.

Chuông đổ bốn giờ. Đã một giờ trôi qua tôi ngồi đấy, đôi tay buông thõng trên ghế. Trời bắt đầu tối ám. Trừ điều đó ra, không có gì thay đổi trong căn phòng: mảnh giấy trắng vẫn luôn luôn hiện hữu trên bàn, bên cạnh cây bút và bình mực... song chẳng bao giờ nữa, tôi sẽ viết lên trang giấy đã khởi đầu. Chẳng bao giờ nữa, đi dài theo con đường Mutilés và đại lộ Redoute, tôi sẽ đến thư viện để tham khảo những tài liệu, sách vở.

Tôi muốn nhảy bống lên và rời khỏi phòng, làm bất cứ chuyện gì để cho mình dịu

bớt. Song, nếu nhấc một ngón tay lên, nếu không tự giữ cho hoàn toàn trầm tĩnh, thì tôi biết rõ điều gì sẽ xảy ra cho tôi. Tôi *không muốn* rằng điều đó lại xảy đến cho tôi nữa. Nó luôn luôn đến quá sớm. Tôi không động đây; trên xấp giấy, tôi đọc một cách máy móc đoạn văn bị bỏ dở:

“Người ta đã cố tâm rao truyền những lời đồn đại vô sỉ nhất. De Rollebon hẳn đã bị vướng vào xảo thuật này, vì trong bức thư đề ngày 13 tháng 9, ông đã viết cho người cháu trai rằng ông vừa mới thảo một bản chúc thư”.

Đại sự về Rollebon đã kết thúc, như thế một nỗi đam mê lớn lao cuồng nhiệt. Phải kiếm tìm một điều gì khác: cách đây vài năm, ở Thượng Hải, trong phòng giấy của Mercier, đột nhiên tôi đã ra khỏi một giấc mộng, tôi đã được đánh thức dậy. Kế đấy, tôi đã rơi vào trong một giấc mộng khác, tôi đã sống tại triều đình của những hoàng đế Nga, trong những tòa lâu đài cổ lạnh lẽo đến độ vào mùa đông, những mảnh thạch nhũ kết băng bên dưới những cánh cửa. Ngày hôm nay, tôi đang tỉnh dậy, đối mặt với một xấp giấy trắng. Những ngọn đuốc, những buổi lễ giá băng, những bộ đồng phục, những chiếc vai đẹp đẽ đang nổi da gà đã biến mất. Thay vào đó, có *một cái gì* còn lại trong căn

phòng ấm nóng, một cái gì đó mà tôi chẳng muốn nhìn thấy.

Hầu tước De Rollebon đã là người phối ngẫu của tôi: ông đã cần đến tôi để hiện thể và tôi cũng đã cần đến ông để dùng cảm nghiệm hiện thể của mình. Chính tôi là người cung cấp vật liệu cho ông, thứ chất liệu mà tôi cần phải bán lại, vì chẳng biết làm gì: hiện hữu, hiện hữu *của tôi*. Phần của ông, là biểu tượng ra. Ông đối diện và xâm chiếm đời tôi, để *biểu tượng ra với tôi* cuộc đời của ông. Tôi chẳng còn nhận ra tôi đã hiện hữu nữa, tôi đã chẳng hiện hữu nữa trong tôi, nhưng là trong chính ông ta; chính vì ông mà tôi đã ăn uống, vì ông mà tôi đã hô hấp, mỗi một cử chỉ của tôi đều mang chứa một ý nghĩa ở bên ngoài, như thế đấy, đối diện với chính tôi, trong con người ông ta; tôi không còn nhìn thấy nữa bàn tay tôi đã vạch nên những dòng chữ trên mặt giấy, cả cái câu tôi đã viết ra – nhưng, ở đằng sau, ở bên kia mặt giấy, tôi nhìn thấy viên hầu tước, người đã kêu đòi cử chỉ nọ, người mà cử chỉ đó đã nối dài, củng cố cho hiện hữu ông ta. Tôi chỉ là một phương tiện để làm cho ông ta sống, ông ta là lý do hiện hữu của tôi, ông đã giải thoát tôi ra khỏi chính tôi. Giờ đây, tôi sẽ làm gì?

Cốt nhất là không nên động dậy, đừng *động dậy*... A!

Cái rùng vai đó, tôi đã chẳng thể kìm lại được...

Vật thể đang chờ đợi tôi đã được báo động, nó đã tuôn chảy tràn trề trên tôi, nó đang róc rách trong tôi, người tôi đầy ứ vật thể. Chẳng gì cả: Vật Thể, chính là tôi Hiện hữu, được giải phóng, được buông thả, đang thoái lui về trên tôi. Tôi đang hiện hữu.

Tôi đang hiện hữu. Điều đó thật êm dịu, quá êm dịu, quá chậm rãi. Và nhẹ nhàng nữa: tưởng như nó tự mình đứng vững giữa không khí. Nó đang xao động. Đây là những phốt chạm qua khắp nơi, đang tuôn chảy và tan biến. Rất êm dịu, tuyệt êm dịu. Trong miệng tôi, có chất nước sủi bọt. Tôi nuốt vào, chất nước lướt qua cuống họng, chất nước ve vuốt tôi – và nó đấy, nó lại tái sinh trong miệng tôi, suốt đời, tôi mang trong miệng một vũng nước trắng đục – gián đoạn, bí ẩn – chạm lướt qua lưỡi tôi. Và vũng nước đó, cũng lại là tôi. Cả chiếc lưỡi. Và cả chiếc cổ họng, cũng chính là tôi.

Tôi nhìn thấy bàn tay tôi đang xoè nở trên bàn. Bàn tay đang sống – đấy chính là tôi. Bàn tay mở ra, những ngón tay căng ra, vĩnh cao. Bàn tay đang nằm chống ngược trên lưng. Bày ra chiếc bụng béo mập. Nó tựa

như một con thú bị lật ngửa. Những ngón tay là những chiếc chân. Tôi đùa chơi bằng cách lay động những ngón tay rất nhanh, giống như những chiếc chân của một con cua bị vật ngửa. Con cua đã chết: những chiếc chân co quắp lại, thu về trên chiếc bụng của bàn tay. Tôi nhìn thấy những chiếc móng – sự vật duy nhất trong tôi không mang đời sống. Và nữa. Bàn tay tôi lật sấp lại, nằm duỗi dài ra, bày cho thấy chiếc lưng. Một chiếc lưng mạ bạc, hơi lấp lánh – in tuồng một con cá, nếu không có những sợi lông màu hoe hoe chỗ khởi đầu những lông tay. Tôi ngửi bàn tay mình. Hai con vật đang múa máy động đậy ở đầu hai bàn tay kia là chính tôi. Bàn tay tôi gãi một trong những chiếc chân của con thú, bằng móng của một chiếc chân khác: tôi cảm nghiệm được sức nặng của nó trên chiếc bàn, vốn không phải là chính tôi. Thật là lâu lác, dài dặc, cái ấn tượng về sức nặng đó, nó chẳng chịu tan biến đi. Chẳng có lý do để cho nó tan biến. Rốt cuộc, thật không thể dung thứ nổi... Tôi rút bàn tay lại, đút vào trong túi quần. Nhưng lập tức, xuyên qua lần vải, tôi cảm nghiệm được hơi ấm của bắp đùi. Ngay tức khắc, tôi rút tay ra khỏi túi; tôi để tay mình treo dựa lên lưng ghế. Bây giờ đây, tôi cảm thấy sức nặng của bàn tay ở đầu cánh tay. Bàn tay hơi co lại, mềm ẻo, nhão nhột,

bàn tay đang hiện hữu. Tôi chẳng nản nì thay đổi nữa, bất cứ nơi nào tôi đặt bàn tay xuống, bàn tay vẫn tiếp tục hiện hữu và tôi sẽ tiếp tục cảm nghiệm rằng nó đang hiện hữu; tôi không thể nào thủ tiêu bàn tay đi được, cũng như chẳng thể thủ tiêu được phần còn lại của thân thể, cái hơi nóng ẩm ướt làm vấy bẩn chiếc sơ mi, cũng như toàn thể khối mỡ ấm nóng đang lười biếng xoay tròn, in tuồng người ta đang quấy động nó ở đầu một chiếc muỗng, cũng như tất cả những cảm giác đang diễu hành bên trong, đi đi lại lại, dâng lên từ hông tôi đến tận nách hay đang sống tối tăm chai lì một cách êm dịu trong xó xỉnh quen thuộc của mình, từ sáng đến chiều.

Tôi giật nảy người đứng dậy: nếu tôi đã có thể ngưng suy nghĩ thôi, thì chắc sẽ khá hơn. Những tư tưởng là những gì nhạt nhẽo nhất hạng. Nhạt nhẽo vô vị còn hơn là thịt da nữa. Chúng cứ kéo dài tựa hồ không bao giờ dứt và để lại một mùi vị kỳ quặc. Và rồi còn có những chữ, ở bên trong những tư tưởng, những chữ dở dang, những phác họa của những câu luôn trở đi trở lại: "Tôi phải chấm d... Tôi giải... Cái chết ... Ông De Rollebon đã chết... Tôi không phải là... Tôi giải...". Được rồi, được rồi, và chuyện đó chẳng bao giờ kết thúc. Nó còn tệ hại hơn những gì còn lại vì tôi cảm thấy

mình là kẻ chịu trách nhiệm và là đồng lõa. Chẳng hạn như cái trò trầm tư mặc tưởng đầy đau khổ này: *tôi đang hiện hữu*, chính tôi đang duy trì hiện hữu đó. Tôi. Thân xác sống một mình, một khi đã khởi sự. Nhưng còn tư tưởng, thì *chính tôi* nối tiếp nó, giảng bày nó ra. Tôi đang hiện hữu. Tôi đang nghĩ rằng tôi đang hiện hữu. Ô! Cái vòng xoắn dài dòng, cái cảm thức về trạng thái hiện hữu – và tôi giảng bày nó ra, rất là êm ái... Nếu tôi có thể ngăn được mình đừng suy nghĩ! Tôi cố sức, tôi thành công rồi: hình như đầu óc tôi đang đầy sương khói lan man... và rồi thì chuyện đó lại khởi đầu. Sương khói... đừng suy nghĩ... Tôi không muốn suy nghĩ... Tôi nghĩ rằng tôi không muốn suy nghĩ. Đừng nên nghĩ rằng tôi không muốn suy nghĩ. Vì đấy cũng là một ý nghĩ. Vậy thì ta chẳng bao giờ kết thúc được sự vụ đó hay sao?

Tư tưởng của tôi, chính là *tôi*: đó là lý do vì sao tôi không thể ngưng lại được. Tôi hiện hữu bởi những gì tôi đang suy tưởng... và tôi không thể ngăn mình thôi suy tưởng. Ngay cả trong giây phút này – thật là kinh khủng – nếu như tôi đang hiện hữu, thì *đấy là vì* tôi sợ hãi phải hiện hữu. Chính tôi, *chính tôi*, đang thu lùi mình về cõi hư vô mà tôi khát vọng: lòng thù ghét, lòng kinh tởm hiện hữu, bấy

nhiều tình cảm đó là bấy nhiêu cách thái để làm cho tôi hiện hữu, để chìm sâu tôi vào trong hiện hữu. Những tư tưởng khởi sinh đằng sau tôi như một cơn chóng mặt, tôi cảm nghiệm chúng đang nảy sinh sau đầu tôi... nếu như tôi nhượng bộ, chúng sẽ đến chiếm chỗ đó ngay phía trước giữa đôi mắt tôi – và tôi luôn luôn nhượng bộ, tư tưởng lớn dần lên, lớn dần lên và nó đang ở đó, cỡi bao la, tràn ngập toàn thể người tôi và làm mới lại hiện hữu tôi.

Nước bọt tôi đã biến thành ngọt ngào, thân thể tôi đang ấm nóng; tôi cảm thấy nhát nhẽo vô vị. Con dao nhỏ của tôi đang nằm trên bàn. Tôi mở dao ra. Tại sao lại không? Dù sao đi nữa, chuyện đó cũng sẽ mang lại chút thay đổi. Tôi đặt bàn tay trái trên xấp giấy ghi và đâm mạnh một nhát vào lòng tay. Cử chỉ tôi quá nôn nóng, lưỡi dao trượt qua một bên, vết thương chẳng sâu gì. Nó đang chảy máu. Và rồi sau đó? Có gì đã thay đổi đâu? Tuy thế, tôi cũng khoái trá nhìn chăm chú trên tờ giấy trắng, ngang qua những dòng tôi vừa viết, cái vũng máu nhỏ sau cùng đã không còn thuộc về tôi nữa. Bốn dòng chữ trên một tờ giấy trắng, một đốm máu, chính những cái đó lưu lại tạo thành một hoài niệm tươi đẹp. Tôi phải viết ở bên dưới: “Ngày

hôm nay, tôi đã bỏ ý định viết cuốn sách về hầu tước De Rollebon”.

Tôi sẽ sờ sờ bàn tay mình chẳng? Tôi ngẩn ngại. Tôi chăm chú nhìn dòng máu nhỏ chảy đơn điệu buồn nản. Nó vừa vận động lại. Thế là hết. Da tôi có vẻ bị cùn nhụt, rỉ đi, chung quanh vết cắt. Dưới làn da, chỉ còn lại một cảm giác nhẹ giống như mọi cảm giác khác, có lẽ còn nhụt nhẽo hơn nữa là khác.

Đồng hồ gõ chuông báo bốn giờ rưỡi. Tôi đứng dậy, chiếc áo lạnh toát dán sát vào da thịt tôi. Tôi bước ra. Tại sao? Ờ, bởi vì tôi chẳng còn lý do nữa để dừng lại như thế. Ngay cả khi tôi ở lại trong phòng, ngay cả khi tôi nép mình lại yên lặng trong một xó xỉnh, tôi cũng sẽ chẳng quên lãng được tôi. Tôi sẽ ở đó, tôi sẽ đè nặng thân thể lên sàn nhà. Tôi đang hiện thể.

Tôi mua một tờ báo khi đi ngang qua. Tin giật gân. Đã tìm được tử thi của bé Lucienne: mùi mực in, tờ báo bị vò nhàu giữa những ngón tay. Ké đề tiện đã tẩu thoát. Cô bé bị hãm hiếp. Người ta đã tìm thấy được xác cô, những ngón tay co quắp trong bùn. Tôi vo tròn tờ báo những ngón tay tôi co quắp lại trên tờ nhật báo; mùi mực in; Chúa ơi ngày hôm nay sao mà sự vật hiện hữu mãnh liệt

đường này. Cô bé Lucienne đã bị hãm hiếp. Bị siết cổ. Thân thể cô hãy còn hiện hữu, xác thịt cô bị thương tổn. Cô không hiện hữu nữa. Những bàn tay của cô. Cô không hiện hữu nữa. Những ngôi nhà. Tôi bước đi giữa những ngôi nhà, tôi đang hiện thể giữa những ngôi nhà, thẳng người trên vệ đường; vệ đường dưới chân tôi đang hiện hữu; những ngôi nhà khép lại trên tôi, như nước khép lại trên tôi trên tờ giấy vẽ hình ngọn núi ngổn trời; tôi đang hiện thể. Tôi đang hiện thể, tôi đang hiện hữu, tôi suy tưởng vậy tôi đang hiện hữu; tôi hiện hữu bởi vì tôi đang suy tưởng, tại sao tôi lại suy tưởng làm gì chứ? Tôi không còn muốn suy tưởng nữa, tôi đang hiện hữu bởi vì tôi đang suy tưởng rằng tôi không muốn hiện thể, tôi đang nghĩ rằng tôi... bởi vì... tởm quá! Tôi đang chạy trốn, kẻ dè tiện đã tẩu thoát, cái thân xác bị hãm hiếp. Cô bé đã cảm nghiệm cái khối da thịt khác giống nọ trườn lướt vào trong da thịt mình. Tôi... tôi đang... Bị hãm hiếp. Một khát vọng cưỡng hiếp, êm dịu, khốc liệt đang chộp lấy tôi từ ở đằng sau, rất là êm dịu đằng sau những lỗ tai, những lỗ tai chạy dài đằng sau tôi, những sợi tóc màu hoe hoe, chúng hoe hoe đỏ trên đầu tôi, một khóm cỏ ẩm mềm, một khóm cỏ hoe hoe đỏ, nó cũng là tôi chăng? Và tờ báo này, nó cũng là tôi chăng? Cầm lấy tờ báo

hiện hữu, cọ sát hiện hữu, những vật thể hiện hữu tựa sát vào nhau, tôi buông lỏng tờ báo. Ngôi nhà nầy hiện ra, ngôi nhà đang hiện hữu: đằng trước tôi, dọc theo bức tường tôi bước đi, dọc theo bức tường tôi hiện hữu, trước bức tường, một bước, bức tường hiện hữu trước mặt tôi, một, hai, đằng sau tôi, một ngón tay tôi đang gãi trong quần, gãi, gãi và rút ngón tay ra khỏi cô bé nhem nhuốc bùn, bùn trên ngón tay tôi đang rút khỏi cơn ngứa, ngứa và nhẹ nhàng rơi xuống, nhẹ nhàng, mềm nhũn ra, cào cào ít mạnh hơn những ngón tay cô bé bị người ta siết cổ, kẻ dê tiện, cào cào vào bùn đất ít mạnh hơn, ngón tay lướt đi nhẹ nhàng, đầu ngón tay rơi xuống trước và vuốt ve lăn tròn ấm nóng vào đùi tôi; hiện hữu thì mềm nhũn, lăn tròn và đóng đưa, tôi đóng đưa giữa những ngôi nhà, tôi hiện thể, tôi đang hiện hữu, tôi suy tưởng vậy tôi đang đóng đưa, tôi đang hiện thể, hiện hữu là một sự sa đọa bị rơi xuống, dừng rơi xuống, rơi xuống, ngón tay cào gãi trên chiếc mũ đàn bà, hiện hữu là một sự bất toàn. Cái ông nọ. Cái ông nọ đang hiện hữu. Ông ta cảm thức rằng mình đang hiện hữu. Không, cái ông vừa mới đi qua, hãnh diện, ngoan ngùy như một cây bìm bìm, không cảm thức rằng ông đang hiện hữu. Tỏa nở ra; tôi đau nơi bàn tay bị cửa dết, hiện hữu, hiện hữu,

hiện hữu. Cái ông nhà nọ đang hiện hữu Bắc đẩu bội tinh, hiện hữu bộ râu mép, chỉ có thể; như thể người ta phải sung sướng vì chỉ là một Bắc đẩu bội tinh và một bộ râu mép và phần còn lại thì chẳng ai nhìn thấy cả, ông ta nhìn thấy hai đầu nhọn của bộ râu mép từ hai bên lỗ mũi; tôi không suy tưởng vậy tôi là một bộ râu mép. Cả cái thân xác ốm o, lùn đơì bàn chân to lớn của ông, ông đều chẳng nhìn thấy, khi lục lạo sâu trong quần, người ta sẽ gặp hai hòn đá xám xịt. Ông ta được ân thưởng Bắc đẩu bội tinh, những tên Chó để có quyền hiện hữu: "tôi đang hiện hữu vì đây là quyền của tôi". Tôi có quyền hiện hữu, như thể tôi có quyền không suy tưởng; ngón tay giờ lên. Có phải là tôi sắp... vuốt ve trong sự bùng nổ của những tấm chân trắng cái khối da thịt trắng toát nở bùng đang rơi xuống mềm xù, chạm đến mồ hôi rỉ ra từ nách, những chất thuốc ngấm, những chất rượu mạnh và những sự bùng nổ của da thịt; đi vào trong hiện hữu của một kẻ khác, trong những vũng nhầy đổ tỏa ra mùi vị hiện hữu nặng nề, êm dịu, êm dịu, cảm nghiệm mình đang hiện hữu giữa những âm thầm dịu êm ẩm ướt, những làn môi đỏ màu máu xanh xao, những làn môi run rẩy đang hé mở ướt đẫm hiện hữu, ướt đẫm một chất mỡ trong, giữa những làn môi ướt đẫm ngọt lịm đang ứa nước ra

như những đôi mắt? Cái thân xác bằng thịt xương của tôi đang sống, cái khối thịt da đang xao động và quay cuồng nhẹ nhàng những chất rượu mạnh, đang quay tít, cái khối thịt da đang quay cuồng, quay cuồng, quay cuồng, chất nước dịu nhẹ và ngọt ngào từ da thịt tôi, máu trên bàn tay đang đau đớn, dịu nhẹ khối da thịt bị tàn hại của tôi đang quay cuồng bước đi, tôi bước đi, tôi chạy trốn, tôi là một kẻ đê tiện với da thịt bị tàn hại, bị tàn hại vì hiện hữu nơi những bức tường này. Tôi lạnh run, tôi bước đi một bước, tôi thấm lạnh, một bước tôi quay sang trái, nó quay sang trái, nó nghĩ rằng nó đang quay sang trái, điên, tôi điên chẳng? Nó đang bảo rằng nó sợ mình điên, hiện hữu, anh có nhìn thấy anh bé nhỏ trong hiện hữu, nó dừng lại, cái thân xác dừng lại, nó nghĩ rằng nó đang dừng lại, nó đến từ đâu? Nó làm gì? Nó lại bước đi, nó hãi sợ, rất sợ, kẻ đê tiện, dục vọng như một làn sương, dục vọng, sự chán mứa, nó đang bảo rằng nó đã chán mứa hiện hữu, quả nó chán mứa chẳng? Một mỗi vì chán nản hiện hữu. Nó bỏ chạy. Nó còn hy vọng gì? Nó chạy trốn, chạy đi lao mình vào trong vụng biển? Nó vẫn chạy, quả tim, quả tim đang đập loạn xạ là một cuộc lễ vui. Quả tim đang hiện hữu, đôi chân đang hiện hữu, hơi thở đang hiện hữu, chúng đang hiện hữu, đang chạy, đang

thở, đang đập thật yếu ớt, thật êm dịu thở dốc ra, tôi thở dốc ra, nó bảo rằng nó đang thở dốc ra; hiện hữu đang nắm lấy những tư tưởng của tôi từ đằng sau và nhẹ nhàng khai mở chúng *từ đằng sau*; người ta nắm lấy tôi từ đằng sau, người ta cưỡng bách tôi phải suy tưởng từ đằng sau, và như thế là cưỡng bách tôi thành một cái gì đó, đằng sau tôi đang trở thành những bọt bóng hiện hữu nhẹ nhàng, nó là bọt bóng của sương mù đục vọng, trong mặt gương nó xanh xao như một tử thi, Rollebon đã chết, Antoine Roquentin chưa chết, đang làm tôi bất tỉnh: hắn đang bảo rằng hắn muốn bất tỉnh, hắn bỏ chạy, hắn chạy người tọc mạch (từ đằng sau) từ ở đằng sau *từ đằng sau*, cô bé Lucienne bị chồm lên người từ đằng sau, bị hãm hiếp bởi hiện hữu từ đằng sau, hắn đang van xin, hắn xấu hổ vì đang van xin ân huệ, lòng thương hại, cứu tôi với, cứu tôi với như vậy tôi hiện hữu, hắn bước vào quán *Bar de la Marine*, những mảnh gương nhỏ của căn nhà thổ nhỏ bé, hắn xanh xao trong những tấm gương nhỏ của căn nhà thổ nhỏ bé, cái gã cao lớn tóc hoe mềm èo thả rơi người xuống trên chiếc băng nhỏ, máy hát quay đều, hiện hữu, tất cả đều quay cuồng, hiện hữu chiếc máy hát, quả tim đang đập: hãy quay cuồng những chất rượu mạnh của đời sống, hãy quay cuồng những giá băng, những

chất nước ngọt của thịt da tôi, những êm ái...  
chiếc máy hát.

*When the low moon begins to beam  
Every night I dream a little dream*

Giọng hát, trầm đặc và khàn khàn, đột ngột cất lên và thế giới tan biến mất, thế giới của những hiện hữu. Một người đàn bà bằng xương bằng thịt đã mang giọng hát này, nàng đã cất tiếng ca trước một chiếc đĩa, trong bộ y phục đẹp nhất của nàng và người ta đã ghi âm giọng hát. Người đàn bà: ờ! Nàng cũng đã hiện hữu như tôi, như Rollebon, tôi không muốn biết đến nàng làm gì. Nhưng còn có cái đó. Người ta không thể bảo rằng cái đó đang hiện hữu được. Chiếc đĩa quay tròn kia đang hiện hữu, làn không khí bị giọng hát va vào, đang rung lên, cũng đang hiện hữu, cái giọng hát đã ghi tạc trên mặt đĩa cũng đang hiện hữu. Tôi, người đang lắng nghe, tôi đang hiện hữu. Tất cả đều tràn đầy, hiện hữu ở khắp mọi nơi, dày đặc, nặng nề và êm dịu. Nhưng, quá bên kia vẻ êm dịu đó, khó thể đạt tới, kề cận sát bên, nhưng than ôi lại quá xa vời, còn có cái... cái vẻ khát khe mới mẻ, dữ dội và thanh thần nọ.

*Thứ ba.*

Chẳng có gì. Đã hiện hữu.

*Thứ tư.*

Có một quầng nắng trên chiếc khăn ăn bằng giấy. Trong quầng tròn ấy, một con ruồi đang lê lét, tê cóng, đang sưởi ấm và chà xát những chiếc chân trước vào nhau. Tôi sắp gia ơn cho con ruồi bằng cách đập bẹp nó ra. Con ruồi chẳng nhìn thấy hiện ra cái ngón trở khổng lồ mang những sợi lông vàng lấp lánh dưới ánh trời.

“Ông đừng giết nó!” chàng Tự Học kêu lên.

Con ruồi vỡ tan, những phần ruột nhỏ trắng phọt ra khỏi bụng; tôi đã giải thoát nó ra khỏi hiện hữu. Tôi lạnh lùng bảo chàng Tự Học.

“Tôi gia ơn cho nó đấy”.

Tại sao tôi đang hiện thể ở đây? – Và tại sao tôi lại sẽ không hiện thể ở đây chứ? Trời đang đúng ngọ, tôi chờ đợi giờ đi ngủ. (May mắn thay, giấc ngủ vẫn không chạy trốn khỏi tôi). Bốn ngày nữa, tôi sẽ gặp lại Anny: trong giây phút này, đấy là lý do để sống của tôi. Và sau đó? Khi Anny đã rời tôi? Tôi biết rõ lắm điều mà tôi đang hy vọng âm hiểm: tôi hy vọng nàng sẽ chẳng bao giờ rời bỏ tôi nữa. Tuy thế, tôi phải rõ rằng Anny sẽ không bao giờ chấp nhận chuyện nàng già trước tôi. Tôi yếu ớt và cô đơn, tôi đang cần đến nàng. Tôi

đã muốn gặp lại nàng trong sức mạnh của tôi: Anny không thương xót những tàn vật trôi giạt lang thang.

“Ông khoẻ chứ, thưa ông? Ông nghe trong mình khá không?”

Chàng Tự Học nhìn xéo tôi với đôi mắt tươi cười. Y hơi thở hào hển, chiếc mồm mở rộng, tựa một con chó hực hơi. Tôi phải thú thật điều này: sáng nay, tôi hầu như hân hoan khi gặp lại y, tôi đang cần được nói chuyện.

“Tôi sung sướng xiết bao khi được ông ngồi chung bàn, y bảo, nếu ông thấy lạnh, chúng ta có thể đến ngồi cạnh lò sưởi. Máy ông kia sắp đi rồi, họ đã gọi bồi tính tiền”.

Một kẻ nào đó đang lưu tâm đến tôi, đang tự hỏi rằng tôi có thấm lạnh không; tôi đang nói với một người khác: đã nhiều năm nay chuyện đó chẳng hề xảy đến cho tôi.

“Họ đi rồi, ông có muốn chúng ta đổi chỗ không?”

Hai ông nọ đã đốt thuốc lên. Họ bước ra khỏi hiệu, bây giờ họ đang ở đấy, trong không khí thuần khiết, dưới ánh trời. Họ đi dài theo những khung cửa kính lớn, vừa đi vừa đưa cả hai tay giữ lấy mũ. Họ cười: gió bực căng phồng những chiếc áo khoác. Không tôi

không muốn thay đổi chỗ. Nào có ích gì? Rồi, xuyên qua những khung cửa kính lớn, giữa những chiếc mái trắng ngời của những căn phòng tắm, tôi nhìn thấy mặt biển, xanh thẳm và dày đặc.

Chàng Tự Học đã rút từ trong bóp ra hai tấm bìa hình chữ nhật màu tím. Chốc nữa đây, y sẽ trao cho quầy thu ngân. Tôi đọc ngược trên một tấm bìa:

“Nhà Bottanet, hiệu ăn bình dân.

“Cơm trưa giá nhất định: 80 đồng.

“Món ăn chơi tùy ý chọn lựa.

“Có thịt ăn phụ.

“Phó mát hay tráng miệng.

“1400 đồng 20 vé ăn.”

Cái gã đang ăn nơi chiếc bàn tròn, gần cánh cửa vào, bây giờ tôi đã nhận ra: gã thường hay xuống khách sạn Printania, gã là một khách thương. Thỉnh thoảng, gã lại nhìn tôi chăm chú và tươi vui; nhưng gã chẳng nhìn thấy tôi; gã quá bận tâm với món gã đang ăn. Từ phía bên kia của quầy thu ngân, hai người đàn ông đỏ hồng bậm bạp đang nhăm nháp những con sò và uống rượu trắng. Gã nhỏ người nhất có một bộ râu mép mảnh màu vàng, đang thuật lại một câu chuyện làm

cho chính gã cũng tươi cười vui thích. Gã chậm rãi cà rà và cười to, để lộ những chiếc răng sáng bóng. Gã kia chẳng cười; đôi mắt nghiêm nghị. Nhưng gã thường hay gật đầu tỏ ý “vâng”. Gần cửa sổ, một người đàn ông ốm yếu da nâu, với những nét nổi bật, bộ tóc trắng chải lật ra phía sau, đang chăm chú đọc báo. Trên chiếc băng nhỏ bên cạnh có đặt một chiếc cặp da. Ông đang uống nước suối Vichy. Chốc nữa đây, tất cả những người này sẽ đi ra; bụng nặng những thực phẩm, dưới làn gió nhẹ vuốt ve, chiếc áo choàng rộng mở, đầu hơi ẩm nóng, hơi vang động ồn ào, họ sẽ đi dài theo hàng lan can bao lơn, vừa bước vừa nhìn những đứa trẻ nô đùa trên bãi cát và những chiếc tàu trên mặt biển; họ sẽ đi làm việc. Tôi, tôi sẽ chẳng đi đến đâu cả, tôi chẳng có việc để làm.

Chàng Tự Học cười với vẻ ngây thơ và mặt trời vẽ vờ ánh sáng trên những sợi tóc hiếm hoi của y:

“Ông có muốn tự chọn thực đơn không?”

Y đưa cho tôi tấm giấy bìa: tôi có quyền chọn tùy ý một món ăn chơi: năm lát xúc xích hay củ cải hay món tôm xám hay một đĩa củ cải rau cần nước xốt. Món ốc sên Bourgogne được phụ thêm.

“Cô cho tôi một đĩa chả”, tôi bảo người hầu gái.

Y giật tấm bìa thực đơn ra khỏi tay tôi:

“Bộ không có gì khá hơn sao? Có ốc sên Bourgogne đây này”

“Tôi không thích ốc sên lắm”.

“A! Vậy thì ông dùng sò nhé?”

“Chỉ trá thêm bốn mươi đồng nữa”, người hầu gái lên tiếng.

“Nào, cô làm ơn cho món sò – còn tôi thì củ cải”.

Y vừa giải thích cho tôi hiểu vừa đỏ mặt lên:

“Tôi thích món củ cải lắm”

Tôi cũng thế.

“Và tiếp theo?” y hỏi.

Tôi đọc lướt qua danh sách những món thịt. Món thịt bò hầm cáng dễ tôi. Song tôi biết trước rằng tôi sẽ phải dùng món gà giò chasseur, đấy là món thịt duy nhất phụ thêm.

“Cô cho một gà giò chasseur cho ông đây, y bảo. Còn tôi, xin cô dọn cho món thịt bò hầm nhừ”.

Y quay tấm bìa lại: danh sách những thứ rượu ở mặt sau:

“Chúng tôi sắp dùng rượu” y bảo với một vẻ hơi long trọng.

“Hôm nay, ông đâm ra đổ đốn rồi; người tớ gái nhận định. Ông chẳng bao giờ uống rượu mà”.

“Nhưng gặp dịp tôi cũng chịu nổi được một cốc. Cô cho tôi xin bình rượu vang hồng Anjou”.

Chàng Tự Học đặt tấm thực đơn xuống, bẻ bánh mì thành từng miếng nhỏ và dùng khăn lau mạnh muống nĩa. Y đảo mắt thoáng nhìn qua người đàn ông tóc trắng đang ngồi đọc báo, đoạn mỉm cười với tôi:

“Thói thường, tôi hay đến đây với một quyển sách, dù có một y sĩ đã khuyên tôi đừng nên như thế: khi ăn khá nhanh, người ta nhai không kỹ. Song bao tử tôi là loại bao tử đà diều, tôi có thể nuốt bất cứ thứ gì. Trong mùa đông năm 1917, khi bị cầm tù, lương thực quá tệ đến nỗi tất cả mọi người đều ngã bệnh. Dĩ nhiên, tôi phải làm ra bộ bệnh hoạn như những người khác: song tôi chẳng hề hấn gì”.

Y đã là một tù nhân chiến tranh... Đây là lần đầu tiên y thổ lộ với tôi điều này; tôi sẽ không nhắc lại, tôi không thể nào tưởng tượng y là kẻ nào khác hơn là Chàng Tự Học.

“Ông đã bị giam tại đâu?”

Y không trả lời. Y đã đặt chiếc nĩa xuống và nhìn tôi với cái nhìn mãnh liệt. Y sắp thuật lại cho tôi nghe những nỗi phiền muộn của mình: giờ đây, tôi mới nhớ lại rằng có một cái gì đó không ổn, tại thư viện. Tôi vỗn tai chăm chú: tôi chỉ đòi mình cảm thương những nỗi phiền muộn của người khác, điều đó sẽ làm tôi thay đổi. Tôi chẳng bao giờ có những nỗi phiền muộn, tôi có tiền nhờ vào lợi khoản, tôi chẳng có cấp chỉ huy, không vợ cũng không con, tôi đang hiện hữu, chỉ có thế. Và nỗi phiền muộn nọ thì quá mơ hồ, quá mang chất siêu hình đến nỗi làm tôi xấu hổ về nó.

Chàng Tự Học không có vẻ muốn lên tiếng. Y nhìn tôi kỳ dị làm sao: đấy không phải là một cái nhìn cốt để trông thấy nhưng đúng hơn là để hai tâm hồn cảm thông nhau. Tâm hồn chàng Tự Học đã trào dâng lên đến tận đôi mắt huy hoàng như của người mù, nơi tâm hồn ấy trôi lên. Ước sao tâm hồn của tôi cũng làm y như thế, ước sao nó đến dán sát mũi vào những khung cửa kính: cả hai sẽ trao đổi với nhau những nghi thức xã giao.

Tôi không muốn chuyện cảm thông giữa những tâm hồn, tôi không sa sẩy quá thấp như thế. Tôi lui lại. Nhưng chàng Tự Học đã trườn cả thân người trên bàn, mắt vẫn không

rời mắt tôi. Quả là may mắn, người hầu gái vừa mang món củ cải lại cho y. Y ngã người xuống trở lại trên chiếc ghế, tâm hồn y biến mất khỏi đôi mắt, y khởi sự dùng bữa một cách ngoan ngùy.

“Những phiền muộn của ông rồi cũng yên chứ.”

Y giật mình:

“Những phiền muộn nào, thưa ông?” y hỏi với vẻ sợ sệt.

“Ngày nọ ông có nói với tôi rồi đó.”

Y đỏ bừng mặt.

“À! Y nói với một giọng khô khan. Ồ! Vâng, ngày nọ. À, thưa ông, cái gã người đảo Corse, cái gã đảo Corse ở thư viện đó.”

Y lại do dự lần nữa, với một vẻ cứng đầu của con chiên.

“Đấy chỉ là những chuyện tào lao thôi thưa ông, tôi chẳng muốn làm phiền ông với những thứ đó làm gì.”

Tôi không nài nỉ. Y đang ăn nhanh dị thường dù bề ngoài khó nhận ra. Y đã dùng xong món củ cải khi người hầu dọn món sò lên cho tôi. Trên đĩa y chỉ còn lại một đồng những chiếc đuôi cải xanh lục và một ít muối ẩm nước.

Bên ngoài hiệu, hai người trẻ tuổi dừng lại trước tấm thực đơn, do một người bếp bằng giấy bìa cầm đưa ra bằng tay trái (ở tay mặt, gã cầm một chiếc lò chiên). Cả hai ngẩn ngừ. Người đàn bà đang thăm lạnh, nàng giấu cầm vào trong cổ áo lông ngừ hàn. Người đàn ông quyết định trước tiên, y mở cửa ra và nép vào một bên để người bạn gái bước vào.

Nàng bước vào trong quán. Nàng nhìn chung quang bằng vẻ thật dễ thương và hơi thoảng rùng mình:

“Ấm thật”, nàng bảo bằng một giọng nghiêm trang. Người thanh niên khép cánh cửa lại.

“Chào các ông, các bà”, gã lên tiếng.

Chàng Tự Học quay lại và nhã nhặn đáp lễ:

“Chào ông bà.”

Những khách hàng khác không chào trả, nhưng cái nhà ông có gương mặt nổi bật đang hạ thấp tờ báo xuống một chút và dò xét những người đến bằng một cái nhìn sâu thẳm.

“Cám ơn, không đáng nhọc công ông”.

Trước khi người hầu gái, đã chạy tới tiếp tay, có thể làm một cử chỉ nào, gã thanh niên đã nhẹ nhàng cởi chiếc áo đi mưa ra. Thay

cho bộ vét tông, gã mặc một chiếc blouson da với nút kéo sáng choang. Người hầu gái, hơi thất vọng, quay sang người thiếu phụ. Nhưng gã nọ lại ra tay trước nàng và bằng những cử chỉ dịu nhẹ, chính xác, giúp người bạn gái cởi bỏ chiếc măng tô. Họ ngồi xuống cạnh chúng tôi, dựa sát vào nhau. Họ chẳng có vẻ gì đã quen biết nhau từ lâu. Người thiếu phụ có một khuôn mặt mệt mỏi chán chường và thanh khiết, hơi mang vẻ nũng nịu dỗi hờn. Đột nhiên nàng giở mũ ra và vừa lắc những sợi tóc đen trên đầu vừa mỉm cười.

Chàng Tự Học ngấm nhìn họ nãy giờ với lòng từ hậu; đoạn y quay sang phía tôi, nháy mắt cảm động như muốn nói:

“Hai người kia đẹp tợn!”

Cặp họ chẳng xấu. Họ ngồi lặng im, họ hạnh phúc vì được ngồi chung nhau, hạnh phúc vì người khác thấy họ ngồi chung nhau. Một đôi lần, khi chúng tôi bước vào trong một nhà hàng ở Piccadilly, Anny và tôi đã có phen cảm thấy mình là những đối tượng chiêm ngấm làm động lòng người khác. Anny đã bực mình vì chuyện đó, nhưng còn tôi, thú thật tôi hơi lấy làm hãnh diện. Nhất là kinh ngạc; tôi đã chẳng khi nào có được bộ dạng sạch sẽ, cái bộ dạng nổi bật nơi chàng thanh

niên này và người ta lại càng không thể bảo rằng vẻ xấu xí của tôi để làm cho người ta cảm xúc. Duy có điều chúng tôi đang còn trẻ: hiện tại, tôi đang ở vào tuổi cảm xúc đối với tuổi trẻ của những kẻ khác. Tôi không chạnh lòng cảm xúc. Người thiếu phụ có đôi mắt u uẩn và dịu dàng; gã thanh niên nước da màu cam nhạt, pha lẫn những hạt lấm chấm và một chiếc cằm nhỏ đầy cương nghị, duyên dáng. Chàng ta làm tôi kích động, quả vậy, nhưng chàng ta cũng hơi làm tôi phiền toái. Tôi cảm thấy cả hai người đều quá cách xa với tôi: hơi nóng đã làm cho họ uể oải, họ theo đuổi cùng một giấc mộng trong lòng, giấc mộng rất dịu dàng, rất yếu ớt. Họ đang thoải mái, họ nhìn những bức tường màu vàng, nhìn những người khác trong sự tin cậy, họ thấy rằng thế giới quả đang thiện hảo đúng như bản tính, đúng y như bản tính nó, và mỗi người trong bọn họ, tạm thời, mức nguồn ý nghĩa đời mình trong cuộc đời người kia. Chẳng bao lâu nữa đây, riêng hai người đó, họ sẽ nhập lại thành một đời sống duy nhất, một đời sống chậm rãi và ấm nóng, tuyệt chẳng mang ý nghĩa gì – nhưng họ sẽ không nhận ra thế.

Họ có vẻ nể sợ lẫn nhau. Sau cùng, bằng một vẻ vụng về và quả quyết, gã thanh niên

cầm nhẹ bàn tay người bạn gái. Nàng thở mạnh và cả hai cùng cúi đầu trên tấm thực đơn. Vâng, họ đang hạnh phúc. Và rồi thì, sau đó?

Chàng Tự Học có vẻ vui thích, giọng hơi bí ẩn:

“Hôm kia, tôi có trông thấy ông.”

“Ở đâu thế!”

“Ha! Ha!” y đáp lời trong vẻ trêu ghẹo đầy tôn kính.

Y chờ tôi một lúc đoạn bảo:

“Ông từ viện bảo tàng đi ra.”

“À, vâng, tôi đáp, không phải hôm kia: thứ bảy.”

Ngày hôm kia, hẳn tôi chẳng có tâm địa nào thả rong nơi các viện bảo tàng.

“Ông có thấy cái bản khắc bằng gỗ diễn tả lại cuộc mưu sát Orsini không?”

“Tôi chẳng biết bức đó.”

“Thật vậy sao ? Nó treo trong một căn phòng nhỏ, ở bên phải khi vừa bước vào. Đấy là tác phẩm của một tay nổi loạn thuộc phong trào Công xã. Ông ấy đã sống tại Bouville cho đến tận lúc được ân xá, bằng cách trốn trong

một vựa lúa. Ông đã muốn đáp tàu trốn sang Mỹ châu, nhưng ở đây cảnh sát hải cảng canh phòng cẩn mật lắm. Thật là một con người phi thường. Ông ta đã dùng những thì giờ rảnh rảnh bất đắc dĩ để khắc một bức hoành bằng gỗ sồi. Ngoài một con dao nhỏ và dùng những móng tay làm giũa, ông chẳng có dụng cụ nào khác. Ông đã tạo ra những mẫu khắc tế vi bằng chiếc giũa: những bàn tay, những cặp mắt. Bức hoành dài một thước rưỡi, rộng một thước; toàn thể tác phẩm đều hoàn thành liền một hơi; có đến bảy mươi nhân vật, mỗi người lớn bằng chiều cao bàn tay tôi, không kể hai con ngựa đang kéo chiếc xe của hoàng đế. Và những khuôn mặt đó, thưa ông, những khuôn mặt giũa trên gỗ đó, tất cả đều mang một khí diện, một dáng vẻ “người” hết sức. Thưa ông, nếu được phép, thì tôi xin thưa rằng đó quả là một công trình đáng xem.”

Tôi không muốn đi sâu vào câu chuyện:

“Hôm đó tôi chỉ có ý muốn xem lại những bức tranh của Bordurin.”

Chàng Tự Học đột nhiên đâm ra buồn bã:

“Những bức tranh trong phòng trưng bày chính đó à? Thưa ông, y bảo, với một nụ cười run rẩy, tôi chẳng hiểu gì về hội họa. Cố nhiên, tôi cũng được biết rằng Bordurin là

một họa sĩ lớn, tôi thấy rõ rằng ông ta có “nét” lắm, có... nói như thế nào kia? Nhưng thưa ông, cái nỗi khoái cảm thẩm mỹ quả là xa lạ với tôi.”

Tôi đáp lời y với vẻ thân ái:

“Đối với ngành điêu khắc, tôi cũng y hệt như ông vậy.”

“A! Thưa ông, than ôi, chính tôi đây cũng thế. Và đối với âm nhạc, và đối với khiêu vũ. Tuy nhiên, tôi đại khái cũng biết sơ qua ít chút. Nay, có một điều quả thật khó tưởng tượng nổi: tôi đã gặp nhiều người trẻ tuổi mà kiến thức chẳng bằng lấy phân nửa những gì tôi biết được, thế mà khi đặt họ trước một bức tranh, họ lại ra vẻ cảm được mới chết chứ.”

“Hắn họ làm bộ thế”, tôi đáp bằng một giọng đầy khích lệ.

“Có lẽ...”

Chàng Tự Học hơi mơ mộng một chút:

“Điều làm tôi sầu não, không phải là bị rút đi một loại hưởng thụ vui thú nào đó cho bằng, nói đúng ra, đây là cả một ngành hoạt động của con người lại xa lạ với tôi... Tuy thế, tôi lại là một con người và những con người khác đã sáng tạo nên những bức tranh đó...”

Đột nhiên y tiếp, giọng thay đổi:

“Thưa ông, có lần tôi đâm ra liều lĩnh nghĩ rằng cái đẹp chỉ là một chuyện thuộc sở thích mỗi người. Há chẳng có những quy luật khác biệt cho mỗi thời đại sao? Ông cho phép tôi giải bày ý kiến chứ, thưa ông? ”

Tôi ngạc nhiên nhìn thấy y rút từ trong túi ra một quyển sổ tay bìa đen. Y lật thoảng qua một lúc: nhiều trang để trắng và cách khoảng xa, những dòng chữ viết bằng mực đỏ. Mặt y trở nên xanh nhạt. Y đã đặt quyển sổ tay nằm dài trên khăn bàn và y đang đặt bàn tay to lớn của mình lên trang giấy mở rộng, y khẽ ho với vẻ bối rối:

“Đôi khi, trong trí tôi nảy ra những... tôi không dám bảo đó là những ý tưởng. Thật là kỳ dị: tôi ngồi đó, tôi chăm chú đọc và rồi đột nhiên, tôi chẳng biết nó đến từ đâu, tôi như được giác ngộ. Thoạt tiên, tôi chẳng để tâm đề phòng, nhưng rồi sau đó tôi quyết định mua một quyển sổ tay.”

Y dừng lại và nhìn tôi: y đang chờ đợi.

“Á! À!” tôi bảo.

“Thưa ông, hiển nhiên là những câu châm ngôn này chỉ có tính cách nhất thời tạm bợ: tôi chưa học xong.”

Y cầm lấy quyển sổ trong đôi bàn tay run rẩy, y rất xúc động: “Đây là vài điều về hội họa. Tôi sẽ rất sung sướng nếu được ông cho phép đọc lên.”

“Rất sẵn lòng”, tôi đáp.

Y đọc:

“Hiện nay không ai còn có thể tin được vào những gì mà thế kỷ XVIII đã xem là thật nữa. Tại sao người ta lại muốn chúng ta cứ vui thích với những tác phẩm đã được họ quan niệm là đẹp?”

Y nhìn tôi bằng một vẻ nài nỉ.

“Thưa ông, ông nghĩ sao về những ý tưởng trên? Có lẽ nó hơi nghịch lý? Đây là vì tôi nghĩ có thể gán cho nó hình thức của một lời hờn dỗi.”

“À, tôi... tôi thấy điều đó rất hay.”

“Ông đã từng đọc thấy nó ở đâu chưa?”

“Không, không, chắc chắn là không.”

“Thật vậy à, không đâu cả à? Vậy thì thưa ông, y bảo bằng vẻ ử dột, chắc là vì ý tưởng đó không đúng. Nếu quả thực nó đúng thì đã có người nghĩ đến rồi.”

“Khoan đã, tôi bảo y, bây giờ nghĩ kỹ thì tôi chắc rằng tôi đã đọc một câu nào tương tự như vậy.”

Đôi mắt y sáng rực hẳn lên, y rút bút chì ra.

“Của tác giả nào” y hỏi tôi bằng một giọng rõ ràng.

“Của... của Renan.”

Y cười rạng rỡ như trẻ thơ.

“Ông có thể làm ơn đọc lại cho tôi nguyên văn câu đó ?” y vừa nói vừa ngậm đầu bút chì.

“À, tôi đọc câu đó cách đây lâu lắm rồi.”

“Ồ, chẳng hề gì, chẳng hề gì.”

Y viết tên Renan trên cuốn sổ tay, bên dưới câu châm ngôn của y.

“Tâm hồn tôi đã gặp gỡ Renan! Tôi viết tên ông bằng bút chì, nhưng chiều nay tôi sẽ đồ lại bằng mực đỏ”. Y giải thích với vẻ say sưa.

Y nhìn cuốn sổ tay của mình trong dáng điệu xuất thần một lúc và tôi chờ y đọc cho tôi nghe những câu châm ngôn khác. Song y đã gấp sổ lại với vẻ cẩn trọng và nhét kỹ vào túi. Hẳn y cho rằng chỉ một lần như thế, là đã quá đủ hạnh phúc.

“Thật là thoải mái khi một vài lần trong đời có thể trò chuyện với lòng buông thả như thế này”. Y bảo bằng giọng thân tình.

Như người ta đoán được, lời tán tụng vụng về này đã đè bẹp cuộc trò chuyện uể oải của chúng tôi. Một khoảng im lặng dài tiếp theo.

Kể từ khi hai người trẻ tuổi bước vào, không khí của nhà hàng đã chuyển biến. Hai người đàn ông da đỏ hồng đã im lặng, họ chăm chú nhìn không biết ngượng những vẻ duyên dáng của người đàn bà trẻ tuổi. Cái ông có nét mặt cao nhô nổi bật đã đặt tờ báo xuống và nhìn đôi nhân tình với vẻ dễ dãi, dung thông, gần như với tính cách đồng lõa. Ông đang nghĩ rằng tuổi già thì khôn ngoan, tuổi trẻ thì xinh đẹp, ông gục gặc đầu với vẻ đom đống ít nhiều: ông biết rõ mình đang còn đẹp, đường nét đang còn được giữ gìn một cách tuyệt diệu, và với màu da nâu cùng tấm thân mảnh mai ấy ông còn có thể quyến rũ được người. Ông đang chơi cái trò cha hiền. Những tình cảm của người hầu gái thì đơn giản hơn: nàng ta đứng sững trước hai người trẻ tuổi và há hốc miệng ngắm họ.

Họ đang thăm thì trò chuyện. Người ta đã dọn lên các món ăn chơi, nhưng họ chẳng động đến. Lắng tai, tôi có thể nghe hiểu được từng đoạn ngắn trong cuộc đàm thoại. Tôi hiểu rõ những lời người đàn bà nói hơn, nhờ giọng sung mãn và khàn đục của nàng.

“Không, Jean, không.”

“Tại sao lại không?”, chàng thanh niên thăm thẳm với một vẻ hăng hái nhiệt tình.

“Em đã nói với anh rồi.”

“Đấy không phải là một lý do.”

Có một vài tiếng vượt thoát khỏi tai tôi, đoạn người đàn bà trẻ tuổi làm một cử chỉ mệt mỏi đầy duyên dáng:

“Em đã quá nhiều phen thử thách. Em đã trải qua cái tuổi mà người ta có thể khởi đầu lại cuộc đời. Em già rồi, anh thấy đó.”

Người thanh niên cười chế giễu. Nàng thử tiếp:

“Em không thể chịu đựng được một... cơn thất vọng.”

“Phải có lòng tin mới được, người thanh niên thuyết phục. Đấy, như em trong giây phút này, em có sống được gì đâu.”

Nàng thở dài:

“Em biết chứ!”

“Hãy nhìn Jeannette xem.”

“Vâng,” nàng bĩu môi.

“Này, riêng anh, anh lại thấy thế là rất đẹp, những gì Jeannette đã làm. Nàng thật can đảm”.

“Anh biết, người thiếu phụ bảo, nói đúng ra là Jeannette đã vội vã quá. Nói thật với anh nếu muốn thì em đã có hàng trăm cơ hội kiểu đó. Em thích chờ đợi hơn.”

“Em đã có lý, chàng nọ dịu dàng bảo, em có lý khi chờ anh.”

Đến phiên nàng nọ cười to.

“Rõ nôm! Em không có ý nói thế.”

Tôi không lắng nghe họ nữa: họ làm tôi bức mình. Họ sắp ngủ với nhau. Họ biết thế, mỗi người đều biết rằng người kia biết rõ điều đó. Nhưng vì họ còn trẻ trung, trinh tiết và đoan trang, vì mỗi người đều muốn bảo tồn lòng quý mến của mình và lòng quý mến của người kia, vì tình yêu là một cái gì vĩ đại, thơ mộng người ta không nên làm kinh động, nên nhiều lần trong tuần họ đi đến các buổi dạ vũ và các nhà hàng, phô bày trước mắt thiên hạ những cuộc khiêu vũ có tính cách nghi lễ và máy móc của mình...

Dù sao, thì cũng phải giết thì giờ. Họ còn trẻ và cường tráng, họ sẽ còn như thế trong ba mươi năm nữa. Vì vậy, họ không hấp tấp, họ trì hoãn và quả họ đã không lầm. Khi ngủ chung với nhau, họ còn phải tìm ra một điều gì khác để che giấu cái tính chất phi lý lớn lao của hiện hữu họ. Thật cũng... có quá tuyệt đối cần nên tự dối mình, hay không?

Tôi rảo mắt nhìn khắp phòng. Quả là một trò hề! Mọi người đều ngồi trong những dáng điệu nghiêm trang, họ đang ăn uống. Không, họ không ăn: họ đang bồi bổ sức lực để hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ được giao cho họ. Mỗi người trong bọn họ đều mang một chứng ngoan cố riêng, ngăn không cho họ nhận ra mình đang hiện hữu; trong bọn họ, chẳng có một kẻ nào lại không tin rằng mình là tối cần cho một người hay một việc nào đó. Ngày hôm nọ, chẳng phải chàng Tự Học đã bảo với tôi: "không ai xứng đáng hơn Nouçapié để đưa ra cái tổng hợp vĩ đại này?" Sao? Mỗi người trong bọn họ đều đang làm một công việc gì đó và chẳng có ai xứng đáng hơn họ để thực hiện công việc ấy. Chẳng ai xứng đáng hơn người khách thương đang ngồi kia để bán kem đánh răng hiệu Swan. Chẳng ai đủ tư cách hơn anh chàng thanh niên đáng yêu kia để sờ soạng dưới váy của cô gái ngồi bên, và tôi, tôi đang ở giữa họ và nếu nhìn đến tôi, hẳn họ phải nghĩ rằng chẳng ai xứng đáng hơn tôi để làm điều tôi đang làm. Nhưng tôi thì *tôi biết rõ*. Tôi làm bộ như chẳng để ý đến, nhưng tôi biết tôi đang hiện hữu và họ đang hiện hữu. Nếu biết được nghệ thuật thuyết phục người khác, tôi sẽ đến ngồi cạnh cái nhà ông tóc bạc xinh đẹp kia và giải thích cho ông ta rõ bản chất của hiện hữu là

gì. Vừa nảy ra ý tưởng đó trong đầu, tôi phá lên cười. Chàng Tự Học nhìn tôi kinh ngạc. Tôi rất muốn ngưng lại, nhưng không thể được, tôi cười chảy cả nước mắt.

“Ông có chuyện gì vui thế”, chàng Tự Học hỏi tôi với vẻ thận trọng.

“Tôi đang nghĩ rằng chúng ta đây, tôi vừa cười vừa trả lời y, tất cả chúng ta đây, mỗi khi còn hiện hữu, đều phải ăn và uống để bảo tồn cuộc hiện sinh quý báu của mình nhưng lại chẳng có gì, chẳng có lấy một lý do còn con nào để hiện hữu cả.”

Chàng Tự Học đã trở nên nghiêm trang, y đang cố gắng để hiểu tôi. Tôi đã cười quá lớn: tôi nhìn thấy nhiều chiếc đầu quay về phía tôi. Và rồi, tôi lại hối tiếc mình đã nói nhiều như thế. Dù sao, chuyện đó cũng chẳng liên can đến ai. Y chậm rãi lặp lại:

“Chẳng có một lý do nào để hiện hữu... Thưa ông, hẳn ông muốn nói rằng chẳng có mục đích gì? Đó có phải là điều người ta gọi là thái độ bị quan?”

Y lại suy nghĩ một lúc, đoạn dịu dàng nói tiếp:

“Cách đây vài năm, tôi được đọc một cuốn sách của một tác giả người Mỹ, tựa là

*Đời đáng sống không? Đấy có phải là câu hỏi ông tự đặt ra cho mình?*

Hiển nhiên là không, đấy chẳng phải là câu hỏi mà tôi tự đặt ra. Song tôi tuyệt chẳng muốn giải thích lời thôi.

“Tác giả đã kết luận bằng cách chủ trương thái độ lạc quan tự ý, chàng Tự Học bảo tôi với giọng an ủi. Cuộc đời có một ý nghĩa nếu ta muốn ban cho nó một ý nghĩa. Trước hết, phải hành động, lao mình vào một công việc. Sau đó, nếu phản tỉnh lại thì sự việc đã nhất định rồi, người ta đã bị đưa vào cuộc. Tôi không biết ông nghĩ gì về chủ trương đó, thưa ông.”

“Chẳng nghĩ gì cả”, tôi đáp.

Hay đúng hơn, tôi đang nghĩ rằng: đấy chính là cái thứ đối trá mà người khách thương, cặp nhân tình trẻ tuổi, và cái ông tóc bạc kia suốt đời tạo ra cho mình.

Chàng Tự Học mỉm cười với một vẻ hơi ranh mãnh và nhiều tính cách trang trọng:

“Đấy cũng chẳng phải ý kiến của tôi. Tôi nghĩ chúng ta chẳng phải cần đi tìm ý nghĩa cuộc đời ở xa như thế.”

“À?”

“Có một mục đích, thưa ông, có một mục đích... còn có loài người.”

Đúng thế; tôi đã quên bằng y là một kẻ theo chủ nghĩa nhân bản. Một lúc im lặng nữa, thời gian để làm tiêu tán một cách vén khéo, tàn khốc, phân nửa đĩa thịt bò hầm và cả một khúc bánh mì của y. “Còn có loài người...”. Cái tình yêu mến đó vừa được phác họa nên toàn vẹn. – Vâng, nhưng y chẳng biết thốt ra điều ấy một cách hay ho. Tâm hồn y tràn trề trên đôi mắt, đó là điều hiển nhiên, nhưng tâm hồn không thôi, chưa đủ. Xưa kia, tôi đã từng năng lui tới với những người theo chủ nghĩa nhân bản ở Ba Lê, đã hàng trăm lần tôi nghe họ nói “Còn có nhân loại”, thế nhưng đó lại là một điều khác! Virgan quá là kẻ không ai sánh kịp. Ông ta gỡ cặp kính ra, như thể để lộ diện trần truồng trong cái da thịt con người của ông, ông nhìn chăm chú tôi bằng đôi mắt xúc cảm, bằng một cái nhìn nặng nề, mệt mỏi cơ hồ như muốn lột hết quần áo tôi ra để nắm bắt lấy cái yếu tính “người” của tôi, đoạn ông ta thăm thò, một cách êm ái: “Còn có những con người, ông bạn ạ, còn có nhân loại”, bằng cách nhấn mạnh vụng về vào hai chữ “còn có” tựa hồ tình yêu của ông đối với loài người, vĩnh viễn mới mẻ và rung động, đang bị lúng túng trong đôi cánh khổng lồ.

Những trò nhại lại của chàng Tự Học không đạt đến được vẻ mượt dịu đó; tình yêu

loài người của y còn mang chất ngây thơ và hoang dại: y chỉ là một tay nhân bản tỉnh nhỏ.

“Nhân loại, tôi bảo y, những con người... dù sao ông cũng chẳng có vẻ lưu tâm đến họ lắm: ông luôn luôn một mình, luôn luôn chú mũi vào một cuốn sách.”

Chàng Tự Học đập hai tay vào nhau, y cười ranh mãnh:

“Ông lầm rồi.Ồ, thưa ông, ông cho phép tôi tỏ thật với ông: ông lầm biết bao nhiêu!”.

Y trầm mặc một lúc và kín đáo nuốt cho xong thức ăn. Khuôn mặt y rạng rỡ như một buổi bình minh. Đằng sau y, người đàn bà trẻ tuổi phá lên cười nhẹ. Chàng thanh niên đã cúi xuống và thắm thì vào tai nàng.

“Sự lầm lẫn của ông quá thường tình, chàng Tự Học bảo, lẽ ra từ lâu tôi phải nói với ông... Nhưng tôi quá nhút nhát, thưa ông. Tôi đang tìm một cơ hội thuận tiện.”

“Cơ hội đó đây rồi”, tôi nhã nhặn bảo y.

“Tôi cũng nghĩ thế. Tôi cũng nghĩ thế! Thưa ông những gì tôi sắp tỏ bày với ông...”. Y ngừng nói, mặt đỏ lên: “Nhưng có lẽ tôi đang làm ông khó chịu?”.

Tôi trấn an y. Y thở ra một hơi dài sung sướng.

“Không phải bao giờ cũng gặp được những người như ông đâu, thưa ông, những người mà nơi họ sự thấy biết rộng rãi gắn liền với sự mẫn nhuệ của trí thông minh. Đã nhiều tháng nay, tôi muốn nói lời với ông, giải thích cho ông rõ trước đây tôi đã là người như thế nào, tôi đã trở nên người gì...”

Chiếc đĩa của y đã sạch trơn và trống rỗng in như vừa mới mang đến. Đột nhiên, tôi khám phá ra bên cạnh đĩa của tôi, có một đĩa thiếc nhỏ, ở đó một chiếc đùi gà đang nổi lênh bênh trong chất nước xốt màu nâu. Tôi phải nuốt thứ đó vào.

“Khi này, tôi nói với ông về chuyện tôi bị bắt giam tại Đức. Chính ở đấy, mọi sự đã khởi đầu. Trước chiến tranh, tôi sống cô đơn và tôi chẳng hiểu rõ gì cả, tôi sống với cha mẹ tôi, những người tốt bụng, hiền hậu song chẳng hòa hợp được với họ. Khi nghĩ đến quãng thời gian... Nhưng làm thế nào tôi đã có thể sống như thế được? Tôi đã chết, thưa ông và tôi chẳng hề nghĩ chi về điều đó; tôi có một bộ sưu tập tem thư.”

Y nhìn tôi và ngưng câu chuyện:

“Thưa ông, ông xanh quá, ông có vẻ mệt thì phải. Tôi hy vọng không làm ông chán ngán?”

“Không, ông làm tôi vui thích lắm.”

“Chiến tranh bùng nổ, và tôi bị đẩy vào cuộc mà không hiểu tại sao. Tôi ở trong quân ngũ hai năm mà vẫn mù mờ chẳng hiểu, vì đời sống ngoài mặt trận ít dành thì giờ cho người ta suy nghĩ, rồi thì những người lính lại quá thô bạo, cục mịch. Cuối năm 1917, tôi bị bắt làm tù binh. Trước đó, người ta đã bảo tôi rằng trong khi bị bắt giữ, nhiều quân nhân đã tìm lại được đức tin thời thơ ấu. Thưa ông, chàng Tự Học vừa nói vừa hạ thấp mí mắt xuống trên đôi đồng tử quắc sáng, tôi không tin vào Thượng đế; hiện hữu của Thượng đế đã bị khoa học phủ nhận. Nhưng bù lại, trong trại tập trung, tôi đã học tin vào những con người.”

“Họ đã can đảm chịu đựng số phận mình?”

“Vâng, y nói bằng một vẻ mặt mờ, quả cũng có thể nữa. Và lại, chúng tôi đã được đối xử tử tế. Nhưng tôi muốn nói đến chuyện khác; những tháng cuối cùng của cuộc chiến, người ta chẳng bắt chúng tôi làm việc nữa. Khi trời mưa, họ lừa chúng tôi vào trong một nhà kho lớn bằng ván. Trong đó, gần hai trăm người chúng tôi đứng ép chặt vào nhau, trong một không gian gần như tối mò.”

Y ngắt ngừng một lúc.

“Tôi không thể giải thích cho ông hiểu rõ được, thưa ông. Tất cả những người đó

đứng đấy, người ta chỉ lơ mờ nhận ra được họ nhưng lại cảm thấy họ đang ép sát vào mình, người ta nghe tiếng họ thở... một trong những lần khi mới bị nhốt vào trong nhà kho, sức ép mạnh đến nỗi thoát đầu tôi tưởng mình sắp chết ngạt, đoạn, đột nhiên, một niềm vui mãnh liệt tràn dâng trong tôi, tôi hầu như thất thần; lúc bấy giờ tôi cảm thấy mình đang yêu thương những con người kia như những người anh em, tôi đã muốn choàng tay ôm tất cả bọn họ. Kể từ đấy, mỗi lần quay trở lại nhà kho, tôi đều cảm nghiệm được cùng nỗi vui mừng.”

Tôi phải ăn đĩa đùi gà, lúc này hẳn đã nguội lạnh; chàng Tự Học đã xong từ lâu, và người hầu gái đang chờ thay đĩa.

“Căn nhà kho ấy mang một tính chất linh thánh đối với tôi. Đôi khi, đánh lừa được sự canh phòng của những tên lính gác, tôi lẻn vào một mình và ở lại đó, trong bóng tối, để nhớ lại nỗi vui ngày trước tại đây, tôi hầu như rơi vào trong một trạng thái xuất thần. Giờ khắc trôi qua, nhưng tôi không để ý, có phen tôi đã khóc nức nở.”

Hẳn tôi đang thọ bệnh: chẳng có lý do nào khác để giải thích cơn giận dữ khôn nản vừa mới quấy động tôi. Vâng, một cơn giận dữ bệnh hoạn: hai bàn tay tôi run rẩy, máu

dồn lên mặt và sau cùng, cả đôi môi của tôi cũng khởi sự rung rung. Tất cả những triệu chứng đó, chỉ vì món thịt gà đã nguội lạnh. Vả lại, cả tôi nữa, tôi cũng đã nguội lạnh, và đây là điều khổ nhọc nhất: tôi muốn nói rằng bối cảnh vẫn y nguyên như thế từ ba mươi sáu tiếng đồng hồ nay, tuyệt đối, lạnh lùng băng giá. Con giận đã băng qua tôi trong sự xoay cuồng đó, là một nỗi gì tựa hồ một cơn rùng mình, một cố gắng của ý thức tôi để phản ứng, để chống lại sự giảm nhiệt độ này. Cố gắng vô ích: hẳn nhiên, vì một lý do không đâu, tôi đã có thể làm cho chàng Tự Học hay người hầu gái ngả quy trong những lời nguyện rửa. Nhưng tôi chẳng dấn trọn mình vào cuộc. Con phần nộ của tôi giãy giụa trên bề mặt và trong một lúc, tôi đã có ấn tượng đón đau rằng mình là một khối nước đá phủ lửa nóng bên ngoài, một thứ “omelette-surprise”. Con động đập nông nổi đó tan biến mất và tôi lại nghe chàng Tự Học nói tiếp:

“Mỗi chúa nhật, tôi đều đi xem lễ. Thưa ông, tôi đã chẳng bao giờ là một tín đồ. Nhưng người ta không thể nói được rằng huyền nhiệm đích thực của cuộc lễ, chính là sự thông ứng giữa những con người với nhau sao? Một giáo sĩ người Pháp, chỉ còn một cánh tay, đứng làm chủ lễ. Chúng tôi có được

một cây đàn harmonium. Chúng tôi đứng im nghe, đầu trần, và trong khi những âm thanh của cây đàn đưa dẫn tôi đi, tôi cảm thấy mình nhập làm một với tất cả những người đang đứng vây quanh. A! Thưa ông, tôi đã yêu mến khôn tả những buổi lễ ấy. Cả bây giờ nữa, để nhớ đến chúng, đôi khi tôi lại đi nhà thờ vào sáng chúa nhật. Ở nhà thờ Thánh nữ Cécile, chúng tôi có một tay chơi đàn tuyệt diệu”.

“Hắn ông thường hối tiếc cuộc sống ấy lắm?”

“Vâng, thưa ông, vào năm 1919. Đây là năm tôi được phóng thích. Tôi đã trải qua những tháng khốn khổ. Tôi chẳng biết làm gì, tôi cứ suy yếu dần. Ở khắp nơi, chỗ nào thấy có đông người tụ tập là tôi lại lên vào trong bọn họ. Có lần, – y vừa nói vừa mỉm cười, tôi nhập bọn đưa đám táng một người không quen biết. Một ngày kia, vì tuyệt vọng, tôi đã vứt bộ sưu tập tem vào lửa đỏ. Nhưng tôi đã tìm được đường đi.”

Thật hay sao?”

“Có người đã khuyên tôi... Thưa ông, tôi biết có thể tin vào sự kín đáo của ông. Tôi là – có thể đây không phải là lý tưởng của ông, nhưng ông là người có tinh thần

khoảng đạt đường kia – tôi là người theo xã hội chủ nghĩa.”

Y đã hạ thấp mắt xuống và đôi lông mi dài của y nhấp nháy:

“Kể từ tháng chín năm 1921, tôi đã ghi tên vào đảng xã hội Pháp S.F.I.O. Đây là điều tôi muốn thổ lộ cùng ông.”

Mặt y rạng rỡ vẻ hãnh diện. Y nhìn tôi chăm chú, đầu ngẩng ra sau, mi mắt khép hờ, miệng hé mở, y có vẻ một Thánh tử đạo.

“Hay lắm, tôi bảo, quý lắm.”

“Thưa ông, tôi biết rằng ông sẽ tán thành. Vả, làm thế nào người ta lại có thể sỉ mạ một người đến bảo với mình: tôi đã an bài đời tôi như thế này, thế nọ và hiện tại, tôi đang hoàn toàn hạnh phúc?”

Y đã dang rộng tay và bày cho tôi thấy lòng bàn tay y, những ngón tay xoay về mặt đất, như thể sắp đón nhận những dấu ô nhục ghi bằng sắt nung. Y lơ dờ, trong miệng y tôi nhìn thấy lẩn tròn một khối dị hình, ám đen và đỏ hồng.

“À, tôi bảo, hẳn vì ông đã hạnh phúc...”

“Hạnh phúc?”. Cái nhìn của y lộ vẻ bức bối, y đã ngược cao mắt lên và nhìn chăm tôi, nghiêm khắc “Ông sẽ có thể phán đoán về

điều đó, thưa ông. Trước khi quyết định như trên, tôi cảm thấy mình rơi vào trong một nỗi cô đơn quá khủng khiếp, đến độ tôi đã nghĩ tới chuyện tự tử. Cái đã giữ tay tôi lại, là ý tưởng rằng không có bất cứ ai, tuyệt đối không có bất cứ ai cảm xúc vì cái chết của tôi, và tôi sẽ cô đơn trong cái chết còn hơn là trong cuộc sống.”

Y ngồi thẳng dậy, đôi gò má phồng ra.

“Tôi không còn cô đơn nữa, thưa ông. Chẳng bao giờ cô đơn.”

“A, ông quen biết nhiều người lắm à”, tôi hỏi.

Y mỉm cười và tôi lập tức nhận ra sự ngây thơ của mình:

“Tôi muốn nói rằng tôi không còn *cảm thấy* mình cô đơn nữa. Nhưng, thưa ông, dĩ nhiên điều đó không nhất thiết có nghĩa là tôi phải sống với một người nào đó.”

“Tuy vậy, tôi bảo, ở Chi bộ đảng xã hội...”

“À! Ở đó thì tôi biết cả mọi người. Nhưng phần lớn tôi chỉ biết được tên, họ. Thưa ông, y nói với vẻ lém lỉnh, người ta có bị bắt buộc phải chọn những bạn đồng hành của mình một cách quá hẹp hòi thế đâu? Những bạn của tôi, là tất cả những người này.

Khi tôi đến phòng làm việc vào buổi sáng, thì trước tôi, sau tôi, có biết bao người khác cũng đang đi làm công việc của họ. Tôi nhìn thấy họ, tôi nghĩ rằng tôi là người theo xã hội chủ nghĩa, và tất cả những người đó là mục tiêu của cả cuộc đời, của những cố gắng của tôi và họ lại chưa biết thế. Quá là một cuộc lễ vui đối với tôi, thưa ông."

Y đưa mắt tra hỏi; tôi tán thành bằng cách gục gặc đầu, nhưng tôi nhận ngay ra rằng y hơi thất vọng, y muốn tôi biểu lộ nhiều nhiệt tình hơn thế. Tôi có thể làm gì đây chứ? Có phải là lỗi của tôi không nếu như trong tất cả những lời y nói, tôi đều nhận ra trong đó sự vay mượn, sự trích dẫn? Nếu trong khi y nói, tôi lại nhìn thấy tái hiện tất cả những nhà nhân bản mà tôi đã quen biết? Hỡi ôi, tôi đã biết quá nhiều bọn họ! Nhà nhân bản triệt để đặc biệt là bạn đồng chí của những công chức; nhà nhân bản gọi là "thiên tả", chính yếu bận tâm đến việc bảo vệ những giá trị con người; ông không thuộc vào bất cứ đảng phái nào, vì lẽ không muốn phản bội nhân loại, song những thiện cảm của ông lại hướng đến những người thấp hèn, ông dành trọn cả nền văn hóa cổ điển đầy đẹp đẽ của mình cho họ. Nói chung, ông là một tay góa vợ có con mắt đẹp và luôn luôn đắm luyến: vì

ông khóc vào những dịp kỷ niệm đầy năm. Ông cũng yêu thương chó, mèo, tất cả những loài có vú thượng đẳng. Người văn sĩ cộng sản yêu thương con người kể từ kế hoạch ngũ niên thứ nhì trở đi; ông trừng phạt bởi vì ông yêu thương. Là người trọng liêm sỉ như tất cả những kẻ mạnh, ông biết che giấu tình cảm, nhưng bằng một cái nhìn, một chỗ uốn giọng ông cũng biết làm cho người đối thoại cảm nhận được nỗi đam mê khốc liệt và êm dịu của ông đối với những người anh em, đồng chí của mình đằng sau những lời nói dữ dội của vị quan toà. Nhà nhân bản Thiên Chúa giáo, kẻ đến sau, đưa con út trong đoàn, nói về loài người với một vẻ tuyệt diệu. Quá là một câu chuyện thần tiên mỹ miều, ông bảo, cuộc đời khiếm tốn nhất trong các cuộc đời, cuộc đời của người phu bến tàu Luân Đôn, của một người đánh giày! Ông ta đã chọn chủ nghĩa nhân bản của những thiên thần: để giáo huấn, tạo ra những thiên thần, ông thường viết những tiểu thuyết dài đầy buồn thảm và đẹp đẽ, thường chiếm giải Femina.

Đấy, đấy là những kẻ đóng vai trò quan trọng, nhưng còn những kẻ khác, một lô những kẻ khác: nhà triết gia nhân bản, nghiêng mình xuống trên những anh em của ông ta như một người anh cả và là kẻ có ý

thức về những trách nhiệm của mình, nhà nhân bản yêu thương con người trong nguyên thể của họ, nhà nhân bản yêu thương con người y như hình ảnh họ phải trở thành, nhà nhân bản muốn cứu vãn loài người với sự chấp thuận của họ và nhà nhân bản cứu vãn loài người mà không cần họ có thuận hay không, nhà nhân bản muốn tạo nên những huyền thoại mới và nhà nhân bản tự mãn với những huyền thoại cũ, nhà nhân bản yêu thương cái chết nơi con người, nhà nhân bản yêu thương sự sống nơi con người, nhà nhân bản hân hoan, luôn luôn có chữ để cười, nhà nhân bản ủ dột, mà người ta gặp nơi những đám tang. Tất cả bọn họ đều thù ghét lẫn nhau: dĩ nhiên là với tư cách những cá nhân chứ không phải với tư cách con người. Nhưng chàng Tự Học không biết điều đó: y đã nhốt tất cả bọn họ vào trong tâm trí như những con mèo trong chiếc bị da và chúng mặc tình càu xé lẫn nhau mà y không nhận thấy.

Y đã nhìn tôi với vẻ kém tin cẩn hơn.

“Thưa ông, ông không cảm thấy điều đó như tôi à?”

“Trời ạ...”

Đứng trước vẻ mặt lo lắng, hơi pha hiềm thù của y trong thoáng chốc tôi lại đắm

ra hối tiếc vì đã làm y thất vọng. Song y đã tiếp lời một cách khá ái:

“Tôi biết, ông còn những cuộc nghiên cứu, những cuốn sách của ông, ông cũng phụng sự cho cùng một mục đích theo kiểu của riêng ông.”

Những cuốn sách của tôi, những nghiên cứu của tôi đồ ngốc! Y chẳng thể nào làm một việc vụng về hơn thế nữa.

“Không phải vì mục đích đó mà tôi viết.”

Trong thoáng chốc khuôn mặt của chàng Tự Học biến đổi ngay: tuồng như y đã đánh hơi thấy kẻ thù, trước đây tôi chưa từng bao giờ thấy nét mặt đó. Có một cái gì đã chết hẳn giữa hai chúng tôi.

Y hỏi, giọng giả vờ ngạc nhiên:

“Nhưng mà... mà nếu tôi không tọc mạch, xin ông cho biết vì sao ông đã viết, thưa ông?”

“À... tôi chẳng biết nữa: như thế đấy, tôi viết để viết.”

Y cố mỉm cười lấp liếm, y nghĩ rằng y đã làm tôi bức bối:

“Ông có sẽ viết văn trong một hoang đảo không? Chẳng phải là người ta luôn luôn viết để được đọc đến hay sao?”

Do thói quen, y đã làm cho câu nói của mình mang một thể điệu nghi vấn. Còn thực ra, y đang khẳng định. Cái lớp sơn phủ ngoài tạo nên bằng vẽ dụ hiển nhút nhát đã bong vảy; tôi không còn nhận ra y nữa. Những đường nét trên khuôn mặt y để lộ ra một vẻ cố chấp nặng nề; đây là một bức tường đầy tự mãn. Tôi còn chưa hết kinh ngạc thì lại nghe nói:

“Cho là có người bảo tôi: tôi viết cho một giai tầng xã hội nào đó, cho một nhóm bạn bè. Tạm được đi. Có lẽ là ông đang viết cho hậu thế... nhưng thưa ông, bất kể ông nghĩ thế nào, ông vẫn viết cho một người nào đó.”

Y đang chờ đợi câu trả lời, vì không nghe tôi đáp, y gượng mỉm cười.

“Có lẽ ông là một, là một người yếm thế?”

Tôi biết rõ cái cố gắng hòa giải giả tạo kia đang che giấu những gì. Tóm lại, y đòi hỏi tôi rất ít: tôi chỉ cần khứng chịu một nhãn hiệu. Nhưng đây là một chiếc bẫy: nếu tôi bằng lòng, chàng Tự Học đắc thắng, lập tức tôi bị xoay ngược, bị vặn vẹo, bị vượt bỏ, vì chủ nghĩa nhân bản tiếp nhận và hòa tan tất cả những thái độ của con người. Nếu tôi trực tiếp đối nghịch với y thì tôi cũng đang bị vướng vào trò chơi của y; y sống nhờ những

nổi trái nghịch của mình. Y là một giống người cứng đầu, thiện cận, một giống cướp đường, hủy hoại mọi sự chống lại mình: tất cả những nỗi bạo tàn, những quá đà tệ hại, y đều tiêu hóa chúng, biến chúng thành một chất nhựa trắng sủi bọt. Y đã tiêu hóa thuyết phản duy trí, thuyết thiện ác nhị nguyên, thuyết thần bí, thuyết bi quan, thuyết vô chính phủ, thuyết duy ngã: đấy chỉ là những giai đoạn, những tư tưởng bất toàn, chỉ có thể tìm được sự biện chính của chúng nơi y. Thái độ yếm thế cũng dự phần vào cuộc hòa tấu nọ: nó chỉ là một âm điệu bất hòa, cần thiết cho hòa điệu của toàn thể. Người yếm thế là con người: vậy thì nhà nhân bản chủ nghĩa phải yếm thế trong một chừng mực nào đó. Nhưng đấy là một tay yếm thế có khoa học, y biết lượng độ lòng thù ghét, thoát tiên y chỉ thù ghét loài người để sau đó có thể yêu thương họ.

Tôi chẳng muốn người ta đồng hóa tôi, cũng chẳng muốn dòng máu đỏ kiêu hùng của tôi làm béo phệ thêm con vật sống bằng chất nhựa kia: tôi sẽ không ngu ngốc mà tự bảo rằng mình là kẻ “phản nhân bản”. Tôi *không* là nhà nhân bản chủ nghĩa, chỉ có thế.

“Tôi thấy rằng người ta không thể nào thù ghét con người vì cố yêu thương họ”. Tôi bảo chàng Tự Học.

Chàng Tự Học nhìn tôi bằng vẻ chờ che và xa vắng. Y thăm thì tựa hồ chẳng lưu tâm gì đến lời mình thốt ra:

“Phải yêu thương loài người, phải yêu thương loài người...”

“Ai phải yêu thương? Những người đang hiện diện ở đây à?”

“Cả những người đó nữa. Tất cả mọi người.”

Y quay đầu về phía cặp nhân tình tươi trẻ nọ: đấy chính là những kẻ mà ta phải thương yêu. Y chiêm ngưỡng cái nhà ông tóc bạc một lúc. Đoạn y quay nhìn trở lại tôi; tôi đọc thấy trên khuôn mặt y một câu hỏi câm lặng. Tôi lắc đầu tỏ ý: “không”. Y có vẻ thương hại tôi.

“Cả ông nữa, tôi bực bội báo y, ông chẳng thương yêu gì họ.”

“Thật vậy sao, thưa ông? Chẳng hay ông có cho phép tôi có một ý kiến khác?”

Y trở lại kính cẩn tốt cùng nhưng mắt y làm ra vẻ mỉa mai như một kẻ đang châm biếm. Y ghét hận tôi. Tôi quả đã lắm khi làm động lòng cái anh chàng khó tính này. Đến lượt tôi hỏi y:

“Thế thì ông yêu hai người trẻ tuổi ở đằng sau ông đấy à?”

Y nhìn họ lần nữa, y ngẫm nghĩ:

“Ông muốn cho tôi nói rằng, y trả lời với giọng điệu nghi ngờ, tôi yêu họ mà không biết họ? Này thưa ông, tôi thú nhận điều đó, tôi không quen biết họ... Đúng ra trừ phi lòng yêu thương không phải là sự quen biết thực sự”. Y nói thêm với một cái cười nhạt nhẽo.

“Nhưng ông yêu cái gì?”

“Tôi thấy rằng họ trẻ trung và tôi yêu sự trẻ trung nơi họ, trong số những điều khác, thưa ông.”

Y ngừng nói và lắng tai nghe:

“Ông có hiểu họ đang nói gì hay không?”

Giá mà tôi hiểu được! Người thanh niên dạn dĩ nhờ mối thiện cảm vây quanh y, đang kể lại bằng một giọng tự nhiên traten tức cầu mà đội của y đã thắng khi đấu với hội Le Havre năm vừa rồi.

“Y đang thuật cho cô ấy nghe một câu chuyện”, tôi nói với chàng Tự Học.

“À! Tôi không nghe rõ. Nhưng tôi nghe thấy giọng nói, cái giọng dịu dàng trang trọng: chúng xen lẫn nhau. Thật là... thật là dễ thương.”

“Duy tôi, tôi cũng đang nghe những gì họ nói, trời ạ.”

“Thế nào?”

“Sao, họ đang đóng kịch đó.”

“Thật sao? Hài kịch của tuổi trẻ, có lẽ? Y hỏi tôi một cách đầy mỉa mai. Thưa ông, tôi mạn phép nghĩ rằng hài kịch đó rất ích lợi. Có phải chỉ cần đóng kịch như họ là trẻ lại được thế?”

Vẫn làm ra vẻ không biết đến giọng mỉa mai của y, tôi tiếp tục:

“Ông xoay lưng lại với họ, những gì họ nói đều thoát khỏi tai ông: ông có biết tóc của người thiếu phụ màu gì?”

Y lúng túng:

“À, tôi... y nhìn lướt về phía hai người trẻ tuổi và lấy lại vẻ tự tin, – màu đen”...

“Ông thấy đúng đấy.”

“Sao?”

“Ông thấy rõ rằng ông không yêu họ, hai người trẻ tuổi kia. Có lẽ ông còn không nhận ra họ trên đường phố. Đó chỉ là những biểu tượng đối với ông. Quả là ông không động lòng vì họ một chút nào, ông động lòng vì Tuổi Trẻ của Con Người, vì Tình Yêu

của Đàn Ông và Đàn Bà, vì Giọng Nói của Con Người.”

“Sao? Những cái đó không hiện hữu sao?”

“Dĩ nhiên là không, những cái đó không hiện hữu! Tuổi Trẻ, Tuổi Trưởng Thành, Tuổi Già, Cái Chết... tất cả chúng đều không hiện hữu.”

Gương mặt chàng Tự Học, vàng và run như trái mận qua, cứng đọng lại như một cơn động kinh biểu lộ vẻ khích bác. Tuy nhiên, tôi vẫn cứ tiếp tục:

“Giống như cái ông già ở đằng sau ông đang uống nước suối Vichy, ông chỉ yêu Cái Con Người Trưởng Thành nơi ông ta, tôi nghĩ thế: Con Người Trưởng Thành đang can trường tiến bước về chốn suy tàn của mình và sửa soạn chỉnh tề vì không muốn bị lôi xệch đi.”

“Đúng thế”. Y trả lời tôi, giọng đầy thách đố.

“Và ông không thấy rằng đó là một tên chó đẻ hay sao?”

Y cười, y cho tôi là đại đột, đoạn liếc nhìn thoáng qua khuôn mặt đẹp đống khung trong mớ tóc bạc:

“Nhưng thưa ông, cứ cho rằng ông nọ đúng như ông nói thì làm sao ông có thể phán đoán người đó căn cứ vào nét mặt họ được? Thưa ông, một khuôn mặt chẳng diễn tả gì cả khi nó đang ngồi nghĩ.”

Những tên nhân bản mù quáng! Khuôn mặt *nói lên* rất nhiều. Khuôn mặt rất rõ rệt. Nhưng không bao giờ tâm hồn âu yếm và trùu tượng của họ chịu để cho mình xúc động vì ý nghĩa của một khuôn mặt.

“Làm sao ông lại có thể *chặn đứng* một người lại, bảo rằng họ là thế này hay thế kia? Chàng Tự Học nói, ai có thể hiểu thấu đáo được một người? Ai có thể biết được những tiềm năng của một người?”

Hiểu thấu đáo một người! Tôi xin ngả mũ chào cái chủ nghĩa nhân bản Thiên Chúa giáo đã cho chàng Tự Học vay mượn định thức trên mà y không ngờ đến.

“Tôi biết, tôi bảo y, tôi biết rằng mọi người đều đáng thán phục. Ông đáng thán phục. Tôi đáng thán phục. Xét như là loài thụ tạo của Thiên Chúa, dĩ nhiên.”

Y nhìn tôi tỏ vẻ không hiểu, đoạn y mỉm nhẹ nụ cười:

“Thưa ông, có lẽ ông đang đùa cợt; nhưng thật ra thì mọi người đều đáng cho

chúng ta kính phục. Làm người, thưa ông, quả là khó, rất khó.”

Y đã thanh toán tình yêu của loài người nơi Thiên Chúa mà không nhận ra; y gục gặc cái đầu và bằng một bộ tịch mô phỏng kỳ quặc, y giống với anh chàng Guéhenno khốn khổ.

“Xin lỗi ông, tôi nói với y, nhưng nếu thế thì tôi không chắc lắm rằng tôi là một người: tôi chưa hề thấy điều đó là quá khó khăn. Tôi thấy dường như người ta chỉ cần để mặc cho ra sao thì ra.”

Chàng Tự Học mỉm cười một cách thẳng thắn, nhưng đôi mắt y vẫn còn khó chịu:

“Thưa ông, ông quá khiêm tốn. Để kham chịu nổi thân phận con người, ông cần rất nhiều can đảm, cũng như mọi người khác. Thưa ông, giây phút sắp đến có thể là giây phút ông chết đi, ông biết điều đó và ông có thể mỉm cười. Như vậy không đáng thán phục sao? Trong cái hành vi vô nghĩa nhất của những hành động, y nói thêm bằng vẻ chua chát, có một thái độ anh hùng vĩ đại.”

“Thưa, quý ông dùng trống miệng món gì ạ?”

Người hầu gái hỏi.

Chàng Tự Học xanh lướt đôi mi y hạ xuống nửa vời trên đôi mắt như loài đá. Y dùng tay phác một cử chỉ nhẹ, như để mời tôi chọn lựa.

“Một miếng phó mát”, tôi trả lời một cách anh hùng.

“Còn ông?”

Y giật mình.

“Cái gì? À, vâng: tôi không dùng thêm gì cả, tôi đã ăn xong”.

“Louise.”

Hai gã đàn ông to lớn trả tiền và đi ra. Có một người chân đi khập khiễng. Ông chủ quán tiễn họ ra cửa: đấy là những khách hàng quan trọng, họ đã uống một chai rượu ướp lạnh trong “xô”.

Tôi ngấm nhìn chàng Tự Học với một chút ân hận: y đã hí hửng cả tuần khi nghĩ đến buổi ăn trưa này, thời gian mà y có thể san sẻ với người khác tình yêu loài người. Y có rất ít cơ hội để nói. Và đấy: tôi đã làm hỏng lạc thú, làm hỏng niềm vui của y. Thật ra, y cũng cô đơn như tôi; không ai lo lắng cho y. Duy có điều y không màng đến sự cô đơn của mình, phải, đúng thế: nhưng tôi không có bổn phận phải mở mắt cho y. Tôi

thấy rất khó chịu: Tôi giận dữ, thật thế, nhưng không phải giận y, giận Virgan hay những người khác, tất cả những kẻ đã đầu độc bộ óc khốn nạn này. Nếu tôi có thể bắt họ đứng đấy trước mặt tôi, tôi có rất nhiều điều để nói cùng họ: với chàng Tự Học, tôi sẽ không nói gì, tôi chỉ có thiện cảm với y; đấy là một người thuộc loại ông Achille, một người đứng về phe tôi nhưng đã phản bội vì ngu dốt, vì thiện chí!

Một tràng cười của chàng Tự Học kéo tôi ra khỏi cơn mơ mộng ảm đạm:

“Xin ông tha lỗi cho, nhưng khi nghĩ đến chiều sâu của tình yêu tôi dành cho loài người, đến sức mạnh của những đà thúc đẩy đưa tôi đến với họ, và nhìn thấy hai chúng ta ở đây, đang lý luận, biện bác... điều đó làm tôi muốn cười to lên.”

Tôi yên lặng, tôi mỉm cười miễn cưỡng. Người hầu gái đặt trước tôi một chiếc đĩa với miếng pho mát Camembert mốc trắng. Tôi nhìn khắp phòng và một nỗi ghê tởm dữ dội xâm chiếm lấy tôi. Tôi đang làm gì ở đây? Tôi làm chi để phải tranh luận dài dòng về chủ nghĩa nhân bản? Tại sao những người nọ lại ở đấy? Tại sao họ lại ăn? Quả thật là chính họ, họ không biết mình đang hiện hữu.

Tôi muốn cất bước, bỏ đi, đến bất cứ nơi nào mà tôi sẽ ở đúng vị trí của tôi, nơi mà tôi sẽ ăn khớp với ngoại thể... Song chỗ đứng của tôi không ở nơi nào cả; tôi là dư thừa.

Chàng Tự Học đã dịu xuống. Y sợ tôi sẽ chống đối dữ hơn nữa. Y muốn xí xóa tất cả những gì tôi vừa nói. Y nghiêng mình xuống tôi với một vẻ thân tình.

“Thực ra, thưa ông, ông cũng yêu họ, ông yêu họ như tôi: chúng ta chỉ cách ngăn nhau vì từ ngữ”.

Tôi chẳng thể nói gì nữa, tôi gục đầu. Khuôn mặt của chàng Tự Học áp sát vào mặt tôi, y cười nhạt nhẽo, mặt vẫn áp sát vào mặt tôi, như trong những cơn ác mộng. Tôi khó nhọc nhai một mẩu bánh mì mà tôi quyết định là không nuốt vào. Những con người, phải yêu thương những con người. Những con người thì đáng thán phục. Tôi muốn mưa quá – và đột nhiên nó đấy: cơn Buồn Nôn.

Một cơn khủng hoảng dị thường: nó lay chuyển tôi từ trên xuống dưới. Tôi đã nhìn thấy nó đến từ một giờ nay, duy có điều tôi không muốn tự thú thật với mình. Cái mùi vị của phở mát này trong miệng tôi... Chàng Tự Học lăm bằm và giọng nói của y rù rì êm dịu bên tai. Nhưng tôi hoàn toàn chẳng biết y

đang nói về chuyện gì nữa. Tôi máy móc gặt đầu tán thành. Bàn tay tôi bấu chặt lấy cán dao dùng ăn tráng miệng. Tôi *cảm nghiệm* cái con dao bằng gỗ đen này. Chính bàn tay tôi đang cầm nó. Bàn tay tôi. Nói riêng, đáng lẽ tôi phải để yên con dao: nào có ích gì chuyện cứ luôn luôn chạm đến một vật nào đó? Những sự vật được tạo ra không phải để cho người ta động chạm, sờ mó đến chúng. Tốt hơn hết là nên trườn lướt đi giữa chúng, và tránh chạm mặt với chúng càng nhiều càng hay. Một đôi khi người ta cầm lấy một vật trong bàn tay và người ta bị buộc phải buông nó ra. Con dao rơi xuống trên chiếc đĩa. Nghe tiếng động, ông tóc bạc giật nảy mình và nhìn tôi. Tôi cầm con dao lên, tôi áp lưỡi dao vào mặt bàn và gấp lại.

Đấy, đấy chính là cơn Buồn Nôn: nổi hiển nhiên mê muội đó? Đục rỗng đầu tôi! Tôi đã viết nên điều đó! Giờ đây, tôi biết rõ: Tôi đang hiện hữu – thế giới đang hiện hữu – và tôi biết rằng thế giới đang hiện hữu, chỉ có thế. Nhưng đối với tôi, chẳng quan hệ gì. Điều kỳ lạ là tất cả những điều đó lại cũng chẳng quan hệ với tôi: nó làm tôi sợ hãi. Chính từ cái ngày hôm đó, tôi đã muốn vát tung hòn cuội xuống mặt nước. Tôi sắp ném hòn cuội đi, tôi đã nhìn xuống hòn cuội và

mọi sự đã bắt đầu từ đó: tôi đã cảm nghiệm rằng hòn cuội *đang hiện hữu*. Và rồi sau vụ đó, còn có những cơn Buồn Nôn khác nữa: thỉnh thoảng từng lúc một, sự vật lại khởi sự hiện hữu với anh trong lòng bàn tay. Đã có cơn Buồn Nôn tại quán “Rendez-Vous des Cheminots” và rồi một cơn Buồn Nôn khác nữa, trước đó, đêm mà tôi nhìn qua khung cửa sổ; và rồi một cơn Buồn Nôn nữa tại công viên, một ngày chủ nhật, và rồi nhiều cơn khác nữa. Song chưa bao giờ, cơn Buồn Nôn lại mãnh liệt như hôm nay.

“... của La Mã thời cổ, thưa ông?”

Chàng Tự Học đang hỏi tôi, chắc vậy. Tôi xoay đầu về y và mỉm cười. Sao? Có gì thế? Tại sao y lại bấu chặt tay vào thành ghế? Hiện tại, tôi đang làm y sợ hãi sao? Sự vụ phải kết thúc như thế. Vả lại, đối với tôi điều đó không quan hệ.

Họ hoàn toàn lầm lẫn khi sợ hãi: tôi cảm biết rõ rằng tôi có thể làm bất cứ chuyện gì. Chẳng hạn đâm ngập con dao cắt phó mát này vào mắt chàng Tự Học. Sau đó, tất cả những người kia sẽ giẫm chân lên người tôi, sẽ dùng giày đá bật rằng tôi ra. Song đó không phải là điều làm tôi dừng lại: một mùi vị của máu tươi trong miệng thay vì mùi vị

phó mát tôi đang ăn, chuyện đó chẳng khác nhau mấy. Duy có điều tôi phải làm một cử chỉ, khai sinh cho một biến cố dư thừa: sẽ là dư thừa, cái tiếng kêu thét của chàng Tự Học thốt ra – và dòng máu chảy dài trên gò má y – và sự giật mình của tất cả những người đang ngồi kia. Có khá nhiều điều đang hiện hữu như thế.

Mọi người đều chăm chú nhìn tôi; hai người đại diện cho tuổi trẻ đã cắt ngang cuộc đàm đạo êm ái của họ. Người đàn bà há hốc miệng kinh hãi. Tuy thế, hẳn họ phải nhận thấy rằng tôi là một kẻ vô hại.

Tôi đứng dậy, mọi sự quay cuồng chung quanh tôi. Chàng Tự Học dăm dăm nhìn tôi bằng đôi mắt mở lớn, đôi mắt mà tôi sẽ không đâm vỡ bằng dao.

“Ông đi cơ à?” y trách móc.

“Tôi hơi mệt. Cám ơn ông đã có nhã ý mời tôi dùng bữa, hẹn sẽ gặp nhau.”

Khi bước đi, tôi chợt nhận ra rằng tay trái tôi đang giữ con dao ăn tráng miệng. Tôi vứt con dao kêu vang lên trên chiếc đĩa ăn. Tôi băng qua căn phòng giữa sự im lặng. Mọi người không ăn nữa: họ đang chăm chú nhìn tôi, họ bị cắt ngang bữa ăn ngon. Nếu tôi tiến bước về hướng người đàn bà trẻ tuổi và la lên.

“Ủm!”, chắc nàng ta sẽ hét rống lên. Chẳng đáng công chút nào.

Tuy vậy, trước khi bước ra, tôi quay lại và làm cho họ nhìn thấy rõ khuôn mặt tôi, để họ có thể khắc ghi trong trí nhớ.

“Chào các ông các bà”.

Không ai đáp. Tôi bỏ đi. Bây giờ, má họ chắc sẽ lấy lại được màu, họ sẽ bắt đầu nói huyền thuyên.

Tôi chẳng biết đi đâu, tôi đứng sững bên cạnh người đầu bếp bằng giấy bìa. Chẳng cần xoay lại cũng biết họ đang nhìn tôi xuyên qua những khung kính: họ nhìn chiếc lưng tôi với nỗi ngạc nhiên và ghê tởm: họ đã tưởng rằng tôi cũng như họ, họ tưởng rằng tôi là một người và tôi đã đánh lừa họ. Bất thành linh, tôi mất đi cái bề ngoài “người” và họ đã nhìn thấy một con cua chạy giết lùi thoát ra khỏi căn phòng đầy chất “người” đó. Hiện tại, kẻ xâm nhập giả dạng đã trốn chạy: cuộc họp tiếp tục. Điều làm tôi khó chịu là cảm thấy va chạm nơi lưng mình tất cả những đôi mắt lúc nhúc và những tư tưởng sợ hãi kia. Tôi băng qua đường. Lề đường bên kia chạy dài theo bãi biển và những căn phòng tắm.

Có nhiều người dạo chơi trên bãi, xoay về biển xanh cái khuôn mặt xuân hồng, thì

vị: đấy là do hậu quả tốt lành của mặt trời, họ đang ở trong cuộc lễ. Có những người đàn bà tươi sáng, mang trên người bộ y phục mùa xuân qua: họ lượn qua, dài và trắng như những chiếc găng tay bằng da dê ướp lạnh: cũng có những cậu con trai lớn đi học trung học, hoặc trường Thương Mãi, những ông già, bà già trang điểm loè loẹt. Họ không biết nhau, nhưng nhìn nhau trong một vẻ đồng lõa, vì trời quá đẹp và họ là những con người. Những con người ôm nhau hôn mà không biết nhau vào mỗi mùa xuân. Một linh mục bước đi chậm rãi, mắt chăm chú đọc một cuốn giáo lý. Thỉnh thoảng ông lại ngẩng đầu lên và nhìn mặt biển bằng một vẻ tán đồng: đại dương cũng là một cuốn giáo lý, đại dương đang nói về Chúa. Những sắc màu nhạt nhẹ, những làn hương dịu êm, những linh hồn mùa xuân. “Trời đẹp, biển xanh thẳm, tôi yêu thời tiết se lạnh này hơn là sự ẩm ướt”. Những nhà thờ! Nếu tôi nắm lấy áo một người trong bọn, nếu tôi bảo họ “giúp tôi với”, thì họ sẽ nghĩ “cái con của bản tiện này là ai đây?” và bỏ chạy, để lại chiếc áo giữa hai bàn tay tôi.

Tôi xoay lưng lại với họ, tôi tựa cả hai tay vào lan can. Biển *thật* thì lạnh lẽo và tối đen, đầy các loài thú dữ, biển đó đang trườn bò dưới cái lớp vỏ mỏng thẳm xanh được tạo

ra để đánh lừa con người. Những thiên tinh đang bao quanh tôi đây đã bị vương bầy: họ chỉ nhìn thấy lớp vỏ mỏng, chính lớp vỏ mỏng đó chứng thật hiện hữu của Thiên Chúa. Còn tôi, tôi lại nhìn bên dưới! Những lớp sơn phủ ngoài tan rã, những lớp da nhỏ mơn mớn huy hoàng, những lớp da nhỏ mơn mơn mượt như da đào của Thiên Chúa tốt lành đang vỡ tung ra ở khắp mọi nơi dưới cái nhìn của tôi, chúng nứt nẻ và mở hé ra. Kia là chuyển xe điện từ Saint Élémir, tôi xoay người lại và sự vật cũng xoay theo với tôi, xanh xao và xanh thẫm như những con sò. Vô ích, thật vô ích khi nhảy lên xe vì tôi chẳng muốn đi bất cứ nơi nào.

Đằng sau các khung kính, những sự vật xanh nhợt đang đua nhau diễn qua trước mặt tôi từng chập thẳng đơ và giòn ải. Những con người, những bức tường; qua những cửa sổ mở rộng, một căn nhà cho thấy cảnh bên trong tối đen; và những khung cửa kính nhuộm thành màu xanh nhợt, màu xanh lơ tất cả những gì màu đen, phủ màu xanh lơ lên tòa nhà to lớn bằng gạch vàng đang ngập ngừng tiến lại, vừa tiến bước vừa run rẩy và đột ngột dừng lại, chạm mạnh vào mặt ta. Một ông lên xe ngồi đối diện với tôi. Toà nhà vàng di chuyển, bằng một bước nhảy, nó phốt chạm

vào những khung cửa kính, nó quá gần đến độ người ta chỉ còn thấy được một phần, rồi tối sầm lại. Những khung cửa kính rung chuyển. Tòa nhà dựng cao lên, choáng ngợp, cao quá mức đến độ không thể nhìn thấy, với hàng trăm cửa sổ mở ra những khoảng trống đen ngòm; nó lướt dài theo toa xe, nó rình dò toa xe, đêm tối đã đến, giữa những khung cửa kính đang run rẩy. Tòa nhà lướt đi bất tận, vàng như màu bùn và những khung cửa kính xanh da trời. Và đột nhiên, tòa nhà không còn nữa, nó đã lưu lại đằng sau, một làn ánh sáng chói chang màu xám tràn ngập toa tàu và lan ra khắp nơi với một vẻ chính xác nghiêm mật: đấy là bầu trời; xuyên những khung cửa kính, người ta hãy còn nhận ra những chiều dày và những chiều dày chập chùng của bầu trời, vì lẽ con tàu đang leo dốc Eliphar và người ta nhìn thấy rõ cả hai sườn dốc, về bên phải cho đến tận biển, bên trái cho đến tận khu phi trường. Cấm hút thuốc, ngay cả một tay lạng tử.

Tôi tì tay lên chiếc băng nhỏ, nhưng vội rút lại: chiếc băng đang hiện hữu. Cái vật thể tôi đang ngồi và tì tay lên, được gọi là một chiếc băng. Rõ ràng họ đã tạo nên nó để ta có thể ngồi lên, họ đã lấy da thú, lò xo, vải bọc, họ đã bắt tay vào việc với ý tưởng làm

nên một chỗ ngồi và khi xong việc, chính *đấy* là cái họ đã tạo ra. Họ đã mang nó đến đây, trong toa xe này, và bây giờ toa xe đang lăn đi, lắc lư chuyển động với những khung cửa kính run rẩy, và mang trên hông mình cái vật thể màu đỏ. Tôi thăm thì: *đấy* là một chiếc băng nhỏ, tựa hồ một câu thần chú trừ tà. Song lời nói đọng lại trên môi tôi: lời nói không chịu đi đến đậu trên sự vật. Sự vật vẫn nằm trong nguyên thể, với tấm vải nhung đỏ xù, với hàng ngàn chiếc chân tí hon màu đỏ chống ngược lên trời, thẳng đơ, những chiếc chân bé tí chết khô. Cái bụng khổng lồ nọ chống lên trời, đẫm máu, phồng to – phồng căng lên với tất cả những chiếc chân chết khô, cái bụng đang bập bênh trong toa xe này, trong bầu trời xám này, *đấy* không phải là một chiếc băng nhỏ. *Đấy* cũng rất có thể là một con lừa nằm chết, chẳng hạn, thân lừa căng phồng lên vì nước và đang bập bênh trôi dạt, bụng chống lên trời trong một con sông lớn màu xám, một con sông đang hồi ngập lụt; và tôi, tôi ngồi trên bụng một con lừa, đôi chân dẫm vào nước trong. Những sự vật đã được giải thoát khỏi tên gọi, chúng hiện hữu *đấy*, quái dị, kỳ cục, cứng đầu, vĩ đại và thật có vẻ ngu ngốc khi gọi chúng là những chiếc băng nhỏ hay phát biểu bất cứ điều gì về chúng: tôi đang ở giữa những vật thể, những

cái bất khả định danh. Cô đơn, không ngôn ngữ, không phương tự vệ, chúng vây phủ chung quanh tôi, bên dưới tôi, đằng sau tôi, bên trên tôi. Chúng chẳng yêu sách điều chi, cũng chẳng bắt người ta thừa nhận mình: chúng hiện hữu đó, thế thôi. Dưới tấm đệm của chiếc băng, tựa vào bức vách gỗ, có một đường bóng tối, một đường nhỏ tối đen chạy dài theo chiếc băng với một vẻ bí ẩn và tình quái, gần như một nụ cười. Tôi biết rất rõ đấy không phải là một nụ cười, nhưng tuy thế, nó vẫn đang hiện hữu, nó đang chạy dưới những khung cửa kính màu trắng đục, dưới sự rộn ràng, xôn xao của những khung cửa kính, nó cứng đầu ương ngạnh, dưới những hình ảnh màu xanh da trời đang tuần tự lướt qua đằng sau những khung cửa kính và dừng lại và lại đi, nó vẫn cứng đầu ương ngạnh, như thể một hoài niệm mơ hồ về một nụ cười, như thể một chữ bị quên đi mà ta chỉ còn nhớ lại vắn đầu tiên và điều hay nhất ta có thể làm là quay mặt đi và nghĩ đến chuyện khác, nghĩ đến cái con người đang ngủ gà ngủ gật trên chiếc băng, đối diện với tôi, đấy. Chiếc đầu đất nung của y với đôi mắt xanh lơ. Toàn thể bên phải người y đã sụp xuống, cánh tay thẳng đơ dán chặt vào thân, phía bên phải mà tôi chỉ thoáng thấy một cách khó khăn, hiem hoi, như thể đã bị tê liệt. Nhưng trên toàn thể

phần bên trái, có một màu hiện hữu bé nhỏ thừa thải đang nảy nở sinh sôi thêm, như một chứng bệnh hạ cam: cánh tay bắt đầu run rẩy, rồi đưa lên và bàn tay thẳng đờ, nằm ở đầu mút. Đoạn bàn tay cũng bắt đầu run lên và khi đi đến ngang tầm chiếc sọ, một ngón tay duỗi thẳng ra, móng tay bắt đầu gãi lớp da đầu. Một vẻ nhăn nhó đầy khoái cảm đã đến lưu định nơi phía bên phải của chiếc miệng, còn phía bên trái thì nằm chết cứng. Những khung cửa kính rung chuyển, cánh tay run rẩy, móng tay gãi gãi, chiếc miệng mỉm cười dưới đôi mắt đăm đăm và người đàn ông nọ đang chịu đựng mà không ý thức đến cái mẫu hiện hữu bé nhỏ đang căng phồng phần bên phải của ông, cái mẫu hiện hữu đã mượn cánh tay và gò má bên mặt của ông để tự thể hiện. Người soát vé cản đường tôi lại.

“Xin ông chờ xe dừng đã.”

Song tôi đẩy y lui và nhảy ra khỏi xe. Tôi không thể chịu đựng được nữa. Tôi không thể chịu đựng nổi sự kiện các vật thể lại quá gần gũi đến như thế. Tôi đẩy một chiếc cửa lưới, tôi bước vào, những hiện hữu nhẹ nhàng nhảy vọt lên và đậu trên những đỉnh cao. Hiện tại, tôi đã định tĩnh, tôi biết tôi đang ở đâu: tôi đang ở trong công viên. Tôi thả rơi người trên chiếc băng giữa những thân cây

trà màu đen, giữa những bàn tay đen đúa và sần sùi đang vươn về phía mây trời. Dưới chân tôi, một chiếc cây đang cào vào lòng đất bằng chiếc móng đen. Tôi rất muốn tự để mình buông trôi, tự quên lãng, ngủ qua một giấc. Nhưng tôi không thể, tôi ghen thố: hiện hữu đang thâm nhập vào tôi ở khắp nơi, do đường con mắt, do lỗ mũi, do nơi miệng...

Và đột nhiên, trong một thoáng, bức màn bị xé rách toang, tôi đã hiểu, tôi đã *thấy*.

*Sáu giờ chiều.*

Tôi không thể nói rằng tôi cảm thấy được nhẹ nhõm hay hài lòng; trái lại, điều đó đè nặng trên tôi. Duy có điều mục đích của tôi đã đạt được: hiện tại tôi biết rõ những gì trước đây tôi đã muốn biết; tất cả những gì trước đây đã xảy đến cho tôi kể từ hồi tháng Giêng, tôi đã đều hiểu rõ. Căn Buồn Nôn không rời khỏi tôi và tôi không tin rằng nó lại rời khỏi sớm như thế; song tôi không phải chịu đựng nó nữa, nó không còn là một căn bệnh hoặc một chứng bất thường thoáng qua. Căn Buồn Nôn chính là tôi.

Mới lúc này đây, tôi ngồi trong một công viên. Rễ một cây bám sâu vào đất, ngay dưới chiếc băng tôi đang ngồi. Tôi không còn

nhớ đây là một chiếc rễ cây nữa. Những chữ đã tan biến mất, và cùng với chúng là ý nghĩa các vật thể, các cách thức sử dụng, những tiêu điểm yếu ớt do con người vạch ra trên bề mặt của chúng. Tôi đã ngồi đó, người hơi khom, đầu cúi thấp, cô đơn đối diện với cái khối đen dài, sần sùi, hoàn toàn thô lậu và gây cho tôi một nỗi sợ hãi kia. Và rồi, trí óc tôi bừng ngộ.

Điều liễu ngộ đó cắt đứt hơi thở tôi. Những ngày trước đây, chẳng bao giờ tôi cảm nghiệm được từ ngữ “hiện hữu” mang ý nghĩa gì. Tôi cũng đã như trăm ngàn kẻ khác, như những người đang dạo chơi trên bờ biển trong bộ y phục mùa xuân. Tôi cũng đã bảo như họ “biển là xanh; điểm trắng ở trên cao kia là một con hải âu”, nhưng tôi không cảm thức được rằng nó đang hiện hữu, rằng con chim hải âu là một con “hải-âu-đang-hiện-hữu”; thường thường, hiện hữu ẩn mất đi. Hiện hữu đây, chung quanh chúng ta, ngay trong chúng ta, nó là *chúng ta*, người ta không thể thốt ra hai tiếng mà không nhắc đến nó, thế nhưng rất cuộc, người ta lại không chạm được đến hiện hữu. Khi tưởng rằng tôi suy tưởng đến hiện hữu, thì phải tin rằng tôi đã chẳng suy tưởng gì cả, đầu óc tôi trống không, hay đúng hơn chỉ có một chữ trong đầu tôi, chữ “hiện

thể". Hoặc là lúc bấy giờ tôi đã suy tưởng... nói thế nào bây giờ đây? Tôi đã suy tưởng sự *tùy thuộc vào*, tôi tự nhủ rằng biển thuộc về loại những vật màu xanh và màu xanh là thành phần những phẩm tính của biển. Ngay cả khi nhìn chăm vào các sự vật, tôi cũng chẳng để tâm nghĩ rằng chúng đang hiện hữu: sự vật xuất hiện với tôi như một bối cảnh. Tôi cầm nắm chúng trong hai bàn tay, tôi sử dụng chúng như những dụng cụ, tôi tiêu liệu được những sức đối kháng của chúng. Song tất cả các thứ đó chỉ diễn ra trên bề mặt. Nếu người ta hỏi tôi hiện hữu là gì, hẳn tôi đã tỉnh thật trả lời rằng hiện hữu chẳng là gì cả, nó chỉ là một hình thể rỗng không, từ bên ngoài đến thêm vào những sự vật nhưng chẳng làm thay đổi bản tính của chúng, và rồi thì, đấy: đột nhiên, nó dó, nó rõ ràng như ban ngày: được vén màn che. Nó đã mất đi cái cốt cách vô hại của một phạm trù trừu tượng: nó chính là chất liệu nhồi nặn nên các sự vật, chiếc rễ cây này đã được nhồi nặn nên. Trong hiện hữu. Hay nói đúng hơn, chiếc rễ cây, những khung lưới của công viên, chiếc băng, bồn cỏ lúa thừa của thảm cỏ, tất cả những thứ đó đã tan biến; tính chất khác biệt của những sự vật, tính chất cá thể của chúng chỉ là một ngoại ảnh, một lớp sơn phủ ngoài. Lớp sơn này đã chảy tan ra, chỉ còn lại những khối dị

hình và mềm nhũn, vô trật tự – trần truồng, một vẻ trần truồng kinh khiếp và thô tục.

Tôi cố kìm giữ đừng phát ra một cử động nhỏ nhất nào, song tôi không cần cựa quậy cũng thấy, đằng sau những thân cây, những hàng cột xanh lơ và chiếc trụ đèn của “ki-ốt” nhạc, pho tượng Velléda, giữa một đám nguyệt quế. Tất cả những vật nọ... nói thế nào bây giờ đây? Chúng làm tôi bức bối trong tâm trí, tôi đã ước mong rằng chúng hiện hữu ít mãnh liệt hơn, hiện hữu một cách khô khan, trừu tượng hơn, với nhiều tiết chế hơn. Cây dẻ ép sát vào mắt tôi. Một lần rí màu xanh lá cây bao phủ cho đến nửa thân cây; chiếc vỏ đen xộp lên ở nhiều nơi, tựa hồ làm bằng da thuộc. Âm thanh rì rào của nước ở vòi Masqueret chảy trong lỗ tai tôi, tạo thành một chiếc tổ và tràn ngập tai tôi bằng những tiếng êm ái buồn sầu, hai mũi tôi ngập ngụa một mùi ẩm chua hôi thối. Tất cả những sự vật đó buông mình đi đến hiện hữu một cách êm ái, nhẹ nhàng, như những người đàn bà mỗi một hồ hững hờ cười và bảo: “cười được thật dễ chịu” bằng một giọng ướm át; chúng nằm dài ra, đối diện lẫn nhau, chúng đang thổ lộ cho nhau chuyện cơ mật ti tiện về hiện hữu của mình. Tôi đã hiểu rõ rằng chẳng có con đường nào ở giữa tình trạng phi

hiện hữu và tình trạng sung mãn đến ngất xỉu này. Nếu người ta hiện hữu thì phải *hiện hữu đến mức đó*, đến mức mốc meo, sung phù lên, đến mức thô bạo tục tằn như thế. Trong một thế giới khác, những vòng tròn, những điệu nhạc giữ được những đường nét thuần túy và nghiêm cách của chúng. Nhưng hiện hữu là một tình trạng cong oằn đi. Những chiếc cây, những thạch trụ xanh lơ ban đêm, âm thanh rì rào đầy hạnh phúc của một vòi nước, những mùi hương sống động, những làn sương nóng bé tí bập bênh trong khí lạnh, một người đàn ông tóc hoe đang tiêu hóa trên một chiếc ghế dài: nhìn trong toàn thể, tất cả những tình trạng mộng du, tất cả những sự tiêu hóa này đều hiến cho một khung cảnh hơi khô hài. Khô hài... không; không đến nỗi đó, chẳng có gì đang hiện hữu lại có thể là khô hài; đấy cơ hồ như một sự tương đồng bấp bênh với một vài cảnh của hài kịch thông tục, một sự tương đồng hầu như khó lòng nắm bắt, thấu hiểu được. Chúng ta là một đồng những vật thể bị phiền nhiễu, bị quấy rầy bởi chính mình, chúng ta chẳng có lấy một lý do nhỏ nhặt nào để hiện thể tại đó, mỗi một vật thể, hỗn độn, mập mờ, mơ hồ lo lắng, đều tự cảm thấy mình dư thừa đối với những vật thể khác. *Dư thừa*: đó là mối tương quan duy nhất tôi có thể thiết định được giữa những cái cây,

những cánh cửa lưới, những hòn đá này. Tôi đã hoài công để tìm cách *đếm* những cây dẻ, để *định vị trí* chúng đối với pho tượng Velléda, để so sánh chiều cao của chúng với chiều cao của những cây ngô đồng: mỗi vật thể đều vượt thoát ra ngoài những tương quan mà tôi tìm cách nhốt chúng vào, mỗi vật thể đều tự cô lập mình, đều tràn bờ, vượt ra bên ngoài. Những mối tương quan này (mà tôi khăng khăng lưu giữ để làm trì hoãn sự sụp đổ của thế giới con người, những kích thích, những lượng số, những chiều hướng) tôi đã cảm nghiệm được tính chất độc đoán của chúng; chúng không còn ngoạm lấy sự vật nữa. *Dư thừa*, cây dẻ gai, đứng trơ đó đối diện với tôi, trệch về bên trái một chút. *Dư thừa*, pho tượng Velléda.

Còn tôi – nhu nhược, vô khí lực, tiêu tụy, mệt mỏi, thô tục, đang tiêu hóa, lung lay tâm trí với những tư tưởng buồn rầu, ảm đạm – *cả tôi cũng dư thừa nốt*. May mắn thay, tôi đã không cảm nghiệm được điều đó, nhất là tôi đã hiểu rõ thế, nhưng tôi bứt rứt trong người vì sợ phải cảm nghiệm nó (hiện giờ tôi vẫn còn sợ như thế – tôi sợ rằng cảm thức đó chộp lấy tôi từ sau đầu và nhắc bổng tôi lên như một lưới dao sắc bén). Tôi mơ mộng mơ hồ đến chuyện tự thủ tiêu tôi, để ít ra cũng

hư vô hóa được một trong những hiện hữu dư thừa. Nhưng cả cái chết của tôi nữa, cũng dư thừa. Dư thừa, thi thể của tôi, dòng máu tôi trên những hòn cuội, giữa những lùm cây, trong khu vườn rặng rở này. Và da thịt bị gặm nhấm cũng dư thừa trong lòng đất đã đón nhận nó và sau cùng, những đốt xương của tôi bị rửa sạch, bào mòn, sạch sẽ và tinh khiết như những chiếc răng, cũng lại dư thừa nốt: tôi vĩnh viễn dư thừa trong muôn vạn kiếp.

Lúc này, chữ phi lý nảy vọt ra dưới ngòi bút tôi: mới khi nãy đây, tại công viên, tôi đã không tìm ra chữ ấy, nhưng lúc đó tôi cũng chẳng để tâm tìm kiếm, nghĩ ngợi đến nó, tôi đã suy tưởng về những vật thể, cùng với những vật thể, trong tình trạng không có từ ngữ. Tính chất phi lý, không phải là một ý tưởng trong đầu tôi, cũng không phải là một giọng nói thì thào, nhưng là con rắn dài đang nằm chết ngay dưới chân tôi, cái con rắn gỗ này. Rắn hay móng nhọn hay rẽ cây hay chân kên kên, chẳng quan hệ gì. Vì mặc dù chẳng hề phát biểu thành lời một cách rõ rệt, tôi hiểu rằng mình đã tìm được chìa khóa của Hiện Hữu, chìa khóa của những cơn Buồn Nôn, của đời sống riêng tư của tôi. Thực ra, tất cả những gì tôi có thể thấu hiểu sau đó

đều được quy dẫn về cái tính chất phi lý nền tảng nó. Phi lý: cũng lại là một từ ngữ; tôi giã giũa chống lại những từ ngữ, ở công viên, tôi đã chạm tới chính vật thể. Song ở đây tôi muốn lưu định cái vẽ tuyệt đối của tính chất phi lý đó. Một cử chỉ, một biến cố trong cái thế giới bé nhỏ được tô màu vẽ sắc của con người, chỉ phi lý một cách tương đối: tương đối với những hoàn cảnh đi theo nó. Lời nói của một người điên, chẳng hạn, là phi lý đối với tình trạng anh ta đang lâm vào nhưng lại không phi lý đối với cơn mê sáng của anh. Còn tôi, mới lúc nãy đây, tôi đã thể nghiệm được tuyệt đối: tuyệt đối hay phi lý. Chẳng có bất luận vật gì mà đối với nó, chiếc rễ cây này lại không mang vẻ phi lý. Ôi! Làm sao tôi có thể lưu định điều thể nghiệm đó với những từ ngữ được? Phi lý: đối với những hòn đá, đối với những khóm cỏ vàng, đối với bùn khô, đối với cái cây, đối với bầu trời, đối với những chiếc băng màu xanh. Phi lý, bất khả gián lược; chẳng có gì có thể giải thích nó được – ngay cả một cơn mê sáng điên cuồng và bí ẩn của nhiên giới. Hiển nhiên tôi chẳng biết mọi sự, tôi đã chẳng hề nhìn thấy chiếc mầm đang tăng trưởng hay chiếc cây đang lớn dần. Nhưng đứng trước cái chân to lớn thô nhám này, cả sự vô minh lẫn tri thức đều chẳng có gì quan trọng: thế giới của những lời

giải thích và những lý lẽ không phải là thế giới của hiện hữu. Một vòng tròn không phi lý, nó được giải thích rất rành rẽ bằng phép quay một đoạn thẳng chung quanh một trong hai đầu của đoạn thẳng đó. Nhưng cũng vì thế, một vòng tròn không hiện hữu. Trái lại, chiếc rễ cây này lại hiện hữu trong mức độ mà tôi không thể nào giải thích được. Sần sùi, lì lợm, vô danh, chiếc rễ cây dụ hoặc tôi, tràn đầy mắt tôi, không ngừng đưa dẫn tôi về lại với hiện hữu riêng của nó. Tôi đã hoài công lặp đi lặp lại: “Đây là một chiếc rễ cây” – nhưng điều đó không ăn nhằm gì nữa. Tôi thấy rõ rằng người ta không thể nào đi từ cơ năng rễ cây của nó, cái cơ năng làm ống bơm hút nước và chất bổ, đến cái đó, đến làn da thô kệch và rắn chắc như da hải cẩu, đến cái khía cạnh nhờn nhờn, chai cứng, bướng bỉnh. Cơ năng của rễ chẳng giải thích được cái gì cả: nó cho phép ta hiểu đại khái bản chất một rễ cây là gì, nhưng hoàn toàn chẳng cho ta hiểu chi về *chiếc rễ cây này*. Chiếc rễ này, với màu sắc, hình thể, chuyển động bị cứng đọng lại nửa chừng của nó, đang hiện thể... ở bên dưới mọi lời giải thích. Mỗi một phẩm chất của chiếc rễ đều vượt thoát ra ngoài nó một tí, đều chảy vọt ra bên ngoài, đều kiên cố lại nửa vời, và hầu như trở nên một vật thể, mỗi một phẩm chất đó đều *dư thừa ngay*

trong chiếc rế, và toàn thể gốc cây bây giờ lại gây cho tôi ấn tượng đang hơi cuộn tròn ra bên ngoài chính mình, đang tự phủ nhận mình, đang tự chìm ngập trong một phần thừa thãi, kỳ dị. Tôi cạ mạnh gót giày vào móng vuốt đen đúa nọ: tôi muốn làm nó chột da một tí. Chẳng vì lý do gì cả, do sự thách đố, vì muốn làm hiện lộ ra trên làn da nâu sẫm cái màu hồng phi lý của một vết chột: để *đưa cọt* với tính chất phi lý của thế giới. Nhưng, khi rút chân về, tôi nhìn thấy làn vỏ ngoài vẫn đen đũi, câm nín.

Đen? Tôi đã cảm thấy chữ đó căng phồng lên, cạn hết ý nghĩa với một mức độ nhanh chóng phi thường. Đen? Chiếc rế cây *không* là đen, mẫu gỗ đó không có màu đen – nó là... một cái gì khác: màu đen, cũng như chiếc vòng tròn, không hiện hữu. Tôi nhìn chăm chú chiếc rế cây: nó *đen dữ* hay chỉ *hơi đen*? Song chẳng mấy chốc, tôi đã ngừng tra vấn mình vì có cảm tưởng tôi đang ở địa giới của trí thức. Vâng, với lòng đầy lo âu, tôi đã dò xét những sự vật bất khả định danh, tôi đã cố tâm vô ích để suy tưởng một điều gì đó *về chúng*: và tôi đã cảm nghiệm được những phẩm chất của chúng, lạnh lẽo, trơ lì, vượt thoát và lướt trượt qua những kẽ tay tôi. Những chiếc dây đeo quần của anh chàng Adolphe, buổi chiều nọ, tại quán “Rendez-vous des

Cheminots", chúng *chẳng phải* là màu tím. Tôi nhìn thấy lại hai vệt bất định trên chiếc áo sơ mi. Và hòn cuội, hòn đá cuội ngày hôm ấy, nguồn gốc của tất cả mọi chuyện: nó không phải là... tôi không nhớ đích xác cái mà nó đã từ chối là. Song tôi chẳng quên được sức chống cự thụ động của hòn cuội. Và bàn tay của chàng Tự Học; tôi đã cầm lên và siết chặt, ngày nọ, tại thư viện và rồi tôi đã có ấn tượng rằng đấy không hẳn là một bàn tay. Tôi đã nghĩ đến một con sâu lớn màu trắng, song cũng chẳng phải như thế nữa. Và trạng thái trong suốt đầy ám muội của chiếc ly bia tại quán cà phê Mably. Ám muội: đó là tính chất của chúng, những âm thanh, những làn hương, những mùi vị, khi chúng diễn nhanh qua trước mặt ta, tựa hồ những con thỏ bị xua khỏi hang, và nếu không quá chú ý thì người ta có thể tưởng rằng chúng hoàn toàn đơn giản và làm ta an tâm, người ta có thể tưởng rằng trên thế giới này có màu xanh thực, màu đỏ thực, có mùi hạnh đào hay mùi đồng thảo thực. Nhưng ngay khi lưu giữ chúng lại trong thoáng giây, cái cảm thức đầy thoái mái và an toàn đó lập tức nhường chỗ cho một nỗi lo âu sâu xa: những màu sắc, những làn hương, những mùi vị chẳng bao giờ thực cả, chẳng bao giờ chỉ là chính chúng, và chỉ là chính chúng. Cái phẩm tính đơn giản nhất,

khó thể tách rời ra nhất, cũng đã là dư thừa ngay nơi chính mình, đối với chính mình, trong lòng mình. Cái màu đen chạm vào chân tôi kia, nó không có vẻ đang là đen nhưng đúng hơn nó là cố gắng hỗn loạn mơ hồ để tưởng tượng ra màu đen của một kẻ chẳng bao giờ nhìn thấy màu đen và chẳng biết dừng lại, kẻ đã tưởng tượng ra hữu thể hỗn tạp ở bên kia những màu sắc. Nó *tương tự* với một màu sắc nhưng cũng tương tự... với một vết bầm, hoặc nữa, với một sự phân tiết, với một chất mỡ cừu và với những vật khác nữa, với một mùi vị chẳng hạn, nó tan chảy thành mùi đất ẩm, gỗ ẩm và ẩm, tan chảy thành màu đen trải rộng như một lớp sơn phủ ngoài trên cái mẫu gỗ rắn chắc, có vị của thớ gỗ bị nhai nghiền, ngọt dịu. Tôi đã chẳng nhìn đến nó, đến màu đen đó: giác quan là một sự đặt bày có tính cách trừu tượng, một ý tưởng đã được lau chùi, đơn giản hóa, một ý tưởng của con người. Từ xa, màu đen, sự hiện diện vô định hình và yếu ớt đó, tràn ngập thị giác, khứu giác và vị giác. Song sự sung mãn phong phú ấy lại chuyển sang tình trạng hỗn tạp, mơ hồ, và rối cuộc, nó chẳng là gì nữa vì nó là dư thừa.

Giây phút đó thật phi thường. Tôi ngồi đấy, bất động và lạnh giá, đắm chìm trong một trạng thái xuất thần khủng khiếp. Nhưng,

ngay giữa lòng trạng thái xuất thần, có một nỗi gì mới mẻ vừa phát hiện: tôi đã hiểu thấu cơ Buồn Nôn, tôi đã sở đắc được nó. Thật ra, tôi không tự đúc kết thành lời những khám phá của tôi. Song tôi tin rằng, hiện tại tôi đã dễ dàng lồng chúng vào trong những từ ngữ. Điều cốt yếu là tính chất bất tất. Tôi muốn nói rằng, từ định nghĩa, hiện hữu không phải là tất yếu. Hiện hữu là *hiện thể ra đó*, chỉ vậy thôi; những vật thể xuất hiện, để cho ta *gặp gỡ* chúng, nhưng chẳng bao giờ ta có thể *suy diễn, diễn dịch* chúng được. Tôi tin rằng có những người đã hiểu thấu chuyện đó. Duy có điều họ đã cố gắng vượt thắng cái tính chất bất tất nọ bằng cách bày đặt ra một hữu thể tất yếu, tự làm nguyên nhân cho chính mình. Thế nhưng, chẳng có bất kỳ hữu thể tất yếu nào có thể giải thích được hiện hữu: tính chất bất tất không phải là một mạo bản, một ngoại ảnh mà người ta có thể thủ tiêu; nó chính là tuyệt đối, do đó nó là tính chất “nhưng-không”, vô căn vô cố toàn triệt. Mọi sự đều “nhưng-không”, vô căn, vô cố, khu vườn này, thành phố này và ngay cả chính tôi. Khi hiểu được thế, điều đó làm quặn thắt con tim và tất cả mọi sự bắt đầu trôi nổi bập bênh như buổi tối nọ, nơi quán “Rendez-vous des Cheminots”: đấy là cơn Buồn Nôn; đấy chính là điều mà những tên

Chó Đẻ, những tên Salauds – những người ở khu Đồi Xanh và những kẻ khác – cố gắng che đậy bằng ý tưởng về quyền lợi của bọn họ. Nhưng quả thật đó là một dối trá tồi tệ làm sao: chẳng ai có quyền cả; như trăm ngàn kẻ khác, họ hoàn toàn mang tính chất nhưng-không, vô cố, họ chưa cảm nghiệm được tính chất dư thừa của mình. Và một cách bí ẩn, ngay trong bản thể họ, họ *đang dư thừa*, nghĩa là vô định hình và mơ hồ, buồn bã.

Cơ mê hoặc ấy kéo dài bao lâu? Tôi *đã là* chiếc rễ cây dễ. Hay đúng hơn tôi hoàn toàn là ý thức về sự hiện hữu của nó. Tuy tách rời khỏi chiếc rễ cây – vì có ý thức về nó – nhưng tôi lại bị chìm mất trong chiếc rễ, hoàn toàn chìm trong chiếc rễ. Một ý thức khốn khổ và tuy thế lại để bị lôi đi bằng tất cả sức mạnh của mình, bị lạc thể, trên cái khối gỗ ù lì trợ trợ nọ. Thời gian đã dừng lại: một vùng đen nhỏ dưới chân tôi; không thể có chuyện một điều gì đó lại xảy đến *sau* giây phút nọ. Tôi đã muốn rút mình ra khỏi cơ hưởng thụ tàn bạo, nhưng lại không tưởng tượng nổi rằng có thể thực hiện được điều đó, tôi đang ở trong trận; cái thân cây đen không *trôi qua*, nó vẫn còn lại đó, trong đôi mắt tôi, như thể một miếng ăn quá lớn mắc nghẹn lại nơi cổ họng. Tôi đã không thể chấp nhận

cũng như từ khước nó. Tôi đã cố gắng dữ dội thế nào để nhướng mắt lên? Và quả tôi đã nhướng mắt lên thật chẳng? Hay tôi chỉ tự hư vô hóa mình trong khoảnh khắc để tái sinh nơi khoảnh khắc tiếp theo, với cái đầu ngả ra sau và đôi mắt hướng lên cao? Thực ra, tôi đã chẳng hề ý thức được là có một sự chuyển thái. Nhưng, đột nhiên, tôi lại không thể nào suy tưởng hiện hữu của chiếc rễ cây nữa. Chiếc rễ đã bị xóa nhòa, tôi hoài công lập đi lập lại: nó đang hiện hữu, nó vẫn còn đang hiện thể tại đó, dưới chiếc băng, sát vào bàn chân phải của tôi, điều đó chẳng có ý nghĩa gì nữa cả. Hiện hữu không phải là một cái để cho ta suy tưởng từ đằng xa: nó phải đột ngột tràn ngập, xâm chiếm lấy anh, nó phải ngừng đọng lại trên anh, phải đè nặng tìm anh như một con thú khổng lồ bất động – hoặc nó sẽ tuyệt đối chẳng là gì nữa.

Chẳng có gì nữa cả, đôi mắt tôi bỗng không và tôi vui hưởng tình trạng giải thoát của mình. Rồi đột nhiên, cái đó lại khởi sự xao động trước mắt tôi, những chuyển động nhẹ nhẹ và bất định: gió đang rung chuyển ngọn cây.

Tôi không phải không vui khi thấy một vật gì động đây, điều đó làm thay đổi tôi nơi tất cả những hiện hữu bất động kia, những

hiện hữu đang chăm nhìn tôi như những con mắt đăm đăm. Trong khi dõi theo chuyển động đong đưa của các cành cây, tôi tự nhủ: những chuyển động chẳng bao giờ hiện hữu hoàn toàn, đấy chỉ là những giai đoạn chuyển tiếp, những giai đoạn trung gian giữa hai hiện hữu, những khoảng thời gian sa sút. Tôi sắp sửa nhìn thấy chúng xuất lộ ra từ hư vô, dần dà trưởng thành, rồi bùng nổ; sau cùng, tôi sắp bắt chợt những hiện hữu đang hóa sinh.

Không cần đến ba giây là đủ để cho tất cả những hy vọng của tôi bị quét sạch. Trên tất cả những cành cây đang ngập ngừng, sò soạng quanh mình trong vẻ mù lòa, tôi không làm sao gặp được “con đường chuyển hóa” sang hiện hữu. Ý niệm về con đường chuyển hóa ấy cũng lại là một bày đặt của loài người. Một ý niệm quá rõ ràng. Tất cả những rung động nhỏ nhất này tự tách rời ra, tự đặt nền tảng cho chính mình. Chúng tràn ngập khỏi những nhánh cành ở khắp mọi nơi. Chúng quay cuồng xung quanh những bàn tay khô khăng ấy và bao phủ chúng bằng những cơn lốc nhẹ. Tất nhiên, một chuyển động là một cái gì khác với một cái cây. Nhưng đấy cũng là một tuyệt đối. Một sự vật, mất tôi bao giờ cũng chỉ gặp được cái hoàn hảo. Đầu mút những cành cây đang lúc nhúc những hiện

hữu, những hiện hữu không ngừng tái diễn chẳng bao giờ nảy sinh. Ngọn-gió-đang-hiện-hữu đến đầu trên cây như một con ruồi lớn; và cây run lên. Những sự rung chuyển không phải là một tính chất đang nảy sinh, một con đường chuyển hóa từ tiềm thể tới hiện thể, nó là một sự-vật-rung-động chảy tràn trong cây, cướp đoạt cây, lung lay cây, và bỗng chốc rời cây, đi xa hơn vừa quay xung quanh mình. Tất cả đều tràn đầy, tất cả đều đang ở trong hiện thể, không có những khoảng thời gian sa sút, tất cả đều làm bằng hiện hữu, kể cả cơn rung mình khó nhận ra nhất. Và tất cả những hiện hữu đang bận bịu xung quanh cây ấy, không đến từ đâu cũng chẳng đi về đâu cả. Bỗng chốc chúng hiện hữu rồi sau đó bỗng chốc chúng ngừng hiện hữu: hiện hữu không hề có ký ức; nó không lưu giữ lại gì từ những cái đã mất, cả đến một kỷ niệm. Hiện hữu ở khắp mọi nơi, cho đến vô tận, dư thừa, mãi mãi và cùng khắp; cái hiện hữu chỉ bị giới hạn bởi hiện hữu. Ngồi trên băng tôi buông thả trí óc, vì tình trạng quá phong phú của những vật thể không nguồn gốc: khắp nơi là những sự sinh nở, những sự khai hoa, tại tôi vì vụ cuộc hiện hữu, thịt da tôi cũng phập phồng hé mở, buông mình cho sự nảy mầm ở khắp mọi nơi, thật là kinh tởm. “Nhưng tại sao, tôi nghĩ, tại sao lại có biết bao hiện hữu

như thế, vì tất cả đều tương tự nhau?”. Nào ích gì đâu khi có biết bao là cây cối giống tạc nhau như thế? Biết bao là hiện hữu lơ dờ và khẳng khẳng một mực khởi đầu lại, và lại lơ dờ – in như những cố gắng vụng về của một côn trùng bị lật ngửa? (tôi là một trong những cố gắng này). Sự phong phú đó không phải là hậu quả của lòng quảng đại, trái lại là khác: nó đìu hiu, ảm đạm, ốm yếu, lúng túng với chính mình – những cây nọ, những thân xác to lớn vụng về kia... Tôi phát cười lớn vì đột nhiên tôi nghĩ đến những mùa xuân tuyết trần mô tả trong sách vở, đầy những tiếng rạn vỡ, chói lọi, những sự bùng nổ vĩ đại. Đã có những thằng cha ngốc nghếch đến nói với anh về ý chí hùng dũng và cuộc đấu tranh sinh tồn. Vậy, hóa ra bọn hần chưa bao giờ nhìn mặt con vật hoặc một cái cây sao! Cây ngó đồng với những mảng tơ lông, cây sồi bị thối lũng hết phân nửa này, người ta đã muốn tôi xem chúng như những sức mạnh trẻ trung đầy hăng hái, vọt lên về hướng trời xanh. Và chiếc rễ này? Hần tôi phải hình dung nó như một chiếc vuốt tham lam, xé rách lòng đất để bòn rút thức ăn.

Không thể nào nhìn sự vật theo kiểu đó. Những sự nhu nhược, những sự yếu đuối, vâng, đúng thế, những chiếc cây bệnh bông.

Một sự nảy vọt lên về hướng trời xanh? Một sự thất vọng, chán nản thì đúng hơn; ở mỗi một giây phút tôi đều chờ đợi để thấy những chiếc chân nhấn nhui lại như những dương vật một lữ co quắp lại và ngã quy xuống mặt đất thành một đồng đen mềm xù với những nếp gấp. Chúng *đã không muốn* hiện hữu, duy có điều chúng không thể nào ngăn mình hiện hữu: thế đấy. Lúc bấy giờ chúng từ từ làm công việc chế biến thực phẩm, chẳng chút hăng hái; nhựa chậm chạp dâng lên trong các ống dẫn với lòng miễn cưỡng, và những chiếc rễ chậm rãi ăn sâu vào lòng đất. Nhưng ở mỗi giây phút dường như chúng đều vừa dựng thẳng nơi đó, vừa sắp sửa tan biến vào hư vô. Một mối, già cỗi, chúng miễn cưỡng tiếp tục hiện hữu, chỉ vì quá yếu ớt không chết đi được, và vì cái chết chỉ có thể đến với chúng từ bên ngoài: chỉ những nhạc khúc là có thể kiêu hãnh mang trong tự thân mình cái chết xem như một tất yếu nội tại; duy có điều những nhạc khúc không hiện hữu. Mọi vật thể đều sinh ra không lý do, tình cờ. Tôi thụt lùi và nhắm mắt lại, nhưng những hình ảnh vừa được báo động liền nhảy chồm lên, và hiện hữu của chúng ủa vào, tràn ngập đôi mắt khép kín của tôi: hiện hữu là một trạng thái tròn đầy mà con người không thể lìa xa.

Những hình ảnh dị kỳ, chúng biểu tượng cho một mớ những sự vật. Không phải những sự vật đích thực, nhưng là những sự vật khác tương tự. Những đôi vật bằng gỗ tương tự những chiếc ghế, những đôi guốc, những đôi vật khác tương tự với những cây cối. Và rồi là hai khuôn mặt: đấy là cặp nhân tình đã dùng bữa gần bàn tôi hôm chủ nhật, tại quán Vézelize. To béo, nóng sốt, gợi cảm, phi lý, với đôi lỗ tai đỏ như. Tôi đã nhìn thấy đôi vai và chiếc cổ họng của người đàn bà. Hiện hữu trần trụi. Hai người trẻ tuổi đó, điều này đột nhiên làm tôi khiếp hãi, hai người ấy lại tiếp tục hiện hữu ở nơi nào đó trong thành phố Bouville; một nơi nào đó, giữa những mùi vị nào? Chiếc cổ họng êm ái nọ còn tiếp tục ve vuốt làn vải êm mát, tiếp tục nép mình trong những chiếc dây treo, và người đàn bà tiếp tục cảm thấy cổ họng mình hiện hữu trong làn áo lót, hẳn phải nghĩ rằng: “Đôi nhũ hoa, những quả cây tươi ngon của tôi” với nụ cười bí ẩn, chăm chú chờ đôi nhũ hoa căng phồng lên làm nàng nhột nhạt. Và rồi tôi đã la to lên và tôi đã tìm gặp lại đôi mắt mở lớn.

Có phải tôi đã mộng thấy sự hiện diện vĩ đại kia không? Nó đấy, dựng đứng trên khu công viên, ngã nhào xuống trong những lùm

cây, mềm nhũn, nhiễm độc cả, dày đặc, một thứ mứt ngọt. Và tôi, tôi đã hiện hữu trong đó, cùng với toàn thể khu vườn? Tôi sợ hãi, nhưng nhất là tôi đã nổi giận, tôi cho rằng điều đó quá ngu ngốc, quá bất ổn, tôi thù ghét chất mứt đê tiện nọ. Chất mứt đầy đầy, chất mứt tràn lan! Nó bay lên tận trời, nó tỏa khắp mọi nơi, nó phủ đầy tất cả bằng vẻ chán nản nhừa nhựa của mình và tôi nhìn thấy những chiều sâu, sâu hút xa hơn cả những giới hạn của khu vườn, những ngôi nhà và Bouville, tôi còn ở Bouville nữa, không ở nơi nào cả, tôi đang bồng bềnh trôi. Tôi không kinh ngạc, tôi biết rằng đó là thế giới, thế giới trần trỗng đột nhiên lộ xuất, và tôi tức giận đến nghẹn thở cái hữu thể phi lý vĩ đại kia. Người ta chẳng có thể tự hỏi cái đó nảy sinh từ đâu, tất cả những cái đó cũng chẳng tự hỏi được làm sao mà thế giới lại hiện hữu, thay vì không gì cả. Điều ấy chẳng có nghĩa gì, thế giới đã hiện diện khắp nơi, đằng trước, đằng sau. Tuyệt chẳng có gì *trước khi* thế giới hiện hữu. Chẳng có gì. Chẳng có giây phút nào mà thế giới đã không thể không hiện hữu. Chính điều này làm tôi giận dữ: hiển nhiên là *chẳng có bất cứ lý do nào* cho nó hiện hữu, cái loài côn trùng mềm nhão này. *Nhưng không thể nào* nó lại không hiện hữu. Đây là điều không thể nghĩ tưởng được: để tưởng tượng ra hư vô

thì người ta lại đã hiện hữu rồi, giữa lòng thế giới và đôi mắt mở to, sinh động; hư vô, hư vô chỉ là một ý tưởng trong đầu óc tôi, một ý tưởng đang hiện hữu bên ngoài trong cõi bao la này: trạng thái hư vô đó đã không đến *trước* hiện hữu, nó là một hiện hữu khác, và đã xuất hiện sau nhiều hiện hữu khác. Tôi la lên: “Nhớ bản, chó chết!”. Và tôi lắc đầu để giải thoát mình ra khỏi tình trạng nhớ bản hiểm độc này, nhưng hiện hữu vẫn còn đó và có vô số, hàng ngàn hàng vạn hiện hữu, hoài hoài không dứt: tôi nghẹn thở dưới đáy sâu của nỗi kinh tởm bao la nọ. Và rồi đột nhiên, khu vườn biến mất tựa hồ chìm hẳn vào trong một chiếc lỗ hổng vĩ đại, thế giới đã biến dạng theo cùng lối như khi nó đến, hoặc là tôi đã tỉnh dậy – dù sao, tôi cũng không còn nhìn thấy nó nữa; chỉ còn lại màu đất vàng chung quanh tôi, từ đó nảy lên những cành khô dựng đứng lên trời.

Tôi đứng lên, bước ra khỏi vườn. Đến bên chiếc cửa lưới sắt, tôi quay lại. Lúc đó khu vườn đã mỉm cười với tôi. Tôi tựa người vào chiếc cửa lưới và tôi đã nhìn sững giờ lâu. Nụ cười mỉm của những chiếc cây, của đám nguyệt quế, *đã muốn nói lên* điều gì; đấy chính là nỗi bí ẩn đích thực của hiện hữu. Tôi nhớ lại rằng vào một ngày chủ nhật

nọ, cách đây không lâu hơn ba tuần, tôi đã bắt chợt trên những sự vật một thứ đáng diệu đồng lõa. Có phải đáng diệu đó nhằm gởi đến tôi không? Tôi buồn bã cảm nhận rằng tôi đã chẳng có bất cứ phương tiện nào để hiểu cho thấu đáo. Chẳng có bất kỳ phương tiện nào. Tuy nhiên, nó đấy, trong niềm chờ đợi, nó tương tự một cái nhìn. Nó đấy, trên thân cây dễ... nó chính là cây dễ. Những vật thể, người ta đã bảo chúng là những tư tưởng dừng lại nửa vời, những tư tưởng tự quên lãng mình, những tư tưởng quên lãng những gì chúng đã muốn suy tưởng đến và chúng tồn tại như thế đó, đọng đưa, dao động, với một chút ý nghĩa kỳ dị vượt thoát khỏi chúng. Mỗi ý nghĩa bé nhỏ đó đều làm tôi bức bối: tôi đã *không thể* hiểu nó, dấu cho tôi có trải qua một trăm kiếp tựa người vào cửa lưới; về hiện hữu, tôi đã học biết tất cả những gì có thể biết được. Tôi đã cất bước, quay về khách sạn và ở đấy, tôi đã viết lại những dòng này.

*Giữa đêm.*

Tôi đã quyết định. Không còn lý do gì nữa để lưu lại Bouville vì tôi chẳng viết tiếp cuốn sách; tôi sẽ đến sống tại Ba Lê. Ngày thứ sáu, tôi sẽ đáp chuyến tàu hỏa năm giờ, thứ bảy tôi sẽ gặp lại Anny; tôi nghĩ rằng hai

đứa sẽ sống chung nhau vài ngày. Kế đó tôi sẽ quay lại đây để thanh toán một vài công việc và sửa soạn hành lý. Chậm lắm là vào ngày 1 tháng ba, tôi sẽ vĩnh viễn lập nghiệp tại Ba Lê.

*Thứ sáu.*

“Au Rendez-vous des Cheminots”. Chuyến tàu tôi đi sẽ khởi hành trong hai mươi phút nữa. Chiếc máy hát. Ấn tượng phiêu lưu mãnh liệt.

*Thứ bảy.*

Anny ra mở cửa đón tôi, trong chiếc áo dài đen. Dĩ nhiên, nàng không đưa tay cho tôi bắt, nàng không chào tôi. Tôi để bàn tay phải trong túi áo khoác. Nàng nói bằng một giọng hờn dỗi và rất nhanh, để tránh những hình thức xã giao:

“Anh vào đi, và ngồi đâu thì ngồi, trừ chiếc ghế bành gần cửa sổ”.

Đúng là nàng, đúng thật là nàng. Nàng buông thông hai tay, khuôn mặt áo nã, khuôn mặt ngày xưa đã làm cho nàng có vẻ một cô gái ở tuổi dậy thì. Nhưng bây giờ nàng chẳng giống một cô gái nữa. Nàng mập ú, bộ ngực nàng thật vĩ đại.

Nàng đóng cửa lại, trầm ngâm tự nói một mình:

“Không biết có nên ngồi trên giường... hay không...”

Cuối cùng nàng buông người trên một loại thùng phủ bằng một tấm thảm. Dáng điệu nàng không còn như xưa. Nàng đi đứng với một vẻ nặng nề trang trọng nhưng không kém phần duyên dáng: nàng có vẻ lúng túng vì sự mập mạp đầy mới lạ của mình. Tuy nhiên, dù sao cũng chính là nàng, chính là Anny.

Anny phá lên cười.

“Tại sao em cười?”

Nàng không trả lời ngay, đó là thói quen của nàng, và tỏ một dáng điệu gàn bướng:

“Hãy nói tại sao ?”

“Tại vì cái cười độ lượng của anh khi mới bước vào phòng. Anh có vẻ một ông bố vừa mới gả chồng cho con gái. Nào, đừng đứng như thế nữa. Hãy cất áo choàng đi và ngồi xuống. Ừ, ngồi đấy cũng được”.

Một lúc im lặng tiếp theo, mà Anny không tìm cách phá vỡ. Căn phòng trơ trọi làm sao! Ngày xưa, trong tất cả cuộc du lịch, Anny đều đem theo một chiếc va li lớn đầy những khăn choàng, khăn bịt đầu, khăn trùm

dầu, mặt nạ Nhật Bản, những hình ảnh Épinal. Ngay khi vừa bước xuống, vào một khách sạn – và nàng chỉ ở lại đó một đêm – công việc đầu tiên của nàng là mở va li, lấy hết những “của cải” của nàng ra, rồi nàng treo lên tường, móc lên cây đèn, trải trên bàn hay dưới đất theo một thứ tự biến đổi và phức tạp: trong không đầy nửa giờ, căn phòng tầm thường nhất mặc lấy một nhân cách nặng nề và gợi cảm hầu như không thể chịu đựng nổi. Có lẽ chiếc va li đã bị lạc mất và đang còn ở phòng gửi hành lý... Căn phòng lạnh lẽo này, với chiếc cửa mở hé sang phòng rửa mặt, bao phủ một vẻ gì ảm đạm. Nó giống với căn phòng của tôi ở Bouville, ngoại trừ tính cách xa hoa và buồn thảm hơn.

Anny vẫn cười. Tôi nhận ngay ra đúng là giọng cười rất cao và hơi chịt trong lỗ mũi.

“Này, anh đã chẳng thay đổi gì cả: anh đang tìm gì với cái vẻ mặt hoảng hốt như thế?”

Nàng mỉm cười, nhưng cái nhìn của nàng soi bóng tôi với một vẻ tò mò hầu như đầy ác cảm.

“Anh chỉ nghĩ rằng căn phòng này chẳng có vẻ đang được em lưu ngụ cả.”

“Thế à?” nàng đáp trống.

Một khoảng im lặng nữa. Bây giờ Anny đã ngồi xuống giường, nàng trông rất xanh xao trong chiếc áo dài đen, nàng nhìn chăm tôi, bằng một vẻ trầm lặng, lông mày hơi nhướng cao lên một tí. Nàng chẳng có gì để nói với tôi sao? Tại sao nàng lại mời tôi đến? Không khí im lặng này thật khó chịu.

Đột nhiên, tôi bảo nàng giọng thương hại:

“Anh vui mừng gặp lại em.”

Chữ cuối cùng tắc nghẹn trong cuống họng tôi: nếu chỉ để nói như thế, thì chẳng thà tôi im lặng còn hơn. Chắc chắn nàng sắp sửa nổi giận, tôi nghĩ rất đúng rằng giờ khắc đầu tiên sẽ rất nhọc nhằn. Xưa kia, khi gặp lại Anny, dù rằng chỉ sau một thời gian vắng mặt lâu hai mươi bốn tiếng đồng hồ, dù rằng vào buổi sáng khi thức dậy, chẳng bao giờ tôi biết tìm ra được những lời nàng đang chờ đợi, những lời thích hợp với chiếc áo nàng đang mặc, với thời tiết, với những lời cuối cùng chúng tôi đã thốt ra đêm trước. Nhưng mà nàng đang muốn gì? Quả thật tôi chẳng thể đoán ra.

Tôi nhướng mắt lên. Anny nhìn tôi, thoáng vẻ dịu dàng.

“Vậy ra, anh chẳng thay đổi gì cả? Anh luôn luôn “ngố” thế sao?”

Khuôn mặt nàng biểu lộ sự thỏa mãn. Nhưng nàng có vẻ nhọc mệt làm sao!

“Anh là một cột trụ chỉ đường, nàng tiếp, một cây trụ chôn bên vệ đường. Anh trở trở giải thích và anh sẽ dùng cả đời mình để giải thích rằng Melun cách hai mươi bảy cây số và Montargis cách bốn mươi hai cây. Đó là lý do vì sao em cần đến anh như thế.”

“Cần đến anh? Em đã cần đến anh trong suốt bốn năm, bốn năm anh chẳng hề gặp em? Nay, em kín đáo thật đấy nhé.”

Tôi vừa nói vừa cười: nàng có thể tưởng rằng tôi đang giữ lòng oán hận đối với nàng. Tôi cảm thấy nụ cười đó rất giả tạo, gượng gạo tận miệng, tôi khó chịu.

“Anh quả là ngốc nghếch! Dĩ nhiên, em đã chẳng cần gặp anh, nếu đấy là điều anh muốn nói. Anh biết chứ, anh tuyệt chẳng có gì đặc biệt làm vui thích mắt nhìn. Em đang cần anh hiện hữu, và anh không thay đổi. Anh tựa như chiếc thước mẫu bằng bạch kim mà người ta bảo tồn đâu đó tại Ba Lê hay các vùng phụ cận. Em chẳng nghĩ rằng có kẻ lại nảy ra ý muốn nhìn thấy nó.”

“Đấy là điều làm em lầm lẫn.”

“Rốt cuộc, chẳng quan hệ gì, em không lầm đâu. Nay, em hài lòng được biết rằng nó

hiện hữu và đo đúng một phần mười ngàn của một phần tư kinh tuyến trái đất. Em nghĩ đến điều đó mỗi lần người ta đo đạc trong một ngôi nhà hay bán vải từng thước cho em.”

“Thế à?” tôi lạnh nhạt bảo.

“Nhưng anh biết, em rất có thể chỉ nghĩ đến anh như nghĩ đến một đức hạnh trừu tượng, một loại giới hạn. Anh phải cảm ơn em vì em cứ nhớ gợi khuôn mặt anh mỗi lần.”

Vậy là những cuộc tranh luận dằng dai mà ngày xưa nàng thường bắt tôi tham dự đã tái diễn, khi trong lòng tôi có những thèm muốn đơn giản và tầm thường, như bảo nàng rằng tôi yêu nàng, như ôm nàng trong đôi tay. Ngày hôm nay, tôi chẳng thèm muốn, khát khao gì. Có lẽ ngoại trừ nỗi thèm muốn được im lặng nhìn ngắm nàng, nỗi thèm muốn được thể hiện trong im lặng tất cả tâm quan trọng của biến cố dị thường đang diễn ra: sự hiện diện của Anny trước mặt tôi. Và đối với Anny, ngày này cố giống với những ngày khác chăng? Đôi bàn tay nàng không run rẩy. Hẳn nàng phải có một điều gì cần nói vào ngày nàng viết thư cho tôi – hoặc có lẽ, đấy chỉ là một hứng thích nhất thời, bất chợt. Hiện giờ, chẳng có câu hỏi nào được thốt lên, từ khá lâu.

Đột nhiên Anny mỉm cười với tôi bằng một vẻ dịu dàng rõ rệt, đến độ nước mắt dâng lên trên mắt tôi.

“Em đã nhìn đến anh nhiều hơn là đến chiếc thước bằng bạch kim. Chẳng có ngày nào em lại không nghĩ đến anh. Và em nhớ anh rõ rệt cho đến cả chi tiết nhỏ nhất nhất của con người anh.”

Nàng đứng dậy và đến đặt tay trên vai tôi.

“Em đổ anh dám nói rằng anh nhớ mặt em; anh, người thường phàn nàn than vãn.”

“Thật quý quyết, tôi bảo, em biết rõ rằng trí nhớ anh tồi lắm.”

“Anh vừa thú nhận đấy nhé: anh đã hoàn toàn quên em. Anh sẽ nhận ra được em ngoài phố không?”

“Dĩ nhiên là có. Không phải vấn đề đó đâu.”

“Anh còn nhận ra nổi màu tóc em không?”

“Còn chứ! Tóc em hoe vàng.”

Nàng cười rũ ra.

“Anh bảo thế một cách kiêu hãnh. Bây giờ, khi đã nhìn thấy tóc em, anh chẳng còn công lao gì nhiều nữa đâu.”

Nàng dùng tay quét tóc tôi.

“Còn anh, tóc anh màu đỏ hoe, nàng nhại lại tôi; lần đầu khi gặp anh, em chẳng bao giờ quên được – anh đội một chiếc mũ mềm xiù ngả sang màu hoa cà, trông thật chói mắt với bộ tóc hoe đỏ của anh. Quả rất bực dọc khi nhìn anh. Mũ anh đâu rồi? Em muốn biết anh có luôn luôn kèm “gu” như thế không.”

“Anh chẳng đội mũ nữa.”

Nàng thổi nhẹ một hơi, vừa hé mắt nhìn.

“Anh đã không tự lực nhận ra điều ấy một mình đấy chứ? Này, em ngợi khen anh đó. Dĩ nhiên! Duy có điều, phải nghĩ đến nó. Mái tóc anh chẳng đội gì lên được đâu, chúng tương phản với mọi kiểu mũ, với những đệm ghé bành, ngay cả với tấm thảm trải tường dùng làm “phông”. Hoặc giả anh phải ấn mũ xuống tận mang tai in như chiếc mũ nỉ anh đã mua ở Luân Đôn. Anh thu giấu tóc mình dưới mũ, chẳng ai có thể biết được nữa là anh còn tóc hay không.”

Nàng nói thêm, bằng cái giọng quả quyết nàng thường dùng kết thúc những lần gây gổ trước đây:

“Nó hoàn toàn chẳng đi đôi với anh chút nào”. Tôi chẳng biết là nàng đang có ý muốn nói đến chiếc mũ nào nữa.

“Nếu như anh bảo rằng nó “đi” với anh?”

“Em tin chắc là anh nói thế! Anh chỉ chuyên môn nói thế thôi. Và anh tự ngấm mình một cách lén lút trong những chiếc gương, khi anh tưởng rằng em không nhìn thấy anh.”

Sự hiểu biết về quá khứ này đè nặng lên tôi. Anny cũng chẳng tỏ vẻ gì đang gọi lại những kỷ niệm, giọng nói nàng chẳng có âm độ làm động lòng và xa vắng, thích hợp với loại chuyện đó. Tuồng như nàng đang nói về những chuyện xảy ra ngày hôm nay, hay nhiều nhất là hôm qua; nàng đã duy trì trọn vẹn những ý kiến, những sự ương ngạnh, những mối ác cảm, ghét hận ngày xưa. Đối với tôi, trái lại, tất cả đều chìm ngập trong một tình trạng mơ hồ thơ mộng; tôi sẵn sàng cho mọi nhượng bộ.

Đột nhiên nàng thốt ra bằng một giọng không âm điệu:

“Anh thấy chứ, em đã béo ra, em đã già, em phải tự săn sóc đến mình.”

Vâng, và nàng có vẻ mỗi một làm sao! Vì thấy tôi muốn nói, nàng lập tức thêm:

“Em đã diễn kịch, tại Luân Đôn.”

“Với Candler à?”

“Không, không phải với Candler. Em đã nhận ra đúng là anh. Anh cứ cố nhét vào đầu óc ý nghĩ rằng em sẽ diễn kịch với Candler. Biết bao nhiêu lần rồi em phái báo anh: Candler là một nhạc trưởng! Không, em diễn trong một hí viện nhỏ, Soho Square. Tại đó người ta cho trình diễn vở *Emperor Jones*, các vở kịch của Sean O'Casey, của Synge, và vở *Britannicus*.”

“*Britannicus*?” tôi ngạc nhiên hỏi lại.

“Vâng, *Britannicus*. Chính vì thế mà em đã bỏ đi. Chính em là người đưa ý kiến dựng vở *Britannicus*; và họ đã muốn em thủ vai Junie.”

“Em nhận chứ?”

“Dĩ nhiên là em chỉ có thể thủ vai Agrippine thôi.”

“Và hiện giờ, em đang làm gì?”

Tôi đã lẩm lẩn khi hỏi thế. Sự sống rút lui toàn diện khỏi gương mặt nàng. Tuy nhiên, nàng trả lời ngay:

“Em chẳng diễn kịch nữa. Em đi du lịch. Có một gã đang “bao” em. Và lại, đấy là một lão già, lão chẳng làm em bức mình.”

“Một lão người Anh chắc?”

“Chuyện đó có ăn thua gì đến anh cơ chứ? Nàng bức dọc hỏi. Chúng ta sẽ không nói về lão đó nữa. Lão chẳng quan trọng gì cả đối với anh lẫn em. Anh dùng trà không?”

Nàng bước vào phòng rửa mặt. Tôi nghe nàng đi đi lại lại, lay động những son quánh và nói một mình; một lời thầm thì the thé và khó hiểu. Trên chiếc bàn đêm gần giường nàng, như thường lệ, có một quyển Lịch Sử Pháp Quốc của Michelet. Bên trên giường, bây giờ tôi mới nhận rõ nàng đã treo một tấm ảnh, tấm ảnh độc nhất, một bản sao lại chân dung Emily Brontë do anh của nữ văn sĩ họa.

Anny trở lại và đột ngột bảo tôi:

“Bây giờ, phải nói về anh cho em nghe.”

Đoạn nàng lại biến dạng vào phòng rửa mặt. Về chuyện đó thì mặc dù trí nhớ rất tồi, tôi vẫn nhớ rõ: nàng đặt ra những câu hỏi trực tiếp như thế, làm tôi quá đỗi bức bối, bởi vì tôi cảm thấy trong những câu hỏi đó vừa biểu lộ một sự chú tâm thành thực, vừa lòng ham muốn kết thúc nó càng chóng càng hay. Dù sao, sau câu hỏi, tôi chẳng còn được phép nghi ngờ gì nữa: nàng muốn một điều gì đó nơi tôi. Lúc này, mới chỉ là những giai đoạn sơ bộ: người ta tự tháo gỡ ra khỏi những gì có

thể gây bức bối; người ta vĩnh viễn thanh toán với những câu hỏi thứ yếu; “Bây giờ, phải nói về anh cho em nghe”. Chốc nữa đây, nàng sẽ nói cho tôi nghe về nàng. Đột nhiên, tôi chẳng muốn thuật lại với nàng bất cứ điều chi. Nào có ích gì? Cơn Buồn Nôn, sự sợ hãi, hiện hữu... Tốt hơn tôi nên giữ riêng cho mình tất cả những thứ đó.

“Nào, nhanh đi”, nàng kêu lên xuyên qua vách ngăn.

Nàng trở lại với một bình trà.

“Anh đang làm gì thế? Anh hiện ở Ba Lê?”

“Anh đang ở Bouville.”

“Bouville? Tại sao? Anh chưa cưới vợ chứ, em hy vọng thế?”

“Cưới vợ?” tôi giật mình hỏi nàng.

Tôi rất khó chịu khi thấy Anny có thể nghĩ đến điều ấy. Tôi bảo cho nàng biết.

“Thật phi lý. Đấy thuần là những cái thứ tưởng tượng chất phác mà em đã trách anh ngày xưa. Em biết chứ: khi anh tưởng tượng em góa bụa và là mẹ của hai đứa bé. Và tất cả những câu chuyện mà anh đã thuật cho em về tình trạng của chúng ta. Em ghét chuyện đó mà.”

"Còn anh thì anh thỏa thích với nó, nàng trả lời không chút bối rối. Anh nói thế để làm vẻ mạnh. Vả lại anh giận dữ như thế trong khi chúng ta đàm đạo, nhưng anh có đủ phản bội để một ngày kia lên lút cưới vợ. Trong suốt một năm, anh đã giận dữ phản đối rằng sẽ không đi xem phim "*Violettes Impériales*". Rồi ngày nọ, khi em bệnh, anh đã một mình đi xem phim đó ở một rạp nhỏ trong khu phố."

"Anh đang ở Bouville, vì anh đang viết một cuốn sách về hầu tước De Rollebon", tôi nói bằng giọng nghiêm trang.

Anny nhìn chăm tôi với một vẻ thích thú đầy chăm chú.

Hầu tước De Rollebon? Ông sống vào thế kỷ XVIII chắc?"

"Phải".

"Anh đã nói với em về chuyện đó, quả thế, nàng bảo một cách trống không. Đây là một cuốn sách lịch sử?"

"Vâng".

"Ha! Ha!"

Nếu nàng đặt thêm cho tôi một câu hỏi nữa, chắc tôi sẽ thuật lại hết mọi chuyện với nàng. Song nàng chẳng hỏi thêm gì. Bề ngoài, nàng cho rằng đã hiểu biết khá đầy đủ về tôi.

Anny rất biết lắng nghe, nhưng chỉ khi nào nàng muốn. Tôi nhìn nàng: nàng đã hạ thấp mi mắt xuống, nàng đang nghĩ đến chuyện sắp nói với tôi, đến cái cách thức nàng sẽ bắt đầu. Đến phiên tôi, tôi có phải đặt câu hỏi cho nàng không? Tôi không tin rằng nàng chịu để tâm đến những lời tôi hỏi. Nàng sẽ nói khi nào nàng cho là nên nói. Tim tôi đập thật mạnh.

Đột nhiên nàng bảo:

“Còn em, em đã thay đổi.”

Đấy là khởi đầu. Nhưng rồi nàng im lặng. Nàng pha trà trong những chiếc tách bằng sứ trắng. Nàng đang chờ tôi mở lời: tôi phải nói lên điều gì, mà phải đúng ngay điều nàng đang chờ đợi. Tôi đang bị khổ hình. Quá thật nàng đã thay đổi chẳng? Nàng đã béc ra, nàng đã có vẻ mệt mỏi: chắc chắn đấy không phải là điều nàng muốn nói.

“Anh không biết nữa, anh không nhận ra. Anh đã tìm gặp lại được nụ cười của em, cách thức em đứng dậy và đặt tay lên vai anh, chúng hay lắm bấm một mình của em. Em luôn luôn đọc quyển Lịch Sử của Michelet. Và rồi thì một lô những chuyện khác...”

Mỗi chú tâm sâu xa mà nàng dành cho cái yếu tính vĩnh cửu của tôi và sự đứng vững

hoàn toàn của nàng đối với tất cả những gì có thể xảy đến cho tôi trong cuộc sống – và rồi là cái tính chất cầu kỳ quái dị, vừa thông thái rởm, vừa duyên dáng – và rồi, cái cách thức bãi bỏ ngay từ đầu tất cả những định thức máy móc của phép xã giao thân hữu, tất cả những gì làm dễ dàng những mối tương quan giữa người với nhau, cái cách thức bó buộc những người đối thoại với mình phải luôn luôn sáng tạo, bày đặt ra những gì mới lạ.

Nàng nhún vai:

“Có chứ, em đã thay đổi, nàng bảo với giọng khô khan, em đã hoàn toàn thay đổi. Em chẳng còn y như trước nữa. Em đã nghĩ rằng anh đã nhận ra ngay lúc mới gặp nhau. Và anh lại vừa đem nói với em về cuốn Lịch Sử của Michelet”.

Nàng đến đứng im trước mặt tôi:

“Chúng ta sẽ xem thử anh chàng này quả có mạnh như anh ta thường tự hào không. Nào, tìm đi: em đã thay đổi ở những điểm nào?”

Tôi do dự, nàng giậm chân, miệng vẫn còn mỉm cười nhưng đã thực sự bức mình,

“Ngày xưa, cũng có một điều gì làm anh phải than vãn. Hay ít ra anh cũng cho là như thế. Và bây giờ mọi chuyện đều kết thúc, mất

tầm. Anh phải nhận ra điều đó. Anh có còn cảm thấy dễ chịu nữa hay không?"

Tôi chẳng dám trả lời rằng không: hết như ngày xưa, tôi đang ghé mũi ngồi trên ghế, lo lắng tìm cách lẩn tránh những cạm bẫy, làm khuấy nhúng cơn giận dữ khó giải thích của nàng.

Nàng đã ngồi xuống lại.

"Này, nàng vừa nói vừa gục gặc đầu với vẻ tin tưởng chắc chắn, nếu như anh không hiểu, thì đấy là vì anh đã quên mất nhiều điều. Nhiều hơn em tưởng nữa. Sao, anh chẳng còn nhớ gì hết về những hành động ác đức của anh ngày xưa à? Anh đến, anh nói, anh bỏ đi. Tất cả đều vào một lúc trái cựa. Anh hãy tưởng tượng rằng đã chẳng có gì thay đổi cả: anh bước vào phòng, sẽ có những mặt nạ, những khăn quàng treo trên tường, em sẽ ngồi trên giường và sẽ bảo anh (nàng ngả đầu ra sau, thở căng lỗ mũi và nói bằng giọng phờ phàng tuông, như để tự chế nhạo chính mình): "Sao?" Anh còn chờ gì nữa? Ngồi xuống đi". Và dĩ nhiên là em sẽ cẩn thận tránh bảo anh: "Trên chiếc ghế bành gần cửa sổ."

"Em đang giảng bầy anh."

"Không phải là những cạm bẫy đâu... Dĩ nhiên là lúc ấy, về phần anh, sẽ đi thẳng đến ngồi lên chiếc ghế."

“Và rồi chuyện gì sẽ xảy đến cho anh?”

Tôi vừa hỏi vừa quay lại và tò mò quan sát chiếc ghế bành.

Chiếc ghế mang một bề ngoài bình thường, có vẻ hiền từ và tiện nghi.

“Chỉ toàn là điều xấu”, Anny trả lời cụt ngủn.

Tôi chẳng nần nì hỏi thêm. Anny luôn tự vây quanh mình bằng những vật cấm kỵ.

“Anh nghĩ rằng anh đang đoán ra được một đôi điều, đột nhiên tôi bảo nàng. Nhưng nó lại quá đỗi lạ thường. Khoan đã, hãy để anh tìm xem: quả vậy, căn phòng này hoàn toàn trống trụi. Em phải công bằng mà nhận rằng anh đã lưu ý ngay đến điều đó. Được rồi, anh sẽ bước vào phòng, và anh sẽ nhìn thấy những chiếc mặt nạ treo trên tường và những chiếc khăn choàng và tất cả mọi thứ đó. Luôn luôn khách sạn dừng bước trước ngưỡng cửa phòng em. Phòng em là một cái gì khác hẳn... Em sẽ không ra mở cửa đón anh. Anh sẽ nhận ra em đang nấp vào trong một xó, có lẽ đang ngồi dưới đất trên con chim mỗi màu đỏ em luôn mang theo, và em nhìn anh với đôi mắt không tha thứ, trong dáng điệu đợi chờ... Vừa khi anh thốt ra một lời, phác một cử chỉ, lấy lại hơi thở, là lập

tức em khỏi sự nhúu mày và anh sẽ cảm thấy sâu xa rằng mình là kẻ có tội mà không biết tại sao. Rồi từng phút lại từng phút, anh sẽ dần chứa những việc vụng về, bước sâu vào trong lầm lỗi...”

“Chuyện ấy đã xảy ra bao nhiêu lần rồi?”

“Hàng trăm lần”.

“Này! Hiện giờ anh có khôn ngoan, tỉnh tể hơn không?”

“Không!”

“Em thích nghe anh nói thế. Rồi sao nữa.”

“Rồi thì chẳng còn...”

“Ha! Ha! Nàng kêu lên bằng một giọng phờng tuồng, anh lại dám nghĩ như thế!”.  
Nàng êm ái tiếp lời:

“Này, anh có thể tin em: chẳng còn nữa.”

“Chẳng còn giây phút hoàn hảo nữa?”

“Không.”

Tôi sững sốt. Tôi nài nỉ hỏi thêm:

“Rốt lại, em không... Thế là hết những... bi kịch thoáng qua, trong đó những mặt nạ, những chiếc khăn quàng, những đồ đạc và cả anh nữa, mỗi thứ đều thủ vai tuồng bé nhỏ của mình – còn em, một vai tuồng chính?”

Nàng mỉm cười.

“Đồ bạc bèo! Đôi khi em đã giao cho giây phút hoàn hảo đó những vai tuồng quan trọng hơn cả chính em: song nó chẳng hề biết đến. Ủ, phải: thế là hết. Anh kinh ngạc lắm à?”

“À, vâng, anh kinh ngạc lắm! Anh đã tưởng rằng đó chính là thành phần cần thiết của em và nếu người ta loại bỏ nó đi, thì cũng tương tự như rút tim em khỏi lồng ngực”.

“Em cũng tin như thế”, nàng nói bằng một vẻ chẳng hối tiếc gì cả. Nàng lại tiếp thêm bằng một thứ giọng mỉa mai gây cho tôi ấn tượng rất khó chịu:

“Nhưng anh thấy rõ rằng em có thể sống mà không cần những thứ đó.”

Nàng đã đan những ngón tay vào nhau và lỏng tay ôm đầu gối. Nàng ngược nhìn lên không với một nụ cười mơ hồ làm tươi trẻ lại toàn thể khuôn mặt. Nàng có vẻ một cô bé lớn xác đầy huyền bí và thỏa mãn.

“Vâng, em hài lòng khi thấy anh vẫn y nguyên như cũ. Nếu người ta lại dời chỗ, sơn phết lại, rồi đem chôn anh vào bên lề một con người khác, thì em chẳng còn có gì cố định nữa để nhắm hướng cho mình. Anh đối với em là tối cần. Em thì em thay đổi;

còn anh, dĩ nhiên là anh bất động luôn, và em đo lường những sự thay đổi của mình so với anh.”

Tuy thế, tôi cũng cảm thấy hơi bị phật lòng.

“Này, quả thật chẳng đúng chút nào, tôi hằng hái trả lời. Trái lại, anh đã tiến hóa nhiều trong thời gian qua, và thực ra, anh...”

“Ồ, nàng đáp với một vẻ khinh bỉ nặng nề, những thay đổi về mặt trí thức! Em, em đã thay đổi đến cả tròng trắng con mắt.”

Đến cả tròng trắng con mắt... Cái gì trong giọng nói nàng làm tôi rối loạn đến thế? Dù sao, đột nhiên tôi cũng thực hiện một bước nhảy! Tôi thôi còn tìm kiếm một Anny đà mất dạng. Chính cô gái đó, cô gái béo mập với vẻ hoang tàn, đang làm tôi cảm động và là người tôi yêu.

“Em có một loại chắc tâm... thuộc phạm vi thể xác. Em cảm nghiệm rằng chẳng có được những giây phút hoàn hảo. Em cảm nghiệm điều đó đến tận đôi chân khi em bước đi. Em không thể nào quên được nó. Thực ra, chẳng hề có một điều gì có thể được xem như một dấu hiệu mặc khải; em chẳng thể nào nói rõ: kể từ ngày nào, giờ nào, cuộc đời em đã bị chuyển đổi. Nhưng hiện tại, em

luôn luôn ở trong tình trạng tựa hồ điều đó vừa mới đột nhiên hiển lộ ra với em vào hôm trước. Em bị quáng mất, khó chịu, em chưa tự thích nghi được”.

Nàng nói những lời trên bằng một giọng trầm tĩnh có pha lẫn chút kiêu hãnh rằng mình đã thay đổi nhiều đến như thế. Nàng đang đưa người trên chiếc thùng, với một vẻ duyên dáng lạ thường. Kể từ khi tôi bước vào, chẳng có lúc nào như lúc này nàng lại giống, hết sức giống với Anny ngày xưa, Anny của Marseille. Nàng đã chiếm lại được tôi, tôi lại chìm sâu vào trong cái vũ trụ kỳ bí của nàng, một vũ trụ ở bên kia sự lơ bịch, sự cầu kỳ, sự tinh tế. Tôi còn tìm gặp lại cơn sốt nhẹ luôn luôn lay động tôi mỗi khi nàng hiện diện, và cái mùi vị cay đắng trong tận cùng miệng mình.

Anny đã thôi đan những ngón tay vào nhau và thả lỏng đầu gối xuống. Nàng im lặng. Đây là một sự im lặng hiệp hòa; như khi ở hí viện, sân khấu rỗng không, trong một thời gian đúng bảy nhịp của bản nhạc. Nàng uống trà. Đoạn đặt tách xuống và giữ thân thể thẳng đơ bằng cách tựa đôi bàn tay nằm lại trên mép thùng.

Đột nhiên, trên mặt nàng lộ ra khuôn mặt diễm lệ của nữ thần Méduse mà tôi hằng

yêu say đắm, khuôn mặt phồng căng lên vì thù hận, méo mó, độc hại, Anny chẳng thay đổi cách diễn tả; nàng chỉ thay đổi khuôn mặt: như những diễn viên thời cổ đổi thay mặt nạ: đột ngột. Và mỗi chiếc mặt nạ này được dùng để tạo không khí thích hợp, để làm mẫu cho những gì sắp xảy ra. Chiếc mặt nạ xuất hiện và vẫn giữ nguyên không biến đổi suốt lúc nàng nói. Đoạn, mặt nạ rơi xuống, tách rời khỏi nàng.

Nàng đắm đắm nhìn nhưng dường như không thấy tôi. Nàng sắp sửa nói. Tôi chờ đợi một lời bí hiểm, được nâng lên cho xứng với chiếc mặt nạ của nàng, một điệu nhạc tang.

Nàng chỉ thốt lên vồn vện:

“Em đang sống thừa ra.”

“Giọng nói tuyệt chẳng tương xứng với khuôn mặt. Nó không bí hiểm, nó... khủng khiếp: nó diễn tả một cơn thất vọng khô cằn, không nước mắt, không xót thương. Vâng, trong con người nàng đã có một cái gì bị khô cằn đi vĩnh viễn.

Chiếc mặt nạ rơi xuống, nàng mỉm cười.

“Em chẳng buồn chút nào. Em thường ngạc nhiên về điều đó, nhưng em đã lầm: tại sao lại buồn chứ? Ngày xưa, em đã có thể có

được khá nhiều những đam mê điên cuồng. Em đã thù ghét mẹ em cuồng dại. Còn anh, nàng bảo với vẻ thách đố, em lại yêu anh cuồng nhiệt.”

Nàng chờ một câu đáp trả. Tôi chẳng thốt ra lời nào.

“Tất cả những thứ đó, thế là hết, dĩ nhiên.”

“Làm sao em biết được như vậy?”

“Em biết chứ. Em biết rằng mình sẽ chẳng bao giờ gặp bất cứ cái gì hay bất cứ người nào gợi được trong em nỗi đam mê ngày trước. Anh biết, muốn khởi sự yêu ai, quả là cả một công trình. Mình phải có một nghị lực, một lòng quảng đại, một sự mù quáng... Rồi, ngay từ đầu, có khi còn phải nhảy qua một vực thẳm: nếu suy nghĩ, trù định, người ta sẽ không nhảy qua nữa. Em biết rằng sẽ chẳng bao giờ em còn nhảy qua vực thẳm ấy nữa.”

“Tại sao?”

Nàng liếc nhìn tôi đầy mỉa mai, không trả lời.

“Hiện tại, nàng tiếp, em đang sống trong sự vây phủ của những nỗi đam mê quá vãng. Em thử tìm lại cơn quần nô cuồng dại buổi ban đầu đã xô em nhảy từ trên lầu ba

xuống khi em mười hai tuổi, ngày em bị mẹ đánh đòn.”

Nàng nói thêm bằng một vẻ xa vời, chẳng có tương quan rõ rệt.

“Điều không tốt nữa là em chẳng nên nhìn những đồ vật quá lâu. Em nhìn chúng để biết chúng là gì, rồi em lại phải quay mặt đi chỗ khác tức khắc.”

“Nhưng tại sao chứ?”

“Chúng làm em kinh tởm.”

Nhưng người ta có nói rằng?... Dù sao, chắc chắn là có những sự trùng hợp. Đã có lần ở Luân Đôn, chuyện ấy đã xảy ra, hai đứa chúng tôi đã suy nghĩ tách biệt nhau, nhưng lại y như nhau về cùng những đề tài, và gần như cùng một lúc. Tôi muốn rằng... Nhưng tư tưởng của Anny đã xoay quanh bề queo đi nhiều, chẳng bao giờ người ta chắc chắn hiểu được hoàn toàn. Tôi cần phải hiểu cho rõ mới được.

“Nghe này, anh muốn nói với em: em biết rằng anh chẳng bao giờ hiểu rõ những giây phút hoàn hảo là gì; em đã chẳng khi nào giải thích cho anh nghe cả.”

“Vâng, em biết anh đã chẳng cố gắng tí nào. Bên em, anh làm một chiếc cốc chỉ đường câm lặng.”

“Trời đất! Anh biết chuyện đó đáng giá cho anh những gì rồi.”

“Anh đáng bị hưởng tất cả những gì đã xảy ra cho anh vì anh đáng tội lắm, anh làm em bực mình với cái dáng điệu kiên cố, vững chãi của anh, có vẻ như muốn nói: anh, anh là người bình thường, và anh lo thở hút sức khoẻ, anh đắm chìm sức khoẻ tinh thần.”

“Tuy thế, đã hơn trăm lần, anh yêu cầu em giải thích thế nào là một...”

“Đúng thế, nhưng anh yêu cầu bằng một giọng điệu thế nào đó, nàng giận dữ đáp; anh ân cần tới việc học hỏi của mình, đó là sự thực. Anh đã hỏi điều đó với một vẻ thân ái lơ đãng, như thể những bà già hỏi em ngày xưa khi còn bé, em chơi những gì. Thực ra, nàng mơ màng tiếp, em tự vấn không biết có phải anh là người em thù ghét nhất hay không?”

Nàng cố gắng với chính mình, định tĩnh lại và mỉm cười, đôi má còn bốc lửa hồng. Nàng đẹp tuyệt vời.

“Em rất muốn giải thích cho anh biết nó là gì. Hiện giờ, em đủ già để nói cho những bà già chất phác như anh biết những trò chơi thời thơ ấu của em, mà không giận dữ. Nào, nói đi, anh muốn biết chỉ?”

“Giây phút hoàn hảo là gì?”

“Em đã nói rõ với anh về những hoàn cảnh đặc cách rồi chứ?”

“Chắc là chưa.”

“Rồi, nàg bảo với về tự tin. Hồi ở Aix, nơi cái công trường mà bây giờ em chẳng còn nhớ tên. Chúng mình ngồi trong vườn của một quán cà phê, trời nắng to, dưới những chiếc dù màu da cam. Anh không nhớ à: chúng mình uống nước chanh và em đã tìm thấy những con ruồi chết trong đường bột.”

“À, à, có lẽ...”

“Này, em đã nói điều đó với anh, trong quán cà phê. Em đã nói với anh nhân câu chuyện ấn bản vĩ đại của cuốn *Lịch Sử Pháp Quốc* của Michelet, ấn bản em có được khi còn nhỏ. Nó lớn hơn thế này nhiều và các trang sách mang một màu xanh mét, như bên trong một cây nấm, và chúng cũng bốc lên mùi nấm nữa. Khi cha em chết, cậu Joseph đã cuồn lấy và mang đi trọn bộ sách. Chính vào ngày đó, em đã gọi cậu là đồ lợn lòi, và mẹ đã đánh đòn em, rồi em nhảy qua cửa sổ.”

“Vâng, vâng... hẳn em đã nói với anh về cuốn *Lịch Sử Pháp Quốc* đó. Có phải em đã đọc nó trong một căn gác sát mái nhà

không? Em thấy đó, anh còn nhớ chứ. Em thấy là lúc này đây em đã bắt công khi buộc tội anh là đã quên tuốt lượt mọi chuyện.”

“Thôi im anh đi. Vậy thì, như anh đã nhớ rất kỹ, em đã mang những cuốn sách khổng lồ đó lên gác. Chúng rất ít hình ảnh, mỗi cuốn chỉ ba hay bốn hình gì đó. Nhưng mỗi tấm lại chiếm riêng hẳn một trang lớn, một trang mà mặt sau chưa trắng. Chuyện đó tạo nên trong em nhiều hậu quả hơn vì người ta đã in bản văn thành hai cột để đỡ choán chỗ ở những trang khác. Em thích những bức hình ấy một cách lạ lùng; em thuộc lòng tất cả chúng, và khi đọc lại một cuốn sách của Michelet, em đã chờ đợi những bức ảnh đó từ năm mươi trang trước; em luôn luôn cho là một phép lạ khi tìm gặp lại chúng, và rồi thì có một sự tinh luyện: cái cảnh mà chúng biểu tượng chẳng bao giờ ăn khớp với bản văn của những trang bên cạnh, người ta phải tìm biến cố đó ở chừng ba mươi trang về sau.”

“Anh van em, hãy nói cho anh nghe về những giây phút nào hoàn hảo.”

“Em đang nói với anh về những hoàn cảnh đặc cách. Đây là những hoàn cảnh mà người ta diễn tả trên những bức họa. Chính em đã gọi chúng là những hoàn cảnh đặc

cách, em tự nhủ rằng hẳn chúng phải rất quan trọng nên người ta mới lấy chúng làm đề tài cho những bức ảnh hiếm hoi nọ. Anh hiểu chú, người ta đã chọn chúng trong tất cả những hoàn cảnh: và tuy thế, còn có nhiều câu chuyện có một giá trị tạo hình lớn lao hơn, những câu chuyện khác lại có nhiều lợi ích lịch sử hơn. Chẳng hạn như, cho suốt cả thế kỷ thứ XVI, chỉ có ba bức ảnh: một dành cho cuộc băng hà của Henri đệ II, một cho cuộc ám sát công tước De Guise, và một cho cuộc nhập Ba Lê của Henri đệ IV. Lúc bấy giờ, em đã tưởng tượng rằng những biến cố đó mang một bản chất đặc biệt. Ngoài ra những bức hình còn khiến em vững tin thêm trong ý tưởng đó: những bức họa bị mờ vì lâu ngày, những cánh tay và chân chẳng bao giờ gắn sát vào thân thể. Nhưng chúng đẩy về cao đại hùng tráng. Chẳng hạn khi công tước De Guise bị ám sát, những người chứng kiến cảnh tượng lộ vẻ kinh hãi và phẫn nộ, đưa tất cả lòng bàn tay ra đằng trước, đầu quay đi nơi khác; thật đẹp, trông như một ban hợp xướng. Và anh đừng tưởng rằng người ta đã quên đi những chi tiết lý thú, hay mang tính chất giải thoại. Người ta nhìn thấy những chú thị giả ngã bổ xuống đất, những con chó nhỏ bỏ chạy, những tên hề ngồi trên những bậc thang ngai vàng. Song tất cả những chi tiết

đó được diễn tả với biết bao là hùng tráng và vụng về đến độ chúng hòa hợp toàn hảo với phần còn lại của bức tranh: em tin rằng mình chẳng gặp những bức tranh nào mang một tính cách nhất thống chặt chẽ đến như thế. Đây, chúng đã bắt nguồn từ đó.”

“Những hoàn cảnh đặc cách à?”

“Sau cùng, ý tưởng mà em có về chúng. Đây là những hoàn cảnh có một tính chất đặc biệt hiếm hoi và quý giá của văn thể, nếu anh muốn. Chẳng hạn, khi em lên tám, “làm vua” đối với em là một hoàn cảnh đặc cách. Hay là “chết”: anh cười, nhưng có bao nhiêu người được họa hình vào lúc chết, và có biết bao nhiêu kẻ trong bọn họ đã thốt ra những lời cao đẹp vào lúc đó, như em, em đã thực lòng tin rằng... rồi lại em đã nghĩ rằng khi hấp hối, người ta đã được chuyển vị lên cao hơn chính mình. Vả lại, chỉ cần hiện diện trong căn phòng một người chết: cái chết là một hoàn cảnh đặc cách, một nỗi gì đó bốc tỏa lên từ nó và truyền thông cho tất cả mọi người đang có mặt. Một thứ hùng tráng. Khi cha em chết, người ta bắt em leo lên phòng để nhìn ông lần cuối. Trong khi leo thang, em rất khổ sở, nhưng em cũng như đang say sưa trong một thứ niềm vui có tính cách tôn giáo; rồi lại em đã bước vào một hoàn cảnh đặc cách. Em

đứng tựa vào tường, em đã cố gắng để làm những cử chỉ cần thiết bắt buộc phải có. Nhưng còn có dì và mẹ em đang quỳ ở cạnh giường, hai người đã làm hỏng cả mọi chuyện vì những cơn nức nở của họ.”

Anny thốt ra những lời sau cùng này với vẻ khó chịu, tựa như kỷ niệm đó hãy còn làm náo lòng nàng. Nàng ngưng ngang câu chuyện; đôi mắt đăm đăm, đôi lông mày nhướng cao, nàng lợi dụng cơ hội để sống lại khung cảnh đó một lần nữa.

“Sau này, em đã nói rộng quan niệm về tất cả những chuyện đó: thoát tiên em đã thêm vào đấy một hoàn cảnh mới, ái tình (em muốn nói hành vi làm tình). Nghe này, nếu anh đã chẳng bao giờ hiểu được tại sao em lại từ chối... một vài đòi hỏi của anh, thì đây là một dịp để anh hiểu rõ: đối với em, có một cái gì đó cần được cứu vãn. Và rồi lúc bấy giờ em đã tự nhủ rằng hẳn phải có nhiều hoàn cảnh đặc cách hơn là những hoàn cảnh em có thể đếm được, rốt cuộc, em đã chấp nhận có vô số những hoàn cảnh đó.”

“Ừ, nhưng rốt cuộc, thế nghĩa là gì?”

“Này, em đã nói cho anh nghe rồi mà, nàng ngạc nhiên bảo, đã mười phút rồi em cắt nghĩa cho anh nghe chuyện đó.”

“Rốt lại, có phải là mọi người nhất thiết phải đam mê dữ dội, phải bị lòng thù hận hay tình yêu lôi cuốn, chẳng hạn; hoặc là cái khía cạnh bên ngoài của biến cố phải lớn lao, anh muốn nói rằng: điều người ta có thể nhìn thấy từ đó...”

“Cả hai... cái đó còn tùy”, nàng bực bội trả lời.

“Còn những giây phút hoàn hảo? Chúng xảy đến làm gì trong những hoàn cảnh đó?”

“Chúng đến sau. Thoạt đầu, có những dấu hiệu báo trước. Kế đó, cái hoàn cảnh đặc cách đó chậm rãi, đường bệ đi vào trong cuộc đời người ta. Lúc bấy giờ vấn đề được đặt ra là tìm biết xem thử người ta có muốn biến nó thành một giây phút hoàn hảo không?”

“Vâng, tôi nói, anh hiểu rồi. Trong mỗi một hoàn cảnh đặc cách đó; có một vài cử chỉ, hành vi nào đấy ta phải thực hiện, có những thái độ ta phải chọn lấy, những lời nói phải được thốt ra – và những thái độ, những lời nói khác đều bị tuyệt đối cấm đoán. Phải thế không?”

“Tùy anh muốn...”

“Tóm lại, hoàn cảnh đó chỉ là một chất liệu: nó cần phải được bàn giải.”

“Đấy, đấy, nàng bảo: trước tiên phải dấn mình vào trong một cái gì ngoại lệ và cảm nghiệm rằng người ta đã sắp xếp thứ tự ở trong ấy rồi. Nếu tất cả những điều kiện trên đây được thỏa mãn, giây phút đó sẽ là giây phút hoàn hảo.”

“Nói tóm lại, đấy là một loại công trình nghệ thuật.”

“Anh đã bảo em như thế rồi, nàng đáp với vẻ bức bối. Nhưng mà không: đấy là... một bốn phần: *phải* chuyển hoán những hoàn cảnh đặc cách thành những giây phút hoàn hảo. Đấy là một vấn đề đạo đức. Vâng, anh có thể cười nhạo: đạo đức.”

Tôi chẳng hề cười.

“Nghe này, đột nhiên tôi bảo nàng, anh nữa, anh cũng sẽ nhìn nhận những lỗi lầm của mình. Anh đã chẳng hề hiểu rõ em, anh chẳng bao giờ thành tâm cố gắng giúp đỡ em. Giá như anh biết...”

“Cám ơn, cám ơn anh lắm, nàng đáp bằng một giọng mỉa mai. Em hi vọng rằng anh không chờ đợi em tỏ lòng biết ơn đối với những hối tiếc muộn màng đó. Vả lại, em không thù ghét anh; em đã chẳng bao giờ giải thích rõ ràng cho anh nghe, em bị buộc chặt trong cuộc, em chẳng thể tỏ điều đó với bất

cứ ai, ngay cả với anh – nhất là không tỏ ra với anh. Luôn luôn có một cái gì đó ngăn vang một cách lạc điệu trong những giây phút đó. Lúc bấy giờ em như người bị lạc lối. Tuy nhiên em có cảm tưởng mình đã làm tất cả những gì có thể.”

“Nhưng phải làm gì chứ? Phải hành động ra sao?”

“Anh ngổ thật, người ta không thể nêu ra ví dụ được, cái đó còn tùy.”

“Nhưng mà em kể cho anh nghe những gì em đã cố gắng thực hiện đi.”

“Không, em không muốn nói. Nhưng nếu anh muốn biết, đây là câu chuyện đã gây nhiều kích động trong tâm hồn em khi em còn đi học. Có một ông vua nọ bại trận và bị bắt làm tù binh. Ông ngồi đó, trong một xó, nơi trại của phe chiến thắng. Ông nhìn thấy con trai và con gái mình, thân thể bị xiềng xích, đi qua trước mặt. Vua không khóc cũng chẳng thốt ra lời nào. Kế đó, ông lại nhìn thấy một trong những gia nhân của mình cũng bị xiềng xích, đi qua mặt. Lúc đó nhà vua nói gào lên và giật đầu giật tóc. Anh có thể tự mình bày đặt ra những thí dụ. Anh thấy đó: có những trường hợp mà người ta không được phép khóc – nếu không, người ta

sẽ bị ghê tởm. Nhưng nếu đánh rơi một khúc cây trên chân, người ta có thể làm bất cứ gì mình muốn, kêu rêu, nức nở, nhảy cẫng tung tưng. Điều ngu ngốc nhất là bất cứ lúc nào cũng giữ thái độ khắc kỷ: người ta sẽ kiệt lực chẳng vì gì cả.”

Nàng mỉm cười:

“Những trường hợp khác, ta còn phải đi xa hơn thái độ khắc kỷ. Cố nhiên, anh chẳng nhớ đến lần đầu em đã ôm hôn anh.”

“Có chứ, anh nhớ rất rõ, tôi bảo bằng giọng long trọng, chúng mình hôn nhau lần đầu trong vườn Kiew, bên bờ sông Tamise.”

“Nhưng chuyện mà anh chẳng hề biết được là lúc đó em đã ngồi trên những cây gai: chiếc áo em đã vén lên, bắp đùi em đầy những vết chích và hể hơi nhúc nhích người, em lại bị một loạt châm chích nữa. Nay, đó, thái độ khắc kỷ không đủ. Anh hoàn toàn chẳng làm em luống cuống, em chẳng thèm khát điên cuồng đôi môi anh, chiếc hôn mà em sắp ban cho anh có một tầm quan trọng lớn lao hơn, đấy là một lời tâm ước, một bản hợp đồng. Vậy anh hiểu rồi chứ, nỗi đau đớn ấy không hợp lúc chút nào, em không được phép nghĩ đến hai bắp đùi mình trong một giây phút như giây phút đó. Cũng không phải

chỉ cần đừng biểu lộ sự đau đớn của em là đủ: phải đừng đau đớn.”

Nàng kêu hãnh nhìn tôi, lúc đó hãy còn kinh ngạc vì những gì nàng thổ lộ:

“Trong hơn hai mươi phút, suốt thời gian anh năn nỉ để em hôn anh, chiếc hôn em đã nhất quyết ban cho anh, suốt thời gian mà em làm vẻ cao kỳ – vì em phải hôn anh theo đúng cách thức – em đã đi đến chỗ làm cho mình vô cảm hoàn toàn. Tuy thế, chỉ có Trời biết là da em nhạy cảm lắm: em đã chẳng hề cảm giác được *diều chi*, cho đến khi hai đứa mình đứng lên.”

Chính là thế, đúng là thế. Chẳng có những cuộc phiêu lưu – chẳng có những giây phút hoàn hảo... chúng tôi đã mất đi cùng những ảo tưởng, chúng tôi đã đi theo cùng những con đường. Tôi đoán được phần còn lại – tôi lại có thể nói thay lời nàng và tự mình thốt ra những gì nàng còn phải nói tiếp:

“Và lúc đó, em đã hiểu rằng luôn luôn có những người đàn bà nước mắt lưng tròng, hay một gã tóc hoe, hay bất cứ cái gì khác để làm hỏng đi những hiệu quả của em?”

“Vâng, lẽ cố nhiên”, nàng đáp với vẻ không nhiệt thành.

“Không phải thế sao?”

“Ồ, anh biết rồi, những sự vụng về của một gã tóc hoe có lẽ em có thể chịu đựng lâu dài được. Nói cho cùng ra, em hay chú tâm đến cách thức những kẻ khác đóng giữ vai trò của họ... Không, đúng ra là...”

“Không có những hoàn cảnh đặc biệt?”

“Em đã tưởng rằng lòng thù ghét, ái tình hay cái chết đều giáng xuống trên chúng ta, như thể những chiếc lưới bằng lửa trong ngày thứ sáu tuần Thánh. Em đã tưởng người ta có thể ngăn chặn lại lòng thù ghét hay cái chết. Em đã lầm to! Vâng, quả thực, em đã nghĩ rằng “Lòng Thù Ghét” hiện hữu, em đã nghĩ rằng nó đến đậu trên con người và nâng con người lên cao hơn chính họ. Cố nhiên, chỉ có một mình em, em: người đang thù ghét, em: người đang yêu thương. Và lúc bấy giờ nó với em luôn luôn là như nhau, một chất bột cháy dài ra, chảy dài ra... nó giống hệt nhau đến độ ta phải tự đặt câu hỏi: làm sao mà loài người lại có ý tưởng bày đặt ra những tên gọi, cùng phân biệt giữa cái này và cái nọ.”

Nàng đang nghĩ giống hệt như tôi. Đường như tôi đã chẳng bao giờ rời xa nàng.

“Em nghe này, tôi bảo nàng, từ ít lâu nay anh đang nghĩ đến một chuyện khiến

anh hài lòng hơn là cái vai trò làm cây trụ chỉ đường mà em đã có hảo ý ban cho anh: đây là, chúng ta đã cùng thay đổi với nhau và theo cùng một cách. Em biết đó, anh thích như thế hơn là nhìn em càng lúc càng xa dần và bị buộc phải vĩnh viễn ghi dấu chỗ khởi hành của em. Tất cả những gì em đã thuật cho anh nghe, anh đến đây cũng để thuật lại cho em – bằng những từ ngữ khác, dĩ nhiên. Chúng ta đã gặp nhau ở mức đến. Anh chẳng thể nói cho em biết là điều đó làm anh vui sướng ngần nào.”

“Thế sao? Nàng dịu dàng hỏi nhưng với một vẻ cứng đầu, ngang bướng. Đây, em cũng sẽ thích hơn nếu anh không thay đổi; như vậy tiện lợi hơn. Em không giống như anh, chuyện một người khác đã cùng suy nghĩ những điều giống em làm em bức bối. Vả lại, chắc anh đã lầm.”

Tôi thuật cho nàng nghe những cuộc phiêu lưu của tôi, tôi nói với nàng về hiện hữu – có lẽ là hơi quá dài. Nàng chăm chú lắng nghe, đôi mắt mở lớn, lòng mày nhướng cao.

Khi tôi dứt lời, nàng có vẻ được an ủi.

“Đây, nhưng mà anh chẳng nghĩ đến cùng những điều như em. Anh phàn nàn vì mọi sự không bài trí chung quanh anh như

một bó hoa, dù rằng anh chẳng nhọc công làm gì cả. Song chẳng bao giờ em đã đòi hỏi nhiều như thế: em muốn hành động, anh biết đấy, khi chúng ta chơi cái trò người phiêu lưu: anh, anh là người mà những cuộc phiêu lưu xảy đến, còn em, em là kẻ làm cho chúng xảy ra. Em đã bảo: “Em là một con người hành động”. Anh còn nhớ chứ? Nay, bây giờ em chỉ có ý nói: người ta tuyệt đối không thể nào là một con người hành động.”

Phải tin rằng tôi không có vẻ bị thuyết phục lắm, vì nàng sôi động và tiếp lời mạnh mẽ hơn:

“Và rồi, còn cả một lô những chuyện khác mà em đã không nói cho anh biết, vì như thế phải giải thích quá dài dòng với anh. Chẳng hạn, vào ngay lúc em hành động, em phải có thể tự nhủ rằng những gì em làm sẽ có những hậu quả... ghê gớm. Em không thể giải thích rõ cho anh...”

“Nhưng như thế là hoàn toàn vô ích, tôi đáp bằng một vẻ khá thông thái rờm, cả điều ấy nữa, anh cũng đã nghĩ đến.”

Nàng nhìn tôi, nghi ngờ.

“Cứ tin theo lời anh thì anh đã nghĩ đến tất cả mọi chuyện đó theo cùng một kiểu như em: anh làm em ngạc nhiên dữ.”

Tôi không thể thuyết phục nàng được, tôi chỉ làm nàng nổi dóa lên. Tôi im lặng. Tôi muốn ôm nàng trong hai cánh tay.

Đột nhiên, nàng nhìn tôi với một vẻ lo âu:

“Này, giả sử anh đã nghĩ đến tất cả các chuyện đó, thì anh có thể làm gì chứ?”

Tôi cúi đầu xuống.

“Em... em đang sống thừa ra”, nàng nặng nề lặp lại.

Tôi có thể nói với nàng những gì? Tôi có biết được những lý do để sống không? Tôi không tuyệt vọng như nàng, vì tôi chẳng đợi chờ điều chi quan trọng. Đúng hơn là tôi... kinh ngạc trước cuộc đời được ban cho tôi – ban cho *không vì lý do gì cả*. Tôi vẫn cúi đầu thấp xuống, tôi không muốn nhìn khuôn mặt Anny trong lúc này.

“Em đang du lịch, nàng nói tiếp bằng một giọng rầu rĩ, em vừa từ Thụy Điển về. Em đã bị giữ tám ngày ở Bá Linh. Có một gã bao em...”

Ôm nàng trong tay tôi... Nào có ích gì? Tôi chẳng có thể làm gì được cho nàng? Nàng cũng cô đơn như tôi.

Nàng bảo tôi, giọng vui tươi hơn:

“Anh đang lẩm bẩm gì đó...”

Tôi ngẩng mặt lên. Nàng nhìn chăm tôi với vẻ trù mến.

“Chẳng có gì cả. Anh đang nghĩ lơ mơ đến một điều gì khác nữa.”

“Ồ, nhân vật huyền bí! Này, nói hay là im lặng tùy ý, nhưng anh phải chọn lựa.”

Tôi nói với nàng về quán “Rendez-vous des Cheminots”, về ca khúc *rag-time* tôi yêu cầu cho chơi tại máy hát, về nỗi hạnh phúc lạ lùng mà bản nhạc mang đến cho tôi.

“Anh đã tự hỏi, không biết đứng ở khía cạnh đó, có phải ta không thể nào tìm thấy, hay nói cho cùng, tìm kiếm...”

Nàng chẳng đáp, tôi tưởng rằng nàng không hứng thú lắm đối với những chuyện tôi đã kể cho nàng.

“Những bức tranh, những pho tượng, quả là vô dụng: nó chỉ đẹp *trước mặt*. Còn âm nhạc...”

“Nhưng ở hí viện...”

“Sao, ở hí viện? Anh muốn liệt kê tất cả những ngành mỹ thuật?”

“Ngày xưa, em đã bảo anh rằng em muốn đóng trò ở hí viện, vì trên sân khấu,

hắn người ta phải thể hiện được những giây phút hoàn hảo!”

“Vâng, em đã thể hiện được những giây phút đó, nhưng là cho những người khác. Em đang ở trong bụi mù, trong luồng gió, dưới làn ánh sáng thô bạo, giữa những chiếc giá tranh ánh bằng giấy bìa. Thường, em đóng chung với Thorndyke. Em chắc anh đã có dịp xem y diễn tại Covent Garden rồi. Em luôn luôn sợ phải phá lên cười vào mũi y.”

“Em chẳng khi nào nhập thần vào vai trò của em à?”

“Thỉnh thoảng, nhưng chỉ một tí thôi: không bao giờ mãnh liệt cả. Điều cốt yếu đối với tất cả chúng em là chiếc lỗ đen ngòm ngay trước mặt, ở tận đáy lỗ có hàng hàng lớp lớp người mà ta không nhìn thấy; và hiển nhiên, bọn em trình diễn một giây phút hoàn hảo cho những người đó xem. Nhưng, anh biết đấy, họ không sống nó bên trong: giây phút đó diễn ra trước mặt họ. Và chúng em, những diễn viên, anh nghĩ rằng chúng em sống nó trong tâm khảm? Rốt cuộc, giây phút đó chẳng ở đâu cả, chẳng ở bên này cũng chẳng ở bên kia dãy đèn sân khấu, giây phút đó đã không hiện hữu; và tuy thế, mọi người lại đang nghĩ đến nó. Anh hiểu chứ, anh yêu,

nàng nói bằng một giọng dề dã và hầu như thô lỗ, em đã cho chúng đi tàu suốt cả rồi”.

“Còn anh, anh đã gắng viết cuốn sách đó...”

Nàng ngắt ngang lời tôi:

“Em đang sống trong quá khứ. Em gọi lại tất cả những gì đã xảy đến và em sắp xếp chúng lại. Nhìn từ xa như thế, chuyện đó không gây khó chịu cho ta, ta hầu như buông mình vào trong đó. Chuyện của chúng mình khá đẹp. Em chỉ cần tra tay vào là chúng thành ra một chuỗi những giây phút hoàn hảo. Lúc ấy, em nhắm mắt lại và cố tưởng tượng em hãy còn đang sống chúng từ bên trong. Em cũng còn có những nhân vật khác nữa. Phải biết tập trung tâm trí. Chắc anh không biết em đã đọc cuốn gì rồi? Cuốn *Những bài tập Tâm linh* của Loyola. Nó rất bổ ích cho em. Trước hết, có một cách thức để tạo ra bối cảnh, kể đó là làm xuất hiện những nhân vật. Người ta đi đến chỗ *nhìn thấy*”, nàng tiếp thêm với một vẻ ảo diệu.

“À, chuyện đó chẳng làm anh vui thích chút nào”, tôi bảo.

“Bộ anh tưởng nó làm em vui thích lắm sao?”

Chúng tôi im lặng một lúc. Chiều đang dâng, tôi lơ mờ nhận ra cái vệt xanh xao trên

mặt Anny. Bộ y phục đen của nàng hòa lẫn với bóng tối đã tràn ngập căn phòng. Một cách máy móc, tôi bung tách trà lên, trong tách hãy còn lại một tí trà và tôi nâng tách lên môi. Nước trà lạnh ngắt. Tôi thêm hút thuốc, nhưng không dám. Tôi có cảm tưởng đón đầu rằng chúng tôi chẳng còn gì để nói với nhau nữa. Mới hôm qua đây, tôi đã có biết bao nhiêu là câu hỏi để đặt ra cho nàng: nàng đã ở những đâu, nàng đã làm những gì, nàng đã gặp những ai? Song chuyện đó chỉ làm tôi hứng thú nếu như Anny đã buông thả hết tâm hồn để sống với chúng. Hiện tại, tôi không còn tò mò chi nữa: tất cả những xứ miền, tất cả những thành phố nàng đã đi qua, tất cả những gã đàn ông theo tán tỉnh nàng và có lẽ nàng cũng đã yêu họ, tất cả những cái đó không lưu giữ lòng nàng, tất cả những cái đó thực ra hoàn toàn chẳng khác biệt gì nhau đối với nàng, đây chỉ là những tia mặt trời rơi trên một mặt biển tối tăm và lạnh lẽo. Anny đang ngồi đối diện với tôi, chúng tôi không gặp nhau từ bốn năm nay, và chúng tôi lại chẳng còn gì để nói với nhau nữa.

“Bây giờ, anh phải ra về. Em đang đợi một người”, đột nhiên Anny bảo.

“Em chờ ...?”

“Không, em đang chờ một gã người Đức, một họa sĩ”.

Nàng phá ra cười. Tiếng cười vang dội một cách lạ lùng trong căn phòng tối.

“Này, đây là một gã không giống – hay đúng ra hãy còn chưa giống như chúng ta. Gã đang hành động, gã đang còn tồn công tồn sức”.

Tôi miễn cưỡng đứng lên.

“Khi nào anh gặp lại em?”

“Em không biết nữa, chiều mai em đi Luân Đôn”

“Bằng chuyến tàu Dieppe?”

“Vâng và em nghĩ rằng sau đó em sẽ đi Ai Cập. Có lẽ mùa đông năm sau em sẽ trở lại Ba Lê, em sẽ viết cho anh”.

“Ngày mai anh rồi rảnh trọn ngày”, tôi rút rè ngỏ lời.

“Vâng, nhưng em còn nhiều chuyện phải làm lắm, nàng đáp bằng một giọng khô khan. Không, em không thể gặp anh được. Em sẽ viết cho anh từ Ai Cập. Anh chỉ việc ghi địa chỉ cho em”.

“Được, được”.

Trong bóng tối mờ mờ, tôi nguyền nguyền ghi vội địa chỉ trên một đầu phong bì. Tôi phải dặn khách sạn Printania gửi thư cho tôi theo địa chỉ mới, khi tôi rời Bouville. Thực ra, tôi biết rõ rằng nàng sẽ chẳng viết gì ráo. Có lẽ tôi sẽ gặp lại nàng mười năm sau. Có lẽ đây là lần cuối cùng tôi gặp lại nàng. Lòng tôi không phải chỉ bị ưu uất nặng nề khi rời nàng; tôi còn sợ hãi kinh khủng vì phải gặp lại nỗi cô đơn của mình.

Nàng đứng dậy; nơi cửa phòng, nàng hôn nhẹ lên môi tôi.

“Để nhớ lại đôi môi anh, nàng mỉm cười bảo. Em phải làm tươi trẻ lại những kỷ niệm của mình, để sử dụng vào “Những bài tập tâm linh” của em”.

Tôi nắm tay nàng và kéo sát vào tôi. Nàng không chống cự, nhưng lắc đầu từ chối.

“Không. Em không hứng nữa. Người ta không khởi sự lại... Vả lại, nếu muốn khởi sự sống trở lại như những người khác, kẻ đến đầu tiên với em là một cậu trai không xinh đẹp lắm còn đáng giá nhiều hơn anh”.

“Nhưng, em định làm gì trong tương lai?”

“Em đã bảo rồi, em sang Anh?”

“Không, anh muốn nói...”

“À, à, không có gì cả!”

Tôi vẫn không thả tay nàng ra, tôi dịu dàng bảo nàng:

“Vậy thì, anh phải rời em sau khi đã gặp lại em”.

Giờ đây, tôi mới nhận rõ khuôn mặt nàng. Đột nhiên, nó trở nên xanh xao và cần cỗi. Khuôn mặt của một bà già, cực kỳ kinh khủng; khuôn mặt đó, tôi chắc chắn là nàng đã không có ý muốn cho nó xuất hiện: nó hiện diện đấy một cách vô tình, hay có lẽ trái cả với ý nàng.

“Không, nàng chậm rãi đáp, không. Anh chẳng gặp lại em đâu”.

Anny gỡ tay tôi ra. Nàng mở cửa. Hành lang tràn trề ánh sáng.

Anny cười lên.

“Khổ thân cho anh chàng! Anh chàng quả không gặp may. Lần đầu tiên giữ đúng vai trò, người ta lại chẳng hài lòng. Nào, đi đi”.

Tôi nghe tiếng cửa đóng lại sau lưng.

*Chủ nhật.*

Sáng nay, tôi đã dò trên bản chỉ dẫn lộ trình xe lửa: giả dụ rằng Anny không đổi gạt tôi, nàng sẽ khởi hành bằng chuyến tàu

Dieppe lúc 5 giờ 38 phút. Nhưng cũng có thể lão chồng của nàng sẽ đưa nàng đi bằng xe hơi? Tôi lang thang suốt buổi sáng trên những con đường của khu Ménilmontant và suốt buổi chiều trên bến tàu. Chỉ vài bước chân, vài bức tường đang phân lìa tôi với nàng. Vào lúc 5 giờ 38 phút, cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi ngày hôm qua sẽ trở thành một kỷ niệm, người thiếu phụ đầy đà có làn môi vừa lướt nhẹ trên môi tôi sẽ tái hợp với cô gái nhỏ gầy gầy của thành phố Meknès, Luân Đôn trong quá khứ. Nhưng chưa có gì mất hẳn, nàng vẫn còn kia, vì hãy còn có thể gặp lại nàng, chinh phục nàng, dẫn nàng theo tôi mãi mãi. Tôi chưa cảm thấy mình cô độc.

Tôi muốn đổi chiều tư tưởng của tôi về Anny, vì cứ tưởng tượng mãi đến thân thể và khuôn mặt nàng, tôi bị rơi vào một kích thích thần kinh cực độ: tay tôi run lên và tôi như đã lên cơn rét. Tôi khởi sự lật những trang sách, nơi những kệ sách cũ, và nhất là những cuốn sách khiêu dâm, vì dù sao những thứ đó cũng choán bớt tâm trí.

Khi đồng hồ nhà ga Orsay điểm năm giờ, tôi đang nhìn những bức họa của một cuốn sách nhan đề *Ông Bác sĩ với con roi*. Chúng không mấy thay đổi: trong đa số bức họa, đều có một lão rậm râu đang vung một

chiếc roi ngựa trên những chiếc mông để trần quá gồ. Ngay khi biết rằng đã năm giờ tôi ném trả cuốn sách giữa các cuốn khác và nhảy lên một chiếc tắc-xi, đi về nhà ga Saint-Lazare.

Tôi chỉ đi dạo khoảng hai mươi phút trên bến, thì nhìn thấy hai người. Nàng vận một chiếc áo khoác bằng da thú, chiếc áo làm cho nàng có vẻ một mệnh phụ. Và mang một chiếc mạng thưa. Lão kia mặc một chiếc áo lông lạc đà. Da lão sậm màu đồng, lão hãy còn trẻ, rất lớn con và rất bảnh trai. Một người ngoại quốc, chắc chắn, nhưng không phải người Anh, có lẽ là người Ai Cập. Họ bước lên tàu hỏa và không nhìn thấy tôi. Họ không trò chuyện. Rồi lão bước xuống lại và mua vài tờ báo. Anny đã hạ tấm kính gian tàu khởi hành. Lúc đó, tôi trông thấy rõ ràng quán ăn Piccadilly nơi chúng tôi đã dùng cơm trưa ngày trước, rồi tất cả đều tan vỡ. Tôi vẫn đi. Khi cảm thấy mệt, tôi bước vào quán cà phê này và ngủ thiếp đi. Người bồi bàn đến đánh thức tôi dậy và tôi viết đoạn này trong cơn ngái ngủ. Tôi sẽ đến Bouville vào ngày mai bằng chuyến tàu trưa. Tôi chỉ cần ở lại đó hai ngày là đủ: để sắp xếp hành lý và thanh toán những dịch vụ của tôi ở ngân hàng. Tôi nghĩ rằng khách sạn Printania sẽ muốn tôi trả thêm khoảng ba trăm đồng nữa vì tôi không

báo cho họ biết trước. Tôi cũng còn phải trả thư viện các sách đã mượn. Dầu sao tôi cũng trở lại Ba Lê trước ngày cuối tuần.

Và bù lại tôi sẽ đổi được gì? Luôn luôn là một thành phố: thành phố này bị một con sông chắn hai, thành phố kia bị đại dương vây phủ, ngoài ra chúng đều giống nhau. Người ta chọn một vùng đất trơ trụi, không màu mỡ và lăn trên đó những phiến đá rỗng. Trong các phiến đá ấy có những mùi hương mê hoặc, những mùi hương nặng hơn không khí. Đôi khi người ta vất chúng qua cửa sổ ra đường cái và chúng ở đấy cho đến khi những cơn gió xé rách chúng ra. Vào lúc trời quang, những thanh âm đột nhập bằng dầu mút này của thành phố và thoát ra bằng dầu mút kia, sau khi đã xuyên qua tất cả những bức tường; những lần khác, chúng xoáy tròn giữa những phiến đá mà mặt trời nung chín và giá băng làm nứt nẻ.

Tôi sợ hãi những thành phố. Nhưng chẳng nên bước ra khỏi chúng. Nếu phiêu lưu quá xa, sẽ gặp địa hạt của Thảo Mộc. Thảo Mộc đã bò lan suốt nhiều cây số về hướng thành thị. Nó đang chờ đợi. Khi thành phố chết, Thảo Mộc sẽ mọc đầy, nó sẽ leo lên những phiến đá, quấn chặt chúng, vùi lấp chúng, và sẽ dùng những chiếc kẹp đen của

mình làm chúng vỡ tan ra, Thảo Mộc sẽ che lấp những lỗ hổng và treo lủng lẳng khắp nơi những bàn chân xanh. Phải ở lại thành phố, chừng nào thành phố còn sống, không nên thâm nhập một mình vào dưới mái tóc lớn treo lủng lẳng nơi các cổng ra vào: phải để mái tóc đó uốn lượn và tan rã trong nỗi hoang vu không ai nhìn thấy. Trong thành thị, nếu người ta biết sắp đặt, biết chọn những giờ thú vật tiêu hóa hay ngủ say, trong những chiếc hang của chúng, sau những đồng hài cốt hữu cơ, thì người ta chỉ gặp những khoáng vật, những thứ ít gây khủng khiếp nhất trong các vật thể.

Tôi sắp về lại Bouville. Thảo Mộc chỉ bao vây Bouville ba mặt. Mặt thứ tư, có một lỗ lớn, tràn đầy một thứ nước đen tự nó bỗng bênh chuyển động. Gió thổi luồn giữa những ngôi nhà. Những mùi hương lưu động ít lâu hơn nơi khác: bị gió lùa ra biển, chúng kết thành bè bằng nước đen như những đám sương mù nhỏ mượt, là đã sát mặt nước. Trời đang mưa. Người ta đã trồng cây giữa bốn hàng rào lưới sắt. Những cây cối bị tía, bị thuần hóa, vô hại, mặc dù chúng bậm bạp. Thân cây mang những lá khổng lồ màu trắng đục, lủng lẳng như những lỗ tai. Sờ vào tựa hồ xương sụn. Ở Bouville, mọi thứ đều lớn và trắng nhờ toàn

cái thứ nước chảy xuống từ trời ấy. Tôi sắp trở lại Bouville. Thật kinh khủng!

Tôi tỉnh giấc nhòe dậy. Đang nửa đêm. Anny đã rời Paris sáu tiếng đồng hồ. Con tàu đã rẽ sóng ra biển. Nàng đang ngủ trong một gian phòng và trên “boong” lão bánh trai da sạm màu đồng đang hút thuốc.

*Bouville, thứ ba.*

Có phải đây là tự do không? Bên dưới tôi, những khu vườn mềm mại thấp dần về phía đô thị và trong mỗi khu vườn dựng lên một ngôi nhà. Tôi nhìn thấy biển cả nặng nề, bất động, tôi nhìn thấy Bouville. Trời đẹp.

Tôi đang tự do: không còn một lý do nào để sống, tất cả các lý do tôi đã thử đều lỏng lẻo và tôi không còn có thể tưởng tượng ra những lý do khác. Tôi còn đủ sức lực để bắt đầu lại ra sao đây? Tôi đã toan tính nhờ vào Anny biết là chừng nào để thoát ra khỏi nỗi khủng khiếp mãnh liệt nhất, cơn Buồn Nôn dữ dội nhất của tôi, giờ đây tôi mới hiểu điều ấy. Quá khứ của tôi đã chết, Anny đã chỉ trở về để tước đoạt hết mọi hy vọng của tôi. Tôi cô độc trong con đường trắng viền quanh những khu vườn này. Cô độc và tự do. Nhưng tự do đó gần giống với cái chết.

Ngày hôm nay đời tôi chấm dứt. Ngày mai tôi sẽ rời khỏi thành phố đang trải rộng dưới bước chân tôi, nơi tôi đã sống quá lâu. Nó sẽ chỉ còn là một cái tên, bậm bạp, trưởng giả, rất tây, một cái tên trong ký ức tôi, không giàu có bằng tên của Florence hay Bagdad. Sẽ có một thời tôi tự hỏi: “Nhưng tựu trung, khi mình ở Bouville, mình đã có thể làm gì trong suốt cả ngày?”. Và sẽ không còn gì nữa, cả đến một hoài niệm, về vắng thái dương hôm nay, về buổi trưa này.

· Cả cuộc đời tôi đã ở đằng sau. Tôi nhìn thấy toàn thể cuộc đời đó, tôi thấy hình dáng nó và những di động chậm chạp đã đưa dẫn tôi đến đây. Chẳng có gì nhiều để nói, đấy chỉ là một sự thua cuộc, chỉ có thế. Tôi đã bước chân vào Bouville ba năm nay, một cách long trọng. Tôi đã thua canh bạc đầu tiên. Tôi muốn chơi lần thứ hai và tôi lại thua: tôi đã thua hẳn. Đồng thời, tôi học được rằng người ta luôn thua cuộc. Chỉ có những đồ chó chết mới tưởng rằng mình được cuộc. Hiện tại, tôi sẽ làm như Anny, tôi sẽ cứ sống thừa ra. Ăn, ngủ. Ngủ, ăn. Hiện hữu lai rai, nhẹ nhẹ, như cây cối, như một vũng nước, như chiếc ghế màu đỏ trong tàu điện.

Cơn Buồn Nôn để yên tôi chốc lát. Nhưng tôi biết rằng nó sẽ trở về lại: đó là

trạng thái bình thường của tôi. Duy có điều hôm nay thân xác tôi quá kiệt quệ để chịu đựng nổi. Những người ốm cũng có những suy nhược may mắn làm cho họ mất đi ý thức về cơn đau trong vài giờ. Tôi đang buồn, thể thôi. Thỉnh thoảng tôi ngáp thật mạnh đến chảy cả nước mắt. Đó là một nỗi buồn sâu vơi vơi, côi lòng sâu thẳm của hiện hữu, chất liệu đã tạo nên. Tôi không bỏ luống việc săn sóc bề ngoài, trái lại nữa: sáng nay, tôi đã tắm và cạo râu. Duy có điều, khi nghĩ tương lại tất cả những hành động săn sóc nhỏ nhặt đó, tôi không hiểu được làm thế nào tôi đã có thể thực hiện những hành vi đó: chúng thật vô ích. Có lẽ chính những thói quen đã làm các việc ấy thay cho tôi. Chúng không chết hẳn, những thói quen đó, – chúng tiếp tục cáng đáng, tiếp tục dệt những mạng lưới của chúng một cách nhẹ nhàng, lừa phỉnh, chúng tắm rửa cho tôi, mặc quần áo cho tôi, như những bà vú nuôi. Phải chăng cũng chính chúng đã đưa tôi lên ngọn đồi này?

Tôi không còn nhớ tôi đã đến đây bằng cách gì. Có lẽ do lối cầu thang Dautry: có thật tôi đã leo lên từng bậc một, hết một trăm mười bậc thang không? Điều có lẽ còn khó hình dung hơn nữa, là chốc nữa đây tôi sẽ bước xuống lại bằng những bậc thang đó. Tuy

nhiên, tôi biết rõ điều này: chốc nữa đây tôi sẽ ở dưới khu Đồi Xanh, và khi ngẩng đầu lên tôi sẽ có thể nhìn thấy ở xa xa những khung cửa sổ loáng sáng của những ngôi nhà gần đây. Xa xa. Trên đầu tôi; và cái khoảnh khắc này mà tôi không thể thoát ra được, cái khoảnh khắc đang giam hãm tôi và vây cùng các nẻo, khoảnh khắc tạo nên tôi đây, khoảnh khắc ấy sẽ chỉ còn là một giấc mơ hỗn độn.

Tôi nhìn những ánh lập loè màu xám của thành phố Bouville dưới chân tôi. Dưới ánh mặt trời chúng giống như những đồng vỏ sò, vỏ hến, xương vụn, đá sỏi. Chìm mất trong những mảnh vụn ấy, những đốm sáng nhỏ bằng chai hay bằng nhựa bắn ra những ngọn lửa nhẹ từng chớp. Những rãnh, những hào, những luống mảnh mai chạy giữa những vỏ sò ấy, trong một giờ nữa, chúng sẽ là những con đường, tôi sẽ bước đi trên những con đường đó, giữa những bức tường. Những thằng người đen lí nhí mà tôi nhận ra trên con lộ Boulibet đó, trong một giờ nữa tôi sẽ là thành phần trong bọn chúng.

Trên đỉnh ngọn đồi này, tôi cảm thấy xa họ tuyệt mù. Tôi thấy như mình thuộc về một loài khác. Họ ra khỏi phòng giấy sau một ngày làm việc, họ nhìn những ngôi nhà và

những công viên bằng một vẻ thoải mái, họ nghĩ rằng đó là thành phố của họ, một “thành phố trường giả mỹ miều”. Họ không chút sợ hãi, họ cảm thấy quen thuộc. Từ bao giờ họ chỉ thấy dòng nước quen thuộc chảy ra từ những vòi nước, ánh sáng phát ra từ những bóng đèn khi người ta ấn trên nút bấm điện, họ chỉ thấy những cây lai giống, cây cùi mà người ta chống đỡ bằng những chằng ba. Họ có hàng trăm bằng cứ mỗi ngày rằng mọi thứ đều hoàn thành đúng theo cơ chế, rằng thế giới tuân theo những quy luật cố định bất di bất dịch. Vật thể rơi trong chân không đều rơi với cùng một tốc độ, công viên đóng cửa mọi ngày từ 16 giờ vào mùa đông, từ 18 giờ vào mùa hè, chỉ biến sang thể lỏng ở 335°, chuyển tàu điện cuối cùng đi từ toà thị chính lúc 23 giờ 5 phút. Họ sống bình thản, hơi âm đạm, họ nghĩ đến Ngày Mai, nghĩa là một ngày hôm nay mới; thành phố chỉ cung ứng có mỗi một ngày, ngày ấy cứ trở đi trở lại y hệt nhau vào mỗi buổi sáng. Có chăng, người ta trau chuốt nó một ít vào những ngày chủ nhật. Những tên xuân ngốc. Điều ấy làm tôi kinh tởm, khi nghĩ rằng sắp sửa gặp lại những bộ mặt dày và tự tin của chúng. Chúng làm ra luật lệ, chúng viết ra những cuốn tiểu thuyết bình dân, chúng cưới nhau, chúng ngu xuẩn cùng độ khi sinh ra những đứa con. Tuy vậy

cái thiên nhiên rộng lớn mơ hồ đã len vào thành phố của chúng, trong chính con người chúng. Thiên nhiên đó không cử động, nó giữ vẻ lặng lẽ và chúng, tâm hồn đầy ứ thiên nhiên, chúng thở hít thiên nhiên mà không nhìn thấy nó, chúng tưởng tượng rằng nó ở bên ngoài, cách thành phố chừng hai mươi dặm. Còn tôi, tôi thấy nó, tôi thấy cái thiên nhiên, đó... Tôi biết rằng lệ thuộc vào thiên nhiên là lười biếng, tôi biết rằng nó không có qui luật: điều mà chúng cho là yếu tố thường hằng của nhiên giới... Nhiên giới chỉ có những thói quen và nó có thể thay đổi những thói quen đó vào ngày mai.

Nếu có chuyện gì xảy ra? Nếu bỗng chốc thiên nhiên bắt đầu dao động? Lúc đó, chúng sẽ nhận ra rằng thiên nhiên đang hiện thể ở đây và tìm chúng dường như tan vỡ. Lúc đó, những bờ đê, những pháo đài, những lò sưởi điện, những lò cao, những búa chày của chúng sẽ dùng làm gì? Điều đó có thể xảy ra bất cứ lúc nào, có lẽ xảy ra ngay bây giờ đây: những triệu chứng đang có kia. Chẳng hạn, một người cha đang đi dạo sẽ thấy một chiếc khăn màu đỏ băng qua đường về hướng ông ta như tuồng được một ngọn gió đẩy tới. Và khi chiếc khăn đến thật gần, ông ta mới thấy đó là một khoanh thịt thối, vấy đầy bụi, vừa

bò lê vừa nhảy, một miếng thịt bị nghiền lặn trong những dòng suối và phóng ra từng hồi những tia máu. Hay một bà mẹ nhìn má đứa con và hỏi: “Con bị gì kia, rôm hả?” và bà sẽ thấy da thịt sưng phù lên một ít, nứt nẻ, mở ra, và, dưới đáy đường nứt một con mắt thứ ba, một con mắt tươi cười xuất hiện. Hay họ sẽ cảm thấy những phốt chạm dịu dàng trên toàn thân, như những mơn trớn mà những con người bơi trong nước cảm thấy đối với những cây cối. Và họ sẽ biết rằng y phục của họ đã biến thành những con vật sống ngo nguây. Và một người khác sẽ thấy rằng có gì đang cào cào trong miệng y. Y tiến đến gần một tấm gương há miệng ra: lưỡi y đã biến thành một con rết khổng lồ linh hoạt đang ngo nguây những chiếc chân và cọ sát vào vòm miệng. Y sẽ muốn khạc nhổ nó ra, những con rết, lúc đó là một phần của chính y và y phải bứt rời ra bằng hai tay. Và một lô những sự vật sẽ xuất hiện mà người ta phải tìm những tên mới cho chúng, chẳng hạn như mắt-đá, cánh-tay-khổng-lồ-ba-sừng, ngón-chân-cái-làm-nặng-chống, màn-nhện-làm-hàm. Và người đang ngủ trong chiếc giường êm ái, trong căn phòng ấm cúng của mình sẽ thức dậy trần truồng trên một nền đất màu xanh, trong một khu rừng cây xào xạc, màu đỏ và

trắng, dựng thẳng lên trên như những ống khói ở miền phụ cận Bouville, với những hòn dái to lớn vượt ra khỏi đất một nửa, lảng lẩy và phồng tròn, như những củ hành. Và những con chim sẽ bay lượn quanh những chiếc cây, dùng mỏ mổ vào làm chúng chảy máu. Tinh khí sẽ chảy ra một cách chậm chạp, nhẹ nhàng từ những vết thương, thứ tinh khí có lẫn máu, lầy nhầy và ấm nóng với những bọt nhỏ. Hay chẳng có gì xảy ra như trên, chẳng có một thay đổi nào đáng kể xảy đến, nhưng một sớm, khi mở chiếc cửa lá sách, người ta kinh ngạc vì một loại cảm giác ghê sợ, bám víu nặng trĩu trên sự vật và như có vẻ đang đợi chờ. Chỉ có thế: nhưng chỉ cần điều ấy kéo dài ít lâu, là sẽ có hàng trăm người tự tử. Ủ! Chỉ cần nó thay đổi một chút thôi, tôi không đòi hỏi gì hơn. Lúc bấy giờ người ta sẽ nhìn thấy những người khác bỗng chốc bị lao vào cô đơn. Những con người hoàn toàn cô đơn, hết sức cô đơn với những nét mặt quái gở ghê gớm, sẽ chạy khắp đường phố, họ sẽ nặng nề diễn qua trước mặt tôi, đôi mắt đắm đắm, trốn chạy cơn bệnh của họ và đem chúng theo cùng, miệng há hốc với cái-lưỡi-côn-trùng đang đập cánh. Lúc đó tôi sẽ phá lên cười, ngay cả khi thân thể tôi bị bao bọc bằng những đồ dơ bẩn, ám muội, đang nở ra

thành những đoá hoa thịt, những đoá hoa tím, hoa mao lương. Tôi sẽ dựa lưng vào một bức tường và hét to khi họ chạy ngang: “Các ông đã làm gì với khoa học của các ông? Các ông đã làm gì với chủ nghĩa nhân bản của các ông? Đây là phẩm giá của cây sậy suy tư đấy hở?”. Tôi sẽ không sợ hãi – hay ít ra, không sợ hãi hơn bây giờ. Phải chăng đó không phải luôn luôn là hiện hữu, những biến thể của hiện hữu? Tất cả những con mắt thứ ba đang ăn dần một khuôn mặt, chúng là thừa thãi, hằn thế, nhưng không thừa thãi hơn hai con mắt đầu tiên. Tôi sợ là sợ cuộc hiện hữu.

Chiều xuống, những ngọn đèn đầu tiên được thắp lên trong thành phố. Chúa ơi! Thành phố có vẻ *tự nhiên* làm sao, mặc dù tất cả những vẻ hình học của nó, trông nó có vẻ bị đè bẹp ngấn nào dưới buổi chiều. Điều đó quá sức... hiển nhiên, khi nhìn từ đây, có thể nào tôi là người duy nhất nhìn thấy nó? Không có một anh chàng Gassandre nào ở một nơi nào đó, trên một ngọn đồi, nhìn một thành phố dưới chân mình đang bị nuốt chửng vào lòng thiên nhiên hay sao? Vả lại, điều đó có quan hệ gì? Tôi sẽ có thể nói gì với y?

Rất nhẹ nhàng, thân thể tôi xoay về hướng tây, hơi lão đảo rồi bắt đầu bước đi.

*Thứ tư: ngày cuối cùng của tôi ở Bouville.*

Tôi đã đi khắp thành phố để tìm lại chàng Tự Học. Chắc chắn là y không về nhà. Y phải đi lang thang, lòng dồn dập cả hổ thẹn lẫn kinh sợ, anh chàng nhân bản khốn khổ mà người ta không muốn biết tới nữa ấy. Thật ra, tôi chẳng ngạc nhiên gì khi sự việc xảy ra: từ lâu rồi tôi cảm thấy rằng tâm hồn dịu dàng và nhút nhát của y sẽ gây nên tai tiếng. Y chẳng làm gì nên tội: đấy hầu như do cái vẻ nhục cảm, tình yêu chiêm ngưỡng khiêm tốn của y đối với những thiếu niên – đúng ra là một hình thức nhân bản. Nhưng phải có một ngày nào đó y tự thấy cô độc. Như ông Achille, như tôi: y thuộc giống nòi tôi, y có thiện chí. Hiện giờ y đã bước vào cô đơn – và mãi mãi. Tất cả đều sụp đổ một lần, giấc mơ văn hóa, giấc mơ hòa thuận với loài người của y. Đầu tiên là sự sợ sệt, sự kinh hãi và những đêm không ngủ, rồi sau đó, những chuỗi ngày lưu đày dài dặc. Buổi chiều, y sẽ trở về lang thang trong sân Hypothèques; y sẽ đứng nhìn từ xa những cửa sổ lấp lánh sáng của thư viện và lòng y se thắt khi y nhớ đến những kệ sách dài, với những chiếc bìa đóng bằng da và mùi giấy từ các trang sách. Tôi tiếc đã không đi theo y, nhưng y đã không muốn như thế; chính y đã van tôi để cho y đi

một mình: y bắt đầu tập sự cô đơn. Tôi viết những dòng này ở quán cà phê. Tôi đã vào quán một cách trịnh trọng, tôi muốn chiêm ngưỡng ông quản lý, bà thâu ngân và cảm thấy rằng tôi nhìn họ lần cuối cùng. Nhưng tôi không thể dừng nghĩ đến chàng Tự Học, tôi cứ luôn nhìn thấy khuôn mặt xanh xao ốm yếu đầy trách móc và cái cổ áo cao ướt đầm máu của y. Lúc bấy giờ tôi đã hỏi xin giấy và tôi sẽ thuật lại những gì đã xảy ra cho chàng Tự Học.

Tôi đến thư viện vào khoảng hai giờ chiều. Tôi đã nghĩ: “Thư viện. Mình vào đây lần cuối”.

Căn phòng hầu như trống không. Tôi buồn mà nhận ra điều đó vì biết rằng mình sẽ không bao giờ trở lại nữa. Căn phòng nhẹ như một làn hơi, gần như vô thực, và nhuộm một màu đỏ chói; mặt trời ngả bóng nhuộm đỏ chiếc bàn dành cho nữ độc giả, cánh cửa, những chiếc gáy sách. Trong một giây, tôi có cảm tưởng êm đềm như vào trong một khu rừng còn đầy lá vàng rực rỡ; tôi mỉm cười. Tôi nghĩ: “Đã lâu mình không mỉm cười đấy”. Gã đảo Corse nhìn ra cửa sổ, tay chấp lại sau lưng. Gã thấy gì? Chiếc sọ của Impétraz chăng? “Mình thì mình sẽ không còn thấy nữa chiếc sọ Impétraz, cái mũ cao cũng như

chiếc áo choàng của ông ta. Trong sáu giờ nữa, mình sẽ rời Bouville". Tôi đặt trên bàn giấy của người thủ thư hai cuốn sách mượn vào tháng trước. Y xé một tấm thẻ xanh và đưa mảnh giấy cho tôi:

"Đây, thưa ông Roquentin".

"Cám ơn ông."

Tôi nghĩ: "Bây giờ, tôi không còn nợ họ gì cả. Tôi không còn nợ một ai ở đây nữa. Tôi sắp sửa đến từ giả bà chủ quán "Rendez-vous des Cheminots". Tôi đang tự do. Tôi ngần ngại một lúc: tôi có nên dùng những phút cuối cùng này để đi dạo một vòng qua Bouville, nhìn lại đại lộ Victor Hugo, đại lộ Galvani, đường Tournebride? Nhưng khu rừng con này êm đềm quá, tinh khiết quá: tôi thấy như nó chỉ hơi hơi hiện hữu và cơn Buồn Nôn đã lánh xa nó. Tôi đến ngồi gần lò sưởi. Từ *Nhật báo Bouville* trải ra trên bàn. Tôi với tay lấy báo.

"Được chó cứu sống."

"Chiều qua, ông Dubosc, nghiệp chủ ở Remiredon, trong khi dùng xe đạp trở về nhà từ chợ phiên Naugi..."

Một bà to lớn đến ngồi bên phải tôi. Bà đặt chiếc nón nỉ bên cạnh. Mũi bà mọc lên

trên khuôn mặt như một con dao cắm trong một trái táo. Dưới chiếc mũi, một cái lỗ nhỏ đang nhăn nhú lại một cách khinh thị. Bà lôi từ xác ra một cuốn sách đóng bìa da, tựa khuỷu tay vào bàn và tựa đầu vào đôi tay mập mạp. Trước mặt tôi, một ông già đang ngủ. Tôi biết ông ta: ông đã có mặt ở thư viện vào cái buổi chiều mà tôi kinh hãi đó. Ông cũng kinh hãi, tôi tin thế. Tôi nghĩ: “Thật là xa xôi, tất cả những chuyện đó”.

Lúc bốn giờ rưỡi, chàng Tự Học đi vào. Tôi thích siết tay y và nói vài lời từ biệt. Nhưng phải tin rằng cuộc hội kiến cuối cùng của hai người đã để lại cho y một kỷ niệm buồn: y chào tôi một cách xa vắng và đến đặt xuống bàn khá xa tôi một gói nhỏ trắng, trong đó hẳn chứa đựng như thường lệ một khúc bánh mì và một thỏi sô-cô-la. Một lát sau, y trở lại với một cuốn sách có hình mà y đặt gần bên gói. Tôi nghĩ: “Mình đang gặp y lần cuối”. Chiều mai, chiều mốt, những chiều kế tiếp, y sẽ đến đọc sách ở cái bàn này và ăn bánh mì với sô-cô-la, y theo đuổi một cách kiên tâm những nhấm nhí như chuột của y, y sẽ đọc những tác phẩm của Nabaud, Naudeau, Noder, Nys và thỉnh thoảng ngừng lại để ghi một châm ngôn vào cuốn sổ nhỏ mang theo. Còn tôi, tôi đi trong thành phố Ba

Lê, trên những con đường của Ba Lê, tôi sẽ nhìn thấy những khuôn mặt mới. Cái gì sẽ xảy đến cho tôi, trong lúc y đang ở đây, trong lúc ngọn đèn chiếu vào khuôn mặt to lớn, trầm ngâm của y? Tôi cảm thấy đúng lúc rằng tôi lại sắp bị mê hoặc bởi ảo ảnh của cuộc phiêu lưu. Tôi nhún vai và tiếp tục đọc trở lại.

“Bouville và những vùng lân cận.

*“Monistiers.*

“Hoạt động của đội cảnh sát trong năm 1932. Đội trưởng Guspard, chỉ huy đội Cảnh sát Monistiers và 4 thuộc viên của ông, các ông Lagoutte, Nizan, Pierpont và Ghil đã không thiếu việc làm trong năm 1932. Quả thế, cảnh sát của ta đã ghi nhận được 7 án mạng, 82 tội tiểu hình, 159 tội vi cảnh, 6 vụ tự tử và 15 vụ tai nạn xe hơi trong đó có 3 vụ tử nạn.”

*“Phụ cận Bouville.*

“Nhóm ái hữu những người chơi kèn của vùng phụ cận Bouville.

“Hôm nay tập dượt chung, phát thiệp cho cuộc hòa nhạc thường niên.

*“Compostel.*

“Lễ gắn Bắc đẩu bội tinh tại tòa thị sảnh.

*“Hội du khách Bouville. (Thành lập do Hướng đạo Bouville năm 1924):*

“Chiều nay, lúc 20 giờ 40, họp hàng tháng ở nhiệm sở xã hội số 10, đường Ferdinand Byron, phòng A. Chương trình nghị sự: đọc biên bản cuối cùng. Thư tín, tiệc thường niên, lạc quyền năm 1932, chương trình những cuộc du ngoạn tháng 3; những vấn đề linh tinh; niêm yết.”

*“Bảo vệ loài vật (Hội Bouville):*

“Thứ năm tuần tới, từ 15 đến 17 giờ, phòng C, 10, đường Ferdinand Byron, Bouville, thường trực dành cho công chúng. Thư từ gửi cho Chủ tịch, tại nhiệm sở hay số 154, đại lộ Galvani.

“Hội bảo vệ chó Bouville... Hội những bệnh nhân chiến tranh Bouville... Nghiệp đoàn chủ xe tắc-xi... Hội ái hữu những trường Sư phạm ở Bouville...”

Hai thiếu niên bước vào với những cặp sách. Những học sinh trung học. Gã đảo Corse rất thích các học sinh trung học, vì gã có thể giám thị chúng thân tình như cha đối với con. Gã thường thích để cho chúng lác lư trên mấy chiếc ghế và nói chuyện thả cửa, rồi bỗng chốc gã rón rén đến đằng sau chúng và la rầy: “Đây có phải là thái độ của những người

đã lớn không? Nếu các em không thay đổi thái độ, ông thư viện trưởng buộc lòng phải than phiền với ông giám học". Và nếu chúng kháng cự, y nhìn chúng bằng đôi mắt ghê gớm: "Cho tôi biết tên các em". Y cũng hướng dẫn sự đọc sách của chúng: Ở thư viện, vài cuốn sách được đánh dấu bằng một chữ thập đỏ; đó là Hòa Ngục: những tác phẩm của Gide, Diderot, Baudelaire, những sách y khoa. Khi một học sinh trung học xin tra cứu một trong các cuốn đó, gã đảo Corse ra dấu cho cậu, kéo cậu vào một góc và tra hỏi. Sau một hồi, y tuyên bố và giọng y vang lên trong phòng đọc sách: "Có những cuốn sách thú vị hơn nhiều cho tuổi các em. Những sách giáo dục. Trước hết em đã làm xong bài chưa đã? Em học lớp mấy? Lớp đệ tam? Và em không có việc gì làm sau 4 giờ chiều? Giáo sư các em thường đến đây và tôi sẽ mách ông về chuyện các em.

Hai cậu bé còn đứng sững cạnh lò sưởi. Cậu nhỏ tóc màu nâu, da gầy như quá mịn và một cái mồm thật bé, tinh quái và kiêu hãnh. Anh chàng bồ bịch của cậu, một cậu lớn con mạnh bạo, với một bộ râu mép măng tơ, lấy khuỷu tay huých cậu và thì thầm vài tiếng. Cậu bé tóc nâu không trả lời, nhưng nhếch mép cười, đầy kiêu ngạo tự mãn. Rồi

cả hai lữ đừ chọn một cuốn tự điển trên một trong những kệ và lại gần chàng Tự Học lúc ấy đang dăm dăm nhìn chúng bằng một tia nhìn mệt mỏi. Chúng có vẻ không biết đến sự hiện diện của y, nhưng chúng ngồi sát y, cậu bé tóc nâu bên tay trái chàng Tự Học và cậu lưng gù to con bên trái cậu tóc nâu. Chúng bắt đầu lật cuốn tự điển. Chàng Tự Học nhìn mông lung khắp phòng, rồi trở lại đọc sách. Chưa bao giờ một phòng thư viện lại mang một quang cảnh làm vững dạ hơn. Tôi không nghe thấy một tiếng động nào, ngoại trừ hơi thở ngắn của cái bà to lớn, tôi chỉ thấy những chiếc đầu cúi xuống trên những cuốn sách khổ gấp-tám. Tuy nhiên, ngay lúc đó, tôi có cảm tưởng rằng một biến cố khó chịu sắp xảy ra. Tất cả những người đang cúi mặt xuống với một vẻ chăm chú đó dường như đang đóng kịch; tôi đã cảm thấy cách đây mấy phút, cái gì như một làn khí ác độc vừa tỏa lan trên chúng tôi.

Tôi đã đọc xong, nhưng quyết định nán lại: tôi vừa chờ đợi, vừa giả bộ đọc báo. Điều làm tăng thêm sự tò mò và làm tôi bức tức, đó là những người khác cũng đang đợi chờ như tôi. Tôi nghe như là người đàn bà cạnh tôi giở những trang sách của bà mau hơn. Vài phút trôi qua, rồi tôi nghe tiếng thì thào. Tôi

thận trọng ngẩng đầu lên. Hai cậu bé đã gấp quyển tự điển lại. Cậu tóc nâu không nói gì, cậu quay khuôn mặt mang dấu tôn kính và chú ý sang bên phải. Ẩn một nửa sau vai của cậu, chú tóc vàng lảng tai và chế giễu một cách im lặng. “Nhưng ai đang nói?” tôi nghĩ thầm trong trí.

Chính là Chàng Tự Học, y đang cúi xuống trên chú bé ngồi cạnh; mắt trong mắt, y mỉm cười với chú: tôi thấy môi y động đập và thỉnh thoảng hàng mi dài của y chớp chớp. Tôi chưa từng nhìn thấy vẻ trẻ thơ này nơi y, nó gần như mang vẻ quyển rũ. Nhưng, được một lúc, y ngừng lại và nhìn thoáng về sau, lo lắng. Cậu bé dường như đang uống lấy lời y. Cảnh đó không có gì phi thường và tôi sắp sửa trở lại đọc sách thì tôi nhìn thấy cậu bé lướt từ từ bàn tay mình trên mép bàn ở sau lưng cậu. Che mắt được Chàng Tự Học bằng lối đó, bàn tay cậu tiếp tục lướt đi và bắt đầu sờ soạng xung quanh, rồi khi đã gặp cánh tay của cậu tóc vàng to lớn, cậu tóc nâu béo một cái thật mạnh. Cậu kia đang quá say sưa thường thức trong yên lặng những lời nói của Chàng Tự Học nên không thấy bàn tay đang đến, cậu nhảy nhồm lên và miệng há lớn ra dưới hậu quả của ngạc nhiên và khâm phục. Cậu tóc nâu bé nhỏ vẫn giữ nét mặt chăm

chú đầy kính cẩn. Người ta có thể đâm ra nghi ngờ không biết bàn tay kia có phải là của cậu hay không. “Chúng sắp làm gì y thế?”. Tôi nghĩ tôi hiểu rõ rằng có một cái gì đó dễ tiện sắp xảy ra, tôi cũng thấy rõ rằng còn kịp ngăn việc đó đừng xảy ra. Nhưng tôi chưa đoán ra được phải ngăn lại chuyện gì đây. Trong thoáng giây, tôi có ý định đứng dậy, đến vỗ vai chàng Tự Học và nói chuyện với y. Nhưng cùng lúc đó, y chợt gặp phải cái nhìn của tôi. Y ngừng ngang câu chuyện và mím môi với vẻ bức bối. Nấn lòng, tôi quay mất đi nhanh và tiếp tục giả vờ đọc báo. Lúc đó cái bà to lớn đã đẩy cuốn sách của bà đi và ngẩng đầu lên. Bà có vẻ như bị mê hoặc. Tôi cảm thấy rõ ràng bà ta sắp sửa lên tiếng: tất cả bọn họ đều *muốn* cho chuyện nổ bùng ra. Tôi có thể làm gì đây? Tôi nhìn nhanh về phía gã đảo Corse: gã không còn nhìn ra cửa sổ, gã hơi xoay người về phía chúng tôi.

Một khắc trôi qua, chàng Tự Học bắt đầu thì thầm trở lại. Tôi không dám nhìn y nhưng tôi tưởng tượng rất rõ ràng về thơ trẻ dịu dàng của y và những cái nhìn dè dặt trên y mà y không biết. Có một lúc tôi nghe tiếng y cười, một tiếng cười nhỏ trong trẻo và ranh mãnh. Tiếng cười làm tôi se lòng: tôi có cảm tưởng như những đứa trẻ khốn kiếp sắp

nhận nước một con mèo. Rồi bỗng chốc, những tiếng thì thào ngưng hẳn. Sự im lặng đối với tôi chứa đầy vẻ bí hiểm: đó là sự kết thúc, sự thi hành án tử. Tôi cúi đầu trên tờ báo và giả bộ đọc; nhưng tôi không đọc: tôi nhướng đôi mày và nâng cao mắt lên hết sức, để cố bắt chợt những gì đang xảy ra trước mặt tôi trong nỗi yên lặng này. Khi nhẹ xoay đầu, mắt tôi thoáng gặp một điều: một bàn tay, một bàn tay nhỏ và trắng vừa lướt dọc theo bàn. Bây giờ, bàn tay đó đang lật ngửa ra, nằm dài, dịu dàng và đầy nhục cảm, bàn tay mang vẻ trần trướng ơ hờ của một người con gái tắm biển đang nằm sưởi nắng. Một vật màu nâu và bóng như nhung xích gần lại, ngập ngừng. Đó là một ngón tay lớn vàng khè vì thuốc hút; nằm bên bàn tay đó, ngón tay có tất cả cái vô duyên thô bạo của phái khỏe. Nó ngừng lại một lúc, cứng đờ, chia về phía lòng bàn tay mảnh dẻ, rồi bỗng nó bắt đầu mơn trớn bàn tay một cách rụt rè. Tôi không ngạc nhiên, duy tôi rất tức giận chàng Tự Học: đồ ngốc, y không thể tự kìm hãm mình được sao: Y không hiểu nỗi nguy hiểm đang xảy đến cho y hay sao? Y còn một cơ hội, một may mắn mong manh: nếu y để cả hai tay trên bàn, hai bên cuốn sách, nếu y tuyệt đối câm mồm, có lẽ y sẽ thoát khỏi số phận y lần này. Nhưng tôi *biết* rằng y sắp bỏ mất cơ hội

may mắn đó: ngón tay trườn nhẹ nhẹ, khiêm nhu, trên khối thịt da bất động, lướt nhẹ lên mà không dám đè mạnh: dường như ngón tay ý thức được vẻ xấu xa của nó. Tôi đột ngột ngẩng đầu lên, tôi không còn chịu đựng nổi cuộc vuốt ve lì lợm đó: tôi tìm đôi mắt của Chàng Tự Học và tôi ho thật lớn, để báo cho y hay. Nhưng y đã khép chặt mí mắt, y đang mỉm cười. Tay kia của y mất hút dưới gậm bàn. Hai đứa bé không còn cười nữa, mặt chúng trở nên xanh mét. Cậu bé tóc nâu cắn môi, cậu đang sợ hãi. Tuồng như cậu thấy những biến cố đã vượt quá tầm kiểm soát của mình. Tuy nhiên, cậu không rút tay lại, cậu để mặc nó trên bàn, bàn tay bất động, gần như hơi co rút lại. Bạn cậu miệng há hốc ra trong một vẻ ngu độn và sợ hãi.

Lúc đó gã đảo Corse mới bắt đầu tru tréo lên. Gã vừa đến đứng sau ghế của Chàng Tự Học mà không ai hay. Mặt gã đỏ sẫm và có vẻ như cười, nhưng đôi mắt gã nảy lửa. Tôi giật nảy người trên ghế, nhưng cảm thấy như được nhẹ nhõm: sự chờ đợi thật quá mệt nhọc. Tôi đã muốn chuyện ấy kết thúc càng sớm càng hay, tôi muốn người ta vất y ra ngoài nếu muốn, nhưng chuyện đó phải kết thúc. Hai cậu bé, mặt mày trắng bệch, lẹ tay ôm lấy cặp chạy biến đi.

“Tôi thấy ông rồi, gã đảo Corse kêu lên trong cơn cuồng nộ, tôi đã thấy ông lần này, ông sẽ không nói được là chuyện ấy không thật. Chuyến này ông sẽ nói rằng không thật nữa đi? Ông tưởng tôi không thấy thủ đoạn của ông? Tôi không mù đâu, ông bạn quý ạ. Tôi cứ bảo mình nên bền lòng! Và khi bắt được thì ông sẽ trả giá đắt lắm. Ồ, phải, ông sẽ phải trả giá đắt. Tôi biết tên ông, tôi biết địa chỉ ông, tôi đã tự tìm hiểu, ông rõ chứ? Tôi cũng biết ông chủ của ông, ông Chuillier. Chính ông chủ ông sẽ ngạc nhiên khi sáng mai, ông nhận được một bức thư của ông chủ thư. Hờ? Im đi ông, y nói trong lúc mất y quắc lên. Trước hết đừng có tưởng rằng sự việc sẽ dừng lại ở đó. Ở Pháp có những tòa án dành cho những người thuộc loại ông. Ông ham học! Ông trau dồi văn hóa! Ông làm rộn tôi suốt buổi, hỏi han rồi mượn sách! Ông không bao giờ lừa dối được tôi, ông biết chứ?”

Chàng Tự Học không có vẻ ngạc nhiên. Hắn đã từ lâu năm y chờ đợi kết quả này. Hàng trăm lần y đã phải tưởng tượng cảnh xảy ra, cái ngày mà gã đảo Corse rón rén lướt tới sau lưng và cái giọng nói giận dữ bồng chốc vang dội vào tai y. Và tuy vậy mỗi chiều y đều trở lại đây, đều đọc sách một cách say sưa và rồi thỉnh thoảng, như một tên trộm, y

vuốt ve bàn tay trắng muốt hay có lẽ bắp chân của một cậu bé. Điều tôi đọc thấy trên mặt y, đúng hơn là sự nhịn nhục.

“Tôi không biết ông muốn nói gì, – y đáp ứng, tôi đến đây từ mấy năm nay...”

Y làm bộ tức giận, ngạc nhiên, nhưng không tin tưởng nhiều. Y biết rõ ràng chuyện đã xảy ra và không có gì ngăn lại được, và y phải sống nó từng phút từng giây.

“Đừng nghe y, tôi đã thấy hết rồi”, bà ngồi bên tôi lên tiếng. Bà đứng dậy một cách nặng nề: “Ồ không! Đây không phải là lần đầu tôi nhìn thấy chuyện đó, thứ hai vừa rồi, cũng vào gần giờ này, tôi đã thấy y và tôi đã không muốn nói gì, vì tôi không tin điều mắt tôi trông thấy và không tin rằng trong một thư viện, một nơi nghiêm trang mà người ta đến để học hỏi lại xảy ra những chuyện ô uế. Tôi, tôi không có con, nhưng tôi trách mấy bà mẹ cho con tới học ở đây và tin rằng chúng được yên bình lắm, che chở lắm, trong khi có những đồ yêu quý không tôn trọng cái gì cả và ngăn không cho chúng làm bốn phận của chúng”.

Gã đạo Corse tiến lại gần Chàng Tự Học: “Ông đã nghe bà đây nói gì chứ? Gã hét vào mặt y, ông không cần phải đóng kịch. Người ta đã thấy ông rồi, ông lương thiện như nhớp ọ!”.

“Thưa ông, tôi buộc ông phải lễ độ”.  
 Chàng Tự Học nói một cách đứng đắn. Y đóng trò rất khéo. Có lẽ y đã muốn thú nhận, chạy trốn, nhưng y phải thủ vai trò của y cho tới cùng. Y không nhìn gã đảo Corse, mắt y gần như khép lại. Tay y buông thõng, y xanh xao kinh khủng. Và rồi, bỗng chốc, máu nóng dâng lên hồng mặt y.

Gã Corse tức giận đến nghẹn thở.

“Lễ độ? Đồ nhơ bẩn! Có lẽ ông tưởng rằng tôi đã không thấy ông. Tôi đã rình ông từ trước, tôi cho ông biết. Tôi đã rình ông từ nhiều tháng nay rồi.”

Chàng Tự Học nhún vai và giả vờ chăm chú đọc sách trở lại. Mặt đỏ nhừ, mắt đầy nước mắt, y cố tạo lấy dáng điệu lưu tâm tột độ và nhìn chăm chú một bức tranh khảm Byzantine.

“Hắn tiếp tục đọc, hắn quả là liều lĩnh”, bà nọ vừa nói vừa nhìn gã đảo Corse.

Gã này hơi ngẩn ngai. Đồng thời, viên phụ tá thư viện trưởng, một thanh niên rụt rè và rất trầm mặc, bị gã đảo Corse làm kinh hoảng, đang từ từ ngẩng lên khỏi bàn giấy của mình và gọi: “Paoli, có chuyện gì thế?”. Một giây trù trù trôi qua và tôi có thể hi vọng rằng câu chuyện ngừng ngang đấy. Nhưng gã

đảo Corse, hắn đã lấy lại bình tĩnh và cảm thấy mình lỗ bịch. Điền tiết và không còn biết nói gì với nạn nhân câm lặng này, y đứng thẳng người dậy và đấm nắm tay vào không khí. Chàng Tự Học quay lại, sợ hãi. Y nhìn gã đảo Corse, mồm há ra; mắt y lộ vẻ lo sợ khủng khiếp.

“Nếu ông đánh tôi, tôi sẽ kiện ông, y nói một cách khó khăn, tôi sẵn sàng rời bỏ nơi này.”

Đến lượt tôi đứng dậy, nhưng đã quá muộn: gã đảo Corse phát ra một tiếng rên rỉ âm vang khoái trá và bỗng y lao nắm tay thoi mạnh trên mũi Chàng Tự Học. Trong thoáng giây, tôi chỉ còn thấy đôi mắt của chàng Tự Học, đôi mắt đẹp mở rộng vì đau đớn và xấu hổ ở trên một cổ tay và nắm tay màu nâu. Khi gã đảo Corse thu nắm tay về, mũi của Chàng Tự Học phọt máu ra. Y muốn đưa tay lên mặt, nhưng gã đảo Corse còn đánh y thêm vào nơi góc môi. Chàng Tự Học lả người trên ghế và nhìn đằng trước với đôi mắt rụt rè hiền dịu. Máu chảy từ mũi xuống y phục, tay mặt y sờ soạng để tìm cái gói trong khi tay trái y chùi hai lỗ mũi đang chảy máu chan hòa.

“Tôi đi đây”, y nói như nói một mình.

Bà ngồi cạnh tôi xanh mặt và đôi mắt long lanh.

“Đồ nhơ bẩn, bà ta nói, làm vậy là phải”.

Tôi run lên vì tức giận. Tôi đi vòng qua bàn, nắm cổ gã đảo Corse và nhấc hẳn lên, người hẳn giãy giụa: tôi phải đập vỡ mặt hẳn trên bàn. Hẳn xanh mặt đánh trả, và tìm cách cào cấu tôi; nhưng đôi tay ngắn của hẳn không với tới mặt tôi. Tôi không nói một tiếng, nhưng tôi muốn đánh vỡ mũi và đập tan bản mặt của hẳn ra. Hẳn hiểu như vậy, nên nhấc khuỷu tay để bảo vệ mặt: tôi bằng lòng vì thấy rằng hẳn đã sợ sệt. Bỗng hẳn bắt đầu thở khò khè:

“Buông tôi ra, đồ vũ phu. Có phải ông cũng là một phường lấp dít nữa không đấy?”. Tôi vẫn còn tự hỏi tại sao tôi lại buông hẳn ra. Phải chăng tôi sợ những vụ rắc rối? Phải chăng những năm lười biếng ở Bouville đã làm tôi bị hoen rỉ? Ngày xưa thì tôi đã không để hẳn yên mà không đánh bể vài chiếc răng. Tôi quay lại phía Chàng Tự Học, bấy giờ đã ngẩng đầu lên. Nhưng y tránh cái nhìn của tôi, y đi đến móc lấy áo khoác xuống, đầu vẫn cúi gằm. Y không ngừng lấy tay trái quẹt mũi, như để ngăn máu chảy. Nhưng máu cứ rịn ra mãi, và tôi sợ rằng y bị đau đớn lắm. Y lằm bằm trong miệng, không nhìn ai cả:

“Đã nhiều năm tôi đến đây...”

Nhưng vừa đứng lên được, gã Corse đã trở lại làm chủ tình thế...

“Ông cứ cút khỏi nơi này đi, gã nói với Chàng Tự Học, và đừng đặt chân tới đây nữa nếu không tôi sẽ kêu cảnh sát mời ông ra”.

Tôi đuổi kịp Chàng Tự Học ở chân cầu thang. Tôi khó chịu, hổ thẹn vì sự hổ thẹn của y, tôi không biết nói gì với y nữa. Y không có vẻ nhận ra sự hiện diện của tôi. Cuối cùng y rút khăn tay ra và khắc một cái gì vào trong. Mũi y đã bắt chảy máu.

“Đi với tôi đến nhà thuốc”, tôi nói với y một cách vụng về.

Y không trả lời. Một tiếng rì rào lớn thoát ra khỏi phòng đọc sách. Mọi người ở đấy hẳn đang cùng một lượt nói đến chuyện vừa xảy ra. Người đàn bà phát ra một tràng cười lạnh lạnh.

“Không bao giờ tôi trở lại nơi đây nữa”. Chàng Tự Học nói. Y quay lại và ngẩn ngừ nhìn chiếc cầu thang và cửa vào phòng đọc sách. Cử động ấy làm máu chảy xuống cổ áo giả và cổ của y. Miệng và má y nhoè cả máu.

“Lại đây”, tôi vừa nói vừa nắm cánh tay y.

Y run rẩy vuốt tay ra một cách hùng hổ.

“Để mặc tôi!”

“Nhưng ông không thể một mình như thế này được. Phải có người rửa mặt và săn sóc cho ông”.

Y lặp lại:

“Để mặc tôi, tôi van ông, ông cứ để mặc tôi”.

Y sắp sửa bị khủng hoảng thần kinh: tôi để y đi xa dần. Ánh trời tà còn chiếu rọi một chốc lên chiếc lưng cong của y, đoạn y biến mất. Trên ngưỡng cửa, có một vết máu, hình ngôi sao.

Trời nhá nhem, mặt trời đã lặn; trong hai giờ nữa tàu sẽ lên đường. Lần đầu tiên tôi băng qua suốt công viên, và tôi đi dạo trên đường Boulibet. Tôi *biết* đó là đường Boulibet, nhưng tôi không nhận ra được nó. Thường khi tôi đi vào đó, tôi tưởng như đi qua một chiều dày sâu thẳm của ngũ quan nặng nề và vương vấn. Với vẻ nghiêm trang vô duyên, mặt đường phồng lên và có tráng nhựa, đường Boulibet nom giống với những quốc lộ khi chúng băng qua những thị trấn giàu có và khi chúng chạy dọc theo hông những ngôi nhà hai tầng to lớn, trên hơn một cây số; tôi gọi

đó là con đường của những nông dân và con đường làm tôi thích thú vì nó rất lạc loài, rất mâu thuẫn trong một thương cảng. Hôm nay, những ngôi nhà đang hiện hữu ở kia, nhưng chúng đã mất đi cái vẻ thôn dã của chúng: đó là những bất động sản, và chỉ có thế. Trong công viên, tôi cũng có ngay cái cảm giác cùng loại: những cây nhỏ, những thảm cỏ, vòi nước Olivier Masqueret, tất cả đều có vẻ cứng đầu vì chúng mãi không biểu lộ gì. Tôi hiểu rồi: thành phố đã bỏ rơi tôi trước. Tôi chưa rời khỏi Bouville nhưng tôi đã không còn ở đó nữa rồi. Bouville im tiếng. Tôi cảm thấy lạ lùng khi phải lưu lại hai giờ nữa trong thành phố này, nơi không còn biết đến tôi nữa và đang sắp xếp những đồ đạc và phủ chúng dưới những lớp áo che ngoài để có thể bày ra cho những người mới đến, trong tất cả vẻ mới mẻ của mình vào chiều hôm nay, vào ngày mai. Tôi cảm thấy bị quên lãng hơn bao giờ hết.

Tôi bước đi vài bước rồi đứng lại. Tôi nhăm nháp tình trạng bị quên lãng hoàn toàn mà tôi đang rơi vào. Tôi đang ở giữa hai thành phố, một chưa biết đến tôi và một không còn biết đến tôi nữa. Ai đang nhớ tôi đây? Có lẽ một thiếu phụ nặng nề, ở Luân-đôn... Và rồi, nàng có thật nghĩ đến tôi không?

Và chẳng còn có gã kia, gã người Ai- cập kia. Có lẽ gã vừa về đến phòng, có lẽ gã đã ôm nàng trong vòng tay. Tôi không ghen; tôi biết rõ rằng nàng đang sống thừa ra. Ngay cả nếu nàng trọn lòng yêu gã, thì đó cũng là một tình yêu của người chết. Tôi, tôi đã hưởng cái tình yêu sống động cuối cùng của nàng, nhưng dù sao, gã còn một điều để có thể hiến dâng cho nàng, khoái lạc. Và nếu nàng đang suy nhược và chìm đắm trong sự rối loạn, thì không còn gì nơi nàng ràng buộc nàng với tôi. Nàng hưởng thụ và tôi chỉ là của nàng nếu trước đây tôi chưa bao giờ gặp nàng; nàng đột nhiên biến dạng mất tâm khỏi tôi, và tất cả những ý thức khác trên cuộc đời cũng rời khỏi tôi. Điều đó làm tôi thành lỗ bịch. Tuy nhiên, tôi biết rõ rằng tôi hiện hữu, rằng tôi đang ở đây.

Trong hiện tại, khi tôi nói “tôi”, tôi thấy điều đó hoàn toàn trống rỗng. Tôi không còn cảm thấy rõ tôi nữa, khi tôi đã bị quên lãng dường kia. Tất cả cái gì còn là thực trong tôi, đó là sự hiện hữu đang cảm thấy mình đang hiện hữu. Tôi nhẹ ngáp một hơi dài. Không ai cả. Antoine Roquentin không hiện hữu cho một ai cả. Điều đó làm tôi vui thích. Và Antoine Roquentin là cái gì? Đó là chuyện thuộc về lãnh vực trừu tượng, một kỷ niệm

mờ nhạt nhỏ bé về tôi lung linh trong ý thức. Antoine Roquentin... và bỗng cái Tôi mờ nhạt, mờ nhạt, rồi tắt hẳn.

Sáng suốt, bất động, im lìm, hoang vu, ý thức được đặt giữa những bức tường; ý thức được hóa thân thành vĩnh cửu. Không còn ai ở trong ý thức nữa. Vậy mà một người nào cũng còn xưng *tôi*, ý thức *của tôi*. Ai? Ở bên ngoài, có những con đường đang lên tiếng nói, với những màu sắc và những mùi hương quen thuộc. Vẫn còn những bức tường vô danh, một ý thức vô danh. Đây là điều đang diễn ra: những bức tường, và giữa những bức tường một khối nhỏ trong suốt sống động và vô ngã. Ý thức hiện hữu như một chiếc cây, như một ngọn cỏ. Ý thức mộng du, ý thức đang buồn bã. Những hiện hữu nhỏ bé và mong manh đang bám đầy ý thức như những con chim trên các cành cây. Bám đầy ý thức và biến mất tăm. Ý thức bị lãng quên, bị bỏ rơi giữa những bức tường này, dưới bầu trời xám nắng. Và đây là ý nghĩa của hiện hữu đó: nó là ý thức về sự kiện mình đang hiện thể một cách dư thừa. Ý thức hòa tan, phân tán, ý thức tìm cách tự đánh mất mình giữa bức tường nâu, dọc theo dây đèn lồng hay trong làn khói chiều đang nhẹ tỏa dưới kia. Nhưng *chẳng bao giờ* ý thức tự lãng quên

mình được; ý thức là ý thức mình là một ý thức đang tự lãng quên. Đây là căn phần của nó. Có một giọng nói tắc nghẹn đang cất lên: “Chuyến tàu sẽ khởi hành trong hai giờ nữa,” và có ý thức về giọng nói đó. Cũng có ý thức về một khuôn mặt. Khuôn mặt chậm rãi đi qua, bê bết máu, và đôi mắt lớn ràn rụa. Khuôn mặt đó không ở giữa những bức tường, nó chẳng ở nơi nào cả. Khuôn mặt tan biến, thay vào đó là một thân xác khom khom với một chiếc đầu đầm máu, đang bỏ đi từng bước chậm, ở mỗi bước hình như lại muốn dừng, nhưng chẳng bao giờ dừng”. Có ý thức về cái thân thể đang bước đi chậm rãi trên một con phố tối tăm. Thân thể bước đi, nhưng không lìa xa. Con phố tối tăm không bao giờ kết thúc. Nó mất hút trong cõi hư vô. Nó không hiện hữu giữa những bức tường, nó chẳng hiện hữu ở một nơi nào cả. Và lại có ý thức về một giọng nói tắc nghẹn đang nhấn nhủ: “Chàng Tự Học đang lang thang trong thành phố”.

Không phải trong cùng một thành phố, không! Giữa những bức tường không âm sắc này, chàng Tự Học bước đi trong một thành phố tàn bạo, thành phố chẳng lãng quên y. Có nhiều người đang nghĩ đến y, gã đảo Corse, cái bà to béo, có lẽ là tất cả mọi người

trong thành phố. Y hãy còn chưa bị mai một, y không thể nào đánh mất bản ngã mình, cái bản ngã đang bị đầy ải, dẫm máu mà tất cả những người kia đã chẳng muốn tiêu diệt. Đôi môi, lỗ mũi y đang làm y đau nhức, y đang nghĩ: “Mình đang đau”, y bước đi, y phải bước đi. Nếu chỉ dừng lại trong một thoáng giây, thì những bức tường cao của thư viện sẽ đột nhiên dựng đứng lên quanh y, nhốt chặt y vào giữa; gã đảo Corse sẽ đột nhiên hiện ra cạnh y và tấn công lại khởi điểm, in hệt như cũ, trong tất cả mọi chi tiết, và mụ đàn bà sẽ kêu lớn: “Những giống bản thổ đó, phải nhốt chúng vào ngục tối”.

Y bước đi, y không muốn quay trở về nhà: gã Corse đang chờ y trong phòng và người đàn bà và hai chú bé: “Thôi, đừng chối cãi gì cho mất công, tôi đã nhìn thấy hết”. Và tấn công lại khởi sự. Y đang nghĩ: “Trời ạ, giá mình đừng làm chuyện đó, giá mình có thể đừng làm chuyện đó, giá như chuyện đó có thể không có thực.”

Khuôn mặt đầy âu lo lượn qua lượn lại trước ý thức: “Có lẽ y sắp đi tự tử”. Nhưng không: cái tâm hồn dịu dàng và bị xua đuổi đó không thể nghĩ đến cái chết được.

Có tri thức về ý thức. Tri thức được nhận ra ở nơi này nơi nọ, yên tĩnh và rộng

không giữa những bức tường, được giải phóng khỏi con người đang ngụ cư nơi đó, tri thức hình thù quái dị vì nó chẳng là ai cả. Giọng nói cất lên: "Hành lý đã thu xếp xong. Chuyến tàu sẽ khởi hành trong hai giờ nữa", những bức tường trôi lướt sang bên phải và bên trái. Có ý thức về con người nện đá, ý thức về cửa hiệu đồ sắt, những kẻ sát nhân trong trại lính và giọng nói cất lên: "Lần cuối cùng".

Ý thức về Anny, về Anny người béo phệ, về Anny ngày xưa, trong căn phòng khách sạn, có ý thức về sự đau khổ, sự đau khổ được ý thức đến giữa những bức tường dài chạy ra xa và chẳng bao giờ quay trở lại: "Chưa chấm dứt sao?". Giọng hát giữa những bức tường đang ca một điệu jazz, "some of these days"; chưa chấm dứt sao? Và điệu nhạc êm ái trở lại, từ đằng sau, một cách phỉnh phờ, lấy lại âm thanh, và giọng hát không thể dừng lại và thể xác bước đi và có ý thức về tất cả những cái đó và than ôi! Ý thức về chính ý thức. Nhưng không có ai ở đây để đau khổ và vịn vẹo tay nhau và tự xót thương mình. Không có ai cả. Đây là một nỗi đau khổ tinh thần của những ngã tư, một nỗi đau khổ bị quên lãng – một nỗi đau khổ không thể tự lãng quên mình. Và giọng nói

cất lên: “Đây là quán Rendez-vous des Cheminots” và cái Tôi nảy sinh trong ý thức chính là *tôi*, Antoine Roquentin, *tôi* sắp đi Ba Lê ngay bây giờ đây; *tôi* đến từ biệt bà chủ quán.

“Tôi đến để cáo biệt bà.”

“Ông ới à, ông Antoine”

“Tôi sắp đến ở tại Ba Lê, để thay đổi.”

“Ông may mắn thật!”

Làm thế nào mà *tôi* đã có thể ép chặt môi mình trên khuôn mặt rộng kia? Thân thể của nàng không còn thuộc về *tôi* nữa. Mới hôm qua đây, *tôi* còn biết đoán nhận ra thân thể đó dưới chiếc áo len đen. Hôm nay, chiếc áo ấy không thể thâm nhập vào được. Cái thân thể trắng ngần với những mạch máu lộ rõ trên da đó, có phải là một giấc mộng chẳng?

“Thật tiếc, bà chủ bảo. Ông dùng cái gì chứ? Tự tay *tôi* sẽ hầu ông.”

*Tôi* và nàng ngồi xuống, chạm cốc. Nàng hạ thấp giọng.

“*Tôi* đã “quen” với ông, nàng nói với một vẻ hối tiếc nhã nhặn, *tôi* hợp với ông lắm”.

“*Tôi* sẽ trở lại thăm.”

“Đúng đấy, ông Antoine. Khi có dịp ghé qua Bouville, ông lại chào sơ chúng tôi nhé. Ông sẽ tự bảo: “Mình sắp đến chào bà Jeanne, điều đó làm nàng hài lòng”. Quả thế, người ta rất thích biết mọi người trở nên như thế nào. Vả lại, ở đây, người ta luôn luôn quay lại thăm chúng tôi. Chúng ta có những người lính thủy, phải thế không? Những công nhân của công ty xuyên Đại tây dương, có những lần suốt hai năm tôi không gặp lại họ, đột nhiên nghe họ đang ở Ba Tây hay Nữ Uớc hoặc họ đang phục vụ trên một chiếc thương thuyền ở Bordeaux. Và rồi một ngày nào đó, tôi gặp lại họ “Chào bà Jeanne”. Chúng tôi cùng nâng ly. Ông cứ tin tôi đi, tôi còn nhớ rõ họ quen dùng rượu gì nữa. Hai năm xa cách! Tôi bảo Madeleine: “Cô dọn một ly vệt-mút nguyên chất cho ông Pierce, một ly Noilly Cinzano cho ông Léon đây”. Họ bảo tôi: “Bà chủ, làm sao mà bà nhớ kỹ thế?”. “Đấy là nghề của tôi mà”, tôi bảo họ như vậy”.

Ở sâu tận căn phòng, có một gã đàn ông to lớn đang ngủ với nàng từ ít lâu nay. Gã gọi nàng:

“Cứng ơ!”

Nàng đứng dậy:

“Xin lỗi nhé, ông Antoine.”

Người hầu gái tiến đến bên tôi:

“Sao, ông bỏ chúng tôi đi thật à?”

“Tôi đi Ba Lê”

“Tôi đã sống tại Ba Lê, nàng hạnh diện báo. Hai năm. Tôi đã giúp việc tại tiệm Siméon. Nhưng ở đây tôi buồn lắm”.

Nàng ngần ngừ trong một thoáng, đoạn nhận ra rằng chẳng còn gì để nói với tôi:

“Chào tạm biệt ông, ông Antoine”.

Nàng lau khô tay trên chiếc tạp dề và chìa tay cho tôi:

“Tạm biệt cô, Madeleine”.

Nàng bỏ đi. Tôi lôi tờ *Nhật báo Bouville* lại gần, rồi lại đẩy tờ báo ra: mới lúc này đây, tại thư viện, tôi đã đọc nó từ dòng đầu đến dòng cuối.

Bà chủ quán không trở lại: nàng đang buông thả cho người bạn trai bóp bóp một cách say sưa đôi bàn tay mồm mĩm.

Chuyến tàu hỏa sẽ khởi hành trong bốn mươi lăm phút nữa.

Để giải khuây, tôi ngồi nhắm tính.

Mười hai nghìn đồng một tháng, quả chẳng béo bở gì. Tuy nhiên, nếu tôi dè sẻn

một chút, thì sẽ vừa vặn. Một căn buồng ba ngàn đồng, ăn uống một ngàn một trăm năm mươi đồng, còn lại bốn ngàn rưỡi để dùng vào việc giặt ủi, tiêu vặt và xem chiếu bóng. Về đồ vải, y phục, tôi sẽ chẳng cần đến trong một thời gian lâu. Hai bộ y phục của tôi còn sạch chán, dù rằng hơi lên nước bóng nơi cùi chỏ: nếu cẩn thận chăm sóc, tôi sẽ còn dùng chúng được ba hay bốn năm nữa.

Trời đất ạ! Chính tôi sẽ sống cuộc đời naim hoang đó sao? Tôi sẽ làm gì những tháng ngày của mình đây? Tôi sẽ dạo chơi. Tôi sẽ đến ngồi tại điện Tuileries trên một chiếc ghế sắt – hay tốt hơn, để tiết kiệm, ngồi trên một chiếc ghế băng. Tôi sẽ đến đọc sách tại các thư viện. Và rồi? Mỗi tuần một lần đi xem chiếu bóng. Và rồi? Ngày chủ nhật, tôi có đi xem Người leo dây không? Tôi có đến chơi đánh cầu với những người hưu trí ở vườn Lục Sâm Bảo? Vào năm ba mươi tuổi! Tôi thương hại tôi. Có những lúc tôi tự hỏi tốt hơn có nên tiêu trong một năm trọn cả ba triệu đồng còn lại của tôi chẳng – và sau đó... Nhưng nó sẽ đem đến được cho tôi những gì? Những bộ y phục mới? Những người đàn bà? Những cuộc du lịch? Tôi đã có tất cả những thứ đó và giờ đây, đã hết rồi, chúng không còn làm tôi thêm khát hơn nữa: đối với những gì sẽ còn lại từ đó! Trong vòng một năm, tôi

sẽ gặp lại chính mình, tâm hồn cũng trống rỗng như hôm nay, chẳng có đến cả một kỷ niệm và chán nản mỗi một trước cái chết.

Ba mươi tuổi! Và một trăm bốn mươi bốn ngàn lợi tức. Những phiếu lợi tức cứ phải ghi lại mỗi tháng. Tuy thế, tôi chưa phải là một ông già! Ước sao người ta ban cho tôi bất cứ việc gì đó để làm... Tốt hơn là tôi nên nghĩ đến chuyện khác, vì lẽ trong lúc này, tôi đang tự chơi trò đóng kịch với mình. Tôi biết rất rõ rằng tôi chẳng hề muốn làm bất luận điều gì: làm một cái gì, tức là tạo ra hiện hữu – và đã có quá nhiều hiện hữu như thế rồi.

Sự thật là tôi không thể buông viết được: tôi tin rằng tôi sắp chạm trán với cơn Buồn Nôn và tôi có cảm tưởng làm chậm nó lại được bằng cách viết lan man. Vì vậy, tôi viết bất cứ chuyện gì thoáng qua đầu tôi.

Madeleine, muốn làm tôi vui lòng, vừa kêu tôi từ xa vừa đưa lên một đĩa nhạc:

“Đĩa nhạc của ông đây, ông Antoine, đĩa mà ông thích, ông có muốn nghe lần cuối không?”

“Nếu cô vui lòng”.

Tôi bảo thế, vì lịch sự, nhưng tôi thấy mình không khoẻ khoắn lắm để nghe một điệu nhạc jazz. Tuy vậy tôi cũng sẽ chú ý, vì

như Madeleine bảo, tôi nghe đĩa nhạc này lần cuối: đĩa nhạc rất cổ; quá cổ, cả đối với tình lý; tôi sẽ hoài công kiếm tìm đĩa nhạc đó ở Ba Lê. Madeleine sẽ đặt đĩa lên trên mâm quay của máy hát, mâm sẽ xoay tròn; trong những đường rãnh, cây kim thép sẽ bắt đầu nhảy và nghiêng vào mặt đĩa, rồi khi những đường rãnh đã đưa dẫn cây kim vào trong vòng tròn ốc, cho đến tận trung tâm đĩa nhạc, biến cố đó sẽ kết thúc, cái giọng trầm đặc ca bài "Some of these days" sẽ câm lặng vĩnh viễn.

Nó đang bắt đầu.

Có những người ngu ngốc cứ muốn tìm lời phủ dụ, an ủi trong mỹ thuật. Như bà cô Bigeois của tôi: "Những khai tấu khúc của Chopin đã nâng đỡ cô biết bao nhiêu khi người cậu đáng thương của con chết đi". Và những phòng hòa nhạc tràn đầy những người khiêm cung, những kẻ bị xúc phạm, những kẻ mất nhắm kín, tìm cách chuyển biến những khuôn mặt xanh xao của họ thành những sợi dây trời tiếp nhận. Họ tưởng tượng ra rằng những âm thanh bất được đang dạt dào chảy trong họ, êm dịu và bồi dưỡng và những nỗi đau khổ của họ đang biến thành âm nhạc, như những nỗi đau khổ của chàng Werther: họ tưởng rằng vẻ đẹp đang tỏ lòng trắc ẩn với họ. Những tên ngu ngốc.

Tôi muốn họ bảo cho tôi biết họ có thấy điệu nhạc này có lòng trắc ẩn không. Mới lúc này đây, chắc chắn là tôi đã rất xa với chuyện bơi lội trong hạnh phúc triền miên. Ở trên bề mặt, tôi đã tính toán tiền nong một cách máy móc. Ở bên dưới, ứ đọng lại tất cả những thứ tư tưởng khó chịu này, những tư tưởng đã mặc lấy hình thức những lời tru rỗng không được thốt ra, những mối ngạc nhiên căm lạng và suốt ngày, suốt đêm chúng không rời khỏi tôi nữa. Và rồi thì, ở bên dưới nữa, cơn Buồn Nôn, còn rụt rè như một buổi bình minh. Nhưng vào lúc đó, lúc chưa có âm nhạc, tôi còn ảo não và trầm tĩnh. Tất cả những đồ vật đang vây quanh tôi đều được làm bằng cùng một chất liệu như tôi, bằng một loại đau khổ tồi tàn. Thế giới đã quá xấu xí, ở bên ngoài tôi, quá xấu xí những chiếc ly bắn trên những chiếc bàn, và những bệ nâu trên gương và cái tạp dề của Medeleine và dáng điệu khả ái của anh chàng to béo tình nhân của bà chủ quán, quá xấu xí ngay chính hiện hữu của thế giới, đến độ tôi cảm thấy mình dễ chịu, như đang ở trong gia đình.

Bây giờ, có giọng hát của chiếc kèn đồng này. Và tôi xấu hổ, một cơn đau khổ nhỏ đầy vinh quang vừa khởi sinh, một cơn đau khổ điển hình. Bốn âm điệu kèn đồng.

Chúng đến và đi, chúng có vẻ như muốn nói: “Phải làm như chúng tôi, phải đau khổ có *tiết điệu*”. Vâng! Dĩ nhiên, tôi rất muốn đau khổ theo tiết điệu, không chiều lòng, không thương hại chính mình, với một vẻ thuần khiết khô khan. Nhưng có phải lỗi của tôi không nếu chất rượu bia ấm nóng ở đáy ly tôi, nếu có những bệt nâu trên chiếc gương, nếu như tôi là dư thừa, nếu như nỗi đớn đau thành khẩn nhất của tôi, nỗi đớn đau khô khan nhất lại kéo lùi đi và thu giảm lại, với nhiều thịt nhưng đồng thời ít da, như thể con voi biển, với đôi mắt to ẩm ướt và làm động lòng người nhưng lại quá xấu xí? Không, chắc chắn người ta không thể nào bảo rằng nỗi đau khổ đó mang lòng trắc ẩn, nỗi đau khổ bé nhỏ của chất kim cương, đang xoay tròn trên mặt đĩa và làm tôi loé mắt. Ngay cả khi không nói mĩa mai: nó đang xoay tròn nhẹ nhàng, hoàn toàn bận tâm về chính mình; nó đã chặt vỡ tan cái bề mặt trong nhạt nhẽo của thế giới như một điều lằm lẩn và bây giờ, nó đang xoay tròn và tất cả chúng tôi, Madeleine, anh chàng to con, bà chủ, chính tôi và những chiếc bàn, những chiếc băng nhỏ, chiếc gương bị vấy bẩn, những chiếc ly, tất cả chúng tôi, những người đang phó mình cho hiện hữu, vì lẽ chúng tôi đang hiện thể giữa chúng tôi, chẳng có gì ngoài chúng tôi,

nó đã bắt chọt chúng tôi trong con người ăn mặc xộc xệch, trong cái đà bỏ mặc mọi sự trôi đi thường ngày: tôi xấu hổ cho chính mình và cho những gì đang hiện hữu trước mặt nó.

Nó không hiện hữu. Ngay cả điều đó cũng làm ta bức mình; nếu tôi đứng dậy, nếu tôi rút đĩa ra khỏi chiếc mâm đang nâng nó và nếu tôi đập vỡ đĩa nhạc làm hai, tôi sẽ không đạt được đến Nó. Nó ở bên kia – luôn luôn ở bên kia một cái gì đó, một giọng nói, một nốt vĩ cầm. Xuyên qua những chiều dày và những chiều dày chập chùng của hiện hữu, nó tự hiển lộ, mảnh mai và quả quyết và khi người ta muốn nắm bắt nó, người ta chỉ gặp được những vật thể, người ta chạm phải những vật thể chẳng mang ý nghĩa nào. Nó ở đằng sau chúng: tôi cũng chẳng nghe được nó, tôi nghe những âm thanh, những rung động không khí đang làm hiển lộ nó ra. Nó không hiện hữu, vì lẽ nó chẳng có gì dư thừa: chính những cái còn lại mới dư thừa đối với nó. Nó đang hiện thể.

Và cả tôi nữa, tôi đã muốn mình hiện thể. Tôi đã chỉ ước muốn có thể, đó là chữ cuối của đời tôi: ở đáy sâu của tất cả những toan tính dường như chẳng dính líu gì với nhau đó, tôi tìm gặp lại cùng một ước vọng:

xua đuổi hiện hữu ra khỏi tôi, vất kiệt những khoảnh khắc cho cạn hết những chất mỡ béo tạo nên chúng, vụn vụn, vất cạn chúng, tự lọc sạch tôi, tự làm khô cứng tôi, để sau cùng biến thành cái âm thanh rõ rệt và chính xác của một nốt kèn đồng. Cái đó lại còn có thể tạo nên một ngụ ngôn: có một gã đáng thương đã bị thế giới lừa gạt. Y hiện hữu như những người khác, trong thế giới của những khu công viên, những chủ quán rượu, những đô thị thương mại và y đã muốn tự thuyết phục mình rằng y đang sống ở một nơi nào khác, đằng sau lớp vải của những bức tranh, với những viên đại thống lĩnh của Tintoret, với những người Florence dũng cảm của Gozzoli, đằng sau những trang sách, cùng với Fabrice del Dongo và Julien Sorel, đằng sau những đĩa hát, với những tiếng than dài khô khan của những điệu jazz. Và rồi, sau khi đã làm một người ngu ngốc, y đã hiểu rõ, y đã mở mắt, y đã thấy rằng một sự lộn lạo gì đó: y đang ở trong một quán rượu, ngay bây giờ đây, trước một ly bia ấm nóng. Y bị đè bẹp trên chiếc băng nhỏ; y đã nghĩ: mình là một kẻ ngu ngốc. Và ngay vào khoảnh khắc quý báu ấy, từ bên kia bờ của hiện hữu, trong cái thế giới khác chỗ kia, thế giới mà người ta có thể nhìn thấy từ xa nhưng không bao giờ tiến lại gần được, một ca khúc véo von bắt đầu

nhảy múa, hát ca: “Phải hiện thể như ta đây;  
phải đau khổ trong tiết độ”.

Giọng hát cất lên:

*Some of these days  
You'll miss me honey*

Hần đĩa nhạc đã bị xóa ngay chỗ đó, vì nó phát ra một âm thanh kỳ quặc. Và rồi có một cái gì làm se thắt tâm hồn: đây là vì ca khúc tuyệt đối chẳng bao giờ bị đụng chạm đến vì sự trục trặc của cây kim trên đĩa nhạc. Nó ở rất xa – rất xa đằng sau. Cả điều đó nữa, tôi cũng hiểu: chiếc đĩa bị xóa và hao mòn, người nữ ca sĩ có lẽ đã chết rồi; còn tôi, tôi sắp bỏ đi, tôi sẽ đáp chuyến tàu sắp đến. Nhưng đằng sau vật thể rơi từ một hiện tại này đến một hiện tại khác, không dĩ vãng, không tương lai, đằng sau những âm thanh mà từ ngày này sang ngày khác cứ rã rời, tróc rụng và lướt trôi về cõi chết, ca khúc vẫn còn nguyên như thế, tươi trẻ và quả quyết, như một người chứng không thương xót.

Giọng hát trầm lặng, chiếc đĩa nhạc hơi cọ mạnh đoạn dừng lại. Được giải thoát khỏi một giấc mộng rầy rà trái thời, quán cà phê lại nhồi đi nhồi lại nổi khoái lạc được hiện hữu. Bà chủ mặt đỏ hồng, nàng đang tát vào

đôi gò má trắng bệu của người tình mới, nhưng không nhuộm hồng chúng được. Đôi gò má chết. Tôi, tôi đang bị tù hãm, tôi ngủ gà ngủ gật. Trong mười lăm phút nữa, tôi sẽ ở trên tàu, nhưng tôi không nghĩ đến chuyện đó. Tôi đang nghĩ đến một người Mỹ râu cạo nhẵn nhụi, đôi lông mày dày đen đang ngạt thở dưới sức nóng ở tầng lầu thứ hai mươi của một khu nhà Nữ Ước. Bên trên thành phố Nữ Ước, bầu trời đang bốc lửa, màu xanh da trời đã bị cháy bùng, từng ngọn lửa khổng lồ màu vàng liếm mạnh vào các nóc nhà; các cậu bé khu Brooklyn, mặc quần tắm, sắp sửa hứng vào mình những tia nước tắm. Căn phòng tối tăm ở tầng thứ hai mươi đang bị nung chín trong lò sưởi. Người Mỹ có lông mày đen thờ dài, hỗn hển và mồ hôi lặn tròn trên đôi má. Y chỉ mặc áo trong, và đang ngồi trước cây dương cầm: trong miệng y, còn vị cay của thuốc lá và trong đầu y, mơ hồ một điệu nhạc hư ảo như bóng ma. "Some of these days". Một giờ nữa Tom sẽ đến với bầu rượu; lúc bấy giờ cả hai sẽ cùng buông mình xuống trong chiếc ghế bành bọc da và họ sẽ cùng uống từng ngụm rượu lớn và lửa của bầu trời đến đốt cháy cổ họng họ, họ cảm nghiệm sức nặng của một giấc ngủ mệt mê nóng bức. Nhưng trước hết phải ghi lại điệu nhạc nọ, "Some of these days". Bàn tay

nhấp nhấp mồ hôi cầm lấy cây bút chì trên chiếc dương cầm. “Some of these days; you’ll miss me honey”.

Chuyện đã xảy ra như thế đó. Như thế hay khác đi, nhưng chẳng quan hệ gì. Bản nhạc đã được khai sinh ra như thế. Nó đã chọn cái thân xác mồi mòn của người Do Thái có đôi lông mày màu than để làm nơi khai sinh. Y cầm lồng cây bút chì trong tay và những giọt mồ hôi rơi từ trên những ngón tay đeo nhẫn của y xuống mặt giấy. Và tại sao lại không là tôi? Tại sao phải đúng là cái con bê to xác đầy rượu bia bần thiú và rượu nặng để phép lạ đó được hoàn tất?

“Madeleine, xin cô vui lòng quay lại đĩa nhạc đó lần nữa. Đúng một lần nữa thôi, trước khi tôi khởi hành”.

Madeleine cười to. Nàng quay chiếc tay quay vào đấy, nó lại bắt đầu lại. Song tôi không nghĩ đến mình nữa. Tôi nghĩ đến cái gã nơi kia, người đã sáng tác ra điệu nhạc này, vào một ngày tháng bảy, trong hơi nóng đen nồng của căn phòng trú ngụ. Tôi cố gắng nghĩ đến y xuyên qua ca khúc, xuyên qua những âm thanh trắng và chua của chiếc kèn đồng. Y đã sáng tác ra nó. Y đã có những nỗi phiền muộn, mọi chuyện không trôi chảy

theo đúng ước mơ: những biên lai thu tiền – và rồi chắc hẳn ở một nơi nào đó, y cũng có một người đàn bà không nghĩ tưởng đến y theo lòng y mong ước – và rồi còn có cái hơi nóng khủng khiếp đang biến người ta thành những đọt mỡ lỏng. Tất cả những cái đó chẳng có chi là vinh hiển lắm. Nhưng khi tôi nghe bài hát và khi nghĩ rằng chính gã nọ đã tạo ra nó, tôi thấy rằng nỗi đau khổ và cơn đổ mồ hôi của gã thực là... cảm động. Y đã có nguồn cảm hứng. Vả lại, hẳn y đã không hiểu rõ như thế. Hẳn y đã nghĩ rằng: với một ít cảm hứng, ngón đó sẽ mang lại cho ta năm mươi đô la! A! Đây là lần đầu tiên kể từ nhiều năm nay, một người mới gây cảm xúc cho tôi. Tôi muốn biết sơ qua về gã nọ. Tôi sẽ thích thú nếu biết được y đã gặp những nỗi phiền muộn nào, y có vợ chưa hay vẫn còn sống độc thân. Đó tuyệt nhiên chẳng phải vì chú trương nhân bản gì cả: trái lại. Nhưng bởi vì gã đã tạo ra nó. Tôi không muốn quen biết gã – vả lại có lẽ gã đã chết. Tôi chỉ muốn biết được vài điều nho nhỏ về gã và thỉnh thoảng lại có thể tưởng nghĩ đến gã khi nghe đĩa nhạc này. Đấy, tôi giả thử rằng chuyện đó có lẽ chẳng làm cho gã nóng thêm hay lạnh thêm, nếu như có người bảo gã rằng, trong thành phố đứng vào hàng thứ bảy của nước Pháp, ở ven nhà ga, có một người đang

nghĩ tưởng đến gã. Nhưng tôi, nếu ở vào địa vị của gã, tôi sẽ sung sướng, tôi thêm muốn được như thế. Bây giờ tôi phải đi. Tôi đứng dậy, nhưng tôi còn do dự một lúc, tôi muốn nghe người nữ ca sĩ da đen cất lên tiếng hát. Lần cuối cùng.

Nàng hát. Đây là hai người đã được giải thoát: gã Do Thái và người danh ca da đen. Được cứu thoát. Có lẽ họ đã tưởng mình thua thiệt tận cùng, bị chìm sâu vào trong hiện hữu. Và tuy thế, lại chẳng có ai nghĩ đến tôi như tôi đang nghĩ đến họ, với lòng triu mến. Chẳng có ai, ngay cả Anny. Đối với tôi, họ vừa tương tự những người chết, vừa tương tự những nhân vật chính trong tiểu thuyết, họ đã được rửa sạch tội hiện hữu. Cố nhiên là không toàn vẹn – nhưng ít ra cũng ở trong khả năng của một con người. Ý tưởng này đột nhiên làm tôi rối loạn, vì tôi chẳng còn hy vọng cả đến chuyện đó nữa. Tôi cảm thấy có một cái gì đó đang rút rè rình mò tôi và tôi không dám động dậy vì tôi sợ nó rời bỏ tôi. Một cái gì đó tôi không biết nữa. Một thứ hân hoan vui sướng.

Người đàn bà da đen đang hát. Vậy thì người ta có thể biện chính cho hiện hữu của nàng? Biện chính một tí tẹo thôi? Tôi cảm thấy mình bị khinh khiếp dị thường. Đây

không phải vì tôi mang nhiều hi vọng. Nhưng tôi hiện như một gã hoàn toàn bị đông cứng lại sau một chuyến du hành trong miền tuyết lạnh, lại đột ngột bước vào trong một căn phòng ấm nóng. Tôi nghĩ rằng y sẽ đứng bất động gần cửa ra vào, người hãy còn giá buốt, và những cơn rùng mình chậm rãi truyền suốt thân thể y.

*Some of these days  
You'll miss me honey*

Có phải tôi sẽ không thể nào thử... Cố nhiên, đấy không phải là một điệu nhạc... nhưng có phải tôi không thể nào, trong một lãnh vực khác?... Đấy phải là một quyển sách: tôi chẳng biết làm cái gì khác. Nhưng không phải là một cuốn sách lịch sử: lịch sử nói về những gì đã hiện hữu – không bao giờ một vật thể đang hiện hữu lại có thể biện chính cho hiện hữu của một vật thể khác. Lầm lẫn của tôi, là muốn phục sinh De Rollebon. Một loại sách khác. Tôi không biết rõ là loại nào – nhưng đằng sau những dòng chữ in, đằng sau những trang giấy, người ta phải đoán ra được một cái gì sẽ không hiện hữu, một cái gì sẽ ở trên hiện hữu. Một câu chuyện, chẳng hạn, như nó không thể xảy đến, một cuộc phiêu lưu. Nó phải đẹp và rần

như thép và phải làm cho con người xấu hổ vì hiện hữu của họ.

Tôi bỏ đi, tôi cảm thấy mình bất quyết. Tôi không dám quyết định. Nếu tôi chắc rằng mình có tài... Nhưng chưa bao giờ – chưa bao giờ tôi đã viết gì về loại này; những bài về lịch sử, vâng, và còn nữa. Một quyển sách. Một cuốn truyện. Và sẽ có những người đọc quyển truyện đó và bảo: “Chính Antoine Roquentin đã là tác giả cuốn này, hẳn là một gã tóc hoe lê lét trong các quán cà phê”, và họ nghĩ đến đời sống tôi như tôi đang nghĩ đến đời sống của người nữ ca sĩ da đen này: như nghĩ đến một cái gì quý báu và hơi huyền hoặc. Một cuốn sách. Dĩ nhiên, thoát tiên nó chỉ là một công việc đầy buồn chán và làm ta mệt mỏi, nó không ngăn cản tôi tiếp tục hiện hữu và cảm nghiệm rằng mình đang hiện hữu. Nhưng sẽ có một lúc mà cuốn sách được viết xong, cuốn sách ở đằng sau tôi và tôi nghĩ rằng một chút ánh sáng rực rỡ của nó sẽ rọi xuống quãng đời quá khứ của tôi. Lúc bấy giờ, xuyên qua nó, có lẽ tôi có thể nhớ lại mà không kinh tởm cuộc đời của mình. Có lẽ vào một ngày nào đó, khi nghĩ đến đúng giờ phút này, cái giờ phút ừ ê, cái giờ phút mà, lưng khòm xuống, tôi đang chờ lúc để leo lên tàu, có lẽ tôi sẽ cảm thấy tim mình đập nhanh

hơn và tôi tự nhủ mình: "Chính vào ngày đó, giờ đó, mọi sự đã khởi đầu" và tôi sẽ đi đến dĩ vãng, chỉ toàn là dĩ vãng – chỗ tự chấp nhận mình.

Màn đêm buông xuống. Ở tầng nhất của khách sạn Printania, hai khung cửa sổ vừa bật sáng. Con lộ nhỏ dẫn đến nhà ga mới bốc lên nồng nặc mùi gỗ ẩm: ngày mai, mưa sẽ rơi trên thành phố Bouville.

Phát hành tại:  
Hệ thống SÁCH HÀ NỘI  
245 Nguyễn Thị Minh Khai. Q1. Tp HCM  
146 Trần Huy Liệu. Q.Phú Nhuận. Tp HCM  
41 - 43 Phạm Ngũ Lão. Q1. Tp HCM

buồn nôn  
JEAN PAUL SARTRE  
Phùng Thăng dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN  
90 Kỳ Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Q. 1, Tp. HCM  
Đt: (848) 8216009 - 9142419  
Fax: (848) 9142890  
Email: nxbsaigon@vnn.vn - bientapvhsg@yahoo.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
ĐỖ THỊ PHẤN  
*Biên tập:* Ngô Liêm Khoan  
*Sửa bản in:* Văn Khoa  
*Kỹ thuật vi tính:* Anh Dũng  
*Thiết kế bìa:* Uyên Nghi

Liên kết xuất bản:  
Cty TNHH TM-DV Văn Hóa CỬU ĐỨC  
SÁCH HÀ NỘI  
245 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, Tp. HCM  
Đt/Fax: 08. 8322047  
Website: sachhanoi.com

---

*In lần thứ nhất. Số lượng 1000 cuốn, Kích 12x20cm.*

*Tại: Xi nghiệp in Fahasa*

*Số đăng ký KHXB: 199-2008/CXB/20-04/VHSG*

*Ngày 06/03/2008. In xong và nộp lại chiều quý 2 năm 2008*



Tác phẩm “Buồn nôn” (La Nausée, 1938) là một trong số những tác phẩm giá trị nhất của nền văn học thế kỷ thứ XX, đồng thời cũng là tác phẩm thuộc vào loại khó đọc, vì ngoài giá trị về phương diện thẩm mỹ, tác giả còn muốn đưa ta chạm mặt thực sự với một trực giác nguyên ủy, làm trung tâm điểm cho nền hiện sinh vô thần của ông: trực giác về hiện hữu của sự vật.

Tất cả cố gắng của Roquentin – nhân vật chính và cũng là tác giả tập Nhật ký này – nhằm xoáy sâu cái nhìn, xuyên thủng qua những lần vỏ ngoài bao bọc, để đạt đến tri kiến đích thực về bản chất của thực tại. Tri kiến ấy là tri kiến của hiện tính (existence) của vạn vật. Sự vật hiện hữu. Sự hiện hữu ấy mang tính chất lẫm lì, dày đặc, bất khả giải ngộ và ngẫu nhiên. Chính cái tính cách bất tất (contingence) của sự vật là chất men gợi dậy cơn Buồn Nôn. Người ta bị đẩy vào trong cõi bao la đồng nhất của hiện hữu, một hiện hữu thoát vượt ra ngoài mọi tương quan để chỉ còn giữ lại mối tương quan duy nhất là tính chất “dư thừa” của những sự vật với nhau. Tất cả là dư thừa nên tất cả đều là phi lý. Mọi sự đều phi lý: đây không phải là tiếng kêu phẫn hận với cuộc đời mà là một nỗi cay đắng âm thầm phát sinh từ trực giác về hiện hữu của sự vật. Sống cho tận cùng nỗi cay đắng ấy, con người lại tìm thấy sinh lộ giải phóng: trực giác về hiện hữu dẫn đến sự khước từ Thượng đế và tự do trong trách nhiệm để tự thể hiện lấy vận mệnh của mình. Người ta đã có lý khi xem “Buồn nôn” là khai từ thơ mộng cho thiên triết luận Hữu thể và Vô thể (l’Etre et le Néant. 1943), hồng tâm của tư tưởng Sartre.

**Giá: 70.000đ**